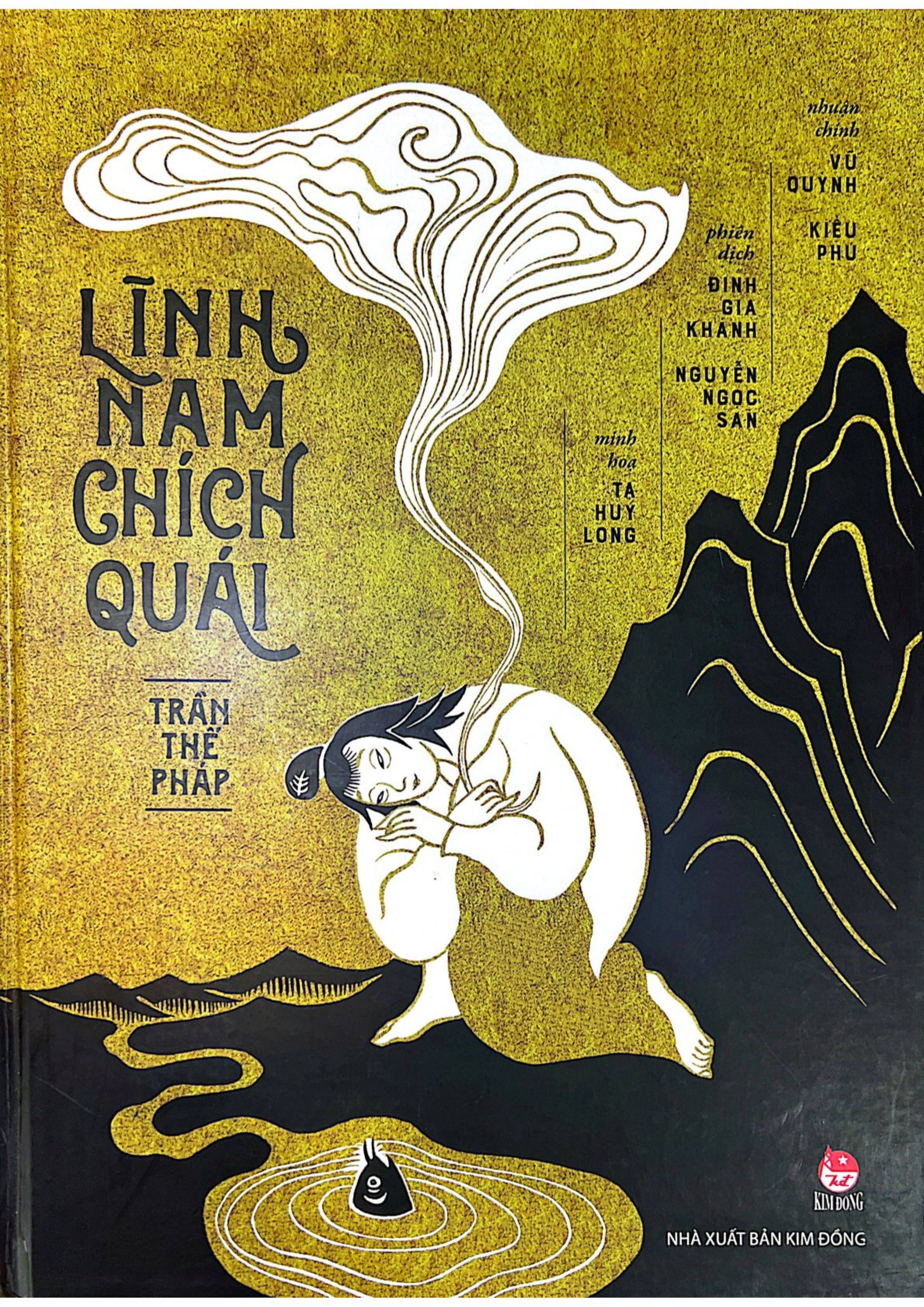

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI

TRẦN THẾ PHÁP

nhuận chính VŨ QUỲNH, KIỀU PHÚ

phiên dịch ĐINH GIA KHÁNH, NGUYỄN NGỌC SAN

minh họa TẠ HUY LONG

KIM ĐỒNG

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI

Xuất bản theo Hợp đồng sử dụng tác phẩm giữa
Nhóm dịch giả và Nhà xuất bản Kim Đồng, 2017.

Bản quyền hình ảnh bìa, minh họa thuộc về Nhà xuất bản Kim Đồng.

Biên mục trên xuất bản phẩm của Thư viện Quốc gia Việt Nam

Trần Thế Pháp
Lĩnh Nam chích quái / Trần Thế Pháp ; Minh hoạ: Tạ Huy Long ; Dịch: Đinh Gia Khánh, Nguyễn Ngọc San. - Tái bản lần thứ 5. - H. : Kim Đồng, 2022. - 260 tr. : tranh màu ; 32 cm
ISBN 978-604-2-25845-6

1. Văn học dân gian 2. Truyện dân gian 3. Việt Nam
398.209597 - dc23

KDM3590p-CIP

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI

(Tái bản lần thứ 5)

NHÀ XUẤT BẢN KIM ĐỒNG
55 Quang Trung – Hà Nội. ĐT: 024 3943 4730 – 024 3942 8632
Website: http://www.nxbkimdong.com.vn – Email: info@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI MIỀN TRUNG
102 Ông Ích Khiêm – TP. Đà Nẵng. ĐT: 0236 3812 333 – 0236 3812 335
Email: cnkimdongmt@nxbkimdong.com.vn

CHI NHÁNH NXB KIM ĐỒNG TẠI TP. HỒ CHÍ MINH
248 Cống Quỳnh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh. ĐT: 028 3925 1001 – 028 3925 0987
Email: cnkimdong@nxbkimdong.com.vn

Chịu trách nhiệm xuất bản: Giám đốc BÙI TUẤN NGHĨA
Chịu trách nhiệm nội dung: Tổng Biên tập VŨ THỊ QUỲNH LIÊN
Biên tập: NGUYỄN THANH HƯƠNG
Trình bày: KỲ NAM, VĂN TRƯỜNG NHỰT
Trình bày bìa: KỲ NAM
Chế bản: NGUYỄN MẠNH LINH
Sửa bài: NGUYỄN HƯƠNG LAN

In và gia công 1.500 bản – Khổ 24 cm x 32 cm – Tại Công ty TNHH In và DVTM Phú Thịnh
Văn phòng: Số 22/3 ngõ 89 Lạc Long Quân, phường Nghĩa Đô, Cầu Giấy, Hà Nội
Địa chỉ sản xuất: Lô B2-2-5 KCN Nam Thăng Long, Bắc Từ Liêm, Hà Nội
Số xác nhận đăng kí xuất bản: 168-2022/CXBIPH/171-4/KĐ cấp ngày 17/01/2022
Quyết định xuất bản số: 230/QĐKĐ kí ngày 24/01/2022
In xong và nộp lưu chiểu quý 1/2022
ISBN 978-604-2-25845-6

LĨNH NAM CHÍCH QUÁI

SG, tháng 4/2021

– Cuộc sống luôn là những sự lựa chọn
của chính mình –

Mai Thảo

LỜI NHÀ XUẤT BẢN

Trong hành trình tìm lại và truyền giữ những tác phẩm tiêu biểu của nền văn học nước nhà, chúng tôi đặc biệt chú ý đến *Lĩnh Nam chích quái*. Soạn giả Vũ Quỳnh – một trong hai người ghi chép lại những truyện trong *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện* nói rằng khi chép xong những truyện này, ông đã "ôm lấy mà đọc". Điều đó chứng tỏ sức hấp dẫn đặc biệt của tác phẩm. Trong lần xuất bản này, chúng tôi mong muốn giữ lại gần như nguyên vẹn nội dung tác phẩm của các tác giả qua bản dịch của học giả Đinh Gia Khánh và Nguyễn Ngọc San.

Ở *Lĩnh Nam chích quái* có nhiều truyện mang những tư tưởng, tình cảm rất phóng khoáng. Quả đây là tấm gương phản chiếu đời sống tinh thần ở một thời kì mà mối quan hệ đạo lí giữa người với người còn cởi mở, chưa bị những khuôn sáo, tín điều gò bó quá chặt chẽ. Lại có những truyện chịu sự hạn chế của ý thức hệ phong kiến, nhất là các truyện do các soạn giả đời sau thêm vào. Song nhìn chung, toàn bộ tập truyện vẫn thấm nhuần một tinh thần nhân đạo chủ nghĩa của văn học dân gian. Có thể ít nhiều thấy được ở đó thái độ yêu ghét của nhân dân: yêu chính nghĩa, ghét phi nghĩa, yêu điều thiện, ghét điều ác, đề cao những mối quan hệ tốt đẹp thủy chung giữa người với người.

Đặc biệt hơn cả, bạn đang cầm trên tay ấn bản *Lĩnh Nam chích quái* đầu tiên và duy nhất ở Việt Nam có tranh minh họa màu đẹp, độc và lạ. Đó là sản phẩm của quá trình sáng tạo không ngừng nghỉ trong suốt thời gian dài của họa sĩ Tạ Huy Long, xuất phát từ nguồn cảm hứng đặc biệt với tác phẩm *Lĩnh Nam chích quái*, và từ mong muốn của Nhà xuất bản chúng tôi đưa một ấn phẩm độc đáo tới tay bạn đọc. Với những tâm huyết như vậy, chúng tôi hi vọng bạn đọc sẽ thêm hiểu và yêu quý, trân trọng những di sản mà ông cha để lại cho chúng ta.

LỜI GIỚI THIỆU

Lĩnh Nam chích quái[1] là một tập sách ghi chép những truyền thuyết và những truyện cổ tích của nước ta. Tác phẩm viết bằng chữ Hán xuất hiện rất sớm, có lẽ từ đời Trần.

Cũng như một số tác phẩm cổ đại của ta, *Lĩnh Nam chích quái* truyền được đến ngày nay đã phải chịu đựng rất nhiều lần thêm vào, bớt đi, sửa chữa lại của các nhà nho. Ai là người đầu tiên đã biên soạn sách này? Điều đó khó mà xác định được, với tình hình tài liệu hiện có.

Những tên tuổi thường hay được nhắc đến cùng với *Lĩnh Nam chích quái* là Trần Thế Pháp, Vũ Quỳnh và Kiều Phú. Trong *Kiến văn tiểu lục*[2], Lê Quý Đôn viết về *Lĩnh Nam chích quái* có đoạn như sau: "Sách *Lĩnh Nam chích quái*, tục truyền là do Trần Thế Pháp viết, sách *Thiếu vi nam bản* cũng nói như vậy. Chúng ta không rõ Thế Pháp người ở đâu. Hiện nay chỉ được thấy bài nói đầu của Vũ Quỳnh..." Căn cứ vào ý kiến này thì hình như Trần Thế Pháp là tác giả của *Lĩnh Nam chích quái*. Trong *Công dư tiệp ký*[3], Vũ Phương Đề có viết về Vũ Quỳnh như sau: *"Ông là người bác học, hiếu cổ, có đặc tài soạn thuật, thường kiêm chức Đô tổng tài Sử quán, có sách Đại Việt thông giám thông khảo... truyền ở đời, lại cùng với Trần Thế Pháp soạn Lĩnh Nam chích quái".*

Vũ Quỳnh tự Thủ Phác, hiệu Đốc Trai, lại có hiệu khác là Yến Xương, người làng Mộ Trạch, huyện Đường An, Hải Dương, sinh năm 1453, đậu tiến sĩ năm 26 tuổi (niên hiệu Hồng Đức thứ 9, 1478) làm quan đến Lễ bộ thượng thư, khi về trí sĩ trên đường trở lại quê nhà, bị cướp giết chết (1516). Ông có soạn nhiều tác phẩm: bộ sử *Việt giám thông khảo,* tập thơ *Tố Cầm,* tập truyện *Lĩnh Nam chích quái,* và sách *Đại thành toán pháp.* Nếu căn cứ vào ý kiến của Vũ Phương Đề mà cho rằng Trần Thế Pháp cùng soạn *Lĩnh Nam chích quái* với Vũ Quỳnh, thì tất phải công nhận rằng ông sống cùng thời với Vũ Quỳnh, tức là vào thế kỷ thứ 15. Nhưng nếu hiểu một cách rộng rãi ý kiến của Vũ Phương Đề và đồng thời chú ý đến ý kiến của Lê Quý Đôn đã nêu ở trên kia thì cũng có thể nghĩ rằng Trần Thế Pháp là người đầu tiên đã soạn *Lĩnh Nam chích quái,* và về sau Vũ Quỳnh đã dựa vào nguyên bản của Trần Thế Pháp mà soạn lại sách đó[4]. Hiểu như vậy thì có thể cho rằng Trần Thế Pháp sống trước thời đại Vũ Quỳnh, nhưng cụ thể là vào khoảng những năm nào thì chưa có thể xác định được. Hiện nay, căn cứ vào một vài bản chép tay, chúng ta được biết

thêm rằng Trần Thế Pháp có hiệu là Thức Chi, quê ở Thạch Thất, Sơn Tây. Dầu sao thì sự hiểu biết của chúng ta về Trần Thế Pháp vẫn rất là hạn chế; vả lại dầu ông có soạn *Lĩnh Nam chích quái* thì nguyên bản của ông cũng không còn lưu lại đến ngày nay. Những bản *Lĩnh Nam chích quái* còn truyền đến ngày nay đều là căn cứ vào bản của Vũ Quỳnh và Kiều Phú. Kiều Phú hiệu Hiếu Lễ, người làng Lạp Hạ, huyện An Sơn, tỉnh Sơn Tây, sinh năm 1450, đậu tiến sĩ năm Hồng Đức thứ 6 (1475). Trong sách *Đăng khoa lục bị khảo,* phần Sơn Tây, An Sơn viết về ông, có đoạn như sau: "... lại cùng Vũ Quỳnh người Đường An, soạn *Lĩnh Nam chích quái*[5]. Kiều Phú sống đồng thời với Vũ Quỳnh, cho nên những điều viết trong thư tịch cổ nói đến sự cộng tác giữa hai ông để soạn sách *Lĩnh Nam chích quái* có thể tin được. Hình như hai người đã phân công với nhau, Vũ Quỳnh viết bài tự (viết vào mùa xuân năm Hồng Đức thứ 23 - 1492) và Kiều Phú viết bài hậu tự (viết vào mùa thu năm Hồng Đức thứ 24 - 1493) cho sách Lĩnh *Nam chích quái*[6].

Có một điều đáng chú ý là trong cả hai bài đó đều không thấy nhắc gì đến tên Trần Thế Pháp lại cũng không nói đến việc cộng tác giữa họ Vũ và họ Kiều. Vũ Quỳnh và Kiều Phú đều nói rõ ràng đã sưu tập tài liệu của người đời trước để soạn lại sách *Lĩnh Nam chích quái,* nhưng tên tác giả đời trước thì không biết. Vũ Quỳnh viết: *"Những truyện chép ở đây là sử ở trong truyện chăng, lai lịch ra sao, có từ thời nào, tên họ người đã hoàn thành đều không thấy ghi rõ. Viết ra đầu tiên là những bậc tài cao học rộng ở đời Lý, Trần. Còn những người nhuận sắc là các bậc quân tử bác nhã hiếu cổ ngày nay."* Như vậy thì trước Vũ Quỳnh, sách *Lĩnh Nam chích quái* đã được nhiều người, qua nhiều thời đại soạn ra; những "bậc tài cao học rộng ở đời Lý, Trần", Vũ Quỳnh không tìm được tên họ, chính là vì sau cuộc xâm lăng và tàn phá của giặc Minh[7], sách *Lĩnh Nam chích quái* đã bị lâm vào tình trạng tam sao thất bản. Vũ Quỳnh không nêu tên "các bậc quân tử bác nhã, hiếu cổ ngày nay", nhưng ta cũng có thể nghĩ rằng ông đã sử dụng những tài liệu vốn được nhiều người đương thời nhuận sắc rồi chăng?

Vũ Quỳnh và Kiều Phú lại làm cái việc nhuận sắc ấy một lần nữa. Vũ Quỳnh viết: *"Hồng Đức, mùa xuân, tháng hai năm Nhâm Tý, kẻ ngu này mới chép được truyện cũ, ôm lấy mà đọc, nghĩ không tránh khỏi chữ nọ xọ chữ kia, cho nên quên mình dốt nát, đem ra hiệu chính xếp thành hai quyển, đặt tên là Lĩnh Nam chích quái liệt*

truyện, cất ở trong nhà để tiện quan lãm. Còn như việc khảo chính nhuận sắc, làm sáng truyện, gọt văn chắp lời rũa ý thì chư vị quân tử hiếu cổ lại không có ai hay sao?" Xem như vậy, thì tuy Vũ Quỳnh có dè dặt, nhưng ông cũng đã ít nhiều sửa lại những truyện cũ. Kiều Phú, khác với Vũ Quỳnh, đã sửa chữa nhiều hơn. Trong bài hậu tự, ông viết: "*... Cho nên, kẻ ngu này tham khảo thêm sách khác thêm ý riêng của mình chữa lại cho đúng, biện chính những điều sai lầm của thuở trước, cho khỏi tiếng chê cười của đời sau, lại gọt bớt chỗ rườm rà theo chỗ giản dị để sách tiện mang cất, coi xem..."* Hai người đã sửa chữa những truyện cũ, nhưng qua những lời trích dẫn ở trên thì hình như không có cộng tác với nhau khi làm việc đó. Có thể là Vũ Quỳnh đã sơ bộ sửa một lần và viết bài hậu tự mùa xuân năm trước, rồi Kiều Phú lại chữa một lần nữa và viết bài hậu tự mùa thu năm sau chăng? Ngày nay, chúng ta không rõ phần nào là nguyên bản, phần nào là của Vũ Quỳnh đã sửa lại, phần nào là của Kiều Phú đã chữa lại.

Sau thế kỷ thứ 15, sau Vũ Quỳnh và Kiều Phú, sách *Lĩnh Nam chích quái* lại bị sửa chữa thêm bớt nhiều lần. Theo như bài tự của Vũ Quỳnh thì ông đã xếp những truyện cũ thành 2 quyển. Sang đời Mạc, một nhà nho họ Đoàn lại thêm một quyển thứ ba nữa. Sang thế kỷ thứ 18, Vũ Khâm Lân cũng tham gia vào việc thêm truyện mới cho *Lĩnh Nam chích quái*. Chắc chắn rằng từ thế kỷ thứ 16 đến thế kỷ thứ 19, còn nhiều nhà nho khác mà ta không biết tên dần dần chép thêm những truyện mới vào sau những truyện mà người trước đã chép. Vì vậy có những tên như *Lĩnh Nam chích quái liệt truyện khảo chính, Lĩnh Nam chích quái tiếm đính,* có những phần tục bổ, tục biên ở cuối nhiều bản *Lĩnh Nam chích quái.*

Căn cứ vào 9 bản *Lĩnh Nam chích quái* khác nhau, mỗi bản chép một số truyện không giống hẳn với các bản khác, bản ít nhất chép 22 truyện, bản nhiều nhất chép đến 42 truyện, chúng tôi thấy có tất cả 76 truyện khác nhau. Trong số 76 truyện đó chỉ có một số truyện là do Vũ Quỳnh, Kiều Phú sưu tập.

Theo Phan Huy Chú (*Lịch triều hiến chương loại chí* quyển 45) nguyên bản của Vũ Quỳnh - Kiều Phú gồm 22 truyện, tập hợp trong hai quyển, còn một quyển thứ ba thêm về sau thì gồm 19 truyện. Căn cứ vào bài tự của Vũ Quỳnh và bài hậu tự của Kiều Phú thì con số 22 đó có lẽ gần đúng. Trong bài tự của mình, Vũ Quỳnh có nhắc đến từng truyện với ý nghĩa của nó. Các truyện

ông kể ra là *Họ Hồng Bàng, Dạ Thoa, Bạch trĩ, Rùa vàng, Cây cau, Dưa hấu, Bánh chưng, Hà Ô Lôi, Đổng Thiên Vương, Lý Ông Trọng, Nhất Dạ Trạch, Giếng Việt, Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không, Dương Không Lộ và Nguyễn Giác Hải, Ngư tinh, Hồ tinh, Hai Bà Trưng, Thần núi Tản Viên, Nam Chiếu, Man Nương, Tô Lịch, Mộc tinh.* Thứ tự này có lẽ cũng là thứ tự mà soạn giả đã sắp xếp các truyện trong hai quyển của *Lĩnh Nam chích quái*. Trong bài hậu tự, Kiều Phú cũng nêu lên từng truyện với ý nghĩa của nó. Các truyện ông kể đến là: *Họ Hồng Bàng, Nam Chiếu, Tô Lịch, Rùa vàng, Ngư tinh, Hồ tinh, Mộc tinh, Bánh chưng, Long Nhãn, Bạch trĩ, Đổng Thiên Vương, Lý Ông Trọng, Dưa hấu, Cây cau, Nhất Dạ Trạch, Giếng Việt, Hà Ô Lôi, Dạ Thoa, Thần núi Tản Viên, Man Nương, Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không, Dương Không Lộ và Nguyễn Giác Hải*. Thứ tự mà Kiều Phú đã theo không giống như thứ tự mà Vũ Quỳnh đã theo, nhưng số truyện hai người kể ra đều là con số 22 cả. Trong số 22 truyện mà Vũ Quỳnh đã nêu lên thì có 1 truyện không nêu ở bài hậu tự của Kiều Phú: đó là *truyện Hai Bà Trưng*. Trong số 22 truyện mà Kiều Phú đã nêu lên thì có 1 truyện, không nêu ở bài tự của Vũ Quỳnh: đó là *truyện Long Nhãn*. Như vậy, đem tổng cộng số truyện mà cả hai ông nhắc đến thì ta có con số 23 chứ không phải 22 như Phan Huy Chú đã viết. Nghiên cứu 9 bản *Lĩnh Nam chích quái* khác nhau, chúng tôi thấy đại đa số trong 23 truyện đó đều có chép ở trong cả 9 bản[8]. Ngược lại, trong số hơn 50 truyện khác thì không có truyện nào được chép ở trong cả 9 bản; hơn nữa, có truyện chỉ được chép trong 1 hoặc 2 bản thôi. Điều đó chứng tỏ rằng 9 người chép sách *Lĩnh Nam chích quái* đó, người nào cũng chép 23 truyện kể ở trên đã - vì đó là phần cốt yếu - rồi sau đó mới tự ý thêm vào các truyện khác, bản này thêm truyện này bản kia thêm truyện khác. Tóm lại, 23 truyện đó đã được tất cả mọi người coi như thuộc *Lĩnh Nam chích quái* từ lâu rồi, và đó là nội dung đã cố định hoá của sách ấy từ thế kỷ thứ 15. Sau khi xem xét kỹ cả 9 bản, chúng tôi chọn một bản có ghi chép 22 truyện (số sách A.33, Thư viện khoa học) làm bản chính để dịch. Bản này cũng chia *Lĩnh Nam chích quái* làm 2 quyển (thượng và hạ) như Vũ Quỳnh đã viết trong bài tự, số truyện ở trong đó phù hợp với số truyện mà Vũ Quỳnh và Kiều Phú đã nêu lên trong các bài tự và hậu tự, chỉ thiếu có 1 truyện. Bản này tương đối cổ (hay ít ra thì cũng sao lại theo một bản cổ), chép vào năm Chính Hoà thứ 16, tức là

năm 1695 đời Lê Hy Tông (ở tờ đầu có ghi: *Chính Hoà thập lục tuế, tại Đinh Sửu, trọng đông, cốc nhật*). Trong bản này, các truyện đã được sắp xếp như sau: quyển thượng gồm các truyện *Họ Hồng Bàng, Ngư tinh, Hồ tinh, Mộc tinh, Đổng Thiên Vương, Cây cau, Nhất Dạ Trạch, Bánh chưng, Dưa hấu, Bạch trĩ;* quyển hạ gồm các truyện *Lý Ông Trọng, Giếng Việt, Rùa vàng, Hai Bà Trưng, Man Nương, Nam Chiếu, Tô Lịch, Thần núi Tản Viên, Hai vị thần Long Nhãn, Như Nguyệt, Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không, Dương Không Lộ và Nguyễn Giác Hải, Hà Ô Lôi*. Ở bản này chỉ thiếu truyện *Dạ Thoa*, nếu đem đối chiếu với số truyện mà Vũ Quỳnh và Kiều Phú đã nói đến. Chúng tôi đã lấy truyện *Dạ Thoa* ở một bản khác (số sách A.750, Thư viện khoa học) và đặt vào đầu phần phụ lục. Như vậy là chỉ cần thêm *truyện Dạ Thoa* vào số truyện trong bản A.33 là chúng ta có đủ 23 truyện mà Vũ Quỳnh và Kiều Phú đã sưu tập từ thế kỷ thứ 15. Những truyện này không chắc đã giữ được toàn vẹn nguyên văn của hai soạn giả đó. Chúng tôi đã đối chiếu các truyện của bản A.33 (lấy làm bản chính) với 8 bản kia và thấy rằng cũng có những sai dị về chi tiết, nhưng về căn bản thì tương đồng. Vì vậy có thể tin rằng các truyện đó đã được cố định hoá từ lâu rồi và chắc cũng gần với nguyên văn của Vũ Quỳnh và Kiều Phú.

Ngoài ra, như ở trên đã trình bày, còn hơn 50 truyện khác, trong số đó có truyện thì được chép vào bản *Lĩnh Nam chích quái* này, có truyện thì được chép vào bản *Lĩnh Nam chích quái* khác, có những truyện thì được người chép sách để sau hai chữ Tục biên hoặc Tục bổ. Chúng tôi đã nghiên cứu kỹ và thấy rằng các truyện đó vốn không phải là thuộc sách *Lĩnh Nam chích quái* mà do người sau chép thêm vào sách đó. Có thể phân các truyện đó làm hai loại chính. Một là: các truyện chép từ *Việt điện u linh tập*[9], một tập sách có trước *Lĩnh Nam chích quái*. *Việt điện u linh* là truyện các vị thần, tác giả đã dựa vào thần tích ở các đền miếu mà viết nên những truyện đó. *Việt điện u linh* có một số truyện cũng xuất phát từ các truyền thuyết dân gian, nhưng nói chung nội dung đã bị phong kiến hoá đi nhiều. Vì vậy, tính chất của nó có khác với tính chất của *Lĩnh Nam chích quái*, một tác phẩm chủ yếu vẫn giữ được tinh thần của văn học dân gian. Trước đây, đa số các nhà nho, các soạn giả có xu hướng coi hai tập sách đó như là cùng chung một tính chất. Với quan niệm như vậy thì việc chép các truyện từ sách này hay sách kia là một điều dễ hiểu. Những truyện như *Sĩ*

vương tiên, Sóc thiên vương, Càn hải tam vị phu nhân, Mỵ Ê, Mục Thận, Không quốc đô thống tá thánh vương truyện, v.v... tất cả trên dưới hai chục, đã được chép từ *Việt điện u linh* sang các bản *Lĩnh Nam chích quái* khác nhau. Hai là: các truyện về nhân vật và sự việc từ thế kỷ thứ 16 trở đi, nghĩa là những truyện xảy ra sau khi *Lĩnh Nam chích quái* của Vũ Quỳnh và Kiều Phú xuất hiện. Những truyện như *truyện Thượng thư Trương Phu Hổ, truyện bảng nhãn Nguyễn Toàn An, truyện lực sĩ Lê Như Hổ,* v.v... các nhân vật sống vào thế kỷ 16, 17 trở đi, đều là những truyện đời sau mà các nhà nho đã thêm vào, "tục bổ" hay "tục biên" vào sách *Lĩnh Nam chích quái.* Các truyện thuộc loại này rất nhiều. Hiện nay, với 9 bản *Lĩnh Nam chích quái,* chúng tôi đã thấy có đến trên dưới ba chục truyện như vậy. Trước đây, có một bản *Lĩnh Nam chích quái tiếm đính* gồm 5 quyển; bản đó hiện nay đã mất. Soạn giả vô danh của bản đó đã nói thẳng là tiếm đính, tức là "lạm thêm" vào sách *Lĩnh Nam chích quái* của người trước. Phần tiếm đính như vậy gồm 3 quyển; chúng tôi chắc rằng nếu tìm thấy bản này, ta sẽ thấy số truyện thêm vào không phải chỉ là hơn 50 truyện như đã kể ở trên. Trong một bản *Lĩnh Nam chích quái* (số sách VHv 1266, Thư viện khoa học), thấy ở cuối có chép một phần gọi là *Phụ dị văn* (lại chú thích thêm: *Nam hải dị văn). Dị văn* hay *Nam hải dị văn* là tên một bộ sách khác chăng? Dầu sao thì như vậy người chép cũng đã nêu rõ là phần đó không thuộc *Lĩnh Nam chích quái.* Đây là một trường hợp hãn hữu mà người chép sách ghi rõ xuất xứ của những truyện thêm vào nguyên bản của *Lĩnh Nam chích quái.* Phần *Phụ dị văn* gồm 35 truyện[10] trong đó có những truyện về *Phùng Khắc Khoan, Tả Ao, Nguyễn Công Hãng, Nguyễn Thị Điểm,* v.v... tức là những truyện về các nhân vật thuộc các thế kỷ 16, 17, 18.

Tóm lại, *Lĩnh Nam chích quái* xuất hiện từ đời Lý, Trần, có lẽ do nhiều thế hệ nhà nho dần dần viết nên. Sang đời Lê sơ cuối thế kỷ thứ 15, Vũ Quỳnh và Kiều Phú đã dựa vào các tài liệu đời trước, sửa chữa, sắp xếp lại và hoàn thành sách đó với 2 quyển và 23 truyện. Từ thế kỷ thứ 16 cho đến thế kỷ thứ 19 nhiều nhà nho khác đã dựa vào sách của Vũ Quỳnh và Kiều Phú làm cốt, rồi cứ thêm dần mãi những truyện khác vào, hoặc là những truyện ở *Việt điện u linh,* hoặc là những truyện từ đời Lê trở về sau. Chúng tôi chủ trương giới thiệu những truyện do Vũ Quỳnh và Kiều Phú soạn, cho nên đã bỏ ra ngoài phần chính của sách này những truyện

khác ấy. Những truyện ấy một phần lớn là truyện mê tín, dị đoan: hoặc là truyện ma quỷ như *truyện thần hổ, truyện yêu tinh, truyện Diêm vương* hoặc là truyện phong thuỷ như *truyện nhà Trần để mả tổ, truyện chó trắng ba chân,* v.v... Tuy vậy, cũng có một số truyện về các nhân vật lịch sử như *truyện Cao Lỗ, truyện Mỵ Ê, truyện Phùng Hưng, truyện Đinh Tiên Hoàng,* v.v... Ngoài ra, có một số truyện khác tuy kỳ quái nhưng thực là những truyện cổ kỳ thú như *truyện Vọng Phu sơn thần, truyện Tiên Du Kim ngưu, truyện Long Đỗ vượng khí,* v.v... Chúng tôi đã dịch một số truyện trong hơn 50 truyện và đặt vào cuối phần phụ lục.

Lĩnh Nam chích quái là một tập truyền thuyết và truyện cổ tích. Vũ Quỳnh và Kiều Phú đều nhận rõ tính chất dân gian của những truyện đó. Trong bài tự của mình, Vũ Quỳnh viết: *"Than ôi! Lĩnh Nam liệt truyện sao không khắc vào đá, viết vào tre mà chỉ truyền tụng ở ngoài bia miệng. Từ đứa trẻ đầu xanh đến cụ già tóc bạc đều truyền tụng và yêu dấu, lấy đó làm răn tất là có quan hệ đến cương thường, phong hoá..."* Trong bài hậu tự của mình Kiều Phú viết: *"Nước Việt ta từ thời Thập nhị sứ quân trở về trước, văn hiến còn chưa sáng tỏ, nhưng những sự tích của quốc gia vốn luôn luôn thấy ở trong Thốc thuỷ thông giám và lịch triều sử. Cho đến những sự lạ của núi sông, của nhân vật tuy không chép trong sử sách, nhưng bia miệng không ngoa, những bậc học rộng đời sau góp lại, lượm lặt mà biên chép thành truyện, tất cả được bấy nhiêu thiên sách,..."*

Như vậy thì những truyện chép ở trong *Lĩnh Nam chích quái* vốn đã được truyền khẩu ở trong dân gian từ lâu đời rồi, về sau mới được các nhà nho dần dần sưu tập và viết lại. Trong các truyện này có những truyện xuất hiện rất sớm, đó là những thiên thần thoại từ thời thái cổ như *truyện Họ Hồng Bàng, truyện Tản Viên, truyện Đổng Thiên Vương,* v.v...; lại có những truyện cổ tích thời Bắc thuộc như *truyện Giếng Việt, truyện Nam Chiếu,* v.v...; thời Lý, Trần như *truyện Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không, truyện Hà Ô Lôi,* v.v... Các truyện đó hoặc là gắn với nguồn gốc dân tộc như *truyện Họ Hồng Bàng, truyện Ngư tinh, truyện Hồ tinh, truyện Mộc tinh,* hoặc là có liên quan với những phong tục tập quán lâu đời của dân tộc như *truyện Bánh chưng, truyện Cây cau,* hoặc là có liên quan với những di tích văn hoá cổ đại của dân tộc như *truyện Rùa vàng* thì gắn với thành Cổ Loa, *truyện Hai vị thần Long Nhãn, Như Nguyệt* thì gắn với 290 ngôi đền ở ven bờ sông Cầu và sông Thương,

hoặc là có liên quan với những nhân vật lịch sử như *truyện Hai Bà Trưng, truyện Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không,* v.v...

Như vậy thì các truyện trong *Lĩnh Nam chích quái* chủ yếu là có nguồn gốc ở nước ta. Nhưng xét cho kỹ thì vấn đề không phải là đơn giản. Trong sự giao lưu văn hoá giữa các dân tộc, ảnh hưởng qua lại là một điều tất nhiên. Các truyện cổ dân gian của ta chịu ảnh hưởng của văn hoá nước ngoài và ngược lại cũng có ảnh hưởng đối với văn hoá nước ngoài. Có một số truyện đó lại bắt nguồn từ nước ngoài. Trong sách *Kiến văn tiểu lục,* Lê Quý Đôn có chỉ rõ ảnh hưởng của các truyện Trung Quốc vào *Lĩnh Nam chích quái:* ông cho biết *truyện Giếng Việt* một phần bắt nguồn từ các sách như *Tài quỷ ký* của Trương Quân Phòng đời Tống, *Nam hải cổ tích ký* của Ngô Lai đời Nguyên. Nếu nghiên cứu nguồn gốc *truyện Rùa* vàng, chúng ta cũng thấy ảnh hưởng của truyền thuyết Bắc phương. Ở Ba Thục vốn có truyền thuyết Rùa giúp người xây thành. Chung quanh Thành đô, thủ đô của nước Thục xưa, có một lần thành lớn bao bọc gọi là Quy thành (nghĩa là thành Rùa) do tướng nhà Tần là Trương Nghi xây. Sách *Nguyên hoà chí* có viết về Quy thành như sau: *"Thành do Trương Nghi xây. Lúc đầu xây nhiều lần mà thành đều không đứng vững. Bỗng có một con rùa lớn theo đường vòng quanh mà bò. Có kẻ vu nhân*[11] *bảo nên theo đường rùa đi mà xây. Và thành xây đã đứng vững được. Sách* Sưu thần ký *gọi thành đó là Quy hoá thành."* Sau khi Tần diệt nước Thục và xây thành Quy hoá như vậy, con cháu Thục vương bỏ chạy về phương Nam rồi di cư dần dần, đến thời Thục Phán thì sang đến nước ta. Thục Phán (tức An Dương Vương) thắng Hùng Vương rồi mới xây thành Cổ Loa, xây sau khi Trương Nghi xây thành Quy hoá. *Truyện Rùa vàng giúp Thục Phán xây thành* có liên quan với *truyện Rùa lớn giúp Trương Nghi xây thành.* Chắc rằng *truyện Rùa vàng* có sau đã chịu ảnh hưởng của truyền thuyết Ba Thục có từ trước. Nếu xét trường hợp truyện *Tiên Du Kim ngưu*[12] thì ta thấy rằng tuy có khi truyện cổ của ta không trực tiếp bắt nguồn từ một truyện cổ của Trung Quốc, nhưng lại bắt nguồn từ một phong tục cổ của Trung Quốc. Người Trung Quốc thời xưa có tục đúc hình con trâu nằm bằng kim khí để yểm các nơi sơn xuyên. Theo sách *Từ nguyên* thì vì lý do đó mà nhiều nơi sơn xuyên ở Trung Quốc mang cái tên Kim ngưu. Thơ Lý Bạch có câu: *"Tần khai Thục đạo trí Kim ngưu"* (Nhà Tần mở đường Thục đặt trâu vàng). Từ Miện huyện, tỉnh Thiểm Tây

đến cửa Kiếm Các, tỉnh Tứ Xuyên có một kẽm núi gọi là Kim ngưu hiệp. Ở đó có con đường sạn đạo đi vào đất Thục ấy gọi là Kim ngưu đạo. Ở Vũ Xương có Kim ngưu cương (Gò Trâu vàng). Ở Thường Châu có Kim ngưu đầm (Đầm Trâu vàng). Ở Triết Giang thành phố Hàng Châu, có Tây Hồ cũng gọi là Kim ngưu hồ (Hồ Trâu vàng). Trong *truyện Tiên Du Kim ngưu* ta thấy chép: "*... Có nhà sư lấy tích trượng yểm vào trán trâu vàng, trâu vàng bỏ chạy, húc vào đất làm sụt thành cái hồ. Nơi này sau gọi là Thôn Húc. Trâu chạy đến địa phận Văn Giang, vì vậy ở đây có cái vũng lớn gọi là Vũng trâu đầm. Trâu chạy qua các xã Như Phượng, Như Loan, Đại Lạn, Đại Ngưu. Các xã này sở dĩ có tên như vậy là vì có vết chân trâu đi tới. Trâu lại từ trong bến ra sông Cái, đến Ninh Giang, đi men phủ Lý Nhân, theo ven sông Cái tới sông Tô Lịch, chỗ ấy chính là Tây Hồ.*" Việc trâu vàng ở truyện cổ tích nước ta gắn với những tên đất, tên làng, tên đầm ao, v.v... làm ta nghĩ tới Đường Trâu vàng ở Ba Thục, Gò Trâu vàng ở Vũ Xương, Đầm Trâu vàng ở Thường Châu. Đáng chú ý nhất là nếu như Tây Hồ ở Hà Nội có Trâu vàng chạy vào, thì Tây Hồ ở Hàng Châu cũng có tên gọi là Hồ Trâu vàng. Đó tất không phải là do một sự ngẫu nhiên. Có thể nghĩ rằng tại Trung Quốc vốn có một truyện Kim ngưu nào đó sản sinh ra trên cơ sở tục đúc Trâu vàng yểm sơn xuyên; về sau, truyện Kim ngưu du nhập vào nước ta, Việt Nam hoá đi, gắn liền với các địa danh nước ta chăng? Lại có một cách giải thích khác về nguồn gốc của truyện đó. Trong truyện có nhắc đến việc Cao Biền, quan đô hộ nhà Đường, nhân cưỡi diều giấy bay đi xem xét các nơi sơn xuyên ở nước ta để yểm các nơi danh thắng, đã nhìn thấy Trâu vàng chạy vào Tây Hồ. Hoặc giả Cao Biền cũng đúc Kim ngưu, như ở Trung Quốc, để yểm các nơi sơn xuyên ở nước ta mang tên có liên quan với Trâu vàng. Từ chỗ nhiều nơi mang tên có liên quan với Trâu vàng cũng dễ đi đến chỗ đặt ra truyện Trâu vàng chạy qua các nơi đó để sau cùng chạy vào Tây Hồ. Dầu giải thích theo cách nào thì cũng thấy rõ nguồn gốc Bắc phương của *truyện Tiên Du Kim ngưu*. Trong văn học dân gian của ta, bên cạnh những truyện có nguồn gốc hoặc chịu ảnh hưởng Bắc phương, lại có những truyện có nguồn gốc hoặc chịu ảnh hưởng Nam phương. Ai cũng biết những truyện dân gian nổi tiếng như *Sọ Dừa, Tấm Cám* đã truyền vào nước ta từ các nước Đông Nam Á thuộc văn hoá Ấn Độ. Trong *Lĩnh Nam chích quái* cũng thấy ảnh hưởng của văn hoá Ấn

Độ ở những truyện có liên quan đến Phật giáo. Lại có truyện như *truyện Dạ Thoa* thì rõ ràng là một truyện Chiêm Thành[13] có nguồn gốc Ấn Độ (thần thoại Ramayana). Trong truyện của Chiêm Thành thì nhân vật Ravana lại có tên là "Mười đầu", trong *truyện Dạ Thoa* thì Dạ Thoa Vương còn gọi là Thập đầu Vương; trong truyện của Chiêm Thành thì nhân vật Dacaratha lại có tên là "mười xe", trong *truyện Dạ Thoa* thì vua nước Hồ tôn tinh có tên là Thập Xa Vương. Như vậy chúng ta đã thấy rõ ảnh hưởng của văn hoá nước ngoài vào truyện cổ dân gian, vào *Lĩnh Nam chích quái*.

Đối với một số truyện thì cũng khó mà biết xuất xứ ở đâu, vì các truyện đó đã thuộc di sản văn hoá chung của nhiều nước từ lâu đời rồi. Trong *Lĩnh Nam chích quái*, *truyện Lý Ông Trọng* là một truyện rất cổ, có lẽ cũng cổ như *truyện Rùa vàng*. Truyền thuyết về nhân vật kỳ lạ này vốn lưu truyền trong dân gian nước ta từ trước thời Bắc thuộc, đã được ghi vào thần tích đền làng Trèm, sau đó được chép vào *Việt điện u linh* và cũng được chép vào *Lĩnh Nam chích quái*. Thế mà ở Trung Quốc, danh từ Ông Trọng về sau trở thành một danh từ phổ biến. Sách *Từ nguyên* viết: *"Nguyễn Ông Trọng đời Tần, người Nam Hải, thân dài một trượng ba thước, khí chất đoan dũng, khác với người thường*[14]*. Vua Thuỷ Hoàng sai cầm quân giữ đất Lâm Thao, thanh thế chấn động Hung Nô. Ông Trọng chết. Vua sai đúc tượng đồng, để ở cửa Tư mã môn, coi giữ cung Hàm Dương. Do đó đời sau gọi tượng đồng, tượng đá đều lấy tên Ông Trọng."* Quả có như vậy, hễ đúc tượng đồng lớn thì người ta hay dùng tên Ông Trọng để gọi. Thí dụ: Đời Tam Quốc, vua Nguỵ Minh Đế (Tào Duệ) sai quan bác sĩ Mã Quân phá cột đồng trụ ở Trường An nặng 100 vạn cân đem về đúc thành hai tượng đồng lớn để ở cửa Tư mã môn, cung Lạc Dương và cũng gọi hai pho tượng lớn đó là Ông Trọng. Danh từ riêng Ông Trọng trong truyền thuyết ở Việt Nam đã trở thành một danh từ chung ở Trung Quốc. Không thể nói rằng *truyện Lý Ông Trọng* có ở Trung Quốc trước rồi sau mới truyền sang ta. Nhưng cũng khó mà nói rằng truyện đó đã từ ta truyền sang Trung Quốc: cứ theo như truyện kể thì Ông Trọng có sang làm quan với Tần Thuỷ Hoàng, biết đâu truyền thuyết Trung Quốc lại không sản sinh ra trên cơ sở những sự việc xảy ra chung quanh nhân vật đó lúc ông còn ở Trung Quốc, đang làm quan với nhà Tần?

Lấy lại thí dụ *truyện Hồ tinh* ở *Lĩnh Nam chích quái*. Hồ tinh là con cáo trắng chín

đuôi. Ở Trung Quốc có cáo đỏ chín đuôi. Sách *Thuỵ ứng biên* viết: *"Con Cửu vĩ hồ màu đỏ, bốn chân, chín đuôi, ở nước Thanh Khâu; bắt được nó mà ăn thịt thì sẽ không sợ khí yêu tà và trúng độc nữa."* Sách *Phong Thần diễn nghĩa* lại nói Đát Kỷ, vợ vua Trụ, chính là Cửu vĩ hồ tinh. Tín ngưỡng dân gian của người Hán, của nhiều dân tộc thiểu số ở Hoa Nam, ở Bắc Việt Nam và của người Kinh, thường hình dung con Cửu vĩ hồ tinh là một con yêu gian ác, hay làm hại người. Lại nhắc đến *truyện Rùa vàng,* M.J. Przyluski đối chiếu *truyện Rùa vàng* của ta với những sự tích liên quan đến buổi đầu của đế quốc Phù Nam[15], đã cho rằng *truyện Rùa vàng* có thể tìm thấy một phần nguồn gốc trong kho tàng văn hoá chung của Đông Nam Á *(La princesse à l'odeur de poisson et la nãgĩ, Etudes asiatiques, 1925, II, trang 265s).*

Ở đây chúng tôi không nhằm mục đích đi tìm nguồn gốc các truyện trong *Lĩnh Nam chích quái.* Chúng tôi chỉ muốn chứng tỏ rằng trước khi nêu cao tính chất dân tộc của tác phẩm cũng cần có một cái nhìn toàn diện.

Sau khi nhận định rằng một số truyện trong *Lĩnh Nam chích quái* có thể bắt nguồn từ nước ngoài, chúng ta vẫn khẳng định tính chất dân tộc của tác phẩm. Ngay cả những truyện có nguồn gốc ngoại lai, qua bao đời lưu truyền ở trong dân gian, cũng đã Việt Nam hoá rồi, cũng đã trở thành những truyện cổ Việt Nam từ lâu rồi.

Tính chất dân tộc của *Lĩnh Nam chích quái* gắn chặt với tính chất nhân dân, dầu rằng dưới ngòi bút của nhà nho, các truyện dân gian được chép lại đó ít nhiều nhuốm sắc thái phong kiến.

Vũ Quỳnh và Kiều Phú đã nói lên niềm tự hào dân tộc về những truyện *Lĩnh Nam chích quái.* Vũ Quỳnh viết: *"Quế Hải tuy ở cõi Lĩnh Nam, nhưng núi non kỳ lạ, đất đai linh thiêng, nhân dân anh hào, truyện tích thần kỳ, thường thường vẫn có".* Ông ví sách *Lĩnh Nam chích quái* với sách *Sưu thần tự* của người Tấn và sách *U quái lục* của người Đường. Kiều Phú lại thể hiện rõ hơn niềm tự hào dân tộc ở chỗ muốn so sánh nước ta với Trung Quốc. Ông viết: *"Than ôi! Trời đã sai chim huyền điểu giáng thế sinh ra vua nhà Thương, thì ắt có truyện trăm trứng nở thành con trai chia trị Nam quốc, truyện họ Hồng Bàng không thể mất được."* Đất nước Nam đã kỳ lạ tất có nhân dân anh hào, đã có nhân dân anh hào tất có sự tích vĩ đại; người phương Bắc có những truyện thần kỳ để ca tụng tổ quốc và nhân dân họ, người phương Nam

ta há lại kém sao! Nhà nho yêu nước thủa xưa thường muốn chứng minh rằng nước ta không kém gì Trung Quốc; cách đặt vấn đề như vậy cũng dễ hiểu trong hoàn cảnh giai cấp phong kiến Trung Quốc luôn luôn muốn xâm lược, lấn áp nước ta và khinh thị dân tộc ta. Xét cho kỹ, cách hiểu truyện dân gian của Vũ Quỳnh và Kiều Phú cũng có phần đúng. Các truyện có tính chất thần thoại như *Họ Hồng Bàng, Ngư tinh, Hồ tinh, Mộc tinh, v.v...* giải thích nguồn gốc dân tộc đã nhấn mạnh vào sự cao quý của nguồn gốc đó, ấy là nguồn gốc thần linh, nguồn gốc "Tiên, Rồng". Những truyện như *Đổng Thiên Vương, Lý Ông Trọng, Hai Bà Trưng, Sông Tô Lịch, Thần núi Tản Viên,* v.v... nói lên niềm tự hào về non sông đất nước, về anh hùng lịch sử, đồng thời thể hiện sự phản ứng của nhân dân đối với sự áp bức, khinh thị của phong kiến Trung Quốc trong thời Bắc thuộc. *Thần núi Tản Viên, Thần sông Tô Lịch* đã làm táng đảm kinh hồn tên phù thuỷ lão luyện Cao Biền, quan đô hộ của nhà Đường. Đổng Thiên Vương, một thiếu nhi lớn lên như thổi vì nhiệt tình yêu nước đã quét sạch giặc Ân hung dữ. Lý Ông Trọng, một kẻ thất phu đất Việt đã làm Tần Thuỷ Hoàng phải kính phục, rợ Hung Nô phải run sợ, Triệu Xương và Cao Biền phải kính cẩn phụng thờ. Hai Bà Trưng tuy là phụ nữ mà đã đánh cho Tô Định phải chạy bạt ra biển Đông. Nhân dân ta há chẳng lấy làm vinh dự sống trên đất nước linh thiêng đó, kế tục sự nghiệp của các vị anh hùng đó hay sao? Quan niệm đó chính là quan niệm của nhân dân ngày trước.

Bên cạnh những truyện đó, các truyện *Cây cau, Bánh chưng, Dưa hấu, Man Nương,* v.v... phản ánh sinh hoạt vật chất và tinh thần của dân tộc ta cũng thể hiện lòng yêu quê hương, yêu đất nước với tất cả khí vị đậm đà của phong tục, tập quán lưu truyền hàng bao đời trong nhân dân.

Vũ Quỳnh và Kiều Phú đã đứng trên quan điểm nhà nho để phân tích tư tưởng của các truyện dân gian trong *Lĩnh Nam chích quái*. Vũ Quỳnh cho rằng *truyện Cây cau* biểu dương nghĩa vợ chồng, tình huynh đệ, *truyện Bánh chưng* biểu dương lòng hiếu thảo, Kiều Phú cho rằng Nguyễn Minh Không chữa bệnh cho vua đã tỏ lòng trung nghĩa, v.v... Rồi Vũ Quỳnh thấy rằng như vậy thì các truyện đó *"há chẳng phải khuyên điều thiện trừng điều ác, bỏ giả theo thật, để khuyến khích phong tục đó ru!"* và *"tất là quan hệ đến cương thường, phong hoá"*. Cách hiểu truyện cổ dân gian như vậy đành là đã chịu sự hạn chế của ý thức hệ phong kiến. Các điều mà các ông

gọi là có ích cho "cương thường" chính là tinh thần nhân đạo chủ nghĩa của văn học dân gian. Qua *Lĩnh Nam chích quái,* chúng ta không có thể trực tiếp tìm hiểu tinh thần đó. Vì các truyện đã được nhà nho san định. Tuy vậy, ít nhiều chúng ta vẫn thấy được ở các truyện ấy lòng yêu, ghét của nhân dân, yêu chính nghĩa, ghét phi nghĩa, yêu điều thiện, ghét điều ác, yêu cái gì có lợi cho nhân dân, ghét cái gì có hại cho nhân dân, đề cao những mối quan hệ tốt đẹp giữa người và người.

Các truyện trong *Lĩnh Nam chích quái* tất nhiên cũng có những chỗ yếu như các truyện dân gian nói chung, nhất là vì các truyện đó đã được nhà nho ghi chép lại. Trong những truyện như *Man Nương, Giếng Việt, Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không, Hà Ô Lôi,* v.v... ta thấy rõ ảnh hưởng của mê tín, của Phật giáo, Đạo giáo và Nho giáo. Những chỗ yếu của *Lĩnh Nam chích quái* chỉ là biểu hiện sự hạn chế không tránh được của thời đại. Với nhận thức đầy đủ về sự hạn chế đó, chúng ta vẫn đánh giá cao những truyện trong *Lĩnh Nam chích quái* mà cách đây non năm trăm năm Vũ Quỳnh đã biết *"ôm lấy mà đọc"*. Kiều Phú đã thấy rằng *"đem biểu dương mà nêu ra chẳng là điều nên làm hay sao!"*.

Hà Nội, ngày 1-5-1960

Đinh Gia Khánh - Nguyễn Ngọc San

(Trích lời giới thiệu *Lĩnh Nam chích quái,* Nxb Văn hoá, Hà Nội)

CHÚ GIẢI

[1] Lĩnh Nam chích quái: *Từ trước đến nay, trong các sách quốc ngữ thường viết là Lĩnh Nam trích quái. Viết* **trích** *là sai. Chữ* **chích** *ở đây khác chữ* ***trích*** *(trong trích tuyển, trích lục);* **chích** *chữ Hán gồm bộ thủ bên cạnh chữ thứ, sách Từ nguyên phiên thiết là chỉ-ích,* **chích** *có nghĩa là hái quả, thu lượm. Chữ* **trích** *(trong trích lục) viết khác, sách Từ nguyên phiên thiết là tri-ách. Ở trong sách này, chúng tôi sửa lại một sai lầm đã thành tập quán từ trước đến nay và viết là* **chích.**

Lĩnh Nam chích quái có nghĩa là những truyện kì lạ thu góp được, lượm lặt được ở cõi Lĩnh Nam. Lĩnh Nam là danh từ các sử gia, tác giả Trung Quốc dùng để chỉ những đất đai ở phía Nam núi Ngũ Lĩnh, và như vậy thì Lĩnh Nam, theo nghĩa rộng, bao gồm cả một phần Hoa Nam và nước ta. Ở đây, Lĩnh Nam hiểu theo nghĩa hẹp chỉ gồm nước ta mà thôi.

[2] Kiến văn tiểu lục: *(Ghi chép lại những điều tai nghe mắt thấy), Lê Quý Đôn (1726-1784) đã ghi chép, không theo một thứ tự nhất định, những sở đắc khi đọc các sách Trung Quốc và Việt Nam, những kiến văn liên quan đến mọi mặt sinh hoạt văn hoá từ trước cho đến thế kỷ thứ 18.*

[3] Công dư tiệp ký: *(Những truyện ghi chép nhanh khi nhàn rảnh việc quan) Vũ Phương Đề (1697-17?) đã chép trong đó những tiểu truyện danh nhân (thế gia, danh thần, danh nho, tiết phụ, ca nữ, v.v...) và các vấn đề như âm phần dương trạch (mồ mả nhà ở), danh thắng, thú loại...*

Công dư tiệp ký bản chữ Hán số A.44, Thư viện khoa học, tờ 30a: "Công bác học hiếu cổ, vưu trường ư soạn thuật, thường kiêm sử quán đô tổng tài, hữu Đại Việt thông giám thông khảo... hành vu thế, hựu dữ Trần Thế Pháp soạn Lĩnh Nam chích quái tập."

[4] *Trong phần Phàm lệ sách Việt giám vịnh sử thi tập (hoàn thành năm 1520), Đặng Minh Khiêm có viết: "Trong những năm Hồng Thuận, tôi vào Sử quán, thường trộm có ý muốn thuật cổ, hiềm rằng các sách ở Bí thủ các bị binh hoả nên khuyết mất nhiều. Tôi chỉ còn thấy được toàn tập sách Đại Việt sử ký toàn thư của Ngô Sĩ Liên, Đại Việt sử ký của Phan Phu Tiên, Việt điện u linh của Lý Tế Xuyên, Lĩnh Nam chích quái lục của Trần Thế Pháp..." Căn cứ vào ý kiến của Đặng Minh Khiêm là người sống đồng thời với Vũ Quỳnh, ta thấy Trần Thế Pháp đã soạn Lĩnh Nam chích quái trước Vũ Quỳnh và không hề có sự cộng tác giữa họ Trần và họ Vũ. Hơn nữa, khi đó Vũ Quỳnh làm đô tổng tài Sử quán, tất đã có điều kiện đọc và sử dụng tài liệu của Trần Thế Pháp để ở trong đó khi soạn lại sách Lĩnh Nam chích quái.*

[5] *"... nãi dữ Đường An Vũ Quỳnh đồng soạn Lĩnh Nam chích quái".*

[6] *Hai bài này có dịch ở đây.*

[7] *Hồi đầu thề kỷ thứ 15, sau khi chiếm đóng nước ta, giặc Minh có âm mưu đồng hoá dân ta. Tướng giặc đã cho thu nhặt các sách của ta đem về Kim lăng.*

[8] *Các truyện sau đây chỉ có trong một số bản:* Hà Ô Lôi, Giếng Việt *có ở 8 bản;* Rùa vàng, Dạ Thoa, Ngư tinh, Nam Chiếu *có ở 7 bản;* Hai Bà Trưng *chỉ có ở 6 bản;* Bạch trĩ *chỉ có ở 5 bản.*

[9] Việt điện u linh tập: *tập sách chép những truyện linh thiêng ở nước Việt. Lý Tế Xuyên người đời Trần, đã tập trung trong đó truyện các vị thần ở miếu đền các nơi trong nước, tất cả có 27 truyện.*

[10] *Chúng tôi không kể số 35 truyện này vào trong số 50 truyện kia và người chép đã ghi rõ là không thuộc Lĩnh Nam chích quái.*

[11] Vu nhân: *cô đồng thầy cúng. Vu nhân có một địa vị cao và ảnh hưởng lớn trong thời cổ.*

[12] *Truyện này không phải do Vũ Quỳnh, Kiều Phú soạn, chúng tôi để ở phần Phụ lục.*

[13] *Trong truyện Dạ Thoa ở Lĩnh Nam chích quái, có chú thích rằng nước Hồ tôn tinh là nước Chiêm Thành. Trong bản chép tay A.750, truyện Dạ Thoa lại mang tên là Chiêm Thành truyện.*

[14] *Ở đây chép là Nguyễn Ông Trọng, chứ không chép là Lý Ông Trọng, nhưng bậc dị nhân ở Nam Hải đó chính là thánh Trèm của ta. Sách Từ nguyên chép tóm tắt nhưng không khác Lĩnh Nam chích quái.*

[15] Phù Nam: *một đế quốc lớn, văn hoá Ấn Độ, rất thịnh hồi đầu Công nguyên, bao gồm Mã Lai, Thái Lan, Miến Điện, một phần lớn bán đảo Đông Dương (trừ Bắc và Trung bộ Việt Nam).*

TỰ
TỰA LĨNH NAM CHÍCH QUÁI LIỆT TRUYỆN

Quế Hải tuy ở cõi Lĩnh Nam[16], nhưng núi non kỳ lạ, đất đai linh thiêng, nhân dân anh hào, truyện tích thần kỳ, thường thường vẫn có.

Từ trước thời Xuân Thu, Chiến Quốc, cách thời cổ không xa, phong tục nước Nam còn giản dị, chưa có quốc sử để ghi chép, cho nên nhiều truyện bị mất mát đi. May còn truyện nào không bị thất lạc, riêng được dân gian truyền miệng. Về sau, qua đời Lưỡng Hán, Tam Quốc, Đông Tây Tấn đến Đường, Tống, Nguyên, Minh mới có sử ghi chép các truyện như Lĩnh Nam chí, Giao Châu quảng ký, Giao Chỉ lược chí, *v.v... nhiều sách có thể tham khảo được. Nhưng nước Việt ta, tự cổ vốn là đất hoang, cho nên những chuyện ghi chép được rất là sơ lược. Nước ta khởi đầu từ Hùng Vương đã khá văn minh. Qua Triệu, Ngô, Đinh, Lê, Lý, Trần đến nay đã có quy mô, cho nên việc ghi chép quốc sử được tường tận hơn. Những truyện chép ở đây, là sử trong truyện chăng, lai lịch ra sao, có từ thời nào, tên họ người hoàn thành đều không thấy ghi rõ. Viết ra đầu tiên là những bậc tài cao học rộng ở đời Lý, Trần. Còn những người nhuận sắc là các bậc quân tử bác nhã hiếu cổ ngày nay.*

Kẻ ngu này thử nghiên cứu gốc ngọn, trần thuật lại mà suy xét cho sáng tỏ ý người viết truyện. Xem truyện Họ Hồng Bàng *thì hiểu rõ được lai do việc khai sáng ra nước Hoàng Việt. Truyện* Dạ Thoa *lược thuật về điểm manh nha của nước Chiêm Thành. Có truyện* Bạch trĩ *chép sự tích họ Việt Thường. Có truyện* Rùa vàng *chép sử vua An Dương Vương. Đồ sính lễ quý nhất nước Nam không gì bằng trầu cau[17] cũng lấy đó mà biểu dương nghĩa vợ chồng, tình huynh đệ. Nước Nam Việt về mùa hạ[18] không gì quý bằng quả dưa hấu, cũng dùng đó mà kể truyện tự cậy vật báu của mình, quên cả nghĩa chúa. Truyện* Bánh chưng *vui lòng hiếu dưỡng. Truyện* Ô Lôi *răn thói dâm ô. Đổng Thiên Vương phá giặc Ân, Lý Ông Trọng diệt Hung Nô, mới biết nước Nam ta cũng có người tăm tiếng. Chử Đồng Tử gá nghĩa với Tiên Dung, Thôi Vĩ tao phùng cùng tiên khách, cho nên, ân đức có thể thấy vậy. Những truyện Đạo Hạnh, Không Lộ đáng khen vì báo được thù cha, bọn thần tăng ấy há có thể bị mai một sao? Những truyện Ngư tinh, Hồ tinh nêu rõ sức trừ yêu quái mà ân đức Long Quân không thể quên được vậy! Hai Bà Trưng chết vì trung nghĩa, hoá thành thần minh, ngọn cờ tiết liệt treo cao, ai dám nói không nên? Thần Tản Viên linh thiêng, đức sáng hiển linh, trừ loài thuỷ tộc, điều ấy rõ ràng, ai bảo không phải. Than ôi! Nam Chiếu sau đời Triệu Vũ, nước mất lại có thể phục thù; Man Nương là mẹ Mộc Phật, năm hạn khiến được mưa rào, Tô Lịch là thần đất Long Đỗ, Xương Cuồng là thần cây chiên đàn, một đằng thì lập đàn tế lễ, dân được hưởng phúc, một đằng thì dùng thuốc mà trừ, dân được thoát hoạ, việc tuy kỳ dị mà không quái đản, văn tuy thần bí mà không nhảm nhí, tuy nói những chuyện hoang đường mà tung tích vẫn có bằng cứ, há chẳng phải là khuyên điều thiện, trừng điều ác, bỏ giả theo thật để khuyến khích phong tục đó ru!*

Xem ra thì giống sách Sưu thần tự[19] của người Tấn và sách U quái lục của người Đường. Than ôi! Lĩnh Nam liệt truyện sao không khắc vào đá, viết vào tre mà chỉ truyền tụng ở ngoài bia miệng[20]. Từ đứa trẻ đầu xanh đến cụ già tóc bạc đều truyền tụng và yêu dấu, lấy đó làm răn tất là có quan hệ đến cương thường, phong hoá, ôi! Há đâu phải điều lợi nhỏ!

Hồng Đức, mùa xuân, tháng Hai năm Nhâm Tý, kẻ ngu này mới chép được truyện cũ, ôm lấy mà đọc, nghĩ không tránh khỏi chữ nọ xọ chữ kia, cho nên quên mình dốt nát, đem ra hiệu chính, xếp thành hai quyển, đặt tên là "Lĩnh Nam chích quái liệt truyện" cất ở trong nhà để tiện quan lãm. Còn như việc khảo chính, nhuận sắc, làm sáng truyện, gọt văn, chắp lời, rũa ý thì chư vị quân tử hiếu cổ há không có ai hay sao? Cho nên viết bài tựa này.

Tiết Trung hoà, mùa Xuân,
năm Hồng Đức thứ 23.[21]
Vũ Quỳnh

CHÚ GIẢI

16 Bản A.750 chép: Quế Hải ở Lĩnh ngoại... Quế là danh từ để chỉ tỉnh Quảng Tây ở Trung Quốc. Quế Hải hiểu theo nghĩa rộng cũng có thể cả vùng Nam Hải, tức là chỉ cả nước ta nữa. Lĩnh là Ngũ Lĩnh, năm dải núi ở vùng Hoa Nam (Phúc Kiến, Quảng Đông, Quảng Tây, Hồ Nam). Lĩnh Nam là vùng đất đai ở phía Nam Ngũ Lĩnh, đó là danh từ chỉ chung một phần Hoa Nam và cả nước ta. Lĩnh ngoại là ngoài núi Ngũ Lĩnh; nếu lấy Trung Nguyên của Trung Quốc làm bên trong thì Lĩnh ngoại tức là Lĩnh Nam. (Các số hiệu bản sách, vd: A.750, A.1752... là số hiệu của các bản Lĩnh Nam chích quái ở Thư viện khoa học, Hà Nội - BT)

17 Bản A.750 chép: Theo phong tục nước Nam, đồ sính lễ không có gì quý bằng trầu cau.

18 Bản A.750 chép: Sản vật nước Nam về mùa hạ...

19 Sưu thần tự: tức là sách Sưu Thần Ký của Can Bảo đời Tấn, chép các truyện về Thần. có 20 quyển, đời sau thêm 10 quyển nữa. U quái lục: tên một bộ sách chép truyện thần quái về đời Đường.

20 Bản A.750 chép: Than ôi! Những sự lạ ở Lĩnh Nam nhiều như vậy soạn thành Liệt truyện sao không đem khắc vào đá, chép vào giấy mà chỉ sáng trong nhân tâm, truyền ở bia miệng.

21 Bản A.750 lại ghi là: Tiết Trung hoà, mùa Thu, năm Hồng Đức thứ 23. Năm Hồng Đức thứ 23 là năm 1492 công lịch.

TẬP I

* *
*

TRUYỆN

HỌ HỒNG BÀNG

Đế Minh cháu ba đời họ Viêm đế Thần nông[22] sinh ra Đế Nghi, sau nhân đi tuần về phía Nam đến núi Ngũ Lĩnh[23] lấy được con gái bà Vụ Tiên rồi trở về, sinh ra Lộc Tục. Tục dung mạo đoan chính, thông minh phúc hậu, Đế Minh rất lấy làm lạ, muốn cho nối ngôi mình. Lộc Tục cố từ, xin nhường cho anh. Đế Minh liền lập Nghi làm kẻ nối ngôi để trị dân Bắc. Lại phong Lộc Tục là Kinh Dương Vương để trị đất Nam, lấy hiệu là nước Xích Quỷ. Kinh Dương Vương có tài đi dưới Thuỷ phủ, lấy con gái Long Vương ở hồ Động Đình[24], sinh ra Sùng Lãm hiệu là Lạc Long Quân, cho nối ngôi trị nước. Kinh Dương Vương không biết đi đâu mất. Lạc Long Quân dạy dân việc cày cấy nông tang, đặt ra các đẳng quân, thần, tôn, ti, các đạo cha con, vợ chồng, đôi khi trở về Thuỷ phủ mà trăm họ vẫn yên vui vô sự, không biết do đâu được thế. Hễ dân có việc lại lớn tiếng gọi Long Quân rằng: "Bố ơi! Sao không lại cứu chúng tôi." Long Quân tới ngay, sự linh hiển cảm ứng của Long Quân, người đời không ai lường nổi.

Đế Nghi truyền ngôi cho con là Đế Lai, cai trị Bắc phương. Nhân khi thiên hạ vô sự bèn sai quân thần là bọn Xuy Vưu[25] thay mình trông coi quốc sự rồi đi tuần xuống nước Xích Quỷ ở phía Nam.

Khi đó, Long Quân đã về Thuỷ phủ, trong nước không có chúa. Đế Lai bèn để ái nữ là Âu Cơ và các thị tì ở lại nơi hành tại rồi đi chu du thiên hạ, ngắm các nơi danh lam thắng cảnh. Thấy hoa kỳ cỏ lạ, trân cầm dị thú, ngọc ngà vàng bạc... các thứ đá quý, các cây trầm, đàn cùng các sơn hào hải vật không thiếu thứ gì, khí hậu bốn mùa không lạnh không nóng, Đế Lai rất ái mộ, vui quên trở về. Dân phương Nam khổ vì bị người Bắc phương quấy nhiễu, không được yên sống như xưa mới cùng gọi Long Quân rằng: "Bố ơi ở đâu mà để cho dân Bắc xâm nhiễu phương dân." Long Quân đột nhiên trở về, thấy Âu Cơ có dung mạo đẹp đẽ kỳ lạ, trong lòng vui mừng, bèn hoá thành một trang thiếu niên phong tư tú lệ, tả hữu kẻ hầu người hạ đông đúc vừa đi vừa ca hát đánh trống. Cung điện tự nhiên dựng lên. Âu Cơ vui lòng theo Long Quân. Long Quân giấu Âu Cơ ở Long đài nham. Đế Lai trở về, không thấy Âu Cơ, sai quần thần đi tìm khắp thiên hạ, Long Quân có phép thần thông biến hoá thành trăm hình vạn trạng, yêu tinh, quỷ sứ, rồng, rắn, hổ, voi... làm cho bọn đi tìm đều sợ hãi không dám sục sạo, Đế Lai bèn phải trở về.

Truyền ngôi đến đời Du Võng, thì Xuy Vưu làm loạn. Vua nước Hữu Hùng là Hiên Viên[26] đem chư hầu tới đánh nhưng không được. Xuy Vưu mình thú mà nói tiếng người, có sức khoẻ dũng mãnh. Có người dạy Hiên Viên dùng trống da thú làm lệnh, Xuy Vưu sợ hãi chạy về đất Trác Lộc[27]. Đế Du Võng xâm lăng chư hầu, cùng Hiên Viên giao binh ở Phản Tuyền[28] đánh ba trận đều bị thua, bị giáng phong ở đất Lạc Ấp rồi chết ở đó. Dòng họ Thần nông tới đây thì hết. Long Quân lấy Âu Cơ rồi đẻ ra một bọc, cho là điềm bất thường, vứt ra cánh đồng; qua sáu bảy ngày, bọc vỡ ra một trăm quả trứng, mỗi trứng nở ra một con trai, mới đem về nhà nuôi. Không phải bú mớm, các con tự lớn lên, trông đẹp đẽ kỳ dị, người nào cũng trí dũng song toàn, người người đều kính trọng cho là chuyện phi thường.

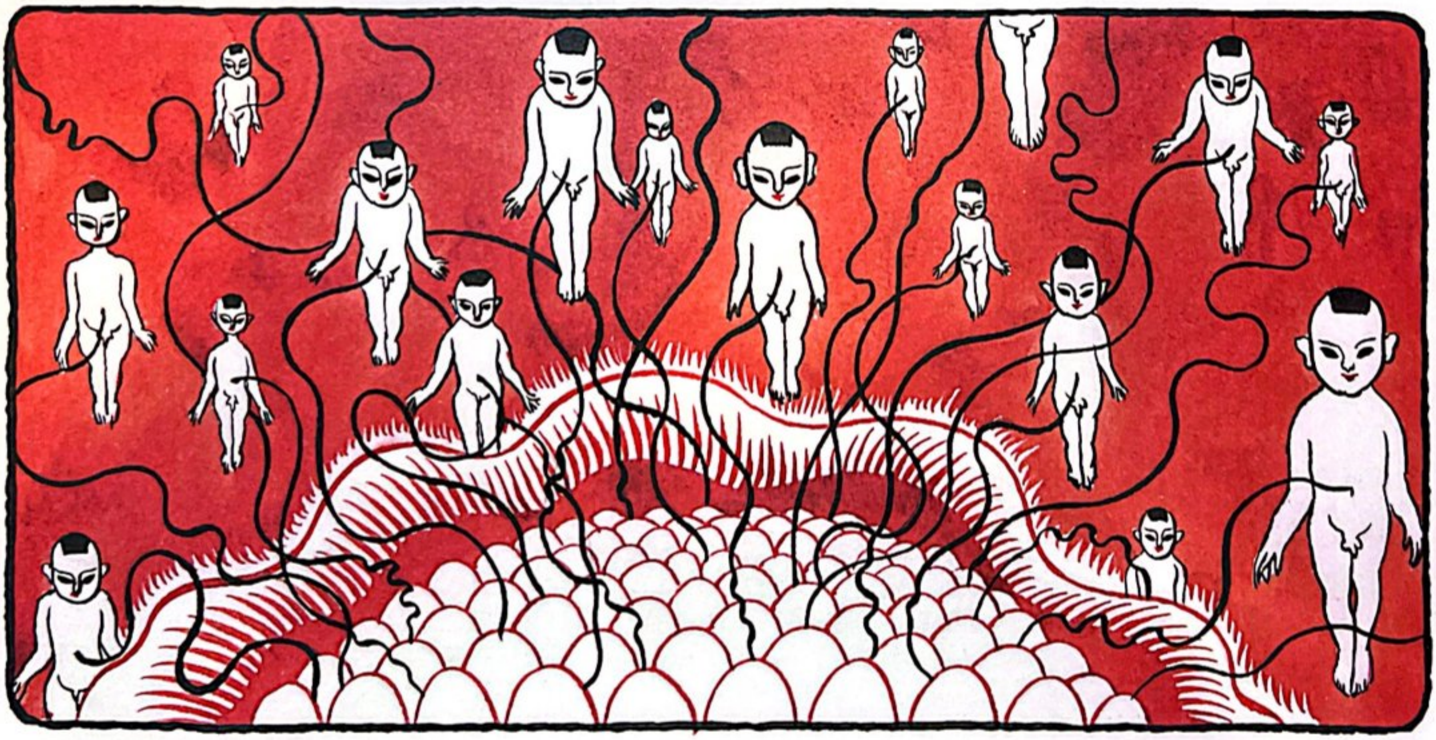

Long Quân ở lâu dưới Thuỷ quốc[29], vợ con thường muốn về đất Bắc. Về tới biên giới, Hoàng đế nghe nói rất sợ hãi cho binh ra giữ cửa ải, mẹ con Âu Cơ không thể về được bèn quay về nước Nam mà gọi Long Quân rằng: "Bố ở nơi nào để mẹ con tôi cô độc, ngày đêm buồn khổ thế này." Long Quân bỗng trở về, gặp nhau ở đất Tương[30], Âu Cơ nói: "Thiếp vốn là người nước Bắc, ở với vua, sinh hạ được trăm con trai, vua bỏ thiếp mà đi, không cùng thiếp nuôi con, làm người vô phu vô phụ, chỉ biết thương mình." Long Quân nói: "Ta là nòi rồng, đứng đầu thuỷ tộc, nàng là giống tiên, sống trên đất, tuy khí âm dương hợp lại mà sinh ra con, nhưng thủy hỏa tương khắc, dòng giống bất đồng khó ở lâu với nhau được, nay phải chia ly. Ta đem năm mươi con về thủy phủ chia trị các xứ, năm mươi con theo nàng về trên đất, chia nước mà trị. Lên núi xuống bể, hữu sự báo cho nhau biết, đừng quên." Trăm con vâng theo, sau đó từ biệt mà đi.

Âu Cơ và năm mươi con lên ở đất Phong Châu[31] suy phục lẫn nhau, cùng tôn người con cả lên làm vua, hiệu là Hùng Vương, lấy tên nước là Văn Lang, đông giáp Nam Hải, tây tới Ba Thục[32], bắc tới Động Đình hồ, nam tới nước Hồ Tôn (nay là Chiêm Thành)[33]. Chia nước làm 15 bộ (còn gọi là quận) là Việt Thường[34], Giao Chỉ[35], Chu Diên[36], Vũ Ninh[37], Phúc Lộc[38], Ninh Hải[39], Dương Tuyền[40], Lục Hải[41], Hoài Hoan[42], Cửu Chân[43], Nhật Nam[44], Chân Định[45], Văn Lang[46], Quế Lâm[47], Tượng Quận[48]. Chia các em ra cai trị, lại đặt các em làm tướng văn tướng võ, văn là lạc hầu, võ là lạc tướng. Con trai vua gọi là quan lang, con gái vua gọi là mị nương, trăm quan gọi là bồ chính, thần bộc, nữ lệ gọi là xảo xứng (còn gọi là nô tì). Bề tôi gọi là hồn[49], đời đời cha truyền con nối gọi là phụ đạo. Vua đời đời thế tập gọi là Hùng Vương, không hề thay đổi. Lúc ấy, dân sống ở ven rừng[50], xuống nước đánh cá thường bị giống giao long làm hại, bèn nói với vua. Đáp: "Giống sơn man và giống thủy tộc có thù với nhau, thường ghét nhau nên hại nhau đó." Khiến người đời lấy mực xăm vào mình theo hình Long Quân theo dạng thủy quái.

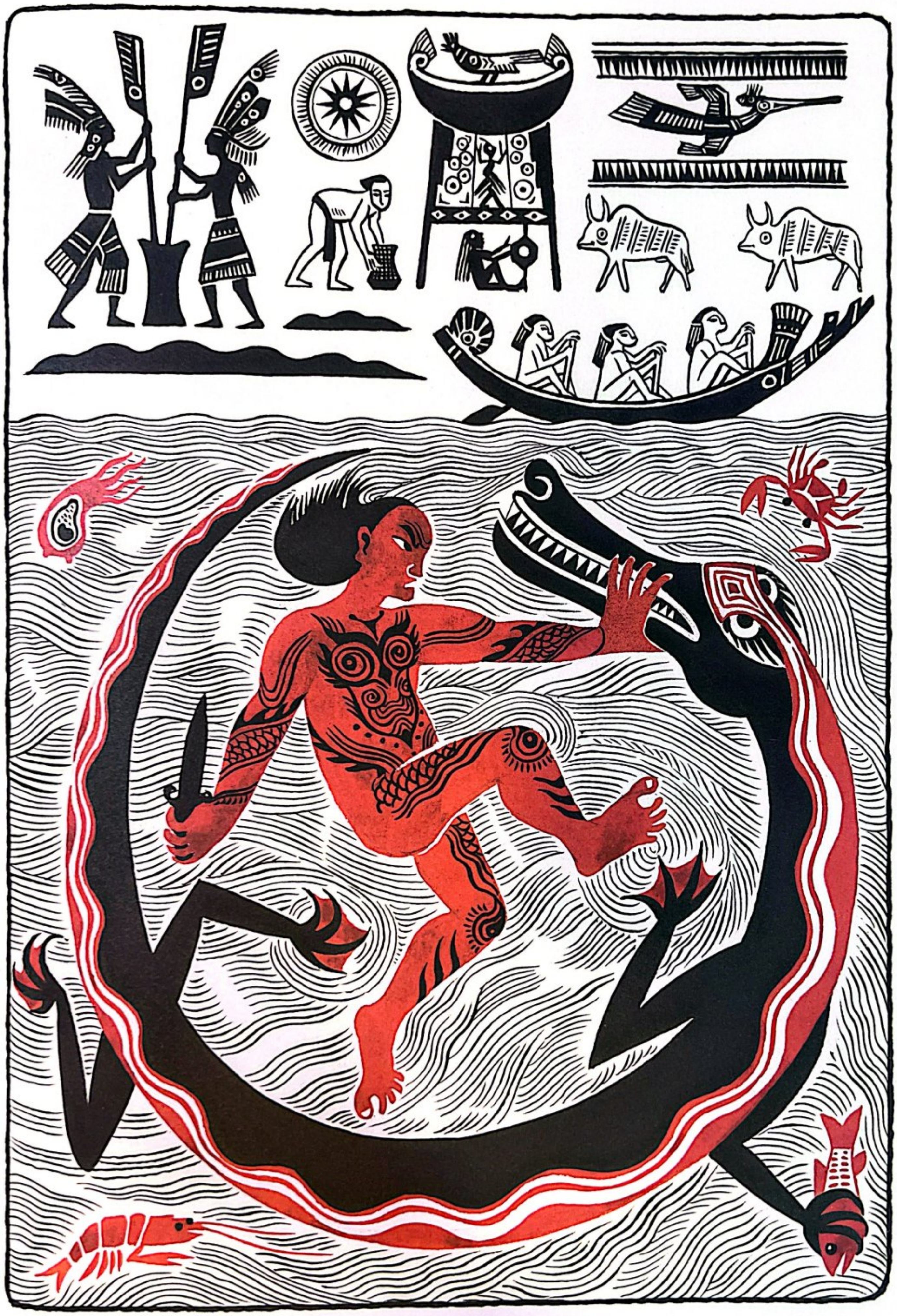

Từ đó, dân không bị tai họa giao long làm hại nữa. Tục xăm mình của dân Bách Việt cũng bắt đầu từ đấy. Hồi quốc sơ, dân không đủ đồ dùng, phải lấy vỏ cây làm áo, dệt cỏ gianh làm chiếu, lấy cốt gạo làm rượu, lấy cây quang lang, cây tung lư làm cơm (có chỗ viết là uống), lấy cầm thú, cá, ba ba làm mắm, lấy rễ gừng làm muối, cày bằng dao, trồng bằng lửa. Đất sản xuất được nhiều gạo nếp, lấy ống tre mà thổi cơm. Bắc gỗ làm nhà để tránh hổ sói. Cắt tóc ngắn để dễ đi lại trong rừng rú. Đẻ con ra lấy lá chuối lót cho nằm, có người chết thì giã cối làm lệnh, người dân lân cận nghe tiếng đến cứu. Chưa có trầu cau, việc hôn thú giữa nam nữ lấy gói đất làm đầu[51], sau đó mới giết trâu dê làm đồ lễ, lấy cơm nếp để nhập phòng cùng ăn, sau đó mới thành thân. Đó trăm người con trai chính là tổ tiên của người Bách Việt vậy[52].

CHÚ GIẢI

[22] *Viêm đế Thần nông: một vị thần trong thần thoại Trung Quốc (và Việt Nam). Theo truyền thuyết thì thần dạy loài người trồng trọt cày cấy nên gọi là Thần Nông, thần lại sai mặt trời toả ánh sáng và hơi nóng xuống trái đất cho cây cỏ chín mòng nên gọi là Viêm đế. Theo sách Sưu Thần Ký thì thần có một cái roi thiêng, đem roi ấy đánh vào các loài thảo mộc thì các tính chất lành, độc, nhiệt, hàn của thảo mộc tự dưng hiện ra rõ rệt, thần dựa vào các tính chất ấy của thảo mộc để trị bệnh cho loài người. Lại theo sách Tiệm phu luận ngũ đức chí thì thần còn mở chợ búa cho nhân dân tới trao đổi hàng hoá, lại dạy dân cách nhìn ánh mặt trời để định giờ họp chợ.*

[23] *Ngũ Lĩnh: về các núi này có 3 giả thuyết khác nhau:*

a) Trong sách Hán thư chú, Phục Kiền viết "vì có năm trái núi nên gọi là Ngũ Lĩnh, các núi này ở đất Giao Chỉ và Hợp Phố.

b) Sách Bùi thị Quảng châu ký chép "năm trái núi là Đại Dũ, ở Thuỷ An (tức núi Việt Thành), ở Lâm Hạ (tức núi Manh Trữ), ở Quế Dương (tức núi Kỵ Điền), ở Yết Dương (tức núi Đô Bàng). Sách Đặng đức Minh Nam Khang ký chép "núi Đại Dũ là một, núi Kỵ Điền ở Quế Dương là hai, núi Đô Bàng ở Cửu Chân là ba, núi Manh Trữ ở Lâm Hạ là bốn, núi Việt Thành ở Thuỷ An là năm". (Núi Đô Bàng nay thuộc huyện Lam Sơn, tỉnh Hồ Nam như thế thì không phải thuộc quận Cửu Chân).

c) Ngũ Lĩnh là 5 con đường chạy vào trong núi. Đường từ Phúc Kiến vào Tuần Mai (Quảng Đông) là một, từ Nam An, Giang Tây vào Nam Hùng là hai, từ đất Lâm ở Hồ Nam vào đất Liên là ba, từ Đạo Châu vào đất Hạ ở Quảng Châu là bốn, từ Toàn Châu vào Tĩnh Giang là năm (Theo Phương dư kỷ yếu).

[24] Hồ Động Đình: nay thuộc tỉnh Hồ Nam, Trung Quốc. Hồ dài 20 dặm, rộng 100 dặm, xung quanh hồ là các huyện Hoa Dung, Nam Huyện, An Hương, Hán Thọ, Nguyên Giang, Tương Âm. Chỗ cửa hồ tiếp liền với cửa sông thuộc huyện thành Ba Lăng. Các núi Việt Thành, Manh Trữ, Đô Bàng, Kỵ Điền đều ở phía bắc hồ. Giữa hồ có nhiều đảo nhỏ và quần đảo. Về mùa hạ và mùa thu nước hồ dâng cao, mặt hồ mênh mông bát ngát.

[25] Xuy Vưu: Theo thần thoại cũ thì Xuy Vưu là một trong những vị thần phản kháng. Về Xuy Vưu có nhiều truyền thuyết khác nhau, Lộ Sử hậu kỷ tứ Xuy Vưu truyện chép:"Xuy Vưu người ở Phản Tuyền, họ Khương, là hậu duệ của Viêm đế". Thái bình ngự lãm chép "Anh em Xuy Vưu có 81 người đều mình thú, nói tiếng người, đầu đồng trán sắt". Sách Thuật dị ký lại chép "anh em Xuy Vưu có 72 người".

Nguyên Xuy Vưu là tên một bộ tộc dũng mãnh (theo sách Trung Quốc cổ đại thần thoại nghiên cứu của Trầm Nhạn Băng). Bộ tộc này ở phương Nam, là con cháu dòng họ Viêm đế. Một sự kiện lớn nhất trong hoạt động của Xuy Vưu là cuộc chiến tranh của y chống lại Hoàng đế để cướp bảo tọa. Để thực hiện mục đích này, trước hết Xuy Vưu thống lĩnh 80 anh em tấn công Viêm đế (thần mặt trời), cướp ngôi báu của y để tăng cường uy thế. Viêm đế bỏ phương nam chạy về Trác Lộc ở phương bắc, ngôi báu rơi vào tay Xuy Vưu, Xuy Vưu lại cổ động dân Miêu là một bộ tộc thiện chiến, con cháu Hoàng đế theo y để chống lại Hoàng đế. Dân Miêu đều theo. Xuy Vưu dẫn anh em và dân Miêu tiến đánh Trác Lộc, Viêm đế chống cự không nổi phải cầu cứu Hoàng đế (theo Chu thư mạnh thiên). Hoàng đế đương sống bình yên trong cung đình miền Côn Lôn (có chỗ nói là Huyện phố) nghe tin Xuy Vưu đánh tới Trác Lộc là đất thuộc y quản lĩnh, rất lo sợ, muốn dùng nhân nghĩa cảm hoá, không được, phải xuất quân ra đánh. Trong mấy trận đầu, Xuy Vưu thắng lớn. Quân Hoàng đế có thú dữ, lang sói, hổ báo, rắn rết giúp sức mà đánh không nổi, bị bao vây trong trận. Về sau có Ứng Long (thần mưa), Thiên nữ Bạt (nữ thần hạn) và họ Khoa Phụ (con cháu Hậu Thổ sống ở đại hoang miền Bắc) tới giúp, đánh mấy trận quyết liệt mà vẫn không thắng nổi Xuy Vưu. Sau cùng có người mách Hoàng đế lấy da thú sơn tảo làm da trống, lấy xương đùi lôi thần (thần sét) làm dùi trống, trống này gõ lên, trời rung đất chuyển, quân Xuy Vưu kinh hoàng bị giết ở trận tiền rất nhiều. Xuy Vưu cũng bị bắt và giết chết, chiến tranh khi ấy mới kết thúc.

[26] Hiên Viên: Tức Hoàng đế. Theo sử cũ chép thì Hoàng đế sinh ở gò Hiên Viên (nay là huyện Tân Trịnh tỉnh Hà Nam, Trung Quốc) cho nên gọi tên là Hiên Viên. Về cuộc chiến tranh giữa Hoàng đế và Xuy Vưu xin xem chú thích 25 ở trên.

[27] Trác Lộc: nay là huyện Trác Lộc, Trực Lệ (Trung Quốc) có chỗ cho là huyện Tuyên Hoá.

[28] Phản Tuyền: nay ở phía đông huyện Bảo An, Trực Lệ (Trung Quốc). Sách Quát địa chí cũng chép "Phản Tuyền, nay gọi là Hoàng đế tuyền ở phía đông huyện Hoài Tuất" (huyện Hoài Tuất nay là huyện Bảo An).

[29] Bản A.1752 chép: Long Quân ở lâu dưới Thuỷ phủ, quên mình là người có con, các con cũng không biết mình là người có cha.

[30] Đất Tương: nay ở phía tây nam huyện Hình Đài, Trực Lệ (Trung Quốc).

[31] Phong Châu: nay là miền Phú Thọ và Vĩnh Yên.

[32] Ba Thục: Xưa vốn là một nước riêng gọi là nước Ba Thục, sau bị nhà Tần diệt rồi đặt thành một quận gọi là Thục Quận, gồm các phủ Thành Đô, Long An, Đồng Xuyên, Nhã Châu cũ của tỉnh Tứ Xuyên (Trung Quốc).

[33] Nay là đất Bình Định.

[34] Việt Thường: nay là dải đất từ Hải Lăng thuộc Quảng Trị đến Điện Bàn thuộc Quảng Nam.

[35] Giao Chỉ: nay là trung du và trung châu Bắc bộ.

[36] Chu Diên: nay là một phần tỉnh Sơn Tây.

[37] Vũ Ninh: nay là các tỉnh Bắc Ninh, Bắc Giang.

[38] Phúc Lộc: nay là một bộ phận của tỉnh Sơn Tây.

[39] Ninh Hải: nay là tỉnh Quảng Yên.

[40] Dương Tuyền: nay là tỉnh Hải Dương, bản A.1752 chép là Hải Tuyền.

[41] Lục Hải: nay là tỉnh Lạng Sơn

[42] Hoài Hoan: nay là tỉnh Nghệ An.

[43] Cửu Chân: nay là tỉnh Thanh Hóa.

[44] Nhật Nam: nay là miền Thuận Hóa.

[45] Chân Định: trong Khâm định Việt Sử thông giám cương mục không thấy có tên này, chỉ có tên Vũ Định (gồm các miền Thái Nguyên, Cao Bằng ngày nay).

[46] Văn Lang: không thấy ghi trong sách sử cũ.

[47] Quế Lâm: nay là miền Quế Lâm, Thương Ngô và Liễu Giang (Quảng Tây , Trung Quốc).

[48] Tượng Quận: theo sách Lĩnh ngoại đại đáp của Chu Khứ Phi nhà Tống thì Tượng Quận, Quế Lâm là các quận của đất Bách Việt trước. Khi Tần Thủy Hoàng bình định thiên hạ, mở núi dọn đường cướp đất Dương, Việt đặt ra các quận Quế Lâm, Tượng Quận và Nam Hải (Quảng Đông). Bấy giờ, tỉnh Quảng Tây là Quế Lâm, tỉnh Quảng Đông là Nam Hải, đất Giao Chỉ tức là Tượng Quận. Đến lúc Hán Vũ Đế lấy được Nam Hải mới tách Quế Lâm thành Uất Lâm và Thương Ngô, tách Tượng Quận làm ba là Giao Chỉ, Cửu Chân và Nhật Nam. Xem như vậy thì Tượng Quận không phải là 1 trong 15 bộ bấy giờ.

[49] Bản A.1752 chép: thần bộc nô lệ gọi là ấn tì, gọi là triệu xứng.

[50] Bản A.1752 chép: dân sống ở chân núi, thấy chỗ nước cạn có nhiều cá tôm tụ tập bèn bắt mà ăn.

[51] Bản A.1200, A.2107, A.1752 đều chép là: "việc hôn thú nam nữ lấy gói muối làm đầu, sau đó mới giết trâu dê làm lễ cưới...", ở bản chính (A.33) thì cho rằng lấy gói đất làm lễ chạm ngõ, mà các bản này thì lại cho rằng gói muối làm lễ chạm ngõ. Kể ra thì hai việc đều có thể xảy ra được cả.

[52] Bách Việt: xưa các tỉnh Giang, Chiết, Mân, Việt là chỗ Việt tộc ở, gọi là Bách Việt: Mân Việt ở Phúc Kiến, Dương Việt ở Giang Tây, Nam Việt ở Quảng Đông, Lạc Việt ở Việt Nam...

TRUYỆN

NGƯ TINH

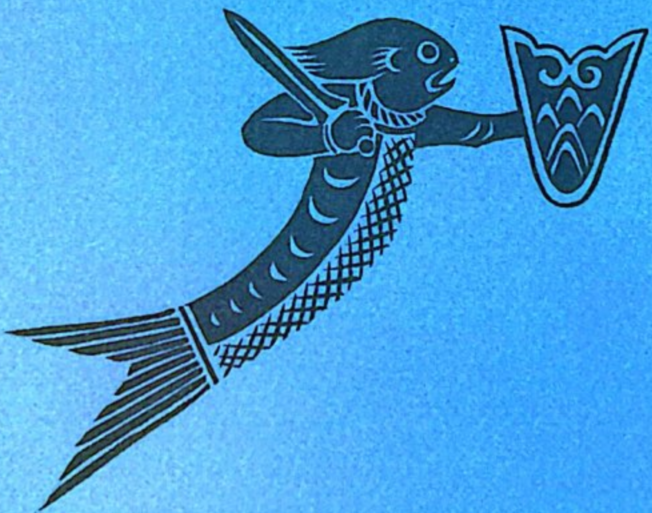

Ở biển Đông có con tinh ngư xà (còn gọi là Ngư tinh) dài hơn năm mươi trượng, chân nhiều như chân rết, biến hóa vạn trạng, linh dị khôn lường, khi đi thì ầm ầm như mưa, lại ăn được thịt người nên ai cũng sợ. Đời thượng cổ có con cá dung mạo như người, đi tới bờ Đông Hải, sau biến thành người, biết nói năng, dần dần lớn lên, sinh ra nhiều con trai con gái, hay bắt cá, tôm, sò, hến mà ăn. Lại có giống Đản Nhân[53] sống ở một cái gò dưới bể, chuyên nghề bắt cá[54], sau cũng biến thành người, giao dịch với man dân đổi lấy thóc gạo, dao, búa[55], thường qua lại ở Đông Hải.

Có hòn đá Ngư tinh, răng đá lởm chởm cắt ngang bờ bể, ở dưới đá có hang, Ngư tinh sống ở trong đó. Vì sóng gió hiểm trở, không có lối thông, dân muốn mở một đường đi khác nhưng đá rắn khó đẽo. Thuyền của nhân dân đi qua chỗ này thường hay bị Ngư tinh làm hại. Đêm kia có bọn người tiên đục đá làm đường đi để cho hành nhân có chỗ qua lại. Ngư tinh bèn hóa làm con gà trắng[56] gáy ở trên núi. Quần tiên nghe tiếng ngỡ rằng đã rạng đông bèn cùng bay lên trời. Tới nay người ta còn gọi lối đi ấy là Phật đào hạng (ngõ Phật đào)[57].

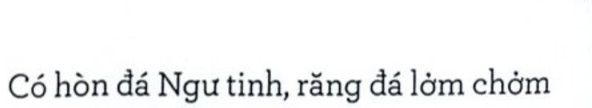

Long Quân thương dân bị hại bèn hóa phép thành một chiếc thuyền của thường dân, hạ lệnh cho quỷ Dạ thoa[58] ở Thủy phủ cấm hải thần không được nổi sóng, rồi chèo thuyền đến bờ hang đá Ngư tinh, giả cách cầm một người sắp ném vào cho nó ăn. Ngư tinh há miệng định nuốt. Long Quân cầm một khối sắt nung đỏ ném vào miệng cá. Ngư tinh chồm lên quẫy mình quật vào thuyền. Long Quân cắt đứt đuôi cá, lột da phủ lên trên núi[59], nay chỗ đó gọi là Bạch Long Vĩ[60] còn cái đầu trôi ra ngoài bể biến thành con chó.

Long Quân bèn lấy đá ngăn bể rồi chém nó. Nó biến thành cái đầu chó, nay gọi là Cẩu đầu sơn.

Thân trôi ra ngoài Mạn Cầu, chỗ đó nay gọi là Mạn Cầu thủy (còn gọi là Cẩu đầu thủy).

CHÚ GIẢI

[53] *Đản Nhân: theo sách Quảng Đông tân ngữ thì đấy là một giống người sống về nghề đánh cá thường lấy thuyền làm nhà, gọi là đản gia, phụ nữ thì gọi là ngư di, con gái nhỏ thì gọi là hiến muội. Người Đản Nhân giỏi hụp lặn, đời cổ gọi là Long hộ.*

[54] *Bản A.2107 chép: chuyên nghề bắt người sống.*

[55] *Bản A.2107 chép: đổi lấy muối, gạo và quần áo, buôn bán mà ăn.*

[56] *Có bản chép là hạc trắng, bản A.2107 lại chép là chim âu.*

[57] *Bản A.2107 chép là Tiên đào hạng (ngõ Tiên đào) ở châu Vĩnh Hưng, đạo An Quảng.*

[58] *Quỷ Dạ thoa: tên quỷ có thân hình xấu xí, là một trong Thiên long bát bộ của đạo Phật. Chữ Dạ thoa có nghĩa là dũng mãnh, lại có nghĩa là bạo ác. Có hai quỷ Dạ thoa, một là Địa Dạ thoa, không biết bay trên không trung; một là Thiên Dạ thoa, có thể bay lượn trên không trung.*

[59] *Bản A.2107 chép: lột da phủ ở chân núi Ngưu Sơn.*

[60] *Ngày nay ở gần Vịnh Hạ Long còn có một đảo nhỏ tên gọi là Bạch Long Vĩ, bản A.2107 chép là Bạch Hổ Vĩ.*

TRUYỆN

HỒ TINH

Thành Thăng Long xưa hiệu là Long Biên[61], hồi thượng cổ không có người ở. Vua Thái Tổ nhà Lý chèo thuyền bên sông Nhĩ Hà[62], có hai con rồng dẫn thuyền đi, cho nên đặt tên là Thăng Long rồi đóng đô ở đấy, ngày nay tức là thành Kinh Hoa vậy[63].

Xưa ở phía tây thành có hòn núi đá nhỏ, phía đông gối lên sông Lô Giang[64]. Trong hang, dưới chân núi, có con cáo trắng chín đuôi sống hơn ngàn năm, có thể hóa thành yêu quái, thành người hoặc thành quỷ, đi khắp dân gian.

Thời đó, dưới chân núi Tản Viên[65], người Mán chôn gỗ kết cỏ làm nhà. Trên núi có vị thần rất linh thiêng, người Mán thường thờ phụng. Thần dạy người Mán trồng lúa, dệt vải làm áo trắng mà mặc cho nên gọi là Bạch y man (mán áo trắng). Con cáo chín đuôi biến thành người áo trắng nhập vào giữa đám dân Mán cùng ca hát rồi dỗ trai gái trốn vào trong hang núi. Người Mán rất khổ sở. Long Quân bèn ra lệnh cho lục bộ thủy phủ[66] dâng nước lên công phá hang đá. Cáo chín đuôi bỏ chạy, quân thủy phủ đuổi theo phá hang bắt cáo mà nuốt ăn[67]. Nơi này trở thành một cái vũng sâu nay gọi là "đầm xác cáo" (tức Tây Hồ ngày nay).

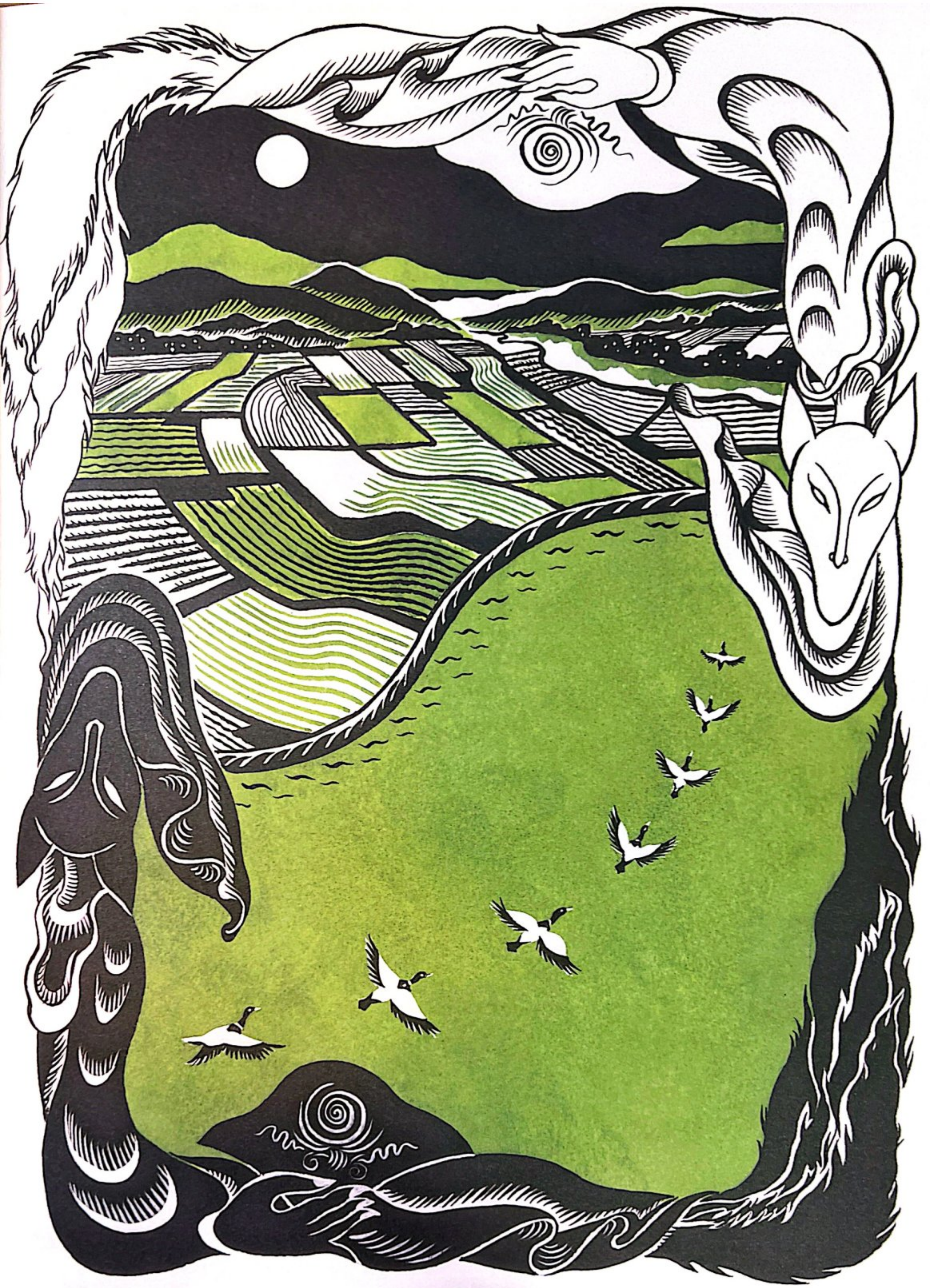

Sau lập miếu (tức Kim ngưu tự)[68] để trấn áp yêu quái. Cánh đồng phía Tây Hồ rất bằng phẳng, dân địa phương trồng trọt làm ăn, nay gọi là Hồ đồng (hang cáo). Đất ở đây cao ráo, dân làm nhà mà ở nay gọi là Hồ thôn[69] (thôn Cáo). Chỗ hang cáo xưa, nay gọi là Lỗ khước thôn[70].

CHÚ GIẢI

61 *Long Biên: tên thủ đô Giao Châu (Bắc bộ và Bắc Trung bộ) thời Lục Triều và Tùy Đường, có lẽ ở vùng Bắc Ninh, phía bắc sông Đuống. Các sử gia ngày xưa thường nhầm mà cho Thăng Long hoặc Đại La (Hà Nội bây giờ) với Long Biên là một.*

62 *Nhĩ Hà: tức sông Hồng Hà.*

63 *Về đoạn mở đầu, bản A.2107 chép như sau: "Xưa đất Long Biên có núi đá nhỏ, dưới núi có huyệt, có con Hồ tinh chín đuôi sống hơn nghìn năm, có thể thành yêu quái, biến hóa vạn trạng, khi thành người, khi thành quỷ, ở khắp dân gian.*

64 *Lô Giang: ngày nay Lô Giang là tên để chỉ sông Lô chảy từ Trung Quốc, qua Hà Giang, Tuyên Quang, gặp sông Thao ở Việt Trì. Ngày xưa danh từ có lúc dùng để chỉ sông Hồng Hà.*

65 *Tản Viên: tức là dãy núi Ba Vì ở Sơn Tây ngày nay, còn có khi gọi là Tây Sơn (xem Phụng thành xuân sắc phú của Nguyễn Giản Thanh, Hợp tuyển Văn học Việt Nam, q.II)*

66 *Lục bộ thủy phủ: sáu đạo quân của thủy phủ. Thủy phủ, tức nơi cung điện của thủy thần, còn gọi là thủy phủ tam quan.*

67 *Bản A.2107 chép: Quân thủy tộc đuổi theo, bắt được hồ tinh bèn giết đi.*

68 *Kim ngưu tự: xem truyện Tiên Du Kim Ngưu ở phần phụ lục sách này. Chùa Trâu vàng hiện không rõ ở đâu.*

69 *Hồ thôn: bản A.1752 chép là Hồ đồng thôn. Thôn ở ven Hồ Tây ngày nay.*

70 *Lỗ khước thôn: bản A.750 chép là "Lỗ hồ thôn", bản A.2107 lại chép "Hồ lỗ tục gọi là Lỗ Cát. Đời truyền hồ tinh chín đuôi sinh được 9 con. Long Quân đã giết hồ tinh và 8 con, còn một con chạy thoát về Diễn Châu, Hồ Quý Ly chính là con cháu của con hồ này vậy."*

TRUYỆN

ĐỔNG THIÊN VƯƠNG

Hùng Vương cậy nước mình giàu mạnh, mà chểnh mảng việc triều cận Bắc phương[71]. Vua nhà Ân mượn cớ tuần thú sang xâm lược. Hùng Vương nghe tin, triệu tập quần thần hỏi kế công thủ. Có người phương sĩ tâu rằng: Sao không cầu Long Vương đưa quân âm lên giúp! Vua nghe lời, bèn lập đàn, bày vàng bạc lụa là lên trên, ăn chay, thắp hương, cầu đảo ba ngày. Trời nổi mưa to gió lớn, bỗng thấy một cụ già cao hơn chín thước, mặt vàng bụng lớn[72], mày râu bạc trắng, ngồi ở ngã ba đường [73] mà cười nói ca múa.

Những người trông thấy biết là kẻ phi thường, mới vào tâu vua. Vua thân hành ra vái chào, rước vào trong đàn. Cụ già không ăn uống, cũng không nói năng. Vua nhân hỏi: "Nghe tin quân Bắc sắp sang xâm lược, ta thua được thế nào, ngài có kiến văn xin bảo giúp." Cụ già ngồi im một lúc, rút thẻ ra bói, bảo vua rằng: "Ba năm nữa giặc Bắc sẽ sang, phải nghiêm chỉnh khí giới, tinh luyện sĩ binh mà giữ nước, lại phải đi tìm bậc kỳ tài trong thiên hạ, kẻ nào phá được giặc thì phân phong tước ấp, truyền hưởng lâu dài. Nếu được người giỏi có thể dẹp được giặc vậy." Dứt lời, bay lên không mà đi, mới biết đó là Long Quân.

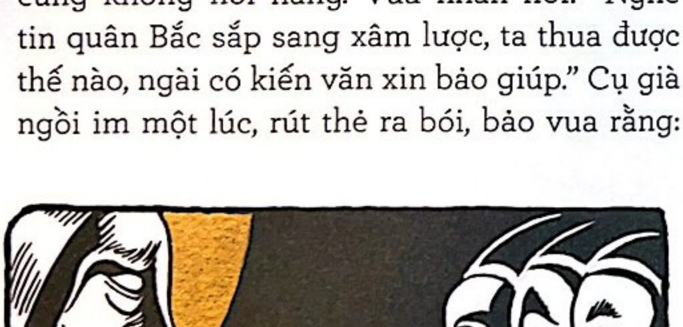

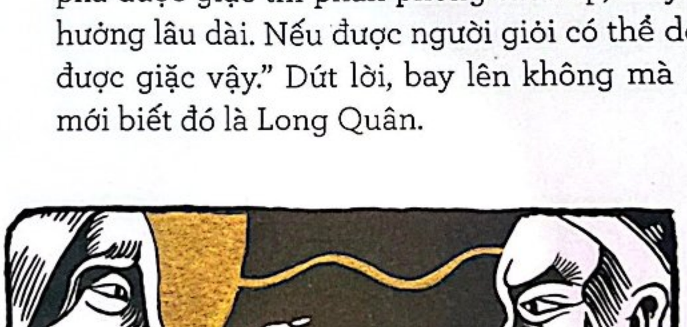

Ba năm sau, người biên giới cấp báo giặc Ân tới. Vua làm theo lời cụ già dặn, sai sứ đi khắp các nơi cầu hiền tài. Tới làng Phù Đổng, huyện Tiên Du, Bắc Ninh, có một phú ông tuổi hơn sáu mươi, sinh được một người con trai vào giữa ngày mồng 7 tháng giêng, ba tuổi còn không biết nói, nằm ngửa không ngồi dậy được. Người mẹ nghe tin sứ giả tới mới nói giỡn rằng: "Sinh được thằng con trai này chỉ biết ăn, không biết đánh giặc để lấy thưởng của triều đình, báo đáp công bú mớm." Người con nghe thấy mẹ nói, đột nhiên bảo: "Mẹ gọi sứ giả tới đây."[74]

Người mẹ rất lấy làm kinh ngạc, kể lại với hàng xóm. Hàng xóm cả mừng, tức tốc gọi sứ giả tới. Sứ giả hỏi: "Mày là đứa trẻ mới biết nói, mời ta đến làm gì?" Đứa trẻ nhỏm dậy bảo sứ giả rằng: "Mau về tâu vua rèn một ngựa sắt cao mười tám thước, một thanh kiếm sắt dài bảy thước, một roi sắt và một nón sắt. Ta cưỡi ngựa đội nón ra đánh, giặc tất phải kinh bại, vua phải lo gì nữa?" Sứ giả mừng rỡ vội về tâu vua. Vua vừa kinh vừa mừng nói rằng: "Ta không lo nữa." Quần thần tâu: "Một người thì làm sao mà đánh bại được giặc?" Vua nổi giận nói: "Lời nói của Long Quân ngày trước không phải là ngoa, các quan chớ nghi ngờ gì nữa! Mau đi tìm năm mươi cân sắt luyện thành ngựa, kiếm, roi và nón." Sứ giả tới gặp, người mẹ sợ hãi cho rằng tai họa đã đến, bèn bảo người con. Con cả cười bảo rằng: "Mẹ hãy đưa nhiều cơm rượu cho tôi ăn, việc đánh giặc mẹ chớ có lo."

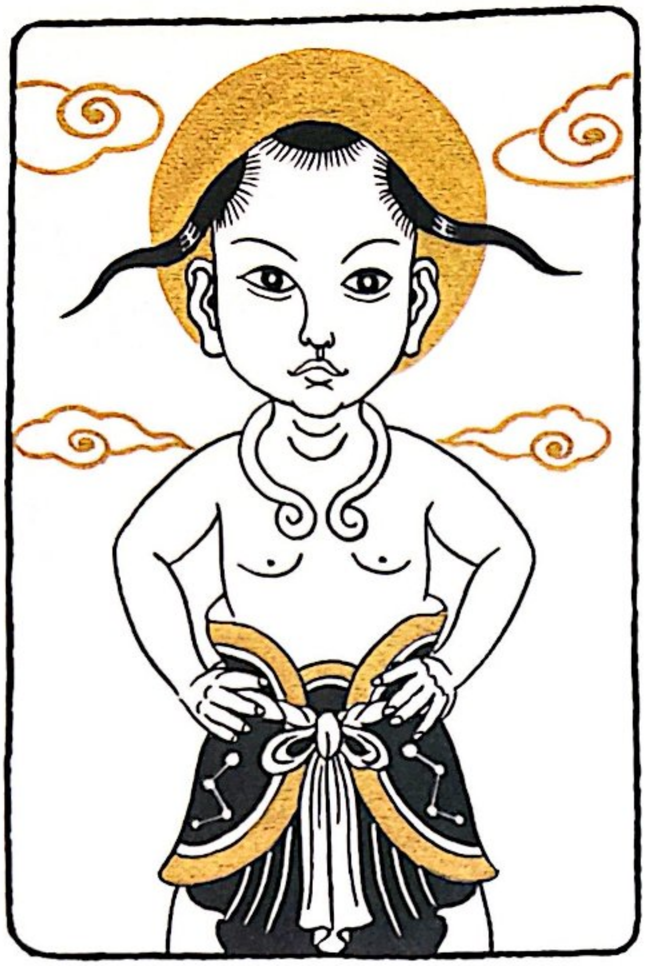

Người con lớn lên rất nhanh, ăn uống tốn rất nhiều, người mẹ cung đốn không đủ. Hàng xóm sửa soạn trâu rượu bánh quả rất nhiều mà người con ăn vẫn không no bụng. Vải lụa gấm vóc rất nhiều mà mặc vẫn không kín thân, phải đi lấy thêm hoa lau buộc vào cho kín người. Kịp đến lúc quân nhà Ân tới chân núi Trâu Sơn ở Vũ Ninh[75] người con duỗi chân đứng dậy cao hơn mười thước (có chỗ nói là trượng) ngửa mũi hắt hơi liền hơn mười tiếng[76], rút kiếm thét lớn: "Ta là thiên tướng đây!" rồi đội nón cưỡi ngựa. Ngựa chồm lên, hí dài một tiếng mà phi như bay, nháy mắt đã tới trước quân vua, vỗ kiếm đi trước, quan quân đều theo sau, tiến sát đồn giặc. Quân giặc bỏ chạy, còn lại tên nào đều la bái kêu lạy thiên tướng rồi cùng đến hàng phục.

Ân vương bị chết ở trong trận. Đi đến đất Sóc Sơn, huyện Kim Hoa[77], thiên tướng cởi áo cưỡi ngựa mà lên trời, hôm đó là ngày mồng 9 tháng 4, còn để vết tích ở hòn đá trên núi. Hùng Vương nhớ công ơn đó mới tôn là Phù Đổng Thiên Vương, lập miếu ở nhà cũ trong làng, lại ban cho một ngàn mẫu ruộng, sớm hôm hương lửa. Nhà Ân đời đời, 644 năm không dám ra quân[78]. Sau Lý Thái Tổ phong làm Xung thiên thần vương, lập miếu thờ ở làng Phù Đổng cạnh chùa Kiến Sơ, lại tạc tượng ở núi Vệ Linh, xuân thu hai mùa tế lễ.

Tới đời vua Thuần đế nhà Lê, ở xã Phù Lỗ có người con gái tên là Ngô Chi Lan chăm đọc sách, sành văn chương, thơ ca điêu luyện, nhân đi dạo chơi tới núi này có đề bài thơ rằng:

Vệ Linh xuân thụ bạch vân nhàn,
Vạn tử thiên hồng diễn thế gian,
Thiết mã tại thiên danh tại sứ,
Anh hùng lẫm lẫm mãn giang sơn[79].

CHÚ GIẢI

[71] *Về câu mở đầu, bản A.2107 và bản A.1752 chép như sau: "Họ Hùng Vương truyền tới đời thứ sáu, thiên hạ vạn sự... Ân Vương thấy nhà vua lễ cống không nghiêm cẩn bèn mượn cớ tuần thú..."*

[72] *Bản A.750 chép "... thấy một cụ già mặt đầy đặn, bụng to".*

[73] *Bản A.1752: "ngồi ở dưới đàn"*

[74] *Bản A.750 "... mau gọi sứ giả tới đây để ta xem có chuyện gì".*

[75] *Vũ Ninh: nay là tỉnh Bắc Ninh.*

[76] *Bản A.750: "Người con vươn vai đứng dậy, gào lên hơn mười tiếng."*

[77] *Bản A.1752: "Đi đến Sóc Sơn An Việt..."*

[78] *Bản A.750: "Nhà Ân năm 217 tới năm 614 vương lịch không dám ra quân, bốn phương nghe tiếng kinh phục, đều đến xin theo."*

[79] *Dịch ý như sau:*

Vệ Linh cây cỏ lẫn mây ngàn,
Vạn tía muôn hồng rỡ thế gian.
Ngựa sắt bay rồi tên vẫn đó,
Anh hùng sống mãi với giang san.

TRUYỆN

NHẤT DẠ TRẠCH[80]

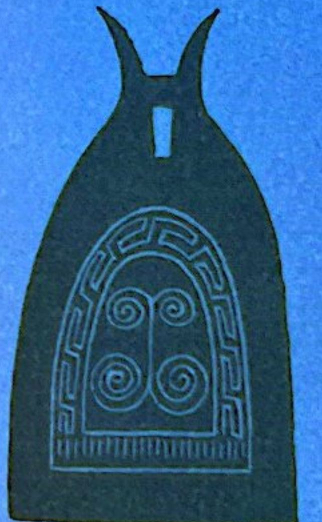

Hùng Vương truyền tới đời thứ ba thì sinh hạ được người con gái tên là Tiên Dung Mỵ nương[81], đến tuổi 18 dung mạo đẹp đẽ, không muốn lấy chồng mà chỉ vui chơi, chu du khắp thiên hạ. Vua cũng không cấm đoán nàng. Mỗi năm vào khoảng cuối tháng hai, tháng ba lại sắm sửa thuyền bè chèo chơi ngoài bể, vui quên trở về.

Hồi đó, ở làng Chử Xá[82] cạnh sông lớn có người dân tên là Chử Vi Vân[83] sinh hạ được Chử Đồng Tử, cha từ con hiếu, nhà gặp hỏa hoạn, của cải sạch không, còn lại một khố vải cha con ra vào thay nhau mà mặc. Kíp tới lúc cha lâm bệnh, bảo con rằng: "Cha chết cứ để trần mà chôn, giữ khố lại cho con." Con không nỡ làm theo, dùng khố mà liệm bố. Đồng Tử thân thể trần truồng đói rét khổ sở, đứng ở bên sông hễ nhìn thấy có thuyền buôn qua lại thì đứng ở dưới nước mà ăn xin, khi thì câu cá độ thân[84] không ngờ thuyền Tiên Dung xốc tới, chiêng trống nhã nhạc, kẻ hầu người hạ rất đông. Đồng Tử rất kinh sợ[85].

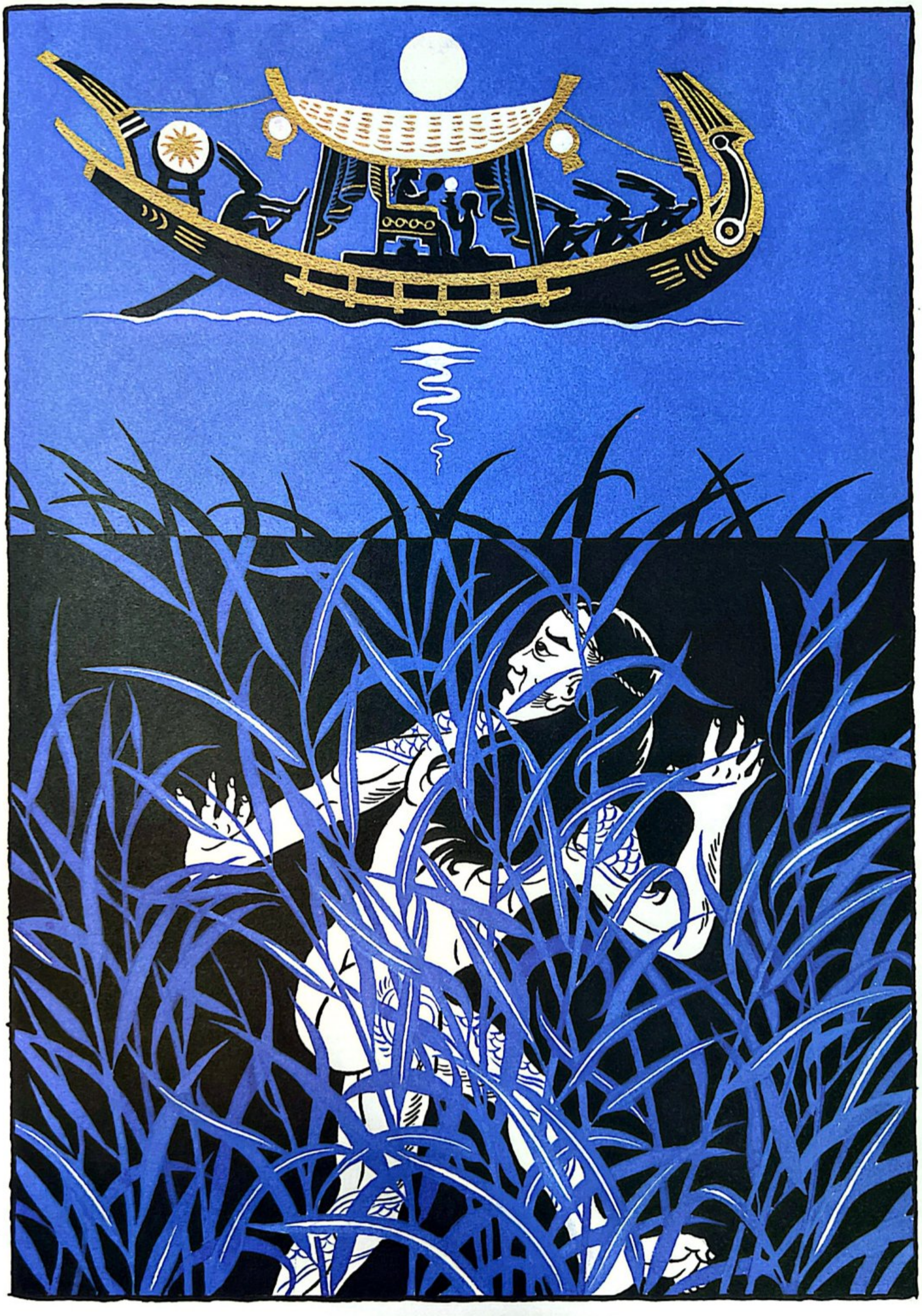

Trên bãi cát có khóm lau sậy, lưa thưa dăm ba cây, Đồng Tử bèn nấp trong đó, bới cát thành lỗ nằm xuống mà phủ cát lên mình. Thoắt sau, Tiên Dung cắm thuyền dạo chơi trên bãi cát, ra lệnh vây màn ở khóm lau mà tắm. Tiên Dung vào màn, cởi áo dội nước, cát trôi mất, trông thấy Đồng Tử. Tiên Dung kinh sợ hồi lâu, thấy là con trai bèn nói: "Ta vốn không muốn lấy chồng, nay lại gặp người này, cùng ở trần với nhau trong một hố, đó chính là do trời xui nên vậy[86]. Người hãy đứng dậy tắm rửa, ta ban cho quần áo mặc rồi cùng ta xuống thuyền mở tiệc ăn mừng."

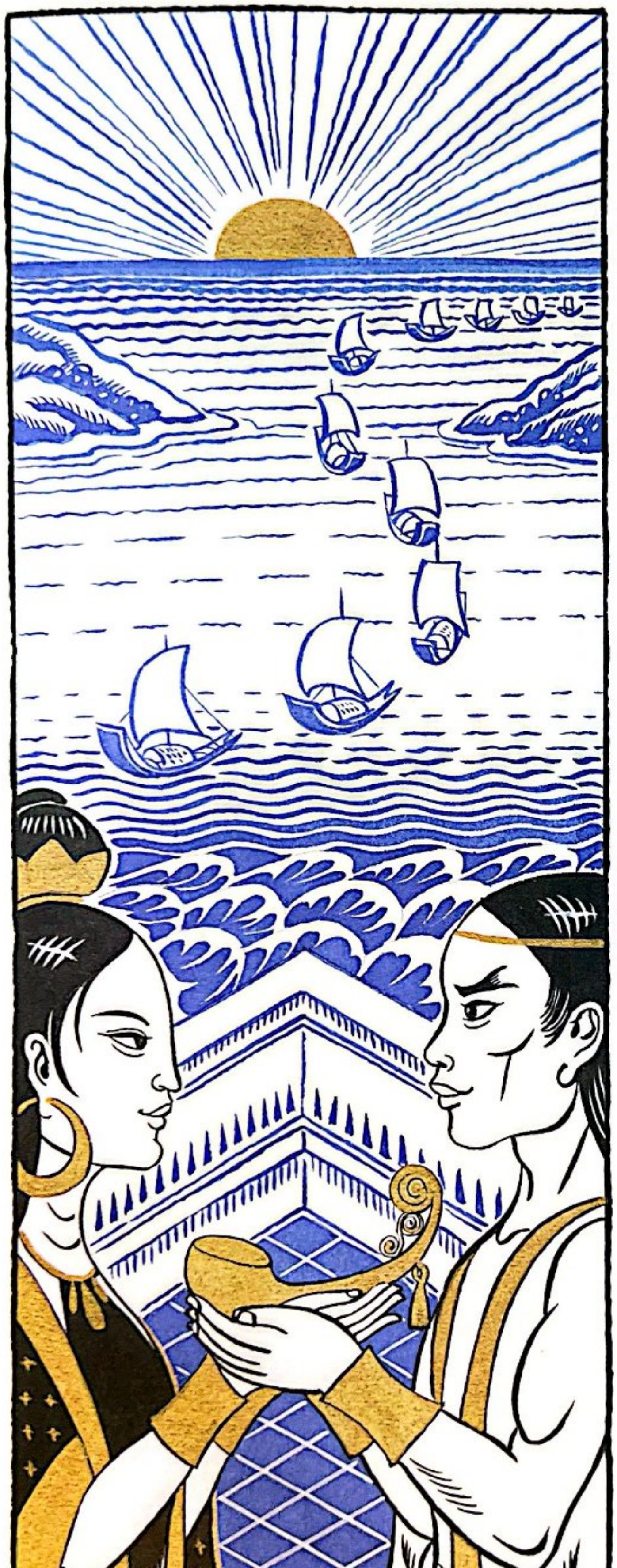

Người trong thuyền đều cho đó là cuộc giai ngộ xưa nay chưa từng có. Đồng Tử bảo đâu dám như vậy! Tiên Dung ta thán, ép làm vợ chồng. Đồng Tử cố từ, Tiên Dung nói: "Đây do trời chắp nối, sao cứ chối từ?" Người theo hầu vội về tâu lại với vua. Hùng Vương nói: "Tiên Dung không biết tới danh tiết, không màng tới của cải của ta, ngao du bên ngoài, hạ mình lấy kẻ bần nhân, còn mặt mũi nào trông thấy ta nữa[87]." Tiên Dung nghe thấy, sợ không dám về, bèn cùng Đồng Tử mở bến chợ, lập phố xá, cùng dân buôn bán, dần dần trở thành cái chợ lớn (nay là chợ Thám, còn gọi là chợ Hà Lương[88]). Phú thương ngoại quốc tới buôn bán tấp nập, thờ Tiên Dung, Đồng Tử làm chúa. Có người lái buôn giàu nói rằng: "Quý nhân bỏ một dật vàng ra ngoài bể mua vật quý, sang năm có thể thành mười dật." Tiên Dung cả mừng bảo Đồng Tử: "Vợ chồng chúng ta do trời tác thành, đồ ăn thức mặc do trời phú cho, nay hãy đem vàng cùng phú thương ra bể buôn bán." Có núi Quỳnh Viên[89], trên núi có am nhỏ, bọn lái buôn thường ghé lại đó uống nước. Đồng Tử lên am chơi, có tiểu tăng tên gọi Ngưỡng Quang[90] truyền phép cho Đồng Tử. Đồng Tử lưu học ở đó, giao tiền cho lái buôn mua hàng. Sau lái buôn quay lại am chờ Đồng Tử về. Sư tặng Đồng Tử một cây trượng và một chiếc nón mà nói rằng: "Linh thiêng ở những vật này đây."

Đồng Tử trở về, giảng lại đạo Phật. Tiên Dung bèn giác ngộ, bỏ phố phường, chợ búa, cơ nghiệp, rồi cả hai đều tìm thầy học đạo. Trên đường viễn hành, trời tối mà chưa tới thôn xá, hai người tạm nghỉ ở giữa đường, cắm trượng che nón mà trú thân. Đến canh ba, thấy hiện ra thành quách, lầu ngọc, điện vàng, đền đài dinh thự, phủ khố miếu xã, vàng bạc châu báu, giường chiếu chăn màn, tiên đồng ngọc nữ, tướng sĩ thị vệ, la liệt trước mắt. Sáng hôm sau, ai trông thấy cũng kinh lạ, đem hương hoa, ngọc thực tới dâng mà xin làm bề tôi. Có văn võ bách quan chia quân túc vệ, lập thành nước riêng.

Hùng Vương nghe tin, cho rằng con gái làm loạn, bèn sai quân tới đánh. Quần thần xin đem quân ra phân nhau chống giữ, Tiên Dung cười mà bảo: "Điều đó ta không muốn làm, do trời định đó thôi, sinh tử tại trời, há đâu dám chống lại cha, chỉ xin thuận theo lẽ chính, mặc cho đao kiếm chém giết." Lúc đó, dân mới tới đều kinh sợ tản đi, chỉ có dân cũ ở lại. Quan quân tới, đóng trại ở châu Tự Nhiên, còn cách sông lớn thì trời tối không kịp tiến quân. Nửa đêm, gió lớn thổi bay cát nhổ cây, quan quân hỗn loạn. Tiên Dung cùng thủ hạ, thành quách phút chốc bay tản lên trời, đất chỗ đó sụt xuống thành cái chằm lớn. Về sau, dân lập miếu thờ, bốn mùa cúng tế[91], gọi chằm là chằm Nhất Dạ Trạch (nghĩa là chằm một đêm), gọi bãi là bãi Mạn Trù[92], gọi chợ là chợ Thám[93] còn gọi là chợ Hà Lương[94].

Sau vua Hậu Lương là Diễn[95] sai Trần Bá Tiên đem quân xâm lược phương Nam[96]. Lý Nam Đế sai Triệu Quang Phục làm tướng cự địch. Quang Phục đem quân ẩn nấp ở chằm[97]. Chằm sâu mà rộng, quân địch vướng mắc, tiến binh rất khó, Quang Phục dùng thuyền độc mộc đột xuất ra đánh cướp lương thực, cầm cự lâu ngày làm cho quân giặc mệt mỏi, trong ba bốn năm không hề đối diện chiến đấu. Bá Tiên than rằng: "Ngày xưa nơi đây là chằm một đêm bay về trời, nay là chằm một đêm cướp đoạt người." Nhân gặp loạn Hầu Cảnh[98], vua nhà Lương bèn gọi Bá Tiên về, ủy cho tì tướng là Dương Sằn thống lĩnh sĩ tốt, Quang Phục ăn chay lập đàn ở giữa chằm, đốt hương mà cầu đảo, bỗng thấy thần nhân cưỡi rồng bay vào trong đàn mà bảo Quang Phục rằng "Hiển linh còn đó, ngươi có thể cầu tới cứu trợ để dẹp bằng họa loạn."[99] Dứt lời, tháo vuốt rồng trao cho Quang Phục, bảo: "Đem vật này đeo lên mũ đâu mâu có thể khiến giặc bị diệt." Đoạn bay lên trời mà đi. Quang Phục được vật đó, reo mừng vang động, xông ra đột chiến, quân Lương thua to. Chém Dương Sằn ở trước trận, giặc Lương phải lùi[100]. Quang Phục nghe tin Nam Đế mất, bèn tự lập làm Triệu Việt Vương, xây thành ở Trâu Sơn, huyện Vũ Ninh[101].

CHÚ GIẢI

80 Về đầu đề truyện này, bản A.2107 chép là "Chử Đồng Tử truyện".

81 Mỵ nương: tiếng để chỉ con gái các vua Hùng.

82 Chử Xá: tên làng của họ Chử.

83 Bản A.2107 chép là Chử Cù Vân.

84 Bản A.750: "... đứng ở ven sông, cầm cần câu cá, hễ thấy thuyền qua lại thì lội xuống nước mà ăn xin."

85 Bản A.750: "nghe tiếng chiêng trống nhã nhạc, nhìn thấy nghi lễ mũ mão, Đồng Tử sợ hãi không biết chạy đi đâu."

86 Bản A.2107 chép: "... nay việc đã như thế, ắt là do Nguyệt lão xe duyên." Bèn sai tắm rửa, lại ban cho quần áo rồi cùng xuống thuyền mở tiệc ăn mừng.

87 Bản A.1752: "Hùng Vương nói: Tiên Dung không thiết của cải của ta, ngao du ở ngoài, hạ mình lấy kẻ bần phu, trời đã xui nên ngươi như thế thì từ nay mặc ngươi, ngươi không được trở về nước tìm ta nữa."

88 Nay là chợ Thám ở Văn Giang, huyện Khoái Châu - tỉnh Hưng Yên. Chỗ này bản A.2107 chép: "dần dần trở thành cái làng lớn", bản A.1752: "chợ Hà Trạch".

89 Bản A.1752: "Núi Quỳnh Vi" bản A.2107 chép "núi Quỳnh Lang".

90 Bản A.750 và A.2107: "Phật Quang"

Bản A.1752: "Phật lão"

91 Bản A.2107 chép: nhân dân gọi bãi cát đó là bãi Tự Nhiên, gọi chằm đó là chằm Nhất Dạ Trạch, gọi chợ là A Thánh, mùa mùa cúng vái.

92 Bản A.1752 chép: còn gọi là châu Tự Nhiên.

93 Bản A.750 chép: chợ Hà Thám

Bản A.1752: Dạ Thị (chợ đêm).

94 Bản A.1200 chép thêm: ở đất đó, ba vị được Nhà nước cúng tế, một là Diệu Vận quả nghi đại vương, một là Tả hoàng hậu quốc sắc Tiên Dung đại vương, một nữa là Hữu hoàng thái hậu Tây cung đông cảnh đại vương. Phía bên trái đất này có nhiều sông lạch, có ngôi miếu cổ, trước cửa miếu có vũng nước sâu, trong vũng có con thần giao rất là linh thiêng, mình lớn như bánh xe; lại có con cá chép thường nhảy vọt lên trên mặt nước.

95 Bản A.1200 chép: Sau Lương Trọng Diễn và Trần Bá Tiên đem quân Nam xâm. Lý Nam Đế sai Triệu Quang Phục dùng thuyền độc mộc đột xuất ra đánh.

96 Sách Việt sử cương mục, Tiền biên, tập 4, trang 4 chép: "Lý Bôn (Nam Đế) giữ thành Giao Châu, nhà Lương sai Thứ sử Cao Châu là Tôn Quỳnh và Thứ sử Tân Châu là Lư Tử Hùng đem quân sang đánh. Bấy giờ là mùa xuân, đang có khí lam chướng, bọn Quỳnh xin đợi sang mùa thu, nhưng tước Vũ làm hầu là Tư cứ thúc giục tiến quân. Đến quận Hợp Phố, quân bị vỡ, phải quay về. Nhà Lương lại sai Thứ sử Giao Châu là Dương Phiếu sang đánh Lý Bôn, cử Trần Bá Tiên là Tư Mã..." (Bá Tiên: người Trường Thành thuộc Ngô Hưng, tức Trần Cao Tổ sau này).

97 Tháng sáu năm Ất Sửu (545), nhà Lương sai Dương Phiếu, Trần Bá Tiên sang đánh, Lý Nam Đế thua chạy về Gia Ninh, Tân Xương, rồi Khuất Lạo. Vua Lý cử Triệu Quang Phục làm Tả tướng quân cầm quân chống giặc Lương. Thế giặc mạnh, Quang Phục liệu sức chống không nổi phải lui về giữ đầm Dạ Trạch. Quang Phục đem hơn vạn quân đóng ở đầm này, ngày thì ẩn náu, đêm lại mang quân ra đánh úp giết được vô số quân Lương, lại cướp lương thực của địch để đánh được lâu dài (Theo sách Việt sử cương mục).

98 Hầu Cảnh: người trấn Hoài Sóc thuộc nước Ngụy, phản bội nhà Ngụy, đầu hàng nhà Lương, được Lương Vũ Đế thu nạp. Hầu Cảnh lại phản nhà Lương, đánh vây Đài Thành (Tức cấm thành, chỗ ở của vua).

99 Bản A.1752: "... bỗng thấy Đồng Tử cưỡi rồng xuống đàn mà bảo Quang Phục: "Nơi ta thăng thiên, uy linh còn đó. Ngươi đã thành tâm cầu đảo nên ta tới giúp để dẹp giặc loạn."

100 Bản A.1200 chép thêm đoạn sau: "Tục truyền vị thần đó là Chử Đồng Tử. Vương đánh thắng quân Lương bèn xưng đế, đóng thành ở đất Trâu Sơn, huyện Vũ Ninh." Tiếp đó, bản A.1200 chép truyện Lý Phật Tử đánh nhau với Triệu Quang Phục, việc cầu hôn và việc ăn trộm móng rồng, tựa như truyện Triệu Đà và An Dương Vương xưa kia.

101 Thuộc huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh ngày nay.

TRUYỆN

MỘC TINH

Đất Phong Châu thời thượng cổ có một cây lớn gọi là cây chiên đàn cao hơn ngàn nhẫn[102], cành lá xum xuê, không biết che rợp tới mấy ngàn rậm, có chim hạc đến đậu nên đất chỗ đó gọi là đất Bạch Hạc[103]. Cây trải qua mấy ngàn năm khô héo mà biến thành yêu tinh, thường thay hình đổi dạng, rất dũng mãnh, có thể giết người hại vật.

Kinh Dương Vương dùng nhạc mà đánh thắng yêu[104], yêu hơi chịu nhún nhưng vẫn nay đây mai đó, biến hóa khôn lường, thường ăn thịt người. Dân phải lập đền thờ, hằng năm thường tới 30 tháng Chạp, theo lệ phải mang người sống tới nộp, dân mới được yên ổn. Dân thường gọi yêu là thần Xương Cuồng[105]. Biên giới tây nam giáp liền với nước Mi Hầu[106], vua Hùng Vương sai dân man Bà Lộ (nay là phủ Diễn Châu) hằng năm bắt giống người lão tử[107] sống ở khe núi tới tiến, không thể thay đổi được lệ ấy. Kíp tới khi Tần Thủy Hoàng bổ Nhâm Hiêu làm quan lệnh ở Long Xuyên[108], muốn bỏ tệ ấy đi. Thần Xương Cuồng tức giận vật chết Hiêu, vì thế sau lại phải phụng thờ cẩn thận. Đến đời vua Đinh Tiên Hoàng có pháp sư Văn Du Tường[109] vốn người phương Bắc, đức hạnh thanh cao, đã từng đi qua nhiều nước, biết được tiếng các dân man, học được thuật làm nanh vàng và răng đồng, năm hơn 80 tuổi sang nước Nam ta. Tiên Hoàng lấy lễ thày trò mà tiếp, pháp sư bèn dạy cho nghề tạp kỹ để làm trò vui cho thần Xương Cuồng xem mà giết y.

Đoàn tạp kỹ này có Thượng Kỵ, Thượng Can, Thượng Hiểm, Thượng Đát, Thượng Toái, Thượng Câu. Hằng năm tới tháng 11 lại dựng lầu Phi Vân cao 20 thước, dựng một cây đứng ở trong, tết vỏ gai làm dây chão dài 136 thước, đường kính rộng 2 tấc, lấy mây mà quấn ngoài rồi chôn hai đầu dây xuống đất, giữa gác lên cây. Thượng Kỵ đứng lên trên dây mà chạy nhanh 3, 4 lần, đi đi lại lại mà không ngã. Kỵ đầu đội khăn đen, mình mặc quần đen. Dây của Thượng Can dài 150 thước, có một chỗ mắc chạc ba. Can hai tay cầm hai cán cờ. Hai người đi trên dây, gặp nhau ở chỗ chạc ba thì lại tránh, lên xuống mà không ngã. Khi thì Thượng Đát lấy một tấm gỗ lớn rộng 1 thước 3 tấc, dày 7 tấc đặt lên trên cây cao 17 thước 3 tấc, Đát đứng ở trên nhảy 2, 3 cái, tiến tiến lùi lùi điên đảo. Khi thì Thượng Toái lấy tre đan thành lồng hình như cái lờ bắt cá, dài 5 thước, tròn 4 thước rồi chui vào đứng thẳng mình mà lăn. Khi thì Thượng Câu vỗ tay nhảy nhót, la hét kêu gào, chuyển động chân tay, vỗ đùi vỗ bụng, tiến lùi lên xuống hoặc cưỡi ngựa bôn tẩu, cúi nhìn xuống lấy vật ở dưới đất mà không ngã. Khi thì Thượng Hiểm ngả mình nằm ngửa lấy thân đỡ một cái gậy dài rồi cho đứa trẻ trèo lên mà không rớt xuống. Khi thì cho bọn ca hát gõ trống khua chiêng, ca múa rầm rĩ. Lại giết súc vật mà tế. Thần Xương Cuồng tới, thấy thế bèn đến xem, pháp sư đọc mật chú rồi lấy kiếm mà chém. Thần Xương Cuồng cùng bộ hạ đều chết hết, không thể trở lại thành yêu nữa. Lệ tiến lễ hằng năm bèn bỏ, dân lại sống yên lành như xưa[110].

CHÚ GIẢI

[102] *Một đơn vị đo lường xưa, bằng 8 thước ta. Nhiều bản chép là trượng (1 trượng là 10 thước ta).*

[103] *Nay là đất Bạch Hạc (gần Việt Trì) thuộc tỉnh Vĩnh Phúc.*

[104] *Bản A.1752, bản A.1200 và bản A.2914 chép: "Kinh Dương Vương dùng thần thuật mà đánh giặc yêu."*

[105] *Nguyên chữ Xương Cuồng có nghĩa là hành động một cách bạo ngược, tà ác, không thể trấn áp được.*

[106] *Mi Hầu: còn gọi là Hồ Tôn, tức người Chiêm Thành (nay là các tỉnh Quảng Bình và Quảng Trị).*

[107] *Lão tử: Sách Bác vật chí chép "dân sống ở dải đất từ tây nam Kinh Châu tới đất Thục gọi là Lão tử". Theo sách Tây dương tạp trở thì Lão tử là giống người sống ở các khe động miền Lĩnh Nam, đêm tới đầu bay đi mất, đến sáng lại trở về cho nên còn có hiệu là Phi đầu Lão tử.*

[108] Sách Khâm định Việt Sử Thông giám cương mục, Tiền biên, Tập 1 trang 14 chép "nhà Tần dùng Nhâm Hiêu làm chức úy quận Nam Hải (Quảng Đông) và Triệu Đà làm chức lệnh huyện Long Xuyên", như vậy thì có lẽ ở đây chép lộn (Long Xuyên: tên huyện, thuộc quận Nam Hải, nay là đất Tuần Châu, Trung Quốc).

[109] Về chỗ này, bản A.1752 kết thúc truyện như sau: "Đến đời Đinh Tiên Hoàng, vua dùng người phương Bắc là pháp sư Văn Du Màu dùng thuật mới giết được. Từ đó yêu quái không còn hại người nữa."

[110] Theo bản A.2107 thì từ câu "Đến đời vua Đinh Tiên Hoàng, có pháp sư Văn Du Tường vốn người phương Bắc... " cho tới hết truyện chép thành truyện riêng với đầu đề là "Pháp sư trừ mộc tinh truyện".

TRUYỆN

CÂY CAU

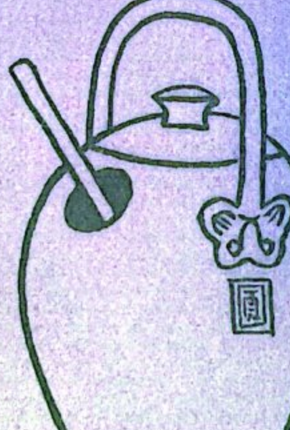

Thời thượng cổ có một vị quan lang[111] sức vóc cao lớn, nhà vua ban tên là Cao cho nên lấy Cao làm họ. Cao sinh hạ được hai người con trai, con cả tên là Tân, con thứ tên là Lang[112]. Hai anh em giống nhau như đúc, trông không thể phân biệt nổi. Đến năm 17, 18 tuổi, cha mẹ đều từ trần, hai anh em theo học đạo sĩ Lưu Huyền[113]. Nhà họ Lưu có người con gái tên là Liên, tuổi cũng khoảng 17, 18. Hai anh em thấy nàng thì rất vừa ý, muốn kết làm vợ chồng[114]. Nàng chưa biết người nào là anh, mới bày một chậu cháo và một đôi đũa, cho hai anh em cùng ăn. Người em nhường anh ăn trước. Nàng về nói với cha mẹ xin làm vợ người anh. Khi cùng ở với nhau, người anh thường lạt lẽo với em. Người em tự lấy làm tủi hổ, cho rằng anh lấy vợ rồi thì quên mình, bèn không cáo biệt mà bỏ về quê nhà.

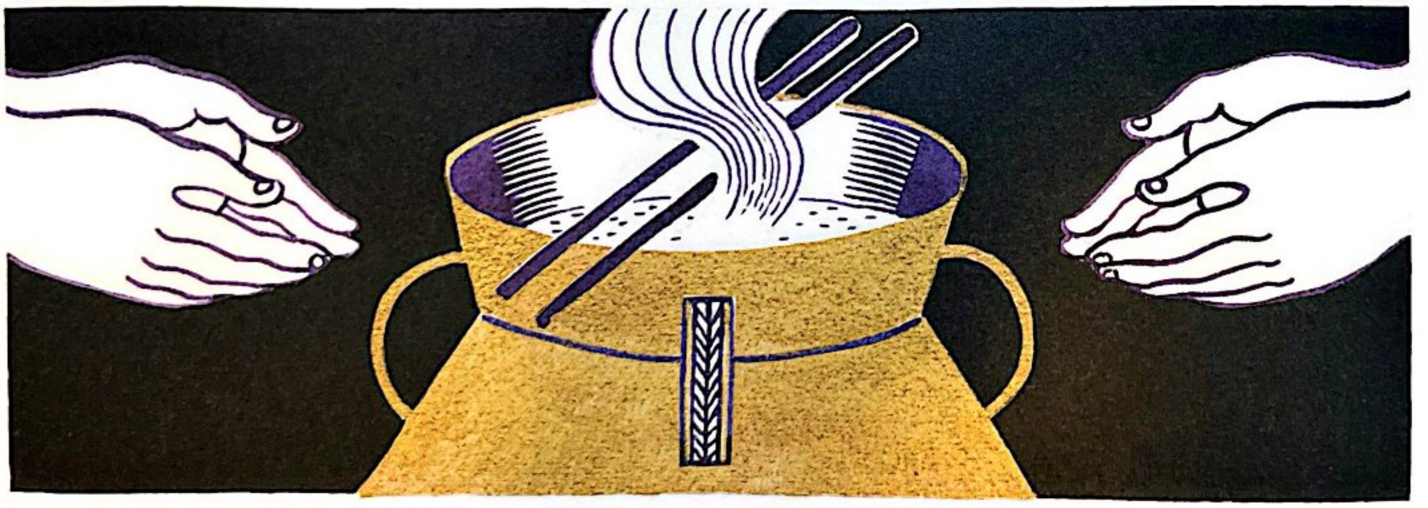

Đi tới giữa rừng gặp một dòng suối sâu mà không có thuyền để qua, đau đớn khóc lóc mà chết, hóa thành một cây mọc ở giữa sông. Người anh ở nhà không thấy em bèn đi tìm. Tới chỗ đó, gieo mình chết ở bên gốc cây, hóa thành phiến đá nằm ôm lấy gốc cây. Người vợ đi tìm chồng, tới chỗ này cũng gieo mình ôm lấy phiến đá mà chết, hóa thành một cây leo cuốn quanh thân cây và phiến đá, lá có mùi thơm cay. Cha mẹ nàng họ Lưu đi tìm con tới đây, đau xót vô cùng, bèn lập miếu thờ[115]. Người trong vùng hương hỏa thờ cúng, ca tụng anh em hòa thuận, vợ chồng tiết nghĩa. Khoảng tháng bảy tháng tám, khí nóng chưa tan, Hùng Vương đi tuần thú, nhân dừng chân nghỉ mát ở trước miếu, thấy cây lá xum xuê, dây leo chằng chịt, tự đưa lên miệng nhai, nhổ bọt lên phiến đá, thấy có sắc đỏ, mùi thơm tho, Vương bèn sai đốt đá lấy vôi mà ăn cùng với quả và lá dây leo, thấy mùi vị thơm ngon, môi đỏ má hồng, biết là vật quý, bèn lấy mang về. Ngày nay cây thường trồng ở khắp nơi, đó chính là cây cau, cây trầu không và vôi vậy. Về sau, người nước Nam ta phàm cưới vợ gả chồng hay lễ tết lớn nhỏ đều lấy trầu cau làm đầu. Nguồn gốc cây cau là như thế đó.

CHÚ GIẢI

[111] *Tiếng để gọi con trai vua (hoàng tử) trong thời Hồng Bàng, Sách Việt sử cương mục, Tiền biên, tập I, trang 5 chép: họ Hồng Bàng: "Bắt đầu đặt quan chức, tướng văn gọi là lạc hầu, tướng võ gọi là lạc tướng, hữu tư gọi là bồ chính, con trai vua gọi là quan lang..."*

[112] *Hai chữ Tân và Lang ghép lại có nghĩa là cây cau.*

[113] *Bản A.2107 chép là Lưu Đạo Huyền.*

[114] *Bản A.1752 chép: "Nhà họ Lưu có người con gái tuổi khoảng 17, 18 thấy hai người, trong lòng lấy làm thích, muốn kết làm vợ chồng mà không biết ai là anh, ai là em bèn đưa một bát cháo và một đôi đũa..."*

[115] *Về đoạn này, bản A.2107 chép: "Cha mẹ nàng họ Lưu tìm tới chốn này, đau đớn khôn cùng bèn lập miếu để thờ cúng. Về tới nhà, đem mộng thấy hai anh em tới vái mà nói rằng: "Chúng tôi nặng tình huynh đệ, vì nghĩa mà không thể sống cẩu thả được, làm liên lụy đến lệnh ái. Cha mẹ đã không bắt tội lại còn lập đền thờ." Người con gái cũng tiếp lời rằng: "Thiếp từ thủa thác sinh, nhờ công ơn nuôi dưỡng tới nay, đã không có gì báo đáp, vừa rồi lại vì đạo vợ chồng, vì lòng chuyên nhất mà nghĩa vợ chồng tuy trọn vẹn song dạ hiếu nữ vẫn chưa tròn, dám xin rộng lòng xá tội." Họ Lưu nói: "Các con đã vẹn tình huynh đệ, nghĩa vợ chồng, ta còn giận gì nữa?" Lại nói: "Âm dương đôi ngả, một sớm thành người thiên cổ để cho ta luống những sầu thương!"*

TRUYỆN

BÁNH CHƯNG[116]

Sau khi vua Hùng Vương phá được giặc Ân, nhân quốc gia vô sự, muốn truyền ngôi cho con, bèn triệu hai mươi hai vị quan lang và công chúa[117] lại mà phán rằng: "Ta muốn truyền ngôi cho kẻ nào làm ta vừa ý, cuối năm nay mang trân cam mĩ vị đến để tiến cúng tiên vương cho ta được tròn đạo hiếu thì sẽ được ta truyền ngôi". Các con đều đua nhau đi tìm của ngon vật lạ khắp trên cạn dưới bể, nhiều không sao kể xiết. Duy chỉ có vị công tử thứ 18 là Lang Liêu[118], bà mẹ trước kia vốn bị vua ghẻ lạnh, vì cô đơn mà chết, tả hữu ít người giúp đỡ, khó xoay xở, nên đêm ngày lo lắng, mộng mị bất an. Một đêm kia, mộng thấy có thần nhân tới nói rằng: "Các vật trên trời đất và mọi của quý của người không gì bằng gạo. Gạo có thể nuôi người khỏe mạnh mà ăn không bao giờ chán, các vật khác không thể hơn được. Nay đem gạo nếp làm bánh, cái hình vuông, cái hình tròn để tượng trưng hình trời đất rồi dùng lá bọc ngoài, ở trong cho mĩ vị để ngụ ý công đức sinh thành lớn lao của cha mẹ." Lang Liêu tỉnh dậy, mừng rỡ nói rằng: "Thần nhân giúp ta vậy!"

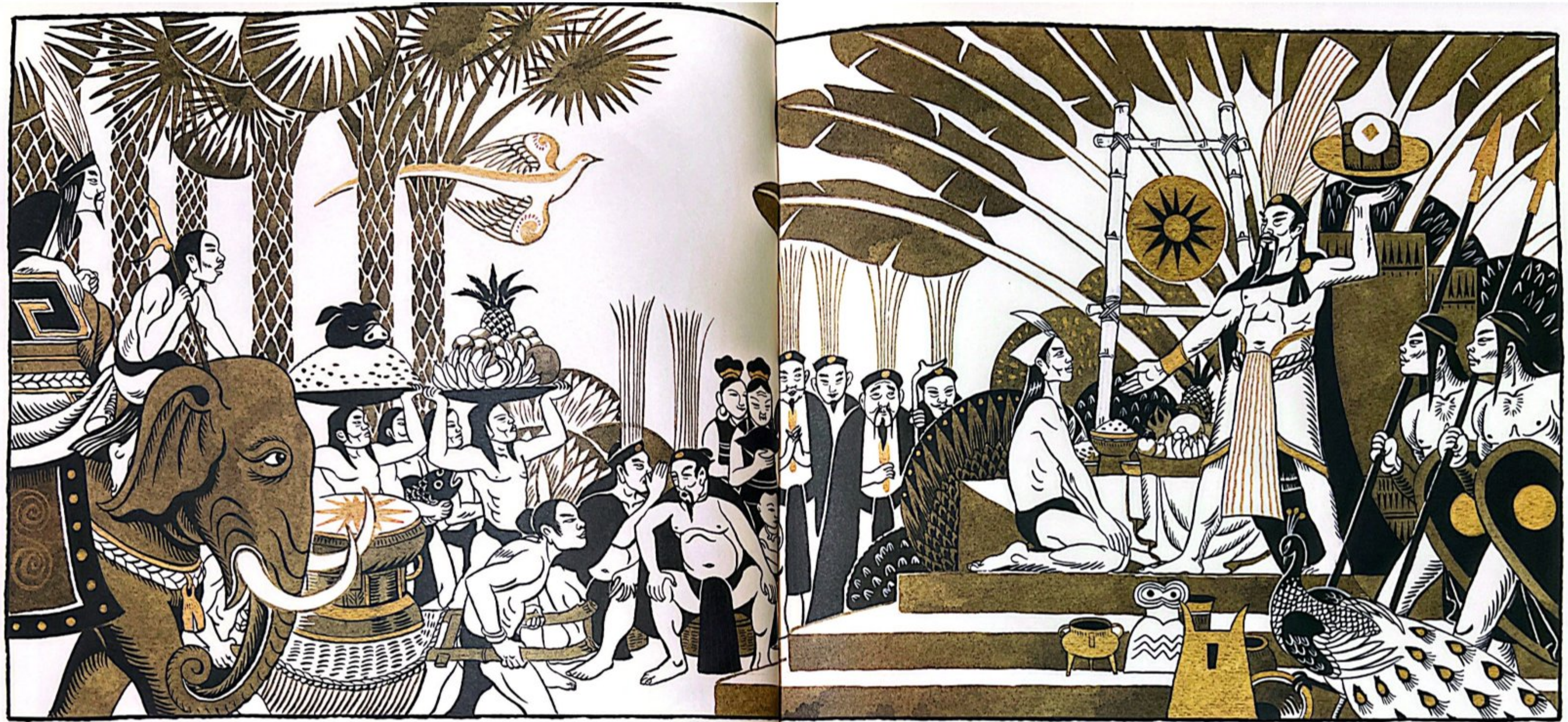

Nói rồi bèn theo lời dặn trong mộng mà làm, chọn thứ gạo nếp trắng tinh, lặt lấy những hạt tròn mẩy không bị vỡ, vo cho thật sạch, lấy lá xanh bọc xung quanh thành hình vuông, cho trân cam mĩ vị vào bên trong để tượng trưng cho đất, vạn vật rồi nấu chín gọi là bánh chưng. Lại lấy gạo nếp nấu chín, giã cho nát, nặn thành hình tròn, tượng trưng cho trời gọi là bánh dày. Đến kỳ, vua vui vẻ truyền các con bày vật tiến lên. Xem qua khắp lượt, thấy không thiếu thức gì. Duy có Lang Liêu chỉ tiến dâng bánh chưng và bánh dày. Vua kinh ngạc mà hỏi, Lang Liêu đem giấc mộng thuật lại. Vua đem nếm, thấy ngon miệng không chán, hơn hẳn các thứ của các con khác, tấm tắc khen hồi lâu rồi cho Lang Liêu được nhất. Đến ngày Tết, vua thường lấy bánh này dâng cúng cha mẹ. Thiên hạ bắt chước, đến nay đổi tên Lang Liêu thành Tiết Liệu.[119] Vua bèn truyền ngôi cho Liêu, anh em hai mươi mốt người đều được chia giữ các nơi phiên trấn, tụ tập bộ đảng mà thành phiên quốc. Về sau, các tướng tranh giành nhau thường dựng mộc sách (hàng rào bằng gỗ) để phòng ngự; cho nên, từ đó mới có sách, thôn, trang, phường[120].

CHÚ GIẢI

[116] *Bản A.1752 chép "Truyện bánh chưng bánh dày"*

[117] *Các bản khác chỉ chép "22 vị quan lang", không có "công chúa".*

[118] *Bản A.1200 chép là Tiết Liêu.*

[119] *Chữ Tiết viết hơi giống chữ Lang, chữ Liệu âm na ná với chữ Liêu. Tiết Liệu có nghĩa là các thức ăn trong ngày tết nhất.*

[120] *Về đoạn cuối, bản A.1752 chép: "Vua truyền ngôi cho Lang Liêu mà không truyền ngôi cho con trưởng. Hai mươi mốt người con khác đều đi tứ phương, dựa vào hùng phương mà lập thành bộ đảng, chọn nơi thạch tuyền làm nơi hiểm cố, đời đời ở đó. Đồng bộc, nô tì cày bằng lửa, trồng bằng dao... Cho tới hậu thế vì tranh giành lẫn nhau, phải lập mộc sách để chắn giữ cho nên có sách, trang, phường, từ đó, dần dần thành tục lên." (Sách là danh từ chỉ đơn vị hành chính ở miền núi, tương tự như xã ở miền xuôi.)*

TRUYỆN

DƯA HẤU

Về đời Hùng Vương có viên quan tên là Mai Tiêm vốn người ngoại quốc, khi lên 7, 8 tuổi, vua mua từ thương thuyền về làm nô bộc. Kíp tới khi lớn lên diện mạo đoan chính, nhớ thuộc sự vật, vua ban tên cho là Mai Yến, hiệu An Tiêm[121], lại ban cho một người thiếp. Tiêm sinh hạ được một trai một gái. Vua rất tin yêu, giao cho công việc, dần dần trở nên phú quý, bổng lộc rất nhiều. Sau An Tiêm đâm ra kiêu căng ngạo mạn, thường nói rằng: "Đó đều do tiền thân của ta, không phải do ơn chúa." Vua nghe nói cả giận, phán: "Làm thần tử của người mà kiêu căng ngạo mạn, không biết ơn chúa, lại nói là do tiền thân! Nay đưa nhà ngươi ra một nơi không có người ở giữa bể xem có còn tiền thân không?" Bèn đày ra ngoài cửa bể huyện Nga Sơn[122] (còn gọi là Giáp Sơn)[123], bốn bề toàn cát và nước không có vết chân người qua lại, ban cho một số lương thực đủ ăn bốn năm tháng để cho ăn hết thì chết. Vợ Tiêm than khóc, Tiêm cười mà bảo: "Trời đã sinh ta tất nuôi nổi ta, sống chết bởi trời, ta đâu lo lắng." Bỗng thấy một con bạch trĩ[124] từ phương tây bay lại đậu ở đầu núi, kêu lên ba, bốn tiếng[125], sáu, bảy hạt dưa theo tiếng kêu mà rơi xuống cát, mọc lên xanh rì rồi

kết thành quả. An Tiêm mừng rỡ mà nói "đây không phải là dị vật mà là trời cho để nuôi ta đó." Bèn bổ ra mà ăn, thấy vị thơm ngon, tinh thần sảng khoái, mới giữ lấy hạt, năm sau đem trồng. Ăn không hết, lại đem đổi lấy gạo nuôi vợ con. Tiêm không biết gọi là quả gì, nhân vì chim trĩ ngậm hạt từ phương tây bay tới nên gọi là quả Tây qua[126]. Phường chài, phường buôn ăn đều cho là ngon. Những người ở thôn xóm xa gần đều mua để lấy giống[127]. Sau vua nghĩ tới Tiêm, cho người đến xem còn sống hay đã chết. Người đó về tâu lại với vua, vua thở dài mà than rằng: "Hắn nói là do ở tiền thân, điều đó thực không ngoa". Bèn ra chiếu gọi về cho phục chức cũ, lại cấp cho nô tì. Bãi cát Tiêm ở gọi là bãi An Tiêm[128], làng đó gọi là Mai Thôn. Có người lại suy tôn nơi tổ tiên An Tiêm ở mà cho rằng nơi đó là châu An Tiêm thuộc tỉnh Thanh Hóa.

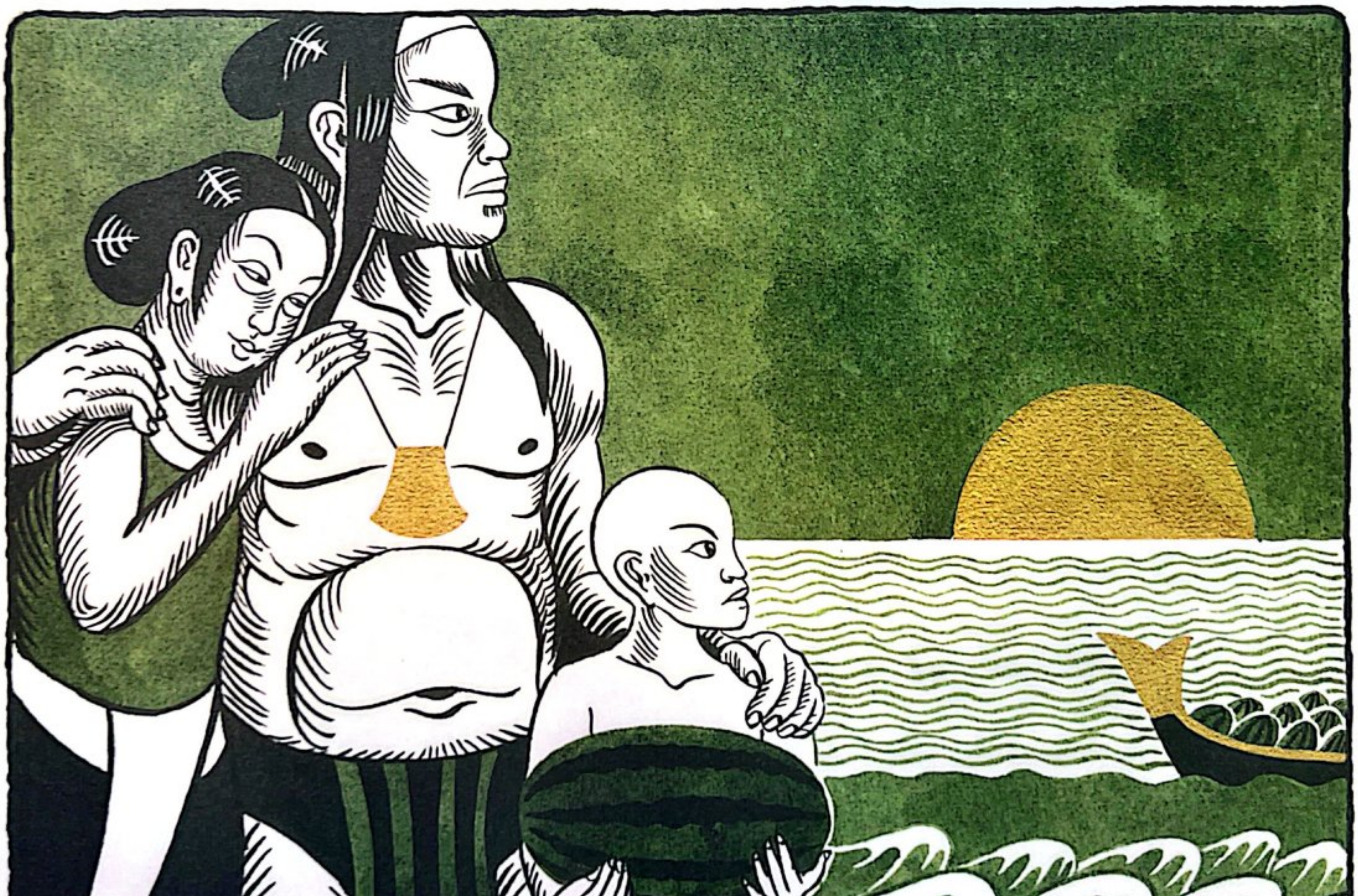

CHÚ GIẢI

[121] *Bản A.1200 chép: vua ban tên là Mai Tiêm, hiệu là Đắc Tiêm.*

[122] *Nga Sơn: nay là huyện Nga Sơn, tỉnh Thanh Hóa.*

[123] *Bản A.1752 chép "... bèn đày An Tiêm ra bãi cát ngoài cửa bể Than Nham..."*

[124] *Bản A.1200 và A.1752 chép: bỗng thấy một con chim trắng.*

[125] *Về chỗ này, bản A.1752 chép: "Vợ Tiêm đau đớn khóc rằng: chết đói ở đây mất, không có gì mà ăn! Tiêm cười bảo: Trời đã sinh ta tất nuôi nổi ta, sống chết bởi trời, ta đâu lo lắng! Hốt nhiên có trăm chim bay theo, đậu ở bờ núi, kêu lên 3, 4 tiếng..."*

[126] *Tây qua: tức là quả dưa hấu.*

[127] *Về chỗ này, bản A.1752 chép: "Những người đánh cá, buôn bán qua lại chỗ này, An Tiêm mang dưa cho ăn, ai nấy đều thích, bèn đem đồ vật sẵn có ra đổi lấy dưa. Tiếng đồn khắp xa gần, người ở các thôn hạng đều tới mà mua đem hạt giống gieo ở khắp tứ phương, lại tôn An Tiêm làm Tây qua phụ mẫu."*

[128] *Bản A.1200 chép là bãi Đắc Tiêm.*

TRUYỆN

CHIM BẠCH TRĨ

Về đời vua Thành Vương nhà Chu, Hùng Vương sai bề tôi tự xưng là họ Việt Thường đem chim bạch trĩ sang tiến cống[129]. Vì ngôn ngữ bất đồng, Chu Công phải sai sứ qua nhiều lần dịch[130] mới hiểu nhau được. Chu Công hỏi: "Tại sao tới đây?" Họ Việt Thường đáp: "Đời nay không có mưa dầm gió dữ, ngoài bể không nổi sóng lớn đã ba năm nay, ý chừng là Trung Quốc có thánh nhân xuất thế, nhân vậy tới đây." Chu Công than rằng: "Chính lệnh không thi hành thì người quân tử không bắt được kẻ khác thần phục mình, đức trạch không mở rộng thì người quân tử không hưởng lễ của người. Còn nhớ Hoàng đế có câu thề rằng phương Việt Thường không thể xâm phạm được." Bèn ban thưởng cho vật phẩm địa phương[131], dạy răn mà cho về. Họ Việt Thường quên đường về, Chu Công bèn ban cho 5 cỗ biền xa[132] đều chế cho hướng về phương Nam[133], Lâm Ấp[134] đi một năm thì về tới nước. Cho nên, xe chỉ nam thường dùng để đi trước đưa đường. Về sau, Khổng Tử viết kinh Xuân Thu cho nước Văn Lang là một nơi hoang vu, văn vật chưa có bèn bỏ trống mà không chép[135]. Theo bản cũ chép thì Chu Công có hỏi: "Người Giao Chỉ cắt tóc ngắn, xăm mình, để đầu trần, đi chân đất, nhuộm răng đen là cớ làm sao?" Đáp: "Cắt tóc ngắn để tiện đi trong rừng rú. Xăm mình để giống hình Long Quân bơi lội dưới sông loài giao long không phạm tới. Đi chân đất để tiện leo cây. Cày bằng dao, trồng bằng lửa. Để đầu trần để tránh lửa bén. Ăn trầu cau để trừ ô uế cho nên răng đen vậy."

CHÚ GIẢI

[129] *Sách Sử ký của Tư Mã Thiên chép: "năm Tân Mão thứ sáu (1110 trước công nguyên) đời vua Thành Vương nhà Chu, phía nam bộ Giao Chỉ có họ Việt Thường qua ba lần sứ dịch, dâng chim trĩ trắng."*

[130] *Bản A.1200 chép là **trùng dịch,** chữ **dịch** này có nghĩa là **tạm nghỉ dọc đường để đổi ngựa.** Bản A.33 (bản chính) chép là **trùng phong** có lẽ là chép lầm từ chữ **trùng dịch** có nghĩa là **phiên dịch qua nhiều thứ ngôn ngữ.** Sách Việt Sử cương mục chép việc này cũng viết là **"qua ba lần sứ dịch".** Hiểu theo nghĩa ấy có lẽ đúng hơn cả.*

[131] *Phương vật: các sản vật ở địa phương.*

[132] *Biền xa: một thứ xe dành riêng cho phụ nữ đi, có vải rủ xung quanh.*

[133] Phù Nam: xem lời chú thứ 17 trong lời giới thiệu ở trên.

[134] *Lâm Ấp: là quốc giới của họ Việt Thường xưa, đời Tần là huyện Lâm Ấp, thuộc Tượng Quận. Đời Hán đổi làm huyện Tượng Lâm thuộc quận Nhật Nam, cuối đời Hán, con viên công tào ở huyện ấy là Khu Liên giết huyện lệnh, tự lập làm vua nước Lâm Ấp. Về sau bị đô hộ nhà Đường là Trương Chu đánh phá vua nước ấy mới bỏ Lâm Ấp, dời vào phía Nam đổi là nước Chiêm Thành. (Theo lời chua của sách Việt sử cương mục).*

[135] Theo bản A.750 thì từ câu:"Bèn thưởng cho phương vật, dạy răn mà cho về..." *đến câu* "... cho nước Văn Lang là một nơi hoang vu, văn vật chưa có... bèn bỏ trống mà không chép" *đưa xuống cuối bài. Lại từ câu:* "Chu Công có hỏi: người Giao Chỉ cắt tóc ngắn..." *đến câu* "... ăn trầu cau để trừ ô uế, cho nên răng đen vậy" *đưa lên giữa bài.*

TẬP II

* *
*

TRUYỆN

LÝ ÔNG TRỌNG

Cuối đời Hùng Vương có người ở xã Thụy Hương, huyện Từ Liêm[136], đất Giao Chỉ, họ Lý tên Thân. Khi đẻ ra rất to lớn, rồi cao đến 2 trượng 3 thước, tính tình hung hãn, hay giết người, tội ác đáng chết, Hùng Vương thương tiếc mà không nỡ giết.

Đời An Dương Vương, Tần Thủy Hoàng muốn cất binh đánh ta, An Dương Vương bèn đem Lý Thân tiến nhà Tần. Thủy Hoàng mừng lắm, phong cho làm chức Tư lệ hiệu úy. Khi Thủy Hoàng đã lấy được cả thiên hạ, sai Lý đem quân giữ đất Lâm Thao[137], uy danh vang dội đến Hung Nô, Hung Nô không dám xâm phạm cửa ải. Thủy Hoàng phong Lý làm Phụ tín hầu, lại gả công chúa cho Lý. Sau tuổi già trở về nước. Hung Nô lại xâm phạm cửa ải. Thủy Hoàng nhớ tới Lý Thân, sai người sang triệu. Lý Thân không chịu đi, trốn vào rừng núi. Vua Tần trách quở, An Dương Vương tìm không được, nói dối là Lý đã chết. Vua Tần hỏi vì sao mà chết. Trả lời vì: đi tả. Tần sai sứ sang khám. An Dương Vương bèn nấu cháo đổ xuống đất để làm thực tích. Vua Tần đòi mang xác sang, Lý Thân bất đắc dĩ phải tự vẫn (hôm đó là ngày mồng 2 tháng 2)[138].

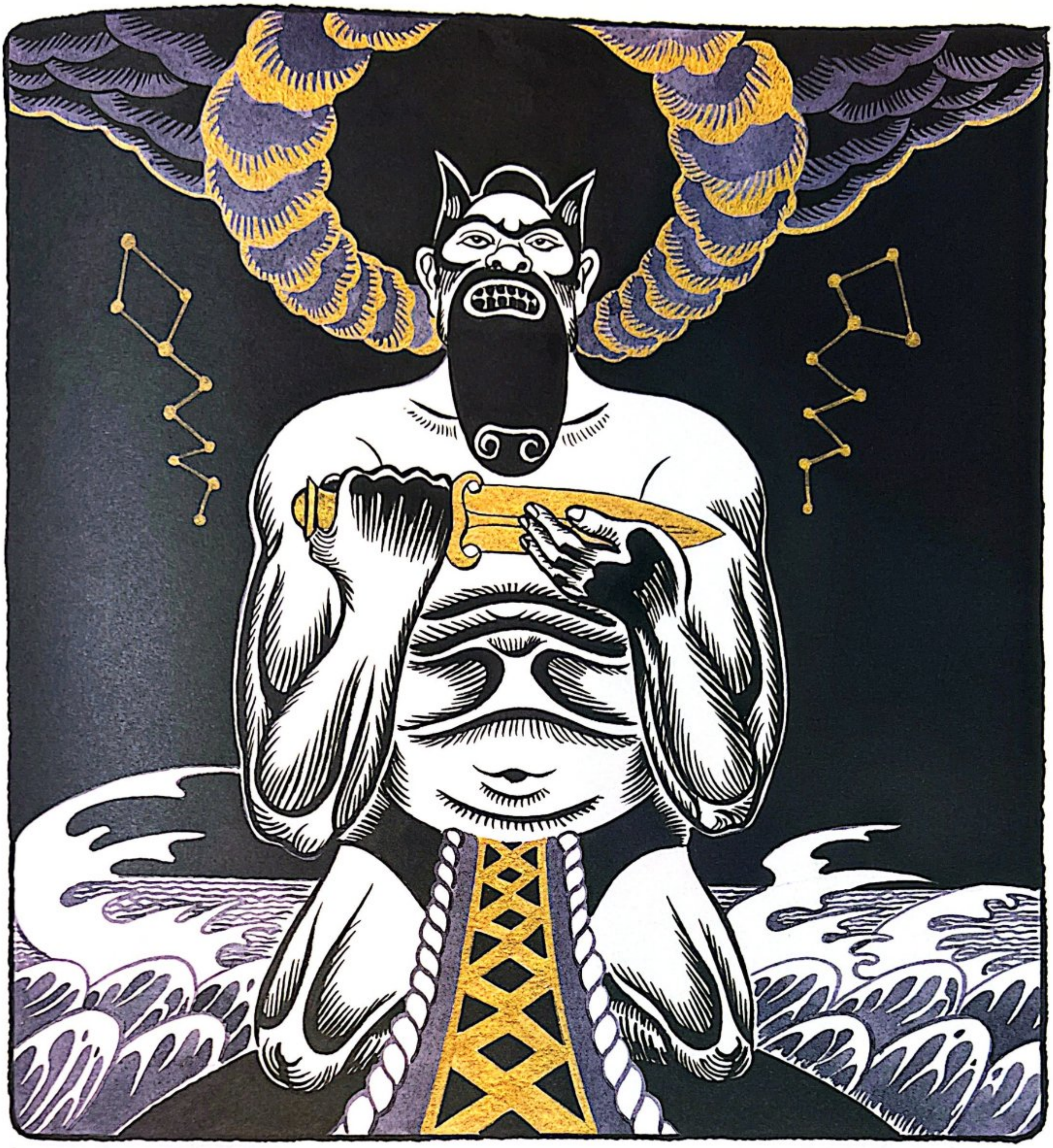

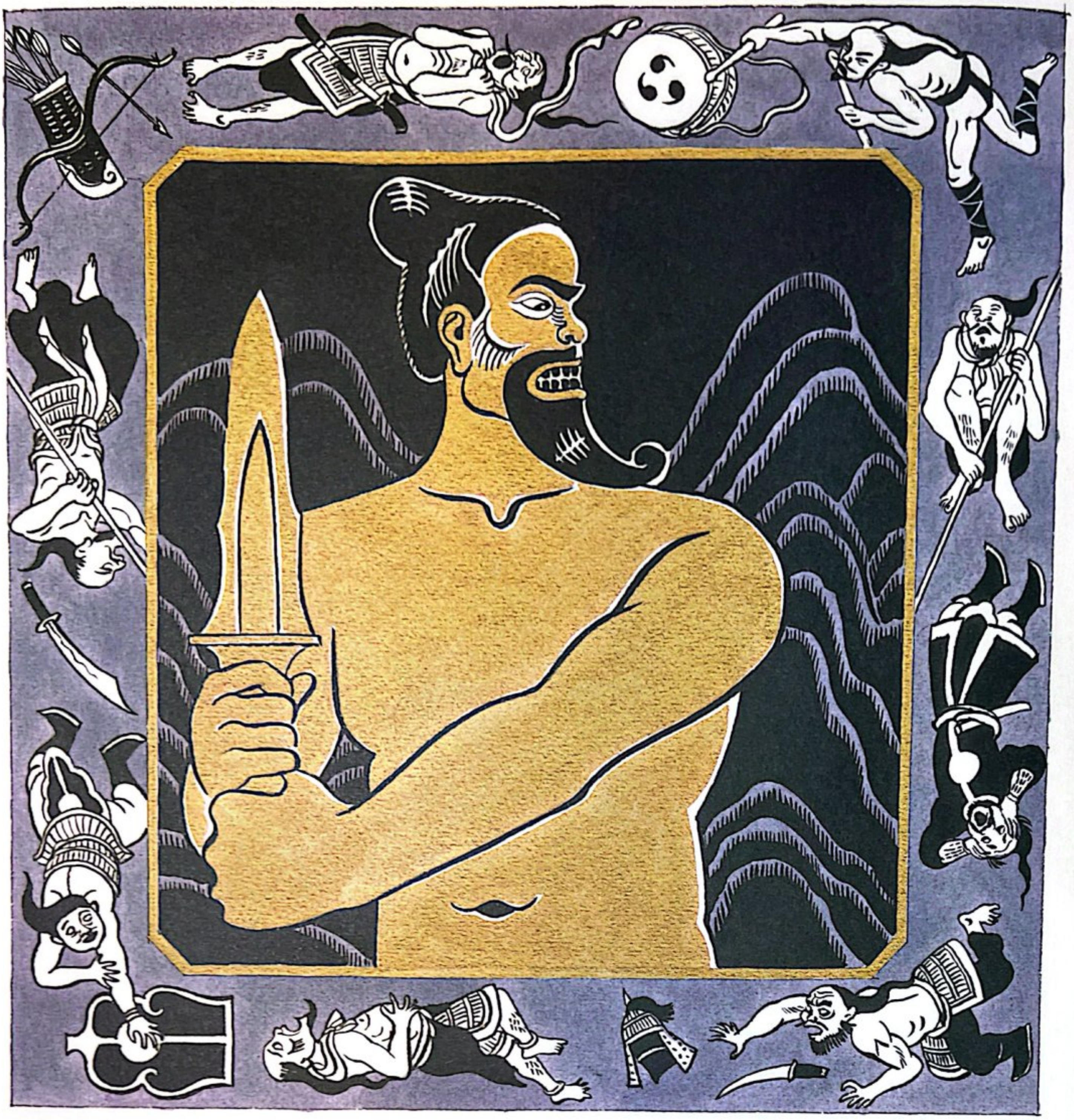

An Dương Vương sai lấy thủy ngân rắc lên xác rồi đem nộp vua Tần. Thủy Hoàng lấy làm lạ, mới đúc đồng làm tượng, đặt hiệu là Ông Trọng, đem dựng ở cửa Kim Mã đất Hàm Dương[139]. Trong bụng tượng chứa mấy chục người để lay cho tượng cử động. Hung Nô trông thấy tưởng là quan hiệu úy sống, không dám động tới cửa ải. Tới đời Đường, Triệu Xương[140] sang làm quan đô hộ đất Giao Châu[141], đêm mộng thấy cùng Lý Thân giảng sách Xuân Thu, Tả truyện, nhân hỏi thăm nhà cũ, lập đền thờ cúng. Sau Cao Biền dẹp giặc Nam Chiếu, Lý hiển linh cứu trợ, Cao Biền bèn hứa sửa sang lại miếu đền, tạc gỗ làm tượng, gọi là đền Lý hiệu úy nay thuộc xã Thụy Hương, huyện Từ Liêm (xưa gọi là xã Thụy Hàm), ở bên bờ sông Cái, cách kinh thành 15 dặm[142].

Lại có thơ rằng:

Văn võ toàn tài đại trượng phu,
Hàm Dương khiển tượng khiếp quần Hồ,
Vĩnh Khương nhất nhập đàm kinh mộng,
Huyết thực nam thiên tráng đế đồ.[143]

CHÚ GIẢI

[136] *Nay là Trèm thuộc huyện Hoài Đức, ngoại thành Hà Nội.*

[137] *Lâm Thao: tên huyện, đời Tần thuộc quận Lũng Tây; đời Thanh là đất phủ Lâm Thao, tỉnh Thiểm Tây, nay là đất Lâm Đàn thuộc Lân Huyện, tỉnh Cam Túc (Trung Quốc).*

[138] *Theo bản A.2107 thì từ câu: "Lý Thân không chịu đi, trốn vào rừng núi..." cho tới câu "... Lý Thân bất đắc dĩ phải tự vẫn" đặt xuống cuối truyện.*

[139] *Hàm Dương là kinh đô nhà Tần, ngày nay là tên huyện, thuộc đạo Quan Trung, tỉnh Thiểm Tây.*

140 Triệu Xương: theo sách Đường Thư thì "Triệu Xương tên tự là Hồng Tô, người Thiên Thủy, được thăng dần đến chức thứ sử Kiền Châu. Khi Đỗ Anh Hàn ở nước Nam làm phản, nhà Đường dùng Xương làm đô hộ, dân Giao Châu hưởng ứng giáo hóa, không ngang ngược. Xương làm được mười năm, sau đau chân xin về."

[141] *Giao Châu: Sách Việt sử cương mục, Tiền biên, Tập II trang 30 chép: "Trước kia, về đời Hán Thuận Đế (126-144) thái thú Giao Chỉ Chu Xưởng xin lập Giao Chỉ làm châu, triều đình nhà Hán bàn định không nghe. Đến đây, thứ sử Trương Tân và thái thú Sĩ Nhiếp cùng nhau dâng biểu xin lập Giao Chỉ làm châu, nhà Hán mới đặt Giao Chỉ làm Giao Châu. Giao Châu được ngang hàng với các châu khác ở Trung Quốc, và phong Trương Tân là quan mục ở Giao Châu. Bắt đầu từ đấy có tên Giao Châu."*

[142] *Bản A.1200 chép thêm:"nay là ngôi đền linh thiêng nhất, đền ở phía trước phủ Quốc Oai, hằng năm tế lễ vào mùa xuân."*

[143] *Dịch ý như sau:*

Võ giỏi văn tài đấng trượng phu,

Hàm Dương đồng tượng khiếp quân Hồ.

Vĩnh Khương ứng mộng bàn kinh truyện,

Hương lửa trời Nam vững đế đô.

TRUYỆN

GIẾNG VIỆT

王

Giếng Việt ở miền Trâu Sơn huyện Vũ Ninh[144]. Đời vua Hùng Vương thứ ba, nhà Ân cử binh sang xâm chiếm nước Nam, đóng quân ở dưới núi Trâu Sơn. Hùng Vương cầu cứu Long Quân, Long Quân truyền đi tìm bậc kỳ tài trong thiên hạ thì sẽ dẹp được giặc. Sóc Thiên vương ứng kỳ mà sinh, cưỡi ngựa sắt đánh giặc[145], tướng sĩ nhà Ân đều bỏ chạy. Ân vương chết ở dưới núi, biến thành vua ở địa phủ, dân phải lập miếu thờ, lâu năm suy dần, đền miếu bỏ hoang. Qua đời Chu, tới đời Tần, có người là Thôi Lượng làm quan cho nhà Tần đến chức ngự sử đại phu, thường qua vùng này, thấy cảnh suy tàn, chạnh lòng thương cảm, bèn sửa sang lại đền miếu, nhân đề mấy câu thơ rằng:

Cổ nhân truyền đạo thị Ân vương
Tuần thú đương niên đáo thử phương
Sơn tú thủy lưu không kiến miếu
Tinh thăng tích tại thượng văn hương.
Nhất chiêu thắng bại vô Ân đức
Vạn tải thanh linh trấn Việt Thường.
Bách tính lòng từ giai phụng sự[146]
Mặc phù quốc tộ vĩnh vô cương[147].

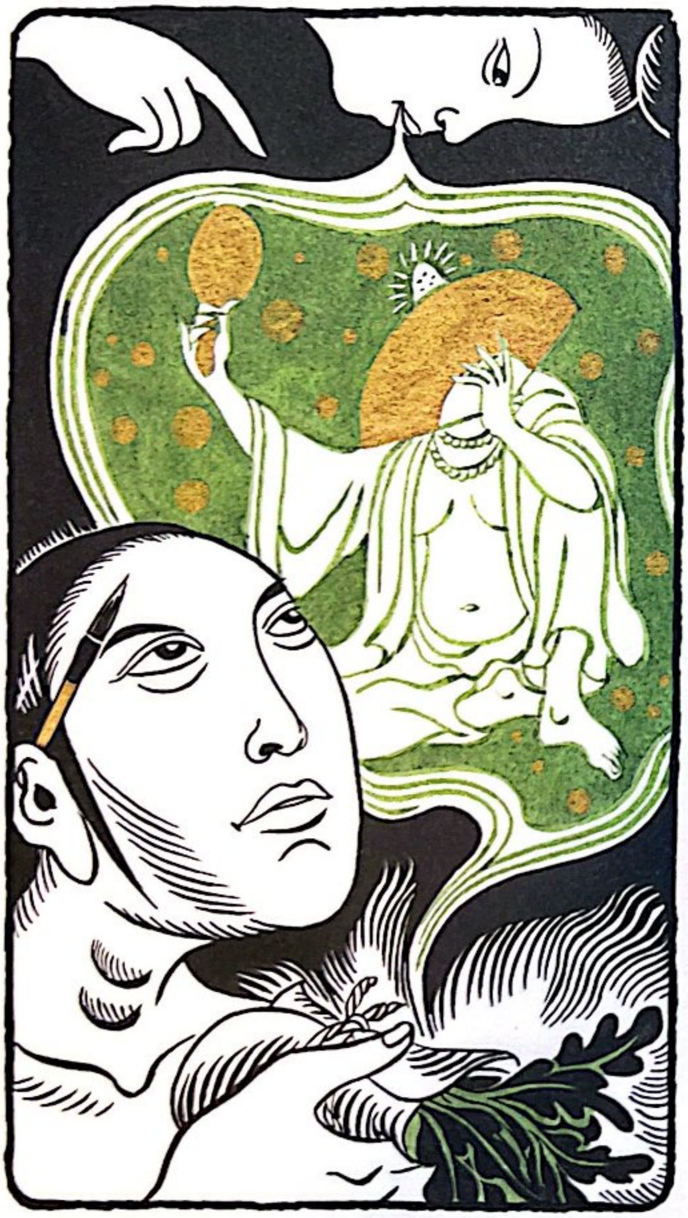

Sau các tướng Nhâm Hiêu, Triệu Đà đem quân xâm chiếm phương Nam[148] (đời An Dương Vương) trú quân ở dưới núi, sai tu sửa lại miếu mạo, nghiêm cẩn khấn thờ.

Ẩn vương cảm cái đức của Lượng xưa, muốn đền ơn, bèn sai tiên nữ Ma Cô ra ngoài cõi tìm kiếm. Khi ấy Lượng đã chết ở đất Tần, duy có con là Vỹ hãy còn du học. Khoảng đầu tháng Giêng, dân chúng tới thăm đền này, có người cúng một đôi bình pha lê, tiên nữ Ma Cô cầm lên tay ngắm nghía, lỡ rơi xuống đất vỡ khuyết một mảnh, bị người ta bắt đền. Ma Cô mặc áo rách, mọi người không biết là tiên, nên đánh đập tàn nhẫn. Thôi Vỹ thấy vậy động lòng thương, bèn cởi áo đền cho Ma Cô được tha. Ma Cô hỏi Vỹ ở đâu, Vỹ kể lại lai lịch của cha. Ma Cô lúc ấy mới biết là con quan Thôi ngự sử, mừng rỡ mà nói với Vỹ rằng: "Nay ta không có gì báo đáp, sau này ta sẽ tạ ơn." Nhân đưa cho Vỹ một bó lá ngải mà nói: "Giữ cẩn thận vật này đừng để rời khỏi mình, sau này thấy ai có bướu trên đầu, đem cứu cho tan tất sẽ được phú quý to." Vỹ nhận lấy, chưa biết đó là thuốc tiên. Đi đến nhà bạn thân là Ứng Huyền, Huyền là một vị đạo sĩ có cái bướu trên đầu, Vỹ nói: "Tôi có lá ngải có thể chữa trị được tật này."

Huyền nhờ chữa cho. Vỹ bèn dùng lá ngải mà cứu, bướu lập tức tan. Huyền nói: "Đó là thuốc tiên, ta nay không có vật gì báo đáp, xin lấy ơn khác đền lại. Ta quen một vị quý nhân mắc tật này, thường nói rằng ai chữa được thì sẽ chia sẻ gia tài mà không tiếc, ông hãy tới đó chữa." Huyền đưa Vỹ tới nhà Nhâm Hiêu chữa, bướu tự khắc tan. Hiêu cả mừng, nuôi Vỹ làm nghĩa tử, mở trường cho Vỹ học để chờ khi hữu dụng. Vỹ là người thông minh, hay đọc sách, gảy đàn.

Con gái Hiêu là Phương Dung thấy Vỹ thì phải lòng, bèn cùng tư thông. Con giai Hiêu là Nhâm Phu biết chuyện, muốn giết Vỹ, đem Vỹ tế thần Xương Cuồng, bèn dỗ rằng: "Cuối năm phải lễ thần Xương Cuồng mà chưa có người làm đồ lễ, nay không nên đi ra ngoài, e rằng bị bắt sống, phải ẩn vào phòng kín để tránh." Vỹ vô tình nghe theo, Nhâm Phu bèn khóa cửa buồng. Phương Dung biết ý ngầm lấy dao đưa cho Vỹ, Vỹ đào ngạch mà ra. Ban đêm, Vỹ lẻn đi, muốn tới nương tựa nhà Ứng Huyền. Đi gấp lên trên núi, núi có hang sâu, Vỹ lỡ chân rơi xuống hang.

Đương lúc canh một thì rơi tới đáy, Vỹ đau quá, hơn một khắc mới ngồi dậy được. Đến lúc đúng ngọ, mặt trời chiếu thẳng xuống hang, thấy xung quanh đều là vách đá, không có bậc lên. Ở trên có một hòn đá, thạch nhũ rủ xuống bàn đá. Có một con rắn trắng mình dài trăm trượng, mào vàng, miệng đỏ, râu xanh, vẩy trắng, dưới cổ có cái bướu, trên trán có dòng chữ vàng đề "Vương kinh tử". Rắn ra ăn thạch nhũ rồi lại chui vào trong hang.

Vỹ ở trong hang ba ngày, đói lắm phải ăn vụng thạch nhũ. Rắn ra thấy trên bàn đá hết cả thạch nhũ, ngửng đầu thấy Vỹ thì định nuốt. Vỹ kinh sợ, sụp lạy mà nói: "Tôi tị nạn rơi xuống dưới này, không có gì ăn, đói dạ nên phải ăn vụng, thực là đắc tội. Nay thấy dưới cổ ngài có cái bướu thịt, tôi có lá ngải để đã ba năm, xin khoan tha cho để tôi thi thố chút tài mọn." Rắn ngẩng đầu xin cứu. Bỗng thấy ánh lửa sáng, một mảnh than rơi xuống hang.

Vỹ lấy lửa mà cứu, bướu lập tức tiêu tan. Rắn quẫy mình tới trước mặt Vỹ như có ý bảo Vỹ cưỡi lên lưng. Vỹ cưỡi lên, rắn bèn tức thì đưa Vỹ ra khỏi hang, nhìn không thấy ai qua lại, rắn bèn vẫy đuôi báo Vỹ xuống, sau đó rắn lại trở vào trong hang. Vỹ đi lạc đường, chợt thấy trước mặt có một tòa thành, trên cổng thành có lầu cao lợp ngói đỏ lộng lẫy, ánh sáng mờ mờ chiếu tỏa. Trên cổng treo biển đỏ viết chữ "Ẩn vương thành" bằng vàng.

Vỹ ngồi bên cạnh cổng nhìn thấy trong sân có ao, giữa ao có sen ngũ sắc, cạnh ao có hòe, liễu mấy hàng. Thấy đường gạch phẳng lì, điện ngọc cung châu, lầu cao gác rộng. Trên điện kê giường kim quy, trải chiếu hoa bạc, có hai cây đàn cầm, sắt, vắng lặng không thấy người. Vỹ bèn vào đánh đàn, bỗng thấy kim đồng ngọc nữ hàng trăm người theo hầu Ẩn hậu mở cửa mà ra. Vỹ cả kinh, xuống điện phục lạy.

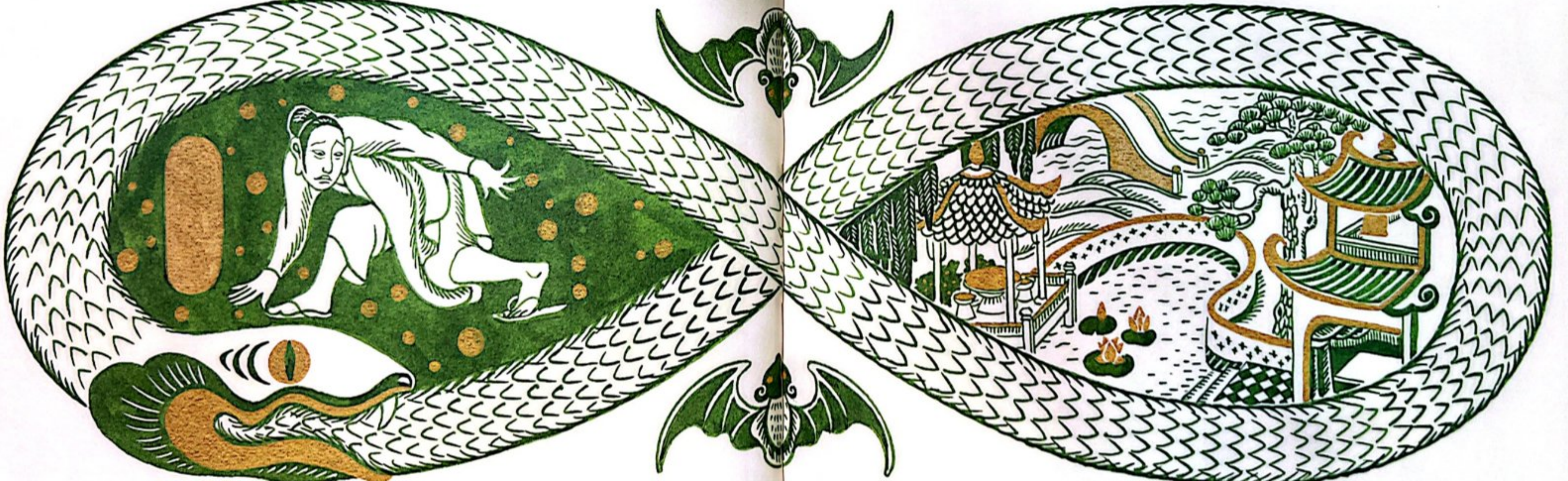

Hậu cười phán rằng: “Thôi quan nhân ở đâu tới đây?” Rồi lại mời lên điện mà nói: “Xưa kia điện Ẩn vương bỏ hoang đổ nát, không người thờ cúng, nhờ có Thôi ngự sử sửa chữa, người đời mới theo gương mà cúng thờ mãi mãi. Ta đã sai tiên nữ Ma Cô đi tìm để báo ơn, không gặp ngự sử mà chỉ gặp công tử. Vẫn chưa có gì báo đáp, nay may được trông thấy mặt công tử, nhưng hiềm vì có sắc gọi cho nên Vương lên chầu trời hiện không ở nhà.” Bèn ban tiệc rượu, chuốc cho ăn uống no say. Xong tiệc, bỗng thấy một người râu dài bụng to tiến lên dâng biểu, quỳ xuống mà tâu rằng: “Ngày 13 tháng Giêng, người phương Bắc là Nhâm Hiêu đã bị thần Xương Cuồng đánh chết.” Tâu xong, Hậu bèn nói: “Dương quan nhân[149] hãy đưa Thôi công tử trở về trần thế.” Hậu quay vào. Dương quan nhân bèn bảo Vỹ nhắm mắt ngồi lên vai mình. Hơn một khắc sau lại xuống tới đỉnh núi. Dương quan nhân biến thành một con dê đá mà đứng ở trong núi, nay con dê ấy còn ở sau chùa Triệu Việt vương trên núi Trâu Sơn.

Vỹ trở về nhà Ứng Huyền kể lại đầu đuôi câu chuyện. Đêm ngày mồng 1 tháng 8, đương lúc xế bóng, Vỹ và Huyền cùng đi dạo bên ngoài, thấy tiên nữ Ma Cô dắt một người con gái tới cho Vỹ để kết làm vợ chồng, lại cho cả viên ngọc Long Tụy. Vốn xưa ngọc đó có hai viên thư, hùng, suốt từ đời vua Hoàng đế tới triều nhà Ân vẫn được lưu truyền là vật quý ở đời. Trong cuộc chiến trận ở Trâu Sơn, vua Ân đeo ngọc đó mà chết, ngọc bị vùi xuống đất mà hào quang của nó vẫn chiếu tỏa đến tận trời. Thời binh hỏa đời Tần, báu ngọc đều cháy hết, người ta xem linh khí mà biết rằng viên ngọc quý Long Tụy vẫn còn ở nước Nam, mới từ xa tới tìm. Đến nay Ân vương lấy ngọc quý này báo đáp ơn Vỹ. Người thời ấy đem vàng bạc, lụa là đáng giá trăm nghìn quan[150] tới mua, Vỹ do đó mà giàu lớn. Sau tiên nữ Ma Cô đón vợ chồng Vỹ đi đâu không biết, có lẽ đã hóa thành tiên vậy. Nay giếng đã lở thành cái huyệt rộng, tức gọi là Việt tỉnh cương.

CHÚ GIẢI

[144] Nay thuộc huyện Võ Giàng, tỉnh Bắc Ninh.

[145] Các bản A.1300 và A.750 chép: Long Quân hóa thành Đổng Thiên Vương cưỡi ngựa sắt mà đánh giặc.

[146] Bản A.1200 chép hai câu thơ cuối cùng như sau:

Chính khí lẫm nhiên thiên hữu cách

Trung thiên miếu mạo hách nam cương

[147] Dịch nghĩa như sau:

Người xưa kể chuyện vua Ân thuở trước,

Một năm kia tuần thú tới chốn này

Núi đẹp, nước trôi thấy trơ một ngôi miếu,

Thần đã đi, di tích để lại như còn phảng phất mùi hương.

Qua phen thắng bại, đức nhà Ân chẳng còn,

Nghìn năm, uy linh ngài vẫn còn trấn cõi Việt.

Trăm họ từ nay một lòng thờ cúng,

Xin thần phù hộ cho phúc nước được lâu dài.

[148] Sách Việt sử cương mục chép:"Năm Tân Mão (210 trước công nguyên, Thục An Dương Vương năm thứ 48. Tần Thủy Hoàng năm thứ 37) Nhâm Hiêu và Triệu Đà nhà Tần đem quân sang xâm lược...";"... Triệu Đà đóng quân ở núi Tiên Du (Bắc Ninh), Thục Vương đem quân chống cự Triệu Đà. Bấy giờ Nhâm Hiêu đóng chiến thuyền ở Tiểu Giang, mắc bệnh trở về, giao cả quân cho Triệu Đà. Đà dời quân doanh đến núi Vũ Ninh, Thục vương cắt đất cho Đà từ sông Bình Giang (tức sông Thiên Đức hay sông Đông Ngàn) trở về Bắc để giảng hòa, Hai bên đình chiến, rút về."

[149] Bản A.750 chép: "Tiêu quan nhân hãy dẫn Thôi công tử trở về dưới thế..."

[150] Bản A.750 chép: "... và năm vạn quan tới mua."

TRUYỆN
RÙA VÀNG

Vua An Dương Vương nước Âu Lạc là người Ba Thục[151], họ Thục tên Phán. Nhân vì tổ phụ ngày trước cầu hôn lấy Mỵ Nương là con gái vua Hùng Vương, Hùng Vương không gả cho, bèn mang oán. Phán muốn hoàn thành chí người trước, cử binh đi đánh Hùng Vương, diệt nước Văn Lang, cải tên nước là Âu Lạc, rồi lên làm vua[152], xây thành ở đất Việt Thường[153], hễ đắp tới đâu lại lở tới đấy. Vua bèn lập đàn trai giới, cầu đảo bách thần. Ngày mồng 7 tháng 3 bỗng thấy một cụ già từ phương đông tới trước cửa thành mà than rằng: "Xây dựng thành này biết bao giờ cho xong được!" Vua mừng rỡ đón vào trong điện, thi lễ, hỏi rằng: "Ta đắp thành này đã nhiều lần băng lở, tốn nhiều công sức mà không thành, thế là cớ làm sao?" Cụ già đáp: "Sẽ có sứ Thanh Giang tới cùng nhà vua xây dựng mới thành công", nói xong từ biệt ra về. Hôm sau vua ra cửa đông chờ đợi chợt thấy một con rùa vàng từ phương đông lại, nổi trên mặt nước, nói sõi tiếng người, tự xưng là sứ Thanh Giang, thông tỏ việc trời đất, âm dương, quỷ thần. Vua mừng rỡ nói: "Điều đó chính cụ già đã báo cho ta biết trước." Bèn rước vào trong thành[154] mời ngồi trên điện, hỏi vì sao xây thành không được. Rùa vàng đáp: "Cái tinh khí ở núi này là con vua đời trước, muốn báo thù cho nước. Lại có con gà trắng[155] sống ngàn năm, hóa thành yêu tinh ẩn ở núi Thất Diệu Sơn.

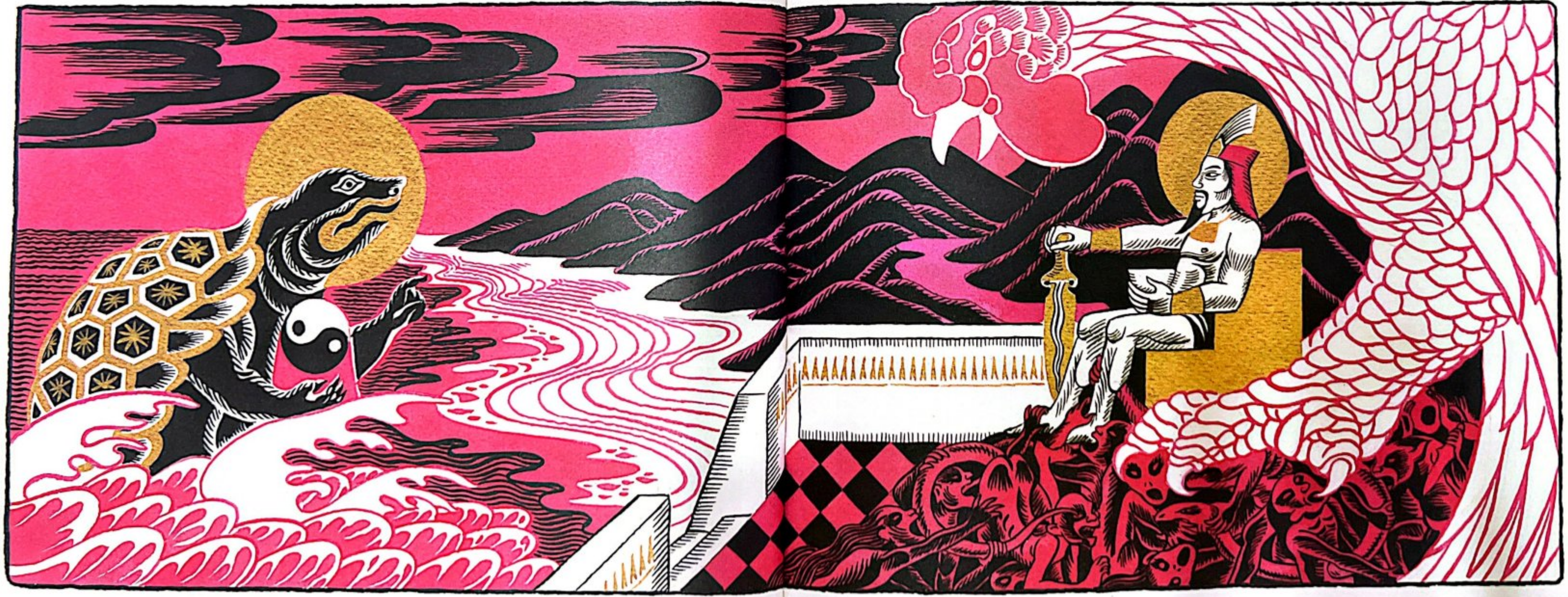

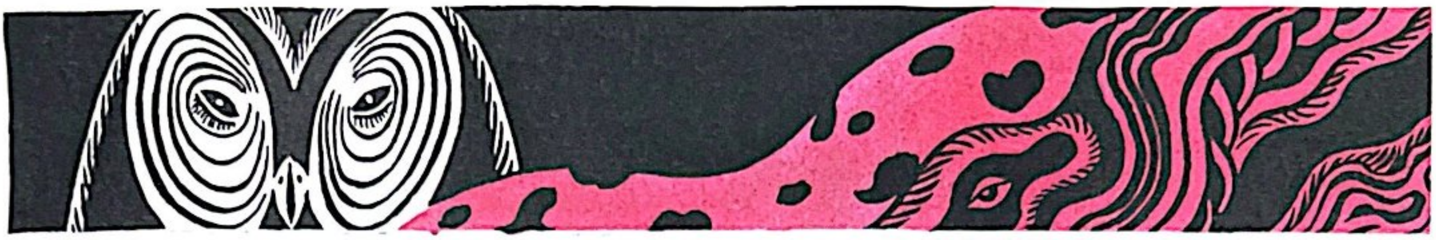

Trong núi có ma, đó là hồn người nhạc công triều đại trước chôn ở đây. Ở bên cạnh, có một quán trọ cho khách vãng lai, chủ quán tên là Ngộ Không, có một người con gái và một con gà vốn là dư khí của quỷ tinh lại biến hóa muôn hình vạn trạng để làm hại. Người chết vì thế rất nhiều. Nay con gà trống trắng lại lấy con gái chủ quán, nếu giết được con gà trống thì trấn áp được quỷ tinh, quỷ tinh sẽ tụ âm khí thành yêu, hóa ra con chim cú ngậm lá thư bay lên trên cây chiên đàn tâu cùng thượng đế xin phá thành. Thần sẽ xin cắn rơi lá thư, nhà vua tức tốc nhặt lấy, thành sẽ xây được."

Rùa vàng bảo vua giả làm kẻ hành nhân nghi trọ ở quán, để rùa vàng ở phía trên khung cửa. Ngộ Không nói: "Quán này có yêu tinh, đêm thường giết người. Hôm nay trời chưa tối, xin ngài đi mau, chớ nghỉ lại." Vua cười, nói: "Sống chết có mệnh, ma quỷ làm gì được, ta không sợ." Bèn cứ nghỉ lại. Đến đêm, quỷ ở ngoài vào, thét lớn: "Kẻ nào ở đây, sao chẳng mở cửa?" Rùa vàng hét: "Cứ đóng cửa thì mày làm gì?"[156]

Quỷ bèn biến hóa trăm hình vạn trạng, muôn kế nghìn phương để hòng dọa nạt, sau cùng cũng chẳng vào nổi.

Đến lúc gà gáy sáng, quỷ tinh tẩu tán. Rùa vàng cùng vua đuổi theo, tới núi Thất Diệu Sơn, quỷ tinh thu hình biến mất. Vua bèn quay về quán. Sáng hôm sau, chủ quán sai người đến lượm xác khách trọ để chôn, thấy vua vẫn cười hớn hở, bèn cùng chạy tới lạy mà nói rằng: "Ngài được như thế tất là thánh nhân, vậy xin ban thuốc thần để cứu sinh dân[157]." Vua nói: "Nhà ngươi giết con gà trắng mà tế thần, quỷ tinh sẽ tan hết." Ngộ Không y lời, đem con gà trắng ra giết, người con gái lập tức quay ra chết. Vua bèn sai đào ở núi Thất Diệu Sơn, lấy được nhiều nhạc khí cổ và xương cốt, đốt thành tro đem đổ xuống dòng sông.

Trời gần tối, vua và rùa vàng lên núi Việt Thường thấy quỷ tinh đã biến thành chim cú sáu chân, ngậm lá thư bay lên cây chiên đàn. Rùa vàng biến thành con chuột đen theo sau, cắn vào chân cú, lá thư rơi xuống đất, vua vội nhặt lấy, lá thư đã bị nhấm rách quá nửa. Từ đó quỷ tinh bị diệt. Thành xây nửa tháng thì xong. Thành đó rộng hơn ngàn trượng, xoắn như hình trôn ốc, cho nên gọi là Loa thành, còn gọi là Tư long thành, người đời Đường gọi là Côn Lôn thành, lấy lẽ rằng nó cao lắm.

Rùa vàng ở lại ba năm rồi từ biệt ra về. Vua cảm tạ nói: “Nhờ ơn của thần, mà đã xây được. Nay nếu có giặc ngoài thì lấy gì mà chống?” Rùa vàng đáp: “Vận nước suy thịnh, xã tắc an nguy đều do mệnh trời, vua có thể tu đức mà kéo dài thời vận. Song vua ước muốn, ta có tiếc chi.” Bèn tháo vuốt đưa cho nhà vua mà nói: “Đem vật này làm lẫy nỏ, nhằm quân giặc mà bắn thì sẽ không lo gì nữa.” Dứt lời, trở về biển Đông. Vua sai Cao Lỗ làm nỏ, lấy vuốt làm lẫy. Gọi là Linh quang kim thần cơ. Về sau Triệu Vương là Đà cử binh nam xâm, cùng vua giao chiến[158] . Vua lấy nỏ thần ra bắn, quân Đà thua lớn, chạy về Trâu Sơn cầm cự với nhà vua, không dám đối chiến, bèn xin hòa. Vua cả mừng, hẹn rằng phía bắc sông Tiểu Giang[159] thuộc Triệu Đà cai trị, phía nam thì vua cai trị. Không bao lâu, Đà cầu hôn. Vua vô tình gả con gái là Mỵ Châu cho con trai Đà là Trọng Thủy.

Trọng Thủy dỗ Mỵ Châu cho xem nỏ thần rồi ngầm làm một cái lẫy nỏ khác thay vuốt rùa vàng, nói dối là về phương Bắc thăm cha. Nói rằng: “Tình vợ chồng không thể lãng quên, nghĩa cha mẹ không thể rứt bỏ. Ta nay trở về thăm cha, nếu như đến lúc hai nước thất hòa, bắc nam cách biệt, ta lại tìm nàng, lấy gì làm dấu?” Đáp: “Thiếp phận nữ nhi, nếu gặp cảnh biệt ly thì đau đớn khôn xiết, thiếp có áo gấm lông ngỗng thường mặc trên mình, đi đến đâu sẽ rứt lông mà rắc ở ngã ba đường để làm dấu, như vậy sẽ có thể cứu được nhau.”

Trọng Thủy mang lẫy thần về nước. Đà được lẫy cả mừng, bèn cử binh sang đánh. Vua cậy có nỏ thần, vẫn điềm nhiên đánh cờ, cười mà nói rằng: "Đà không sợ nỏ thần sao?" Quân Đà tiến sát, vua cầm lấy nỏ, thấy lẫy thần đã mất bèn bỏ chạy. Vua đặt Mỵ Châu ngồi đằng sau ngựa rồi cùng nhau chạy về phương Nam. Trọng Thủy nhận dấu lông ngỗng mà đuổi. Vua chạy tới bờ bể, đường cùng, không có thuyền qua bèn kêu rằng: "Trời hại ta, sứ Thanh Giang ở đâu mau mau lại cứu." Rùa vàng hiện lên mặt nước, thét lớn: "Kẻ nào ngồi sau ngựa chính là giặc đó!"

Vua bèn tuốt kiếm chém Mỵ Châu, Mỵ Châu khấn rằng: "Thiếp là phận gái, nếu có lòng phản nghịch mưu hại lại cha, chết đi sẽ biến thành hạt bụi. Nếu một lòng trung hiếu mà bị người lừa dối thì chết đi sẽ biến thành châu ngọc để tẩy sạch mối nhục thù." Mỵ Châu chết ở bờ bể, máu chảy xuống nước, trai sò ăn phải đều biến thành hạt châu. Vua cầm sừng tê bảy tấc. Rùa vàng rẽ nước dẫn vua đi xuống bể. Đời truyền rằng nơi đó là đất Dạ Sơn, tổng Cao Xá, phủ Diễn Châu. Quân Đà kéo tới đấy không thấy bóng vết gì, chỉ còn lại xác Mỵ Châu. Trọng Thủy ôm xác vợ đem về táng ở Loa thành, xác biến thành ngọc thạch. Mị Châu đã chết, Trọng Thủy thương tiếc khôn cùng, khi đi tắm tưởng như thấy bóng dáng Mỵ Châu, bèn lao đầu xuống giếng mà chết. Người đời sau mò ngọc ở biển Đông lấy nước giếng này mà rửa thì thấy trong sáng, nhân kiêng tên Mỵ Châu cho nên gọi ngọc minh châu là đại cữu và tiểu cữu[160].

CHÚ GIẢI

[151] Xem chú thích ở truyện Họ Hồng Bàng.

[152] Bản A.2107 mở đầu truyện như sau: "An Dương Vương xây thành ở đất Việt Thường. Thành xây lên lại đổ. Vương lấy làm buồn, cho là tai họa, bèn lập đàn trai giới cầu đảo thiên địa, thần thánh. Ngày mồng 7 tháng 3, mùa xuân, bỗng thấy có cụ già từ phương đông đi tới..."

[153] Việt Thường: Theo Dư địa chí của Nguyễn Trãi, Việt Thường là dải đất từ Quảng Trị tới Quảng Nam, song đối với các sử gia thời trước thì Việt Thường còn là tên gọi nước ta thủa xưa.

[154] Bản A.2107 chép: "Bèn sai lấy mâm vàng rước vào trong thành."

Bản A.1200: "Bèn dùng xe vàng rước vào trong thành."

[155] Bản A.1200 chép: "... lại có con gà trống trắng..."

[156] Bản A.2107 chép: "giữa đêm nghe thấy quỷ hô: "Hãy mở cửa trời ra!" Rùa vàng thét rằng: "Đóng cửa đất lại!" Quỷ phóng hỏa biến hóa thiên hình vạn trạng..."

[157] Bản A.2107 chép: "Ngài tất là thánh nhân, xin ban cho phép lạ để cứu dân."

[158] Bản A.2107: "Về sau, nhà vua nhiều lần phá quân Tần Triệu Đà. Đà đóng quân ở Trâu Sơn cùng quân nhà vua đối lũy, thấy vua có nỏ thần, không dám giao chiến, bèn xin cắt đất cầu hôn, sai con là Trọng Thủy làm con tin tới cầu hôn."

[159] Tiểu Giang: tức là con sông nhỏ ở phủ Đô Hộ. Bây giờ không biết sông này ở đâu, có lẽ là sông Ngũ huyện Khê ở bắc phần tỉnh Bắc Ninh ngày nay chăng? (Thành Long Biên xưa ở vùng Bắc Ninh).

[160] Bản A.2107 chép: "... cho nên gọi ngọc minh châu là đại đính, tiểu đính."

Bản A.1200 chép : "... cho nên gọi ngọc minh châu là đại ngoan, tiểu ngoan."

TRUYỆN

HAI BÀ TRINH LINH PHU NHÂN HỌ TRƯNG

Theo sách Sử ký thì Hai Bà Trưng vốn dòng họ Hùng[161], chị tên là Trắc, em tên là Nhị, người ở huyện Mê Linh, đất Phong Châu, con gái quan Hùng tướng đất Giao Châu[162]. Xưa Trắc lấy Thi Sách người huyện Chu Diên[163]. Bà rất có tiết nghĩa, tính khí hùng dũng có trí quyết đoán sáng suốt.

Thời ấy, Tô Định ở Giao Châu rất tham bạo, nhân dân rất khổ sở. Trắc thù Định giết chồng mình, bèn cùng em là Nhị dấy binh đánh Định, vây hãm Giao Châu; các quận Cửu Chân, Nhật Nam, Hợp Phố đều hưởng ứng, hai chị em bèn bình định được sáu mươi lăm thành ở Lĩnh Ngoại[164] tự lập làm vua, xưng hiệu là Trưng Vương, đóng đô ở thành Ô Diên.

Tô Định chạy về Nam Hải, Hán Quang Vũ nghe tin, biếm Tô Định về quận Đạm Nhĩ[165] sai tướng là bọn Mã Viện và Lưu Long sang thay. Quân địch đến Lãng Bạc, bà chống cự. Qua năm, bà thấy binh thế Mã Viện cường thịnh, tự lượng sức quân mình ô hợp, sợ không chống nổi, bèn lui về giữ đất Cấm Khê. Viện đem quân đến đánh, bộ hạ bà Trưng đều bỏ chạy. Bà thế cô, bị hại trong trận. Có chỗ nói rằng bà lên núi Hy Sơn rồi không biết đi đâu mất[166].

Người trong châu thương cảm, lập miếu ở cửa sông Hát Giang để phụng thờ. Phàm những người gặp tai họa tới cầu đảo đều ứng nghiệm. Thời Lý Anh Tông gặp đại hạn, vua sai Cảm Tĩnh thiền sư cầu mưa. Một hôm mưa xuống, mát lạnh thấu người[167]. Vua mừng, ra xem, tự nhiên ngủ thiếp đi, mộng thấy hai người con gái đội mũ phù dung, mặc áo xanh, thắt lưng đỏ, cưỡi ngựa sắt theo gió lướt qua. Vua lấy làm lạ bèn hỏi. Hai người trả lời rằng: "Chúng ta là hai chị em họ Trưng vâng mệnh thượng đế làm ra mưa."

Vua muốn hỏi thêm cặn kẽ. Hai người bèn giơ tay ngăn lại. Vua tỉnh mộng, cảm kích, ra lệnh tu sửa đền, đem lễ đến dâng. Về sau hai bà lại thác mộng cho vua xin lập đền ở bãi Đồng Nhân[168]. Vua nghe theo, sách phong làm Trinh linh nhị phu nhân. Triều Trần lại gia phong cho mĩ tự là Hiển liệt chế thắng thuần bảo thuận. Cho đến nay vẫn được bao phong đời đời, lửa hương không dứt.

CHÚ GIẢI

161 Bản A.1200 chép: "Hai Bà Trưng vốn dòng họ Lạc."

162 Bản A.1200 chép: "con gái Lạc tướng đất Giao Châu"

163 Bản A.1200: "Trắc lấy Tạ Sách người huyện Chu Diên..."

164 Bản A.1200 : "... giành được của Định 56 thành ở Lĩnh Nam..."

165 Bản A.1200: "... biếm Tô Định về quận Đạm Châu." (Đạm Châu, cũng như Đạm Nhĩ, tên một quận ở đảo Hải Nam - Trung Quốc).

166 Truyền thuyết dân gian thường cho rằng Hai Bà đã bay lên trời chứ không cho rằng Hai Bà bị giặc giết.

167 A.1200: "... đêm hôm ấy mưa to gió lớn, nước lên kinh người, vua vui mừng ra nhìn, hốt nhiên ngủ say..."

168 A.1200: "... ở Cổ Lai".

TRUYỆN
MAN NƯƠNG

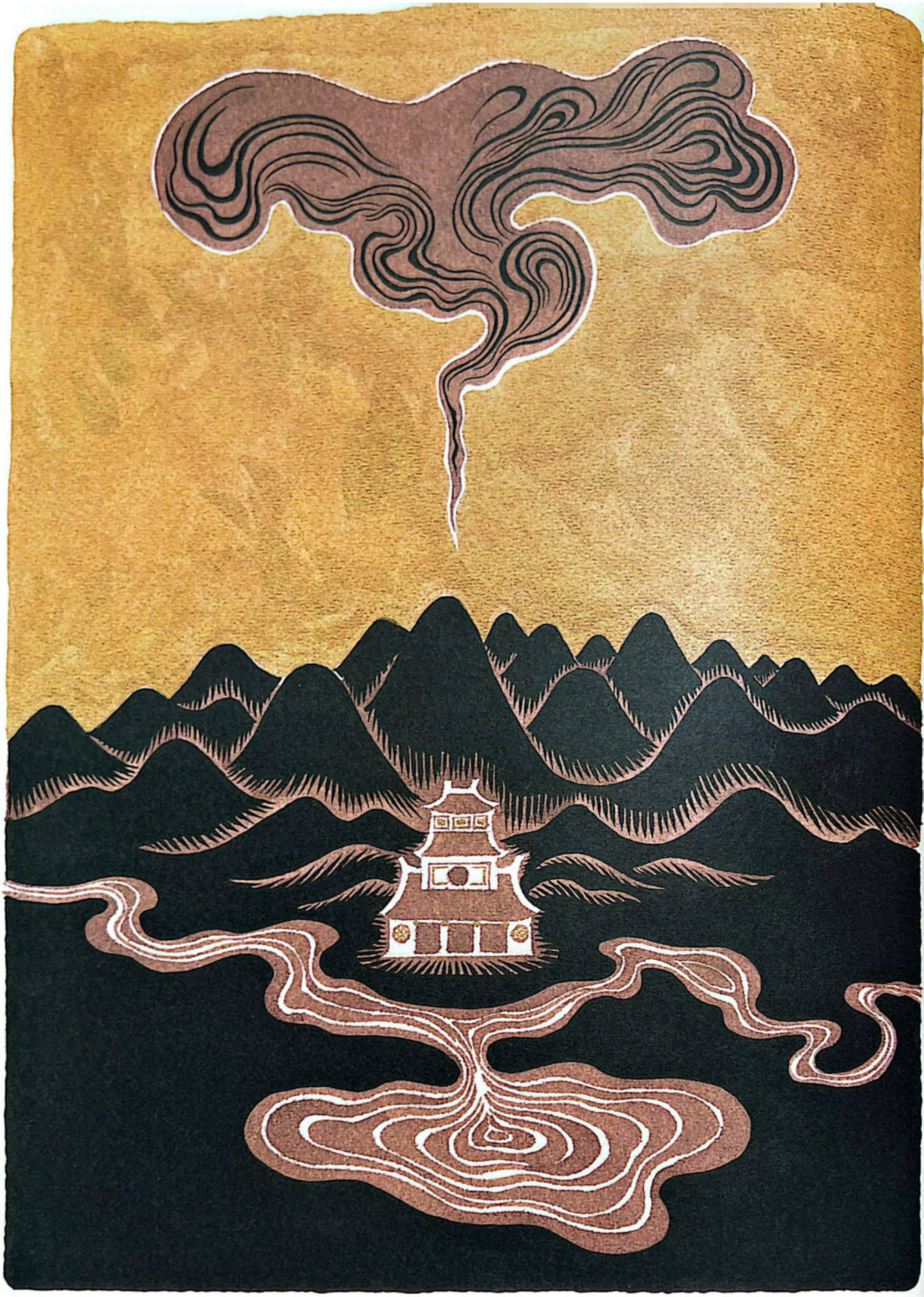

Thời Hiến đế nhà Hán, quan thái thú là Sĩ Nhiếp đóng đô thành ở bờ phía nam sông Bình Giang (nay là Thiên Đức Giang). Phía nam thành đó có chùa thờ Phật[169], có vị sư từ phương Tây tới, hiệu là Già La Đồ Lê trụ trì ở đấy, có phép đứng một chân, mọi người đều kính phục gọi là tôn sư, kéo nhau tới học đạo.

Hồi ấy có người con gái tên là Man Nương, cha mẹ đều đã mất, nghèo khổ vô cùng, cũng tới đó dốc lòng theo học đạo Phật, nhưng vì ả có tật nói lắp, không thể cùng chúng tụng kinh, thường ở dưới bếp, vo gạo, nhặt rau, nấu nướng cho các vị tăng trong chùa và khách tứ phương tới học.

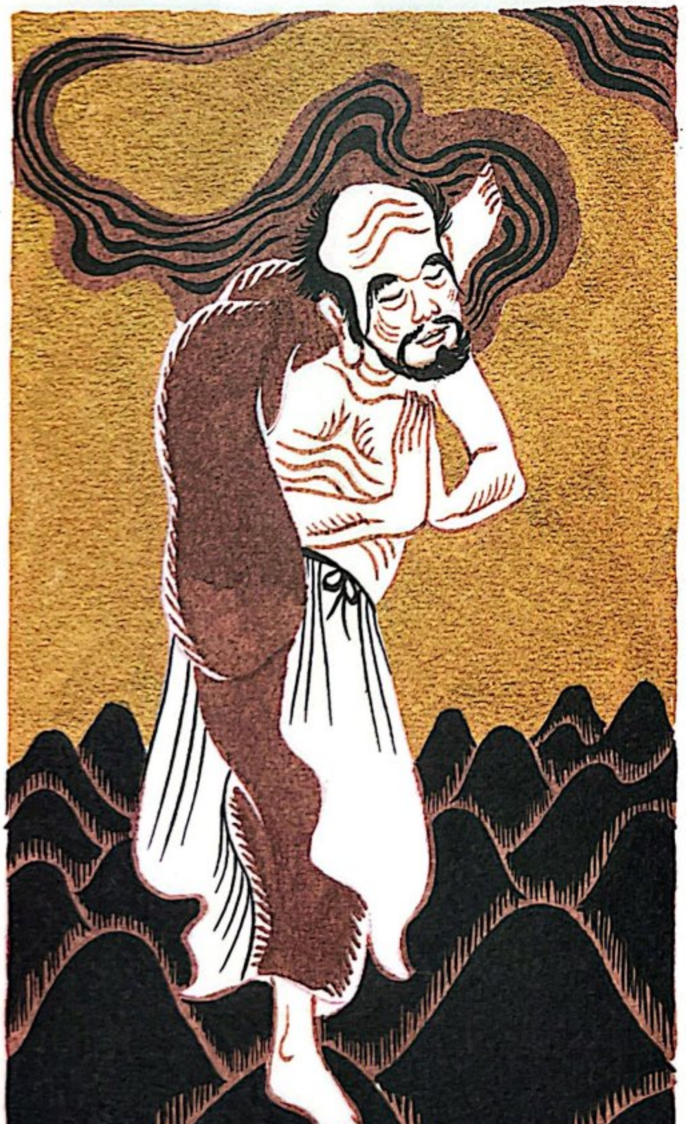

Một đêm vào tháng năm, đêm ngắn, tăng đồ tụng kinh đến lúc gà gáy. Man Nương nấu cháo đã chín mà tăng đồ tụng kinh chưa xong, chưa tới ăn cháo. Man Nương bèn nằm tựa ở trong cửa bếp, không ngờ ngủ quên đi mất. Tăng đồ tụng kinh xong đều về phòng riêng. Man Nương ngủ ở giữa cửa. Sư Già La bước qua mình Man Nương. Man Nương tự nhiên động thai. Có thai được ba bốn tháng, Man Nương xấu hổ bỏ về. Sư Già La cũng thẹn mà bỏ đi. Man Nương về tới một ngôi chùa ở ngã ba sông thì ở lại đó. Đầy tháng sinh ra một đứa con gái, tìm sư Già La mà trả. Đêm đến, sư Già La bế đứa con gái tới ngã ba đường thấy một cây phù dung cành lá xum xuê, có một cái hốc sâu mà sạch sẽ, sư đặt đứa trẻ vào mà nói: "Ta gửi con Phật, mi giữ lấy sẽ thành Phật đạo." Già La, Man Nương từ giã ra về; Già La cho Man Nương một cây trượng mà bảo: "Ta cho nàng vật này, nàng về nhà nếu gặp năm đại hạn thì lấy trượng cắm xuống đất, lấy nước cứu sinh dân." Man Nương cung kính bái lĩnh mà về ở trong chùa.

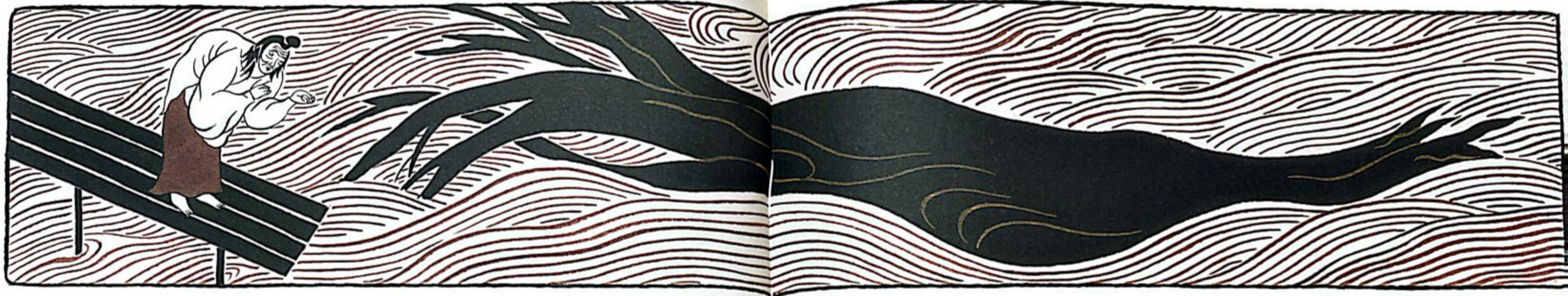

Gặp năm đại hạn, nàng lấy trượng cắm xuống đất, tự nhiên nước cuồn cuộn chảy ra, dân được nhờ ơn. Khi Man Nương ngoài chín mươi tuổi là lúc cây phù dung bị đổ, trôi ra ở bến sông trước cửa chùa, quanh quẩn ở đấy mà không trôi đi. Dân thấy thế, định bổ làm củi nhưng rìu nào cũng đều bị gãy, bèn đưa hơn ba trăm người trong làng ra kéo cây gỗ lên mà không chuyển. Gặp lúc Man Nương xuống bến rửa tay, thử kéo chơi thì cây chuyển động. Chúng đều ngạc nhiên, bảo Man Nương kéo lên bờ sai thợ tạc bốn pho tượng Phật. Khi xẻ cây gỗ đến chỗ đặt đứa con gái thì thấy đã hóa thành một tảng đá rất rắn.

Tốp thợ xây lấy rìu đập tảng đá, rìu đều bị mẻ. Họ liền vứt đá xuống vực sông, một tia sáng chói lên, hồi lâu đá mới chìm xuống nước. Bọn thợ đều chết cả.

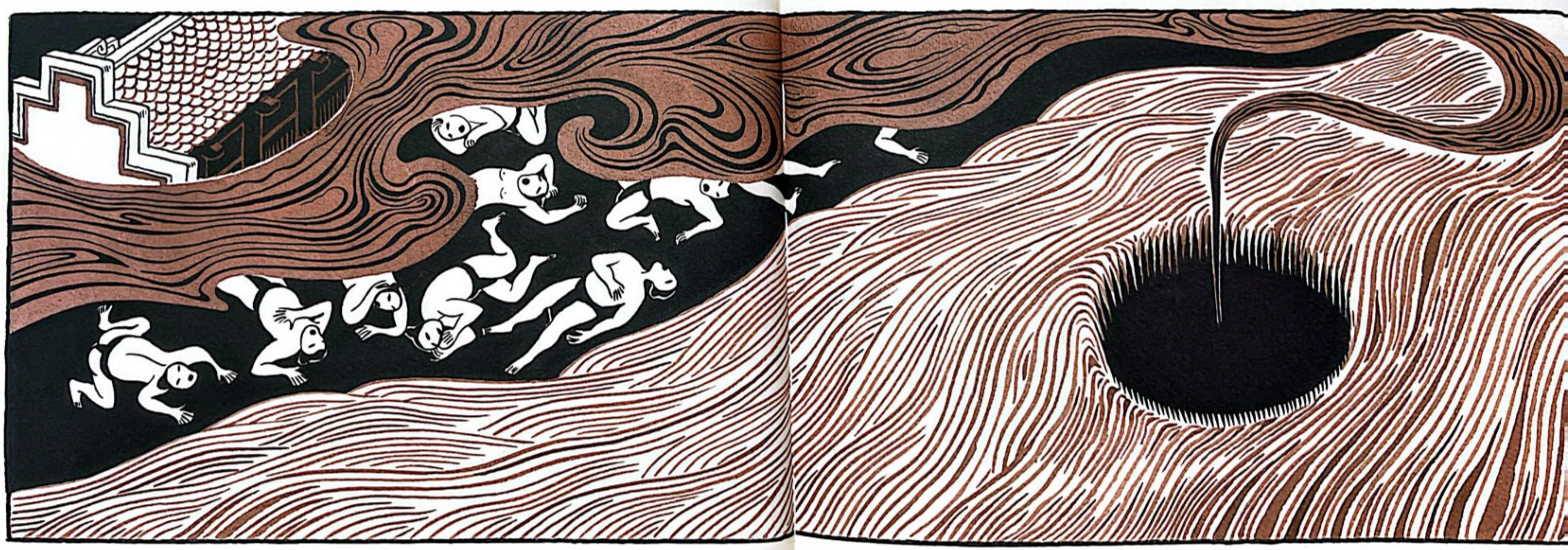

Dân mời Man Nương bái lễ, thuê dân chài lặn xuống nước vớt lên, rước vào tự điện, đặt vào bên trong tượng Phật, tượng Phật tự nhiên trông như mạ vàng[170]. Sư Già La đặt Phật hiệu là: Pháp Vân, Pháp Vũ, Pháp Lôi, Pháp Long, tứ phương cầu đảo không điều gì không ứng. Dân làng đều gọi Man Nương là Phật mẫu. Ngày 4 tháng 4, Man Nương không bệnh mà chết, táng ở trong chùa. Người đời lấy ngày này làm ngày sinh của Phật. Hằng năm, tới ngày ấy, nam nữ bốn phương thường tụ hội ở chùa này vui chơi ca múa, người đời gọi là hội Tắm Phật[171].

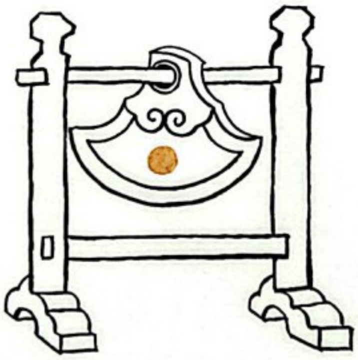

CHÚ GIẢI

[169] *Bản A.1752 chép: "... đóng thành ở bờ sông Bình An, phía nam thành có ngôi chùa thờ Phật tên là chùa Phúc Thắng."*

[170] *Bản A.750 chép: "... rước vào Phật điện, thiếp vàng mà thờ."*

[171] *Bản A.750 chép: "Hằng năm tới ngày ấy, già trẻ bốn phương thường hội họp ở chùa này vui chơi ca múa, người đời gọi là hội Tắm Phật, tới nay vẫn còn tục ấy."*

Truyện Man Nương có lẽ liên quan tới sự tích chùa Dâu và chùa Mãn Xá ở huyện Thuận Thành, Bắc Ninh.

TRUYỆN

NAM CHIẾU

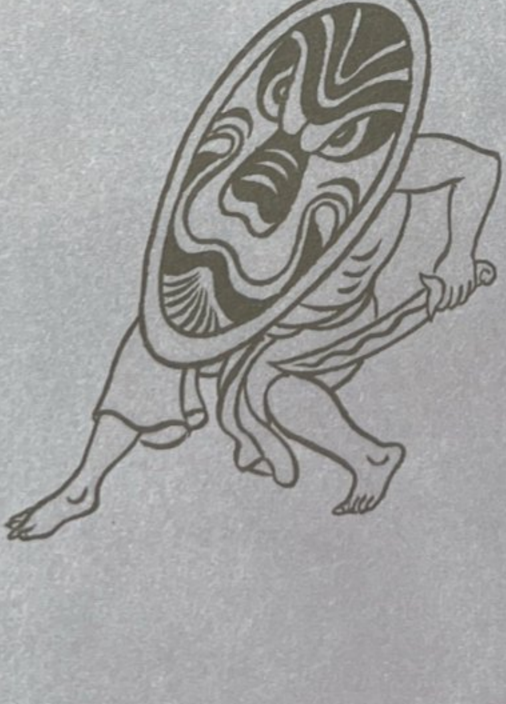

Người Nam Chiếu là con cháu của vua Vũ Đế Triệu Đà vậy.

Thời Hán Vũ Đế, thừa tướng nước Nam Việt là Lữ Gia không phục, giết sứ Hán là bọn An Quốc, Thiếu Quý[172]. Hán Vũ Đế sai tướng là bọn Lộ Bác Đức, Dương Phác đem quân chinh phạt, bắt Vệ Dương Vương Kiến Đức và Lữ Gia, thôn tính cả nước, phân đất cho các quan cai trị. Con cháu họ Triệu tản mát bốn phương, sau trở về Thần Phù, Hoành Sơn là những xứ vắng vẻ không có người. Khi bộ hạ đông đúc, họ bèn đóng tàu thuyền thỉnh thoảng ra bể đột nhập vào nội địa cướp người ven bể, giết các quan lệnh của nhà Hán. Dân đều sợ phục, gọi là Nam Triệu, sau gọi sai là Nam Chiếu, cho nên họ mang danh hiệu ấy. Đến đời Ngô, Tôn Quyền[173] sai Đái Lương, Lữ Đại làm thú mục để đánh dẹp. Quân Nam Chiếu ở cả một vùng từ núi Thiên Cầm tới Hà Hoa, Cao Vọng, Hoành Sơn, Ô Tung[174], Hải Ngạn, Sử Bộ,

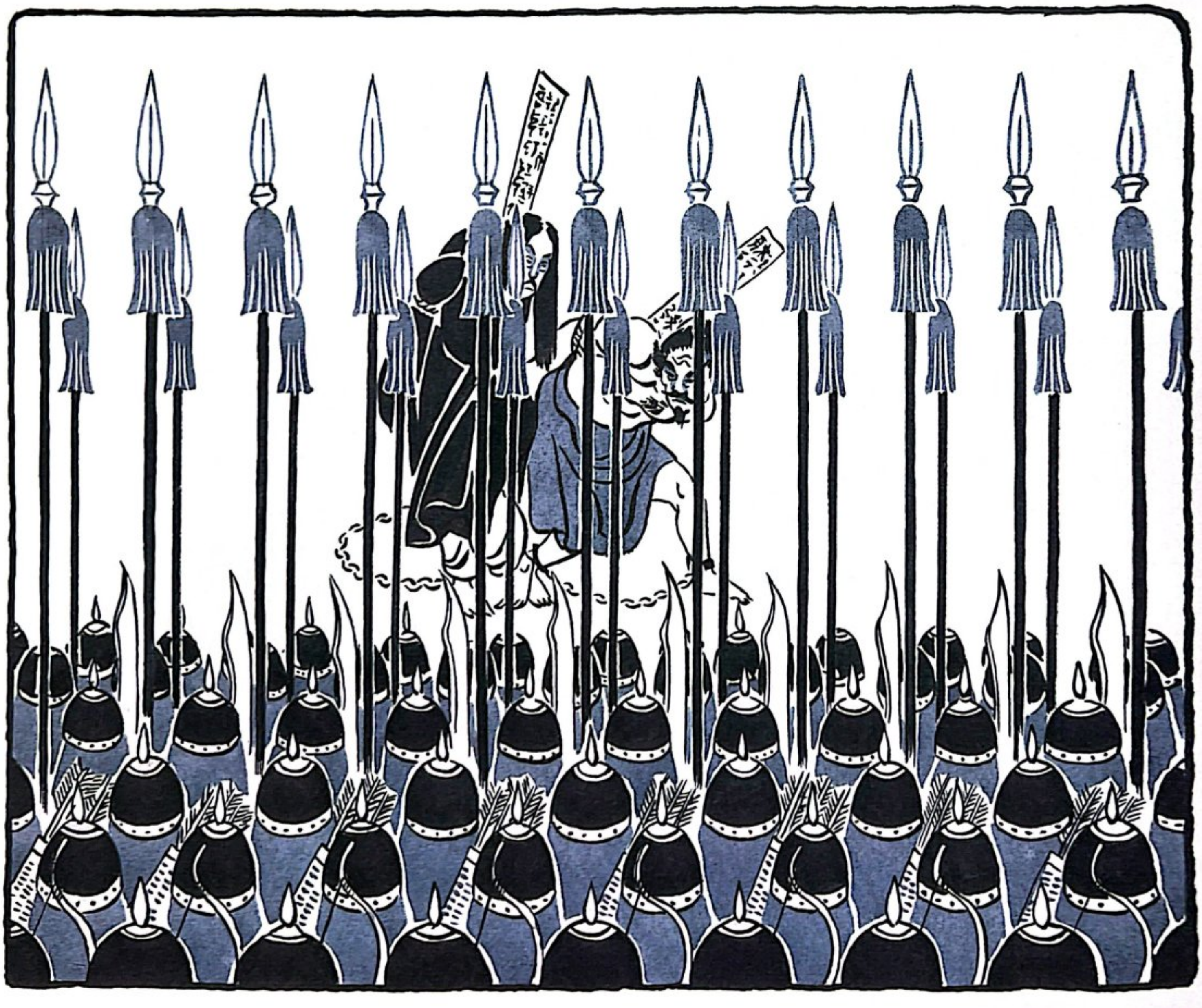

Trường Sa, Quế Hải, Vọng Cái, Lỗi Lôi, núi cao bể rộng, sóng gió hiểm trở, không có một vết chân người. Quân Nam Chiếu ở đấy thường lấy việc cướp bóc để sinh sống, đánh giết thú mục, không thể ngăn cản nổi. Đồ đảng của chúng khá nhiều, hay đem hàng hóa châu ngọc đút lót cho nước Tây Bà Dạ[175] cầu làm thân thuộc, cùng giúp đỡ nhau. Cuối đời Tấn thiên hạ rối loạn, có người thổ tù là Triệu Ông Lý cũng là con cháu của Triệu Vũ Đế, anh em đông đúc, thảy đều dũng lược hơn người, ai nấy đều phục, cùng với quân Nam Chiếu hợp lại, được hơn hai vạn người, lại đem châu ngọc tiến nước Tây Bà Dạ, xin chỗ đất không ngay cạnh đó để ở.

Khi ấy, Tây Bà Dạ quốc chia đều bãi bể và đồng nội ra thành hai lộ. Một lộ trên từ Quý Châu, dưới tới Diễn Châu gọi là lộ Gia Viễn[176], giết trâu ăn thề rồi giao cho nước Nam Chiếu và Triệu Ông Lý thống lĩnh. Sau đó, Ông Lý xây thành ở tổng Cao Xá, đất Diễn Châu, đông tới Giáp Hải, tây tới nước Bà Dạ, nam tới Hoành Sơn, tự xưng làm chúa. Nhà Đông Tấn sai tướng quân là Tào Nhĩ đem quân sang đánh, Ông Lý phục tượng binh ở chỗ hiểm trở nơi đầu nguồn sông mà đánh, rồi lại tới nấp ở Mê Sơn và Mạt Sơn ngoài bể, địch tụ thì mình tán, địch tán thì mình tụ, sáng ra tối vào, cầm cự trong 4, 5 năm trời. Quân Tấn không chịu nổi khí núi, tử vong quá nửa, bèn rút quân về. Quân Nam Chiếu thường tới cướp các xứ Nam thành, Đông thành[177], Trường An, thú lệnh không thể dẹp nổi. Tới khi nhà Đường thịnh lên, vua Ý Tông sai Cao Biền đem quân sang dẹp, không đánh nổi phải bỏ về. Tới đời Ngũ Đại, vua Tấn là Thạch Kính Đường sai quan tư mã họ Lý đem 20 vạn quân đánh Đồ Sơn, quân Nam Chiếu bèn rút về ở nhờ tại biên giới Ai Lao, hiệu là Đầu Hoành mô quốc Bồn mang, thường lấy sự cướp bóc làm nghề, lúc đánh lúc nghi, chưa hề bao giờ yên chiến sự. Đất đó nay là phủ Trấn Ninh, muôn đời sáp nhập trong bản đồ nước Đại Việt[178].

CHÚ GIẢI

[172] Bản A.1300 chép: "bọn An Quốc Tử và Lý Thông..." Bản A.1200 chép: "bọn An Quốc và Lý Thiếu Quân".

[173] Bản A.1300 chép: "Đến thời Tam Quốc, vua nước Ngô là Tôn Quyền"

[174] Bản A.1200 chép: "Nam Chiếu ở một vùng Thiên Ư Sơn, Hà Hoa, Cao Vọng, Hoành Sơn, Ô Tôn và Trường Sa, Vọng Các, Lỗi Lôi."

[175] Bản A.1300 chép: "Dân Nam Chiếu còn ít, bèn lấy hóa vật, châu ngọc đổi cho nước Tây Bà Dạ xin làm thần thuộc để cứu giúp nhau."

[176] Bản A.1300: "... gọi là lộ Già La, trên cứ Cầm Châu dưới tới Hoan Châu là lộ Lâm An chia cho Nam Chiếu và Lý Ông thống lĩnh, vì thế bèn xây thành ở tổng Cao Xá, Diễn Châu."

[177] Bản A.1300: "... An thành, Đô thành", Bản A. 1200: "Nam Việt, Trường An, Đông thành".

[178] Bản A.1300: "Quân Nam Chiếu bèn lui về biên giới nước Ai Lao, lấy hiệu Đầu Mô quốc, nay là Bồn Thác."

Bản A.1200: "... lấy hiệu là Đầu hoành hoán Bồn mang quốc... nay là phủ Trấn Ninh."

Truyện Nam Chiếu chép ở đây không phù hợp với sự thực lịch sử. Nam Chiếu là tên một trong sáu chiếu ở Vân Nam, chiếu là tên vua của các bộ lạc người Thái. Về sau, Nam Chiếu mạnh lên, thôn tính cả sáu chiếu kia. Nam Chiếu về sau thành nước Đại Lý trong đời Ngũ Đại và đời Tống. Chưa bao giờ nước Nam Chiếu hay nước Đại Lý vượt ra ngoài phạm vi Vân Nam mà lan đến Ai Lao, thậm chí lan đến Nghệ An như truyện ở đây chép. Truyện ở đây rõ ràng là một truyền thuyết, muốn đề cao tinh thần tự chủ của con cháu nhà Triệu mà có lúc các nhà nho đã muốn coi như người nước ta. Riêng cái việc giải thích rằng do họ "Triệu" mà có cái tên "Chiếu" và Nam Chiếu là con cháu họ Triệu ở phương Nam cũng tỏ rõ tính chất truyền thuyết, khó mà tin được.

TRUYỆN

SÔNG TÔ LỊCH[179]

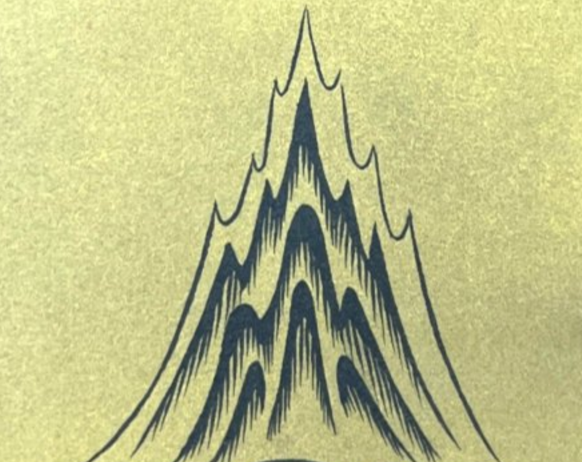

Năm Hàm Thông thứ 6[180], vua Đường Ý Tông sai Cao Biền là đô hộ tướng quân, đem binh đánh giặc Nam Chiếu. Lúc Biền trở về, nhà vua đặt Tĩnh Hải quân ở thành Lĩnh Nam, cho Biền làm tiết độ sứ[181].

Biền thông hiểu thiên văn địa lý, xem hình thế đất mà xây thành Đại La ở phía tây Lô Giang, chu vi 30 dặm[182] để ở. Có dòng sông con từ Lô Giang chảy vào phía Tây Bắc, cuốn quanh phía nam, ôm lấy thành Đại La rồi nhập vào sông Cái. Hồi đó đang giữa tháng sáu nước mưa lên cao: Biền cưỡi thuyền nhẹ thuận dòng vào tiểu giang đi khoảng một dặm, bỗng thấy một cụ già râu tóc bạc phơ, dung mạo dị kỳ, tắm ở giữa dòng sông, cười nói tự nhiên. Biền hỏi họ tên. Đáp: Ta họ Tô tên Lịch. Biền lại hỏi: Nhà ở đâu? Đáp: Nhà ở sông này. Dứt lời, lấy tay đập nước bắn tung mù mịt, bỗng nhiên không thấy đâu nữa. Biền biết là thần, bèn đặt tên sông là Tô Lịch. Một buổi sớm khác, Biền ra đứng ở

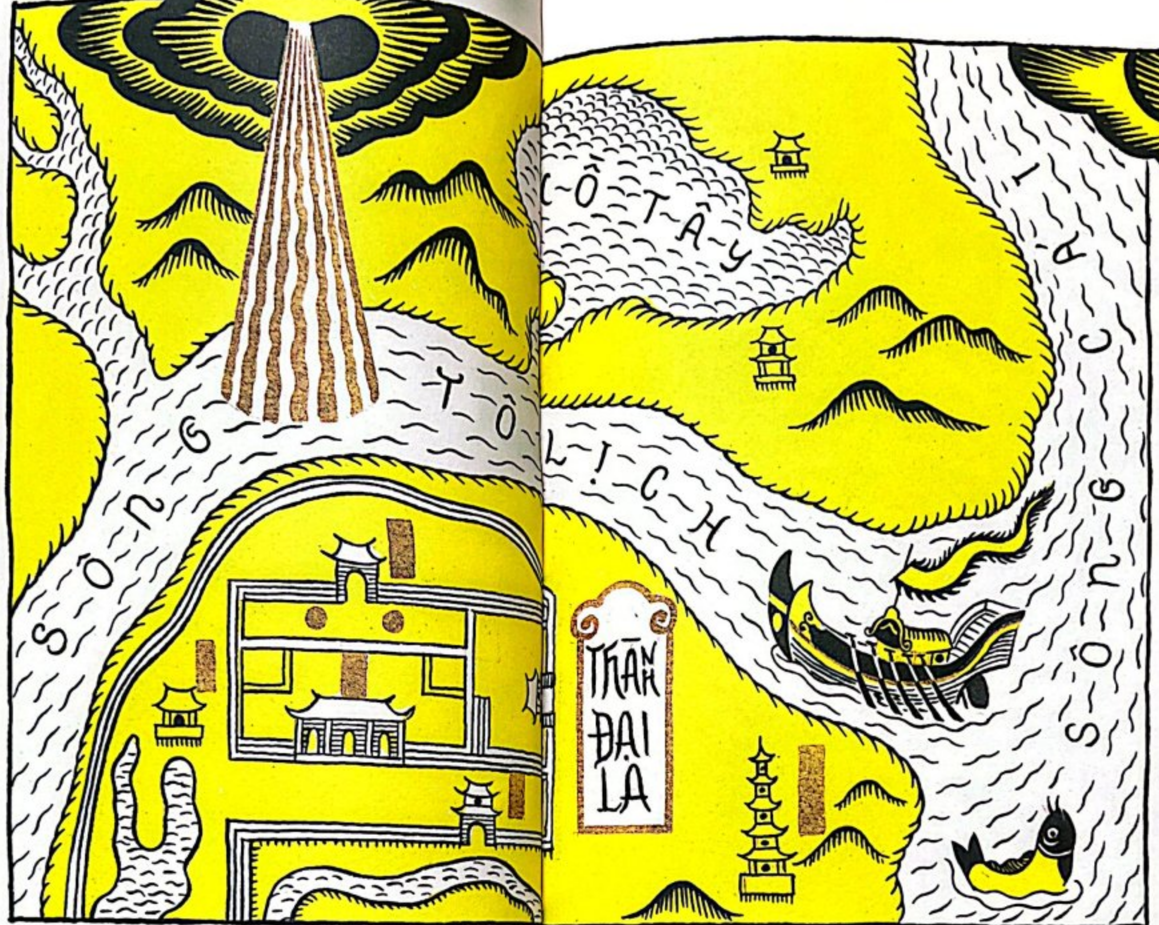

bờ sông Tô Giang, phía đông thành Đại La, thấy trận gió lớn nổi lên, sóng nước cuồn cuộn, mây trời mù mịt, có một dị nhân đứng trên mặt nước, cao hơn hai trượng, mình mặc áo vàng, đầu đội mũ tím, tay cầm hốt vàng rực rỡ một quãng trời, chập chờn lên xuống trên khoảng không[183]. Mặt trời cao ba con sào, khi mây hãy còn mù mịt[184], Biền rất kinh dị, muốn yểm thần. Đêm nằm mộng thấy thần nhân tới nói rằng: "Chớ yểm ta, ta là tinh ở Long Đỗ, đứng đầu các địa linh, ông xây thành ở đây, ta chưa được gặp, cho nên tới xem đó thôi, ta có sợ gì bùa phép?" Biền kinh hãi.

Sáng hôm sau, Biền lập đàn niệm chú, lấy kim đồng thiết phù để yểm[185]. Đêm hôm ấy, sấm động ầm ầm, gió mưa dậm dật, đất trời u ám, thần tướng hò reo, kinh thiên động địa.

Trong khoảnh khắc, kim đồng thiết phù bật ra khỏi đất, biến thành tro, bay tan trên không. Biền càng kinh hãi, than rằng: "Xứ này có thần linh dị, ở lâu tất chuốc lấy tai vạ[186]." Sau Ý Tông triệu Biền về, quả nhiên Biền bị giết và Cao Tàm được cử sang thay.

CHÚ GIẢI

[179] Về chuyện này, bản A.2107 mở đầu như sau:

"Nước ta có người họ Tô tên Lịch xưa ở Long Đỗ, nay là mé ven sông, ba đời sống nhân nhượng với nhau. Đời Tần được cử làm chức hiếu liêm, cắm cờ ở trước cổng xóm, vì vậy người đời bèn gọi xóm ấy là xóm Tô Lịch.

Đời Đường Mục Tông Lý Nguyên Gia làm quan đô hộ, giữ đất Long Biên. Lý cho rằng phía bắc thành có dòng nước chảy ngược, sợ dân hay sinh lòng phản nghịch nên chọn đất khác định chuyển La Thành sang bờ sông Tô Lịch, bèn khẩn mời Tô Lịch làm thần chủ giữ thành rồi xin lập đền thờ cúng. Nửa đêm, Nguyên Gia nằm mộng thấy thần tới nói rằng: "Ta vâng mệnh sứ quân làm chủ thành này, nếu như ta có thể giáo hóa được dân chúng trong thành trở nên có trung hiếu thì xin hãy lập đền thờ." Nguyên Gia xin vâng. Từ đó, dân không có lòng phản nghịch. Lý bèn xây thành nhỏ để ở lại lập đền thờ phụng. Thần chính là vị đại vương của cả quốc gia vậy. Lý vừa xây xong thành thì có vị quan bảo rằng: "Ông không thể đủ sức xây thành lớn, 50 năm sau ắt có người họ Cao định đô, xây phủ ở đây." Tới năm Hàm Thông đời Đường Ý Tông, quân Nam Chiếu làm loạn. Vua Đường sai Cao Biền sang dẹp, đặt ra quân Tĩnh Hải sai Biền làm đô hộ sứ. Biền sang dẹp, quân ở trong phủ... (Từ đây trở xuống chép giống bản A.33)

[180] Bản A.1752 và A.750 chép: *"Năm Hàm thông thứ ba..."*

[181] Bản A.1300 chép: *"... sai Cao Biền làm quan đô hộ đất Giao Châu đem quân đánh Nam Chiếu, lại đặt Tĩnh Hải quân ở An Nam thành, cử Biền làm Tiết độ sứ."*

[182] Bản A.1300 và bản A.750 chép: *"... chu vi 3.000 bộ..."*, Bản A.2107 chép: *"... chu vi 8.000 bộ..."*

[183] Các bản A.2107 và A.1752: *"lên xuống trên không, lúc ẩn lúc hiện."*

[184] Các bản A.1300 và A.2107: *"khi mây chưa tan mà bóng dáng vẫn còn."*

[185] Các bản A.2107, A.1300, A.1752 chép: *"đọc phù chú suốt ba ngày ba đêm, lại chôn bùa để yểm."*

[186] Các bản A.1300, A.1752 chép: *"... ở lâu tất chuốc lấy tai vạ, ta phải mau mau trở về phương Bắc."*

Bản A.2107 chép: "Biền rất kinh sợ, than rằng: ở xứ này có vị thần linh thiêng, ta nên trở về phương Bắc, chớ nên ở lâu mà chuốc lấy hậu họa. Từ đó, Cao Biền có lòng muốn trở về phương Bắc, sau cúng tế mà tôn thần làm đô phủ thành hoàng. Sau Ý Tông triệu Biền về, Biền quả nhiên bị giết. Ý Tông sai Tàm sang thay. Sau này Lý Thái Tổ dời đô, thần thác mộng chúc mừng nhà vua. Vua lấy làm lạ, bèn hỏi. Thần tâu tên họ. Vua hỏi: "Thần có thể bảo hộ được sinh linh trong 100 năm không?" Đáp: "Mong thánh thượng cơ nghiệp dài lâu ngàn vạn năm, thần cũng nhờ vậy mà được hưởng hương hỏa ngàn năm." Vua tỉnh dậy, sai quan trung sứ tiến rượu, phong làm Đô quốc thành hoàng đại vương. Triều Trần lại phong làm Bảo quốc định bang đại vương. Đền thờ đặt ở phường Đông Tác, huyện Thọ Xương" (nay ở khu Nhà Thờ Lớn, Hà Nội).

TRUYỆN

NÚI TẢN VIÊN

Núi Tản Viên ở phía tây kinh thành Thăng Long nước Việt Nam. Núi cao một vạn hai nghìn ba trăm trượng, chu vi chín vạn tám nghìn sáu trăm vạn(?) Ba núi đứng xếp hàng, đỉnh tròn như cái tán cho nên có tên ấy. Theo sách *Ai Giao châu tự* của Đường Tăng thì đại vương núi này là Sơn tinh họ Nguyễn, vô cùng linh ứng. Khi hạn hán, lúc lụt lội cầu đảo để phòng tai trừ hoạn lập tức có ứng nghiệm. Kẻ thờ cúng hết lòng thành kính. Thường thường, vào những ngày quang đãng như có bóng cờ xí thấp thoáng trong hang núi. Dân trong vùng nói rằng đó là Sơn thần hiển hiện. Khi Cao Biền nhà Đường ở An Nam, muốn yểm những nơi linh tích bèn mổ bụng con gái chưa chồng mười bảy tuổi, vứt ruột đi, nhồi cỏ bấc vào bụng, mặc áo quần vào, rồi đặt ngồi trên ngai, tế bằng trâu bò, hễ thấy cử động thì vung kiếm mà chém đầu. Phàm muốn đánh lừa các thần đều dùng thuật đó. Biền đem thuật đó để tiến đại vương núi Tản Viên, thấy Vương cưỡi ngựa trắng ở trên mây nhổ nước bọt vào mà bỏ đi. Biền than rằng: "Linh khí ở phương Nam không thể lường được. Ôi! Cái vượng khí đời nào hết được!" Sự linh ứng đã hiển hiện ra như vậy đó.

Xưa kia đại vương trông thấy phong cảnh núi Tản Viên đẹp đẽ bèn làm một con đường từ bến Bạch Phiên đi lên phía nam núi Tản Viên, qua động An Vệ, tới các ngọn nguồn lạch suối đều dựng điện để nghỉ ngơi. Rồi lại đi qua rìa núi đến chỏm núi có mây che thì định cư ở đó. Đôi lúc rong chơi trên sông Tiểu hoàng giang xem đánh cá, phàm đi qua các làng xóm đều dựng điện để nghỉ ngơi. Về sau, nhân dân theo dấu vết các điện đó mà lập đền miếu để thờ cúng.

Lại theo truyện cũ ở sách *Giao Châu ký* của Lỗ Công, tương truyền rằng đại vương Sơn Tinh họ Nguyễn, cùng vui ở với loài thủy tộc ở đất Gia Ninh, huyện Phong Châu. Thời vua Chu Noãn vương, vua Hùng Vương thứ 18 đến ở đất Việt Trì, Châu Phong, lấy quốc hiệu là Văn Lang. Vua có người con gái tên là Mỵ Nương (cháu gái 27 đời của Thần Nông) có sắc đẹp. Thục vương Phán cầu hôn, nhà vua không bằng lòng, muốn chọn rể hiền.

Mấy hôm sau, bỗng thấy hai người, một người tự xưng là Sơn Tinh, một người xưng là Thủy Tinh đến để cầu hôn. Hùng Vương truyền ti thí pháp thuật. Sơn Tinh chỉ núi, núi lở, ra vào trong đá không gì trở ngại. Thủy Tinh lấy nước phun lên không biến thành mây mưa. Vua nói: "Hai vị đều có phép thần thông, nhưng ta chỉ có một con gái, vậy ai mang sính lễ tới trước, ta khắc gả cho."

Sáng hôm sau, Sơn Tinh mang ngọc quý, vàng bạc, sơn cầm, dã thú... các lễ vật đến tiến, vua y cho. Thủy Tinh đến sau, không thấy Mỵ Nương, cả giận đem loài thủy tộc định đánh để cướp lại. Vương lấy lưới sắt ngăn ngang sông huyện Từ Liêm. Thủy Tinh bèn mở một dải sông Tiểu hoàng giang từ Lý Nhân ra Hát Giang, vào sông Đà Giang để đánh ập sau lưng núi Tản Viên. Lại mở ngách sông Tiểu Tích giang hướng về trước núi Tản Viên, đi qua Cam Giá, Xa Lâu, Cổ Hào, Ma Sá[187] ở khoảng ven sông đánh sụt thành cái vũng lớn để mở lối đi cho quân thủy tộc. Thường làm mưa gió mịt mù, dâng nước lên đánh Vương. Dân ở chân núi thấy thế bèn cắm

một hàng rào thưa để đón đỡ, đánh trống gõ cối[188], hò reo để cứu viện. Thấy rơm rác trôi bên ngoài hàng rào bèn bắn, thủy tộc chết biến thành thây ba ba thuồng luồng trôi tắc cả khu sông.

Hằng năm vào khoảng tháng bảy tháng tám vẫn thường như vậy. Dân vùng chân núi hay bị gió to nước lớn, lúa má thiệt hại cả. Người đời tương truyền rằng đó là Sơn Tinh và Thủy Tinh tranh nhau lấy Mỵ Nương[189].

Đại vương được bí quyết trường sinh của thần tiên nên rất hiển linh, đó là vị đệ nhất phúc thần của nước Đại Việt vậy.

Quan Hàn Lâm học sĩ triều Trần là Nguyễn Sĩ Cố đi chinh tây vào bái yết, có bài thơ rằng:

Sơn tự thiên cao thần tối linh

Tâm quynh tài khẩu dĩ văn thanh.

Mỵ Nương diệc hữu hiển linh trứ,

Thả vị thư sinh bảo thử hành.

Ở cuối truyện về sau có thêm một đoạn:

Theo sách *Thế Pháp tập* thì: "Xưa Lạc Long Quân và Âu Cơ sinh một bọc trăm trứng. Mỗi trứng nở ra một người con trai. Long Quân đem năm mươi con về dưới bể. Năm mươi con cùng ở với Âu Cơ phân nhau trị thiên hạ, hiệu là Hùng Vương. Mà đại vương núi Tản Viên chính là một trong năm mươi người con đi xuống bể, không phải là hạo khí của núi tụ nên vậy. Vương từ hải quốc qua cửa bề Thần Phù trở về, tìm nơi đất thanh u, dân tục đôn hậu chất phác mà ở. Men theo sông Cái đến đất Long Đỗ, thứ đến Trấn Trạch, định ở lại, nhưng không vừa ý. Bèn bỏ đi, men sông Lô Giang, ngược lên tới bờ Phúc Lộc giang, đứng bên bờ trông thấy núi Tản Viên cao vút đẹp đẽ, ba ngọn núi đứng xếp hàng, nghiễm nhiên như tranh vẽ. Lại thêm có dân ở dưới núi mổ trâu, nấu rượu hằng ngày ăn uống ca vịnh trầm ngâm, thực là chất phác. Vương bèn làm một con đường thẳng như sợi dây từ Bạch Phiên Tân lên thẳng phía nam núi Tản Viên, tới động An Uyên[190] lập điện để nghỉ ngơi[191].

CHÚ GIẢI

[187] *Bản A.750 chép: "... đến Cam Giá, Đông Lâu, Cổ Hiều, Ma Sá."*

Bản A.1752 chép: "... lại mở ngách sông Tiểu Chiết Giang chạy về phía trước núi Tản Viên tới Cam Giá, Xa Lâu, Cổ Hiều, Ma Sá, Lộc Sơn bị đánh sụt thành vũng".

[188] *Bản A.1200 chép: "... đánh trống để báo cho nhau biết."*

[189] *Bản A.1200 chép: "... tranh lấy Mỵ Nương". Bản chính A.33 chép nhầm là Man Nương, chúng tôi chữa lại là Mỵ Nương cho đúng.*

[190] *Bản A.1752 chép: "... đi tới Ngô Đồng, lập điện để nghỉ ngơi".*

Bản A.2107 và bản A.750 chép: "... đi tới Vệ Động..."

[191] *Theo các bản A.1752 và A.750 thì đoạn cuối này từ câu: "Xưa Lạc Long Quân và Âu Cơ sinh ra một bọc trăm trứng..." cho tới hết thì xếp ở đầu truyện, sau câu: "... ba núi đứng xếp hàng, đỉnh tròn như cái tán cho nên có tên ấy."*

TRUYỆN

HAI VỊ THẦN Ở LONG NHÃN, NHƯ NGUYỆT

Năm Thiên Phúc nguyên niên đời Lê Đại Hành, Tống Thái Tổ sai bọn tướng quân Hầu Nhân Bảo, Tôn Toàn Hưng cất quân xâm lược nam phương. Lê Đại Hành và tướng quân Phạm Cự Lượng kéo quân tới sông Đồ Lỗ cự địch, hai bên đối lũy. Đại Hành mộng thấy hai thần nhân ở trên sông vái mà nói rằng: "Anh em thần, một tên là Trương Hống, một tên là Trương Hát, xưa kia theo Triệu Việt Vương cầm quân chinh phạt nghịch tặc mà lấy được thiên hạ. Về sau Triệu Việt Vương mất nước, Lý Nam Đế triệu hai anh em thần. Bọn thần vì nghĩa không thể theo được, uống thuốc độc mà tự tử. Thượng đế thương anh em thần có công lại trung nghĩa một lòng, mới phong làm quan tướng trong hàng các thần linh, thống lĩnh quỷ binh. Nay quân Tống phạm cõi, làm khổ các sinh linh nước ta, cho nên anh em thần đến yết kiến, xin nguyện cùng nhà vua đánh giặc này để cứu sinh linh." Vua giật mình tỉnh dậy mừng rỡ mà bảo cận thần rằng: "Có thần nhân giúp ta rồi vậy."

Bèn lập tức đốt hương ở trước thuyền ngự mà khấn rằng: "Nếu thần nhân có thể giúp ta làm nên công nghiệp này, thì xin bao phong huyết thực muôn đời." Đoạn giết súc vật tế lễ, hóa mũ áo, voi ngựa, tiền giấy. Đêm ấy Đại Hành mộng thấy hai thần nhân mặc mũ áo vua ban đến bái tạ.

Đêm sau lại thấy một người dẫn đoàn quỷ áo trắng, tự phía nam sông Bình Giang mà tới, một người dẫn bọn quỷ áo đỏ từ phía bắc sông Như Nguyệt mà lại, cùng xông vào trại giặc mà đánh.

Canh ba đêm ba mươi tháng mười trời tối đen, mưa to gió lớn đùng đùng, Quân Tống kinh hoàng. Thần nhân tàng hình ở trên không, lớn tiếng ngâm rằng:

Nam quốc sơn hà nam đế cư,

Hoàng thiên dĩ định tại thiên thư.

Như hà Bắc Lỗ lai xâm lược,

Bạch nhận phiên thành phá trúc dư[192].

Quân Tống nghe thấy, xéo đạp vào nhau mà chạy tan, lầm giết lẫn nhau, ai lo chạy thoát thân người ấy, bị bắt không biết bao nhiêu mà kể. Quân Tống đại bại mà về. Đại Hành trở về ăn mừng, phong thưởng công thần, truy phong cho hai vị thần nhân, một là Tinh mẫn đại vương[193] lập miếu thờ ở tại ngã ba sông Long Nhãn, sai dân ở Long Nhãn, sông Bình Giang phụng thờ, một là Khước Mẫn[194] đại vương lập miếu ở ngã ba sông Như Nguyệt, sai dân ở bờ sông Như Nguyệt phụng thờ, hưởng huyết thực đời đời, nay vẫn còn là phúc thần.

CHÚ GIẢI

[192] Bản A.1200, trong bài thơ câu thứ ba chép:

"Như hà bắc lỗ xâm nam chỉ"

Bản A.750, trong bài thơ, 3 câu sau chép:

"... Tiệt nhiên dĩ định tại thiên thư

Như kim nghịch tặc lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư."

Bản A.1752, trong bài thơ, câu 3 và 4 chép:

"Như kim nghịch tặc lai công kích

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư."

Bản A.1300, trong bài thơ, 3 câu sau chép:

"Tiệt nhiên phận định tại thiên thư

Như hà nghịch tặc lai xâm phạm

Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư."

Bài thơ này tạm dịch nghĩa là:

Non sông nước Nam, vua nước Nam ở,

Điều ấy đã định rõ trong sách trời.

Nếu như giặc Bắc sang xâm lược,

Thì sẽ bị lưỡi gươm sắc chém tan như chẻ tre.

[193] Bản A.1752 chép: "Khước địch đại vương"

Bản A.1200 chép: "Uy địch đại vương"

[194] Bản A.1752 chép: "Uy địch đại vương"

Bản A.1200 và A.1300 chép: "Khước địch đại vương"

TRUYỆN

TỪ ĐẠO HẠNH VÀ NGUYỄN MINH KHÔNG

(Ngày nay còn đền thờ ở chùa Thiên Phúc núi Sài Sơn huyện An Sơn; trong núi đá này có tượng, trong chùa có tượng Lý Thần Tông).

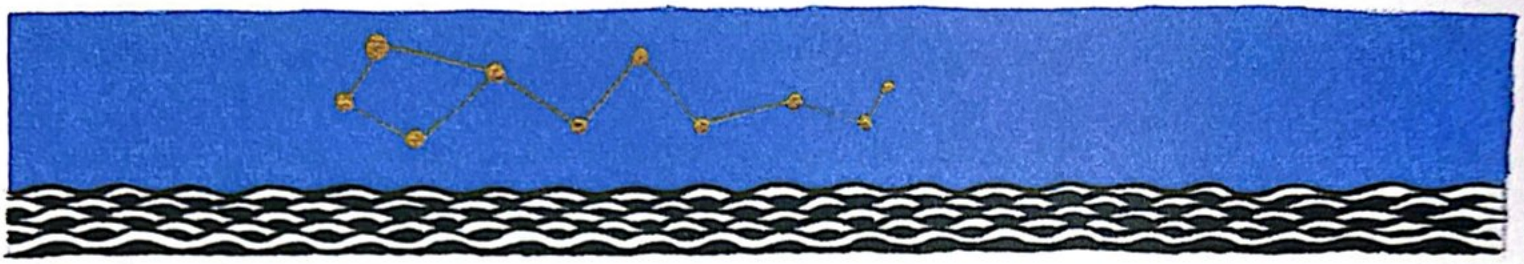

Ông họ Từ tên Lộ, tự là Đạo Hạnh, ở chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích[195]. Cha tên là Vinh, làm chức Tăng quan đô sát ở triều Lý, thường qua chơi làng An Lãng, lấy con gái người họ Lỗ tên là Loan, nhân thế ở lại đó. Lộ tức là con bà họ Lỗ vậy. Thuở thiếu niên, thích giao du hào hiệp, phóng khoáng, có chí lớn, hành động ngôn ngữ không ai có thể lường được, thường cùng kẻ nho giả Mãi Sinh, đạo sĩ Lê Toàn Nghĩa và người con hát là Phan Ất kết bạn. Đêm thì mải miết đọc sách, ngày thì thổi sáo đánh cầu, vui sự chơi bời. Cha mẹ thường trách là trễ nải, một đêm ghé dòm qua khe cửa vào trong phòng thấy ngọn đèn gần tàn, sách vở chồng chất, Lộ gục xuống án mà ngủ, tay vẫn chưa rời khỏi sách; do đó cha mẹ không còn lo nghĩ nữa. Sau Lộ dự kỳ thi tăng hương thí, đỗ khoa Bạch Liên[196].

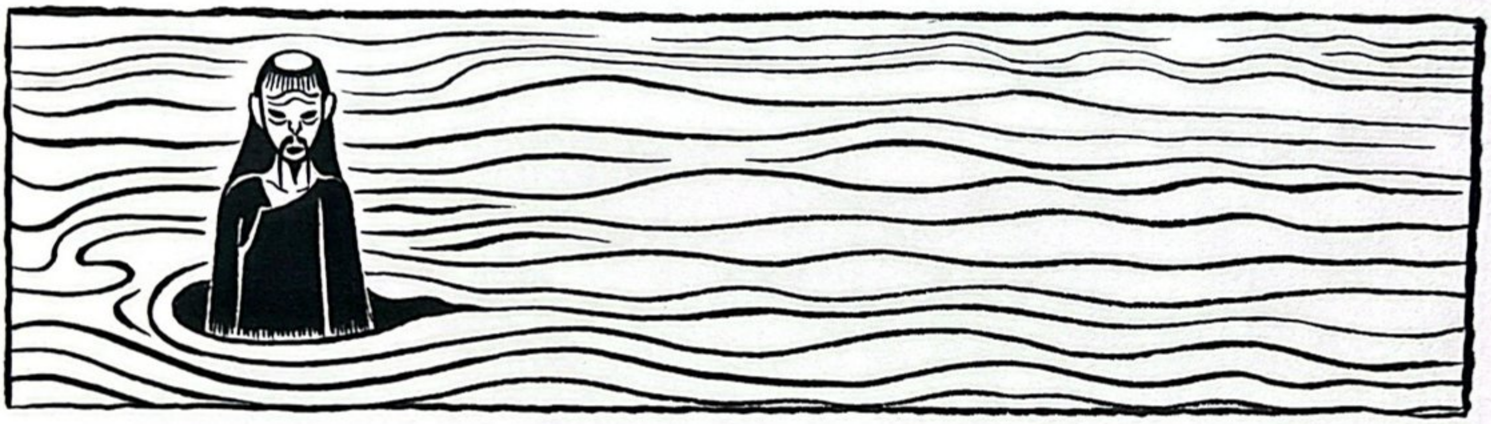

Không bao lâu, cha dùng tà thuật làm phật ý Diên Thành hầu, Diên Thành sai Đại Điên thiền sư dùng phép đánh chết, ném xác xuống sông Tô Lịch. Xác trôi tới cầu An Quyết, đến trước cửa nhà Diên Thành hầu, hốt nhiên đứng dựng lên ở đấy suốt một ngày không trôi đi.

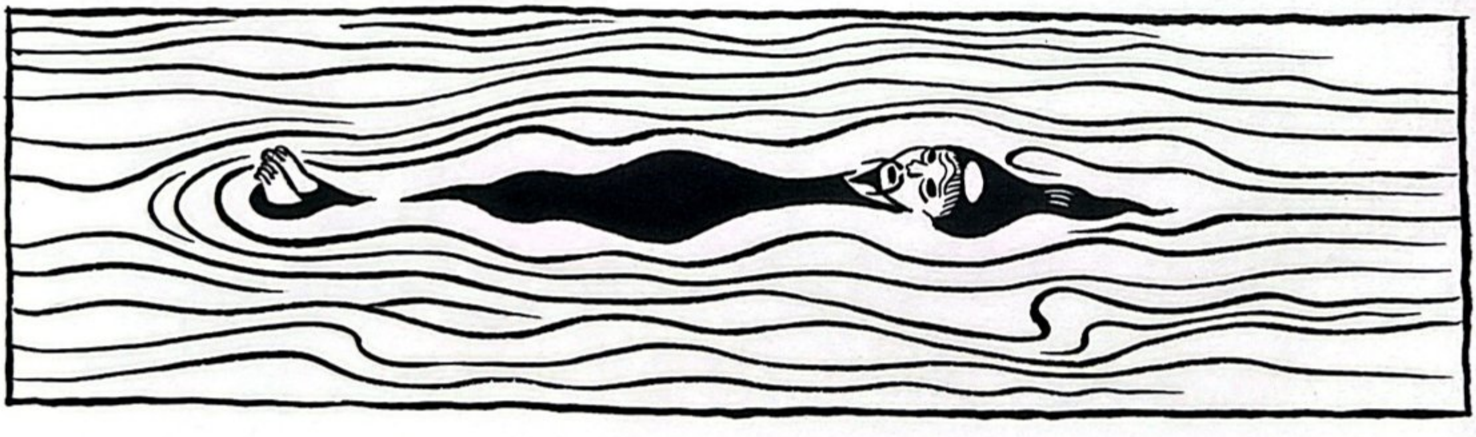

Diên Thành hầu sợ hãi nói với Đại Điên. Đại Điên đến và hét lên rằng: "Người đi tu không được phép giận quá một ngày."[197], dứt lời thây đổ xuống mà trôi đi. Lộ nghĩ việc báo thù cho cha nhưng chưa nghĩ ra mưu kế.

Một hôm, rình Đại Điên ra ngoài, gây sự định đánh, bỗng nghe thấy trên không trung có tiếng thét ngăn lại. Lộ sợ hãi quăng gậy mà đi. Muốn sang chùa Ấn Quốc[198] cầu phép lạ để đánh Điên, đường đi qua đất rợ Kim Si (răng vàng) thấy hiểm trở bèn quay về, ẩn cư ở núi Phật Tích, thường ngày đọc kinh Đại-bi-đà-la, đọc trọn mười vạn tám nghìn lần. Một hôm, thấy có thần nhân đến trước mặt nói rằng: "Kẻ đệ tử tức là Trấn thiên vương, cảm phục thầy có công trì kinh nên lại đây để thầy sai khiến." Lộ biết là đạo pháp đã thành, thù cha có thể rửa, bèn thân đến cầu An Quyết, cầm gậy chống ở tay ném xuống dòng nước chảy xiết. Gậy đi ngược dòng nước tới cầu Tây Dương thì dừng lại. Lộ mừng mà nói rằng: "Phép của ta thắng được Đại Điên rồi!" Bèn đến thẳng chỗ Điên ở[199] thấy Điên nói rằng: "Mày không nhớ chuyện ngày trước sao?" Nói rồi nhìn lên không trung, tịnh không thấy gì, bèn đánh liền. Điên phát bệnh mà chết. Từ đó, thù xưa đã rửa, tục lụ nguội dần mới du ngoạn các miền rừng rú để tìm dấu Phật. Nghe tiếng Kiều Trí Huyền ở đạo Bình Hóa, bèn cung kính tới bái yết và hỏi về chân tâm, đọc câu kệ rằng:

Cửu hỗn phong trần vị thức kim,
Bất tri hà xứ thị chân tâm,
Nguyện thừa chỉ giáo khai phương tiện,
Tiện kiến bồ đề đoạn khổ tầm[200].

Huyền đọc kệ đáp lại:

Ngũ âm bí quyết diễn chân kim
Cá trung mãn nguyệt lộ thiền tâm.
Hà sa giác thị bồ đề đạo
Nghĩ hướng bồ đề cách vạn tầm[201].

Lộ hoang mang chưa hiểu hết, bèn đi tới chùa Pháp Linh Sơn yết kiến Phạm Hội thiền sư, hỏi rằng "Như thế nào là chân tâm?" Phạm nói: "A-nan-cá chính là chân tâm." Lộ bỗng nhiên tỉnh ngộ, hỏi rằng: "Thế nào là phép hành trụ?" Phạm nói: "Đói thì ăn, khát thì uống." Lộ bái từ mà đi, từ đó phép lực ngày càng mạnh, duyên thiền càng kết. Các giống rắn núi, thú đồng đến quấn quýt quanh mình. Lộ đốt ngón tay cầu đảo, chú phép vào nước trị bệnh, không lúc nào không nghiệm. Có vị sư hỏi rằng: "Phải chăng hành, trụ, tọa, ngọa[202] đều là Phật tâm?"

Lộ đọc kệ đáp rằng:

Tác hữu trần sa hữu,
Vi không nhất thiết không.
Hữu không như thủy nguyệt,
Vật chước khả không không[203].

hoặc lại nói:

Nhật nguyệt xuất nham đầu
Nhân nhân thất hỏa châu.
Quy nhân hữu câu tử,
Hành bộ bất kỵ câu.[204]

Khi ấy vua Lý Nhân Tông không có con, tháng ba năm Hội tường Đại khánh thứ 3, có người ở phủ Thanh Hoa nói rằng: ở bãi bể có đứa trẻ kỳ lạ, mới khoảng lên ba, tự xưng là hoàng đế, lấy hiệu Giác Hoàng, phàm vua làm điều gì đứa trẻ cũng biết, đó chính là Đại Điên hóa sinh. Vua sai quan trung sứ tới xem, thấy đúng như lời nói, bèn đón về Kinh sư, cho ở chùa Báo Thiên. Vua thấy đứa trẻ thông minh, rất lấy làm yêu dấu, muốn lập làm kẻ kế tự, quần thần đều cố khuyên can là không thể được, và nói: "Nếu kẻ kia thực là linh dị, tất phải thác sinh ở nơi cung cấm, sau mới có thể lập được." Vua nghe theo. Bèn mở đại hội bảy ngày đêm cho đầu thai.

Pháp Lộ nghe tin, nói với chị gái rằng: "Đứa trẻ kia là yêu tà, mê hoặc người ta quá đáng. Ta há chịu ngồi yên mà không cứu, để nó làm mê hoặc lòng mọi người, rối loạn chính pháp sao?" Nhân sai chị gái giả đò làm người đi xem hội, mật đem mấy tấm bùa của Lộ treo ở trên rèm. Hội tới ngày thứ ba thì Giác Hoàng bị bệnh nói với mọi người rằng: "Khắp biên giới trong nước đều có lưới sắt vây che, tuy muốn thác sinh, sợ không có lối vậy." Vua nghe có kẻ phá mất bùa chú, bèn sai người đi tìm, quả nhiên bắt được Lộ ở Hưng thánh lâu, trói lại, họp quần thần lại để xét xử. Vừa lúc đó Sùng Hiền Hầu đi ngang qua. Lộ năn nỉ nói: "Xin ra sức cứu bần tăng khỏi phải chịu tội, ngày sau xin ngụ thai trong cung để báo đáp công đức này." Hầu gật đầu. Sau ngày hội, quần thần tâu với vua rằng: "Bệ hạ vô tự, nên cầu kẻ kia thác sinh, thế mà tên Lộ cuồng dại dám tự ý giải chú, thật là đắc tội." Hầu tâu rằng: "Thiết tưởng nếu Giác Hoàng có thần lực thì tuy có trăm tên Lộ giải chú, há đâu có hại được ru? Nay lại trái hẳn, Lộ hơn hẳn Giác Hoàng, thần trộm nghĩ nếu như giết, chẳng thà cho nó thác sinh." Vua bằng lòng. Lộ đến thẳng phủ đệ nhà Hầu, nhằm chỗ phu nhân tắm, nhìn khắp cả[205]. Phu nhân giận quá, mách với Hầu. Hầu vốn hiểu ý, để mặc không hỏi đến. Phu nhân vì thế có thai. Lộ dặn Hầu rằng đến lúc

phu nhân lâm bồn phải báo cho biết trước. Đến kỳ lâm bồn, Lộ được người báo tin, bèn tắm rửa thay quần áo, bảo học trò rằng: "Mối túc nhân của ta chưa hết, phải thác sinh lần nữa ở đời, tạm làm đế vương, kíp đến khi già chết làm nhị thập thiên tử. Nếu thấy thân thể tan ra đất, đó là ta đã thâm nhập vào bùn đất không còn ở trong cõi sống chết nữa." Học trò nghe nói, ai cũng cảm động sụt sùi. Lộ đọc kệ rằng:

Thu lai bất hóa nhạn lai quy,
Lãnh tiếu nhân gian tạm phát bi,
Vi báo môn nhân lưu luyến chước,
Cổ sư kỷ độ tác kim sư.[206]

Đọc dứt, nghiễm nhiên mà hóa. Hầu phu nhân bèn sinh con trai, đặt tên là Dương Hoán. Khi lên ba, vua Nhân Tông nuôi ở trong cung, lập làm Hoàng thái tử. Nhân Tông băng hà, thái tử tức vị, ấy là vua Thần Tông do Lộ thác sinh ra vậy. Hình xác Lộ nay còn ở hõm đá trong chùa Thiên Phúc, núi Phật Tích, huyện Ninh Sơn[207].

Xưa ở làng Đàm Xá, huyện Đại Hoàng (còn có tên là Gia Viễn) đất Trường An có người tên là Nguyễn Chí Thành ở chùa Quốc Thanh, hiệu là Minh Không quốc sư, lúc ít tuổi đi du học, gặp Đạo Hạnh, học được đạo giáo, trải hơn mười năm. Đạo Hạnh thấy người tiết tháo bèn truyền tâm ấn[208], lại đặt tên cho. Kíp tới khi Đạo Hạnh sắp tạ thế bảo Minh Không rằng: "Xưa tôn sư của ta tu đã tròn quả phúc mà còn bị cái nạn đao thương quả báo, huống chi ở cái thuở mạt thế huyền vi này, há có thể tự giữ mình được sao? Ta nay sắp xuất thế, ở cái địa vị làm thầy người ta, bệnh trái kiếp sau quyết là khó tránh nổi[209]. Ta với người có duyên, nên cứu giúp nhau." Đạo Hạnh đã hóa, Minh Không trở về chùa cũ cày ruộng. Hơn hai mươi năm, không có tin tức gì. Khi đó Lý Thần Tông bỗng mắc bệnh lạ, tâm thần rối loạn, tiếng kêu đau đớn gầm rú đáng sợ. Các lương y trong thiên hạ vâng chiếu mà đến, kể hàng ngàn hàng vạn, đều chịu khoanh tay.

Khi ấy có đứa trẻ hát rằng:

"Dục trị thiên tử bệnh, tu đắc Nguyễn Minh Không." (Nghĩa là: muốn chữa bệnh nhà vua tất phải đi tìm Nguyễn Minh Không). Triều đình bèn sai sứ đi tìm được Minh Không. Minh Không thấy sứ giả đến, trong thuyền có rất nhiều lính chèo thuyền, muốn dọn cơm chay cho ăn, bèn lấy một cái nồi nhỏ đem cho họ cùng ăn, bảo họ rằng: "Anh em đông quá sợ không đủ no bụng, tạm ăn vậy[210]." Thế mà bọn lính chèo thuyền hơn một trăm người cùng ăn cũng không sao hết. Lính ăn xong, sư lại bảo:

"Anh em hãy tạm ngủ say một lát nữa đợi nước triều dâng lên ta hãy bắt đầu ra đi." Chúng nghe lời, đều nằm ngủ say ở trên thuyền. Mới trong khoảnh khắc, thuyền đã trở về tới kinh đô. Bọn lính bơi chèo tỉnh dậy đều lấy làm lạ.

Khi Minh Không đến, các bậc có tiếng là học rộng ở các nơi đều đang làm phép ở trên điện, thấy Minh Không quê mùa, không thèm chào. Minh Không bèn lấy một chiếc đinh lớn dài hơn năm tấc đóng vào cột điện, lớn tiếng nói rằng: "Có nhổ được đinh này hãy nói chuyện chữa bệnh[211]." Nói như vậy hai ba lần, không có ai dám nhổ. Minh Không bèn lấy hai ngón tay trái mà nhổ, đinh bật phăng ra. Chúng đều kinh phục. Khi gặp Thần Tông, Minh Không lớn tiếng nói: "Kẻ đại trượng phu được tôn lên ngôi thiên tử, giàu có khắp bốn bể, cớ sao còn phát bệnh cuồng loạn như vậy?" Vua nghe nói rất run sợ.

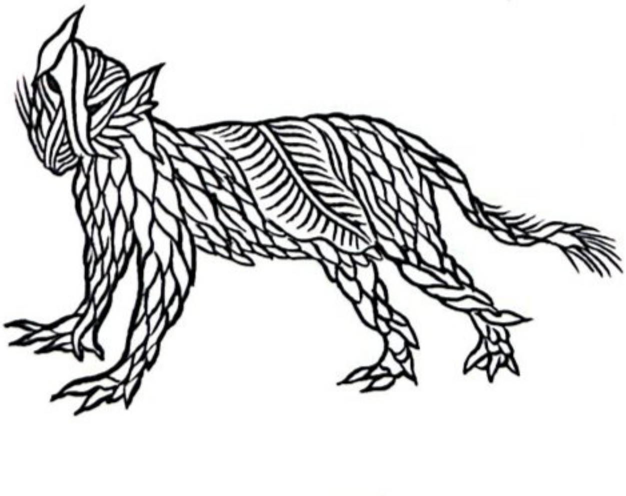

Minh Không bèn lấy một cái vạc lớn đựng dầu, đun lên sôi sùng sục, rồi lấy tay khoắng vào bốn lần, rắc vẩy lên khắp mình vua, bệnh tức thì khỏi hết. Bèn phong Minh Không làm quốc sư, ban lộc mấy trăm hộ để thưởng công. Năm Tân Sửu, niên hiệu Thái Bình thứ 22, Minh Không tạ thế, thọ bảy mươi sáu tuổi[212].

CHÚ GIẢI

195 Bản A.1200 chép: "... Ở chùa Thiên Phúc, xã Sài Sơn, huyện Yên Sơn, trên núi Phật Tích."

196 Bản A.1200: "... sau bố là Vinh ứng thi tăng hương thí, đỗ khoa Bạch Liên."

197 Bản A.2107 chép: "... người tu hành không giận quá một ngày, sống chết chẳng qua chỉ là một giấc mộng."

198 Các bản A.1200, A.1300, A.1752, A.750 đều chép "muốn sang Ấn Độ học phép lạ..."

199 Bản A.2107 chép... "bèn dùng phép tàng hình đến thẳng nhà Đại Điên..."

200 *Dịch ý như sau:*

Lâu ngày bị gió bụi làm đục không thấy rõ được vàng,

Không biết nơi nào mới thực là chân tâm.

Mong được nghe lời chỉ giáo để mở đường phương tiện,

Thấy được bồ đề thôi không phải khổ công tìm tòi.

201 *Dịch ý như sau:*

Ngũ âm bí quyết biểu hiện rõ chân kim (vàng thực),

Trong đó, đầy tháng sẽ lộ rõ lòng thiền.

Bát ngát như cát ven sông đó mới thực là đạo Bồ đề,

Hướng tới Bồ đề ngàn sự tìm tòi đều xa cách.

202 *Tức là sự đi, ở, nằm, ngồi của nhà sư.*

203 *Dịch ý như sau:*

Có làm thì mọi mối bụi cát đều có,

Không làm thì tất cả đều là không.

Có hay không đều như mặt trăng dưới nước,

Vật thì trông rõ rệt nhưng lại là không.

204 *Dịch ý như sau:*

Mặt trời mặt trăng ra ở đầu núi,

Người người đều cháy ra một khối lửa.

Người về có con ngựa nhỏ,

Đi bộ mà không cưỡi ngựa.

(Các bài kệ này ý nghĩa rất tối, khó hiểu, xét không cần thiết phải chú giải, chúng tôi xin chỉ dịch ý mà thôi).

205 Bản A.750 chép: "Lộ bèn thân đến nhà Hầu để cáo tạ, vào chỗ phu nhân Đỗ thị tắm liền nhìn trộm. Phu nhân nổi giận mách Hầu. Hầu biết ý không trách. Lộ dặn Hầu rằng: sau này khi phu nhân lâm bồn tất phải báo cho biết trước. Ba năm sau, phu nhân quả có thai. Đến thời sinh nở, Hầu nhớ lại lời dặn cũ của Lộ sai người cấp báo. Lộ bèn tắm giặt thay quần áo, bảo học trò rằng..."

Bản A.2107 chép: "Lộ được tha, đến yết kiến ở phủ đệ của Hầu, nhập vào chỗ phu nhân tắm, bức phu nhân phải cho xem. Phu nhân giận lắm, bỗng thấy ở thùng tắm có một đứa trẻ, sợ quá bèn thưa với Hầu. Hầu biết ý không hỏi tội..."

206 *Dịch ý như sau:*

Thu tới, không cho chim nhạn báo trước,

Cười nhạt mà nhìn nhân gian đau xót.

Khẽ bảo bọn môn nhân chớ nên luyến tiếc,

Thày xưa mấy độ hóa thày nay.

207 Bản A.2107 chép: "Nhà vua chết, Dương Hoán lên ngôi, đó là Thần Tông. Xác Từ Đạo Hạnh ngày nay còn thấy tung tích trong đá chùa Thiên Phúc núi Phật Tích, huyện An Sơn, phủ Quốc Oai. Hình dáng tới nay vẫn còn. Xưa Từ Đạo Hạnh đi chơi, thường thấy trong động có vết chân in trên đá, lấy chân ướm thử thì thấy vừa khớp. Người đời truyền rằng xác ông tan ra chính ở chỗ ấy. Hằng năm vào ngày 7 tháng 3, nam nữ thường tới dự hội ở chùa này, chùa hóa thành một nơi thắng cảnh. Cuối đời Minh, quân Minh vào cướp nước ta, trong cuộc binh hỏa, vết tích xưa bị đốt, người làng mới xây lại tượng để thờ." Đến đây, bản A. 2107 kết thúc truyện Từ Đạo Hạnh. Sau đó chép riêng ở dưới truyện Nguyễn Minh Không thiền sư.

208 Bản A.2107 chép: "Đạo Hạnh mừng thấy người có chí bèn truyền cho ấn tiết (ấn và cờ), lại đặt tên cho."

209 Bản A.2107 chép: "Huống hồ, đạo ta còn thấp hèn. Nay ta ở trên đời, đứng vào cái địa vị chúa của người, bệnh trái kiếp sau quyết khó tránh nổi..."

Bản A.1752 lại chép: "... Huống hồ phép mạt của ta còn chưa sáng tỏ, khó lòng mà giữ gìn được. Ta nay hiện ra trên thế gian ở vào cái địa vị chủ ngươi, sinh, tử, bệnh, khó mà tránh thoát."

Xét các bản này thì ý chung của đoạn văn là: Từ Đạo Hạnh biết trước rằng sau khi tái sinh sẽ làm vua, như vậy bản chính chép là làm thày thì không đúng lắm.

210 Bản A.2107 chép: "Minh Không thấy sứ giả đến tức thì đem một nồi cơm nhỏ cho lính chèo thuyền ăn. Bọn theo sau sứ giả rất đông, lo không đủ cơm ăn. Minh Không bảo: Hãy tạm ăn vậy. Hàng mấy trăm lính chèo thuyền ăn không sao hết..."

211 Bản A.1200 chép: "Các bậc danh sư thạc túc đang làm phép trên điện... Minh Không quát lớn: kẻ nào nhổ được đinh này mới chữa được bệnh."

212 Về Minh Không, lại có một truyện khác gọi là Minh Không biết truyện. Theo bản A.750, truyện như sau:

Ở chùa Không Lộ làng Giao Thủy có nhà sư tên là Minh Không, xuất gia trụ trì ở chùa này vào đời trị bình rất nổi tiếng về đức hạnh. Một hôm, Minh Không ở ngoài đi về, người sư ở cùng phòng đùa nấp trong cửa buồng nhảy xổ ra, giả làm tiếng hổ kêu để dọa. Minh Không cười nói: "Nhà ngươi tu hành mà còn muốn làm hổ hay sao? Ta cần phải cứu nhà ngươi mới được." Mấy năm sau, nhà sư đó chết hóa kiếp thành quốc vương, hốt nhiên khắp người mọc lông, nhảy nhót la gào, mặt như mặt hổ. Tìm khắp thày thuốc, thày cúng, sư sãi mà không có ai chữa được. Nghe Minh Không có pháp thuật, bèn sai người chèo thuyền đi mời. Minh Không lấy nồi nhỏ nấu cơm cho thủy thủ ăn, sứ giả cười nói: "Thủy thủ người đông, sợ không đủ no." Minh Không nói: "Không lo, cứ cho tất cả mọi người cùng ăn sẽ thấy lòng thảo của ta." Thủy thủ 45 người ăn no mà không hết; mọi người đều lấy làm lạ. Chiều tối lên thuyền, lại khuyên sứ giả và thủy thủ ngủ say, đợi trăng lên, gọi dậy nhổ neo, nếu không sẽ không đi. Sứ giả mời mãi không được bèn nằm giả ngủ. Bỗng thấy trong thuyền tiếng gió thổi lạnh, đến lúc trăng mọc, nhà sư gọi dậy thì thuyền đã cập bến kinh đô rồi. Minh Không bay lên không mà vào cung, đun nước tắm cho nhà vua, tay rửa tới đâu thì lông rụng tới đấy. Vua khiến trở về Bình Than. Nhân hỏi căn nguyên bệnh trạng. Đáp: "Người tu hành trong tư niệm có điều mê hoặc, sám hối mà tẩy rửa thì sẽ khỏi, không có gì khó cả." Vua lại hỏi: "Nhà thày sao có tài thần thông bay ở trên không như vậy?" Đáp: "Không phải như thế, kẻ hạ thần vốn mắc bệnh phong, mỗi khi bệnh phát lại không nhìn thấy hình dáng vạn vật, không biết cái gì là có cái gì là không, chỉ tin ở cái lẽ sống thường tình mà thôi, không có gì là thần thông cả." Bèn lại bay lên không mà trở về. Vua ban cho của cải, sư không nhận, vua bèn bao phong cho chức thần tăng.

TRUYỆN

DƯƠNG KHÔNG LỘ VÀ NGUYỄN GIÁC HẢI

Thiền sư Dương Không Lộ ở chùa Nghiêm Quang huyện Hải Thanh, mấy đời làm nghề câu cá, sau bỏ nghề ấy mà đi tu, thường hay đọc kinh Già-la-ni-môn. Trong các năm Chương Thánh, Gia Khánh đời Lý Thần Tông[213] thường cùng Giác Hải là đạo hữu cùng ở ẩn đất Hà Trạch[214] quên cả thân mình, ngoài không đi đến đâu, trong thì tu thiền định[215]. Bỗng thấy tâm thần tai mắt nhẹ nhàng sáng sủa, có thể bay lên không, đi trên băng giá, bắt được hổ phải phục, bắt được rồng phải giáng, vô cùng quái đản người ta không sao lường biết được[216]. Sau tìm về một ngôi chùa ở quận nhà mà ở. Một hôm người hầu bẩm rằng: "Mỗ tự khi tới đây chưa hề được thầy chỉ giáo về những điều tâm yếu, dám xin trình thơ rằng:

Đoàn luyện thân tâm hảo đắc tinh,
Xâm xâm trực chuyển đối nghiêm đình[217].
Hữu nhân lai học không không pháp.
Thân tọa bình biên ảnh tập hình[218]."

Sư bèn bảo rằng: "Nếu con đi đường bộ mà tới, ta tiếp dẫn con, nếu con đi đường thủy mà tới, ta trao cho con. Chẳng có chỗ nào mà ta không truyền cho con cái đạo tâm yếu." Nói xong, ha hả cười lớn.

Thường hay đọc câu kệ rằng:
Tuyển thủ giao long địa khả cư,
Dã tình chung nhật lạc vô dư.
Hữu thời trực thượng cô phong lĩnh,
Trường tiếu nhất thanh hàn thái hư[219].

Ngày 3 tháng 6 năm Kỷ Hợi, niên hiệu Hội tường Đại khánh thứ mười thì tịch[220]; môn nhân thu xác táng ở cửa chùa. Vua hạ chiếu cho sửa rộng chùa này, quyên hai mươi hộ phụng hương hỏa.

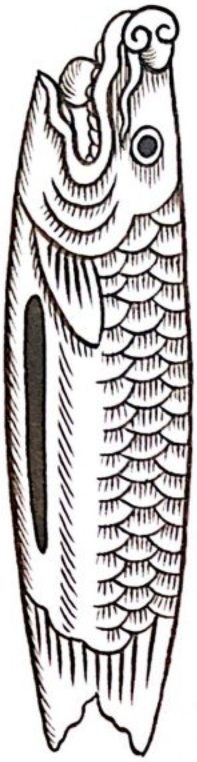

Thiền sư Giác Hải họ Nguyễn, người Hải Thanh, ở tại chùa Diên Phúc quận nhà. Thuở nhỏ thích câu cá, thường lấy thuyền con làm nhà, lênh đênh trên mặt nước. Năm hai mươi lăm tuổi bỏ nghề ấy, cắt tóc đi tu, lúc đầu cùng Thiền sư Không Lộ thờ một thầy ở chùa Hà Trạch[221].

Thời Lý Nhân Tông, sư thường cùng Thông Huyền chân nhân được triệu vào ngồi hầu ở chùa Liên Mộng, đất Lương Thạch[222]. Bỗng một hôm có đôi cắc kè gọi nhau, nhức tai điếc óc. Vua truyền Thông Huyền ngăn nó lại, Huyền lặng nhẩm thần chú, một con rơi xuống trước. Vua cười bảo: "Hãy còn một con xin để nhường nhà sư." Sư đọc thần chú, trong nháy mắt con còn lại cũng rơi xuống nốt. Vua kinh lạ, làm thơ rằng:

Giác Hải tâm như hải,
Thông Huyền đạo diệc huyền.
Thần thông năng biến hóa.
Nhất Phật, nhất thần tiên[223].

Từ đó, danh tiếng sư vang động thiên hạ, các vị tăng cùng kẻ tục đều ngưỡng vọng.

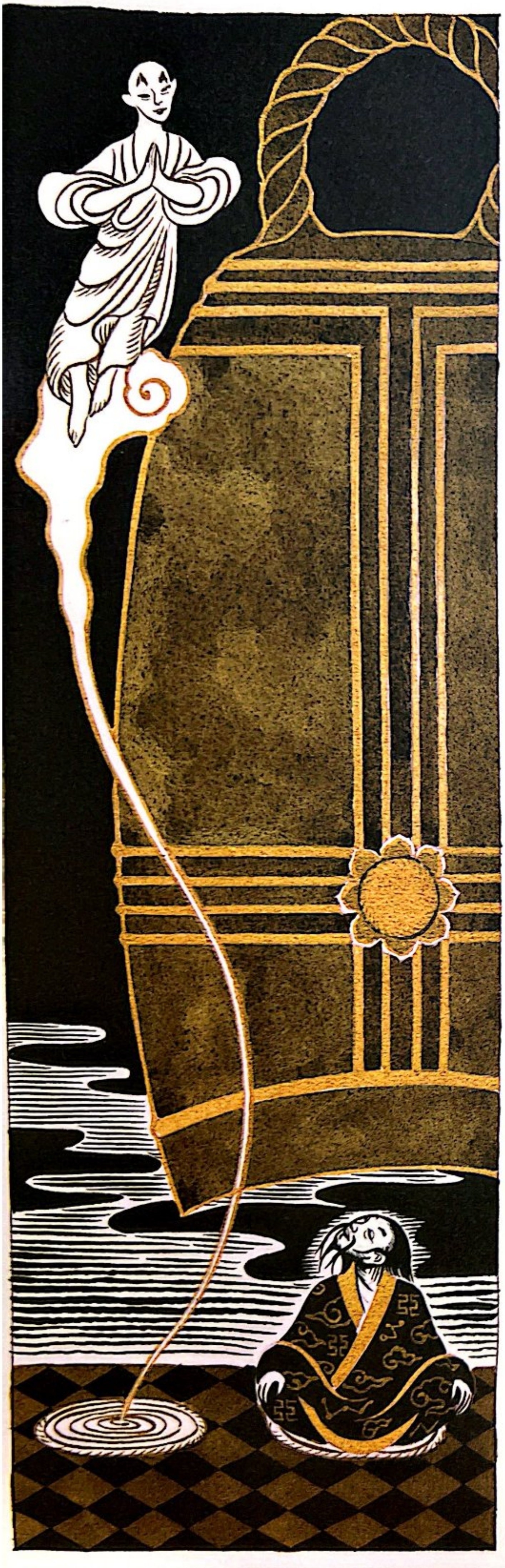

Vua thường lấy lễ thầy trò mà đãi sư, mỗi khi hạ giá tới hành cung ở Thanh Hải, tất trước tới thăm chùa. Một hôm vua bảo sư: "Cái đạo ứng chân thần túc[224] có thể cho nghe được không?" Sư bèn đọc kinh tám lần, bay vút lên không, cách xa đất năm trượng, bỗng lại rơi xuống. Vua cùng quần thần đều vỗ tay xưng tán, ban cho chiếc kiệu để ra vào nơi cung cấm. Tới triều vua Thần Tông, mấy lần vua triệu vào kinh thành, sư đều lấy cớ già yếu không đi. Có vị sư hỏi rằng: "Phật và chúng sinh, ai là chủ ai là khách?"

Sư bèn đặt câu kệ rằng:

Bất giác nhữ đầu bạch,
Báo nhĩ tác lão khách.
Nhược vấn Phật cảnh giới,
Long môn tao điểm ngạch[225].

Lúc sắp tịch, bèn làm bài kệ cáo chúng như sau:

Xuân lai hoa điệp thiện tri thì,
Hoa điệp ưng tu tiện ưng kỳ.
Hoa điệp bản lai giai thị ảo,
Mạc tương hoa điệp hướng tâm trì[226].

Đêm ấy có ngôi sao lớn rơi ở góc tây nam phương trượng. Sáng hôm sau, sư ngồi ngay thẳng mà tịch.

Vua xuống chiếu quyên 30 hộ phụng thờ hương hỏa, phong hai con làm quan để thưởng công.

(Đời Trần Thái Tông, đất Hải Thanh là Thiên Thanh, tức là phủ Thiên Trường[227].)

CHÚ GIẢI

[213] *Bản A.2107 chép: "đời Lý Thánh Tông"*

[214] *Bản A.2107: "... đến ở ẩn tại chùa Hà Trạch, mặc cỏ ăn cây, quên cả thân mình, ngoài thì không đi đâu, trong thì tu thiền định."*

Bản A.1752 chép: "... bèn đến đất Cựu Thủy nương thân, đi ăn xin ở đó, quên cả thân mình..."

[215] *Thiền định: Tiếng nhà Phật, ý nói tập trung tư tưởng ở một chỗ mà suy tưởng tới lẽ huyền diệu của đạo Phật.*

[216] *Về đoạn này, bản A.2107 chép thêm như sau: "lại được ban đại giám chân ấn, khi thì tự xưng là Vũ Khách, lúc thì nhận hiệu là Mao Tiên (Vũ Khách, Mao Tiên đều là tên chỉ các bậc tiên) được lên tới cõi Đâu xuất..."*

[217] *Câu thứ hai này, các bản A.2914, A.2107, A.1300, A.1200, A.1752 đều chép là: "Xâm xâm trực cán đối hư đình."*

[218] *Dịch ý như sau:*

Rèn luyện thân tâm cho được tinh vi,

Hăm hở xoay lại đối diện với nghiêm đình.

Có người tới học không không pháp,

Mình ngồi bên chiếc bình phong, ảnh với hình hợp làm một.

[219] *Bản A.1752, trong bài thơ, 3 câu sau chép:*

"Dã tình chung nhật mễ vô dư

Hữu thời trực thượng cô điên tại

Tiếu nhất thanh hề hàn thái hư."

Bản A.1200 chép bài thơ này như sau:

"Tuyển thủ giao long địa khả cư,

Dã tình chung tốt lạc vô dư

Hữu thời trực hướng cô phong lĩnh,

Trường tiến cao thanh hàn thái hư."

Bài thơ này dịch ý như sau:

Địa thế long xà chọn được nơi,

Đồng quê cảnh thú suốt ngày vui,

Có khi dời bước non cao trót,

Một tiếng kêu to lạnh cả trời.

[220] *Bản A.2107 chép: "Ngày mồng 3 tháng 6 năm Ất Hợi niên hiệu Hội tường Đại Khánh thứ 10 (tức năm 1120) sư tịch."*

[221] *Các bản A.759, A.1300 chép thêm: "... Sau tìm về Hải Thanh."*

Bản A.1200 chép: "... cùng với Không Lộ thờ một thầy, nương náu ở chùa Hà Trạch, sau tìm về chùa Không Lộ."

Bản A.2107 chép: "... Sau về ở chùa Diên Phúc thuộc làng cũ tiêu dao làm vui, đồ vật trong chùa tùy thời sử dụng."

[222] *Bản A.2107 chép: "... mời vào ngồi ở chùa đá trong viện Liên Mộng."*

Bản A.1752: "... mời vào ngồi ở chùa Phùng Ứng, Lương Thạch."

Bản A.1200: "... mời vào ngồi ở chùa Liên Hoa, Lương Thạch."

[223] *Dịch ý như sau:*

Giác Hải lòng như hải (bể)

Thông Huyền đạo cũng huyền,

Thần thông thêm biến hóa,

Một Phật, một thần tiên.

[224] *Bản A.1300: "Ứng chân định thần"*

Bản A.2107: "Ứng chân thần tiên."

[225] *Dịch phỏng ý như sau:*

Bất giác đầu ta đã bạc, bảo ta là lão khách, nếu như hỏi tới những điều thuộc cảnh giới đạo Phật thì ta cũng chỉ như con cá nhỏ không vượt khỏi cửa rồng đến nỗi trán bị chấm dấu.

[226] *Dịch phỏng ý như sau:*

Xuân tới chính là thời tiết rất quen thuộc đối với bướm hoa,

Hoa bướm cũng phải lựa theo thời tiết.

Hoa bướm xưa nay vốn là mộng ảo,

Có sao phải giữ mãi chuyện hoa bướm trong lòng.

[227] *Thiên Trường: tên phủ thuộc trấn Sơn Nam Hạ cũ, nay thuộc Nam Định gồm các phủ Xuân Trường, Trực Ninh v.v...*

TRUYỆN

HÀ Ô LÔI

Năm Thiệu Phong đời Trần Dụ Tông có người làng Ma La[228] là Đặng Sĩ Doanh làm chức An phủ sứ phụng mệnh sang Bắc quốc. Vợ là Vũ thị ở nhà, trong làng có đền thờ thần Ma La, đêm đêm thần biến thành Sĩ Doanh, thân thể hình dạng, dáng điệu đi đứng đều bắt chước hệt như Sĩ Doanh, nhập vào phòng Vũ thị để tư thông, lúc gà gáy lại bỏ đi.

Đêm hôm sau Vũ thị hỏi: "Phu quân phụng mệnh sang sứ Bắc, sao đêm đêm thì về mà ngày lại không thấy?" Thần nói dối rằng: "Vua đã sai người khác đi thay, để ta hầu bên tả hữu, thường giữ ta đánh cờ không cho ra ngoài. Song ta nhớ tình vợ chồng nên lén về với nàng để cùng ân ái. Sáng sớm lại phải vội vã nhập triều, không dám ở lâu, nghe gà gáy lại đi." Vũ thị có ý ngờ vực. Năm sau Sĩ Doanh đi sứ về, Vũ thị có thai đã đầy tháng. Sĩ Doanh tâu lên vua, Vũ thị bị hạ ngục. Đêm vua nằm mộng thấy một vị thần tới trước mặt tâu rằng: "Kẻ hạ thần là thần Ma La lấy vợ đã có mang, bị Sĩ Doanh tranh mất con." Vua tỉnh mộng, hôm sau ra lệnh cho ngục quan đem Vũ thị tới, phán rằng: "Vợ giả cho Sĩ Doanh, con giả cho thần Ma La." Ba hôm sau, Vũ thị sinh ra một bọc đen, nở được một con trai, da đen như mực. Năm mười hai tuổi đặt tên là Hà Ô Lôi.

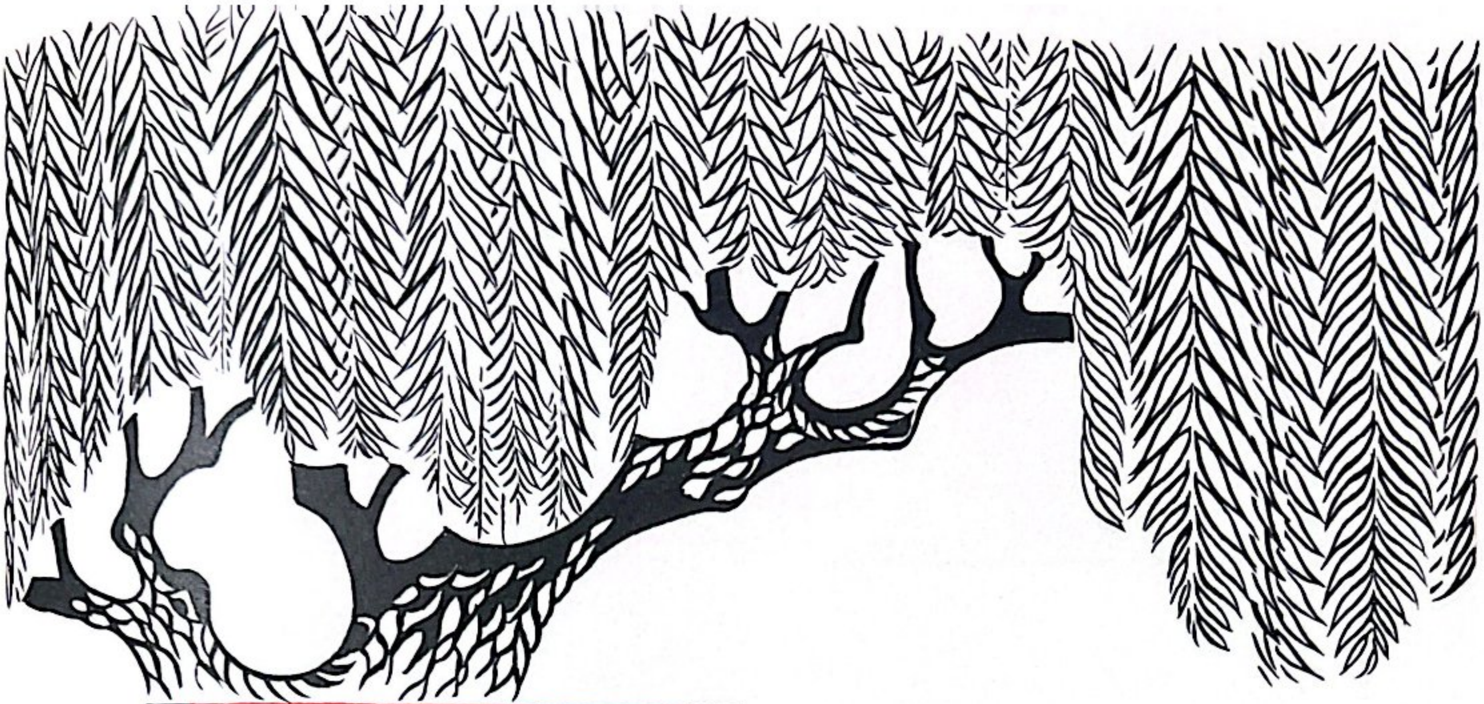

Hà tuy đen như sơn, nhưng da thịt bóng mỡ như cao. Năm mười lăm tuổi, vua triệu vào hầu, được rất mực yêu dấu, đãi như tân khách[229]. Một hôm Ô Lôi đi chơi ở Hồ Tây, gặp Lã Động Tân, Lã hỏi rằng: "Chú bé con kia có muốn gì chăng?" Đáp: "Đương lúc thiên hạ thái bình quốc gia vô sự, coi phú quý như phù vân, chỉ ham muốn thanh sắc để làm vui tai đẹp mắt mà thôi." Động Tân cười nói: "Thanh sắc của người mất một, được một, song tên tuổi có thể lưu lại cho đời." Rồi bảo Ô Lôi há miệng, nhổ nước bọt, bảo nuốt, sau đó bay lên trời mà đi. Từ đó, Ô Lôi tuy không biết chữ nhưng thông minh, lém linh, thường hay trêu ghẹo vương nhân[230], những câu từ chương thi phú, khúc điệu ca ngâm, giao xướng phúng vịnh, trào phong lộng nguyệt đều khiến mọi người kinh ngạc, đàn bà con gái ai cũng muốn biết mặt. Vua thường nói với triều thần rằng: "Sau này thấy Ô Lôi gian phạm tới nhà ai, bắt tới trước điện sẽ được đền nghìn quan, nếu giết chết phải bồi thường nghìn quan[231]."

Hồi ấy ở làng Nhân Mục có vị quận chúa thuộc dòng tôn thất, tên là A Kim, tuổi vừa 23, chồng chết sớm ở góa, nhan sắc có một không hai. Vua rất yêu, gạ gẫm không được thường lấy làm giận, một lần bảo Ô Lôi rằng: "Ngươi có kế gì cho ta được vui lòng chăng?" Ô Lôi tâu: "Thần xin ra hạn một năm, nếu không thấy về là sự không thành, thần đã chết."

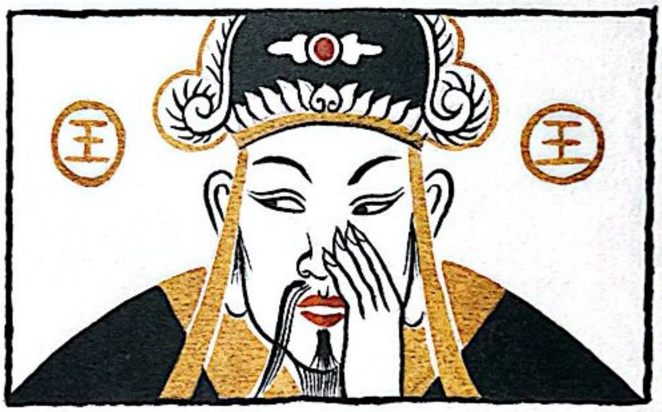

Bèn bái từ mà đi, về nhà cởi bỏ hết quần áo, dầm dưới bùn, dầu dãi nắng mưa cho xấu xí, rồi mặc quần vải giả làm người chăn ngựa gánh một đôi sọt tre đến nhà quận chúa, lấy một gói trầu cau đút lót cho tên giữ cổng để xin vào vườn cắt cỏ. Tên giữ cổng cho vào. Hồi đó vào khoảng tháng 5, tháng 6, hoa thái lê đang đua nở, Ô Lôi đem cắt hết cho vào trong gánh. Tên thị tì của quận chúa thấy hoa trong vườn hết sạch, hô trói Ô Lôi để đợi gia chủ đến chuộc. Giữ quá ba ngày không thấy có người đến nhận, thị tì bèn hỏi: "Mày là gia nô nhà ai, sao không thấy người đến chuộc và đền hoa trong vườn?" Ô Lôi đáp: "Tôi là kẻ phiêu bạt, không có gia chủ, không có cha mẹ, thường gánh đồ theo bọn con hát kiếm ăn, hôm qua thấy một vị quan quất ngựa đi ở phía nam thành, ngựa đói không có cỏ, chủ ngựa cho tôi 5 đồng sai đi cắt một gánh cỏ. Tôi mừng được tiền vội đi cắt cỏ, không biết hoa thái lê là vật gì, nay không có gì đền xin đem thân làm gia nô để bồi thường vậy." Bèn lưu Ô Lôi ở cổng ngoài. Qua hơn một tháng, thị tì của quận chúa thấy Ô Lôi đói khát bèn cho ăn uống. Đêm đêm Ô Lôi thường ca hát cho người giữ cổng nghe, bọn thị tì và nội thị cũng đều lắng nghe.

Một hôm trời tối đã lâu mà đèn chưa thấy thắp, quận chúa ngồi mò một chỗ, tả hữu không kẻ hầu hạ. Quận chúa gọi thị tì mà mắng, lại cầm roi toan đánh. Chúng thị tì cúi đầu tạ tội rằng: "Chúng con nghe tên cắt cỏ hát trong lòng ham say, không ngờ để đến nỗi này, quận chúa đánh đòn cũng xin cam chịu." Quận chúa thôi không hỏi tội nữa. Lúc đó đang giữa đêm hè, quận chúa cùng thị tì ngồi ở giữa sân, ngóng gió đùa trăng để tiêu khiển. Bỗng cách tường nghe thấy tiếng hát của Ô Lôi thoảng như điệu ca người câu cá, khác hẳn âm thanh chốn dương gian[232], tâm thần mê mẩn, tình riêng xúc động, bèn vời Ô Lôi vào nhà trong cho hầu ở tả hữu, thành đứa gia nô thân cận. Quận chúa thường bảo Ô Lôi ca vịnh ngâm xướng để tiêu mối sầu u uất. Ô Lôi nhân đó hết lòng hầu hạ, quận chúa càng yêu mến tin cậy, ngày cho ở dưới trướng, đêm cho khêu đèn ngồi hầu[233]. Khi thì sai ca hát, giọng ca bay khắp trong ngoài, quận chúa quá cảm động mà mang bệnh u uất. Qua ba bốn tháng, bệnh càng trầm trọng. Thị tì hầu hạ lâu cũng mệt nhọc mà mang bệnh, trong cơn bệnh lại thường ngủ say, quận chúa gọi cũng không dậy.

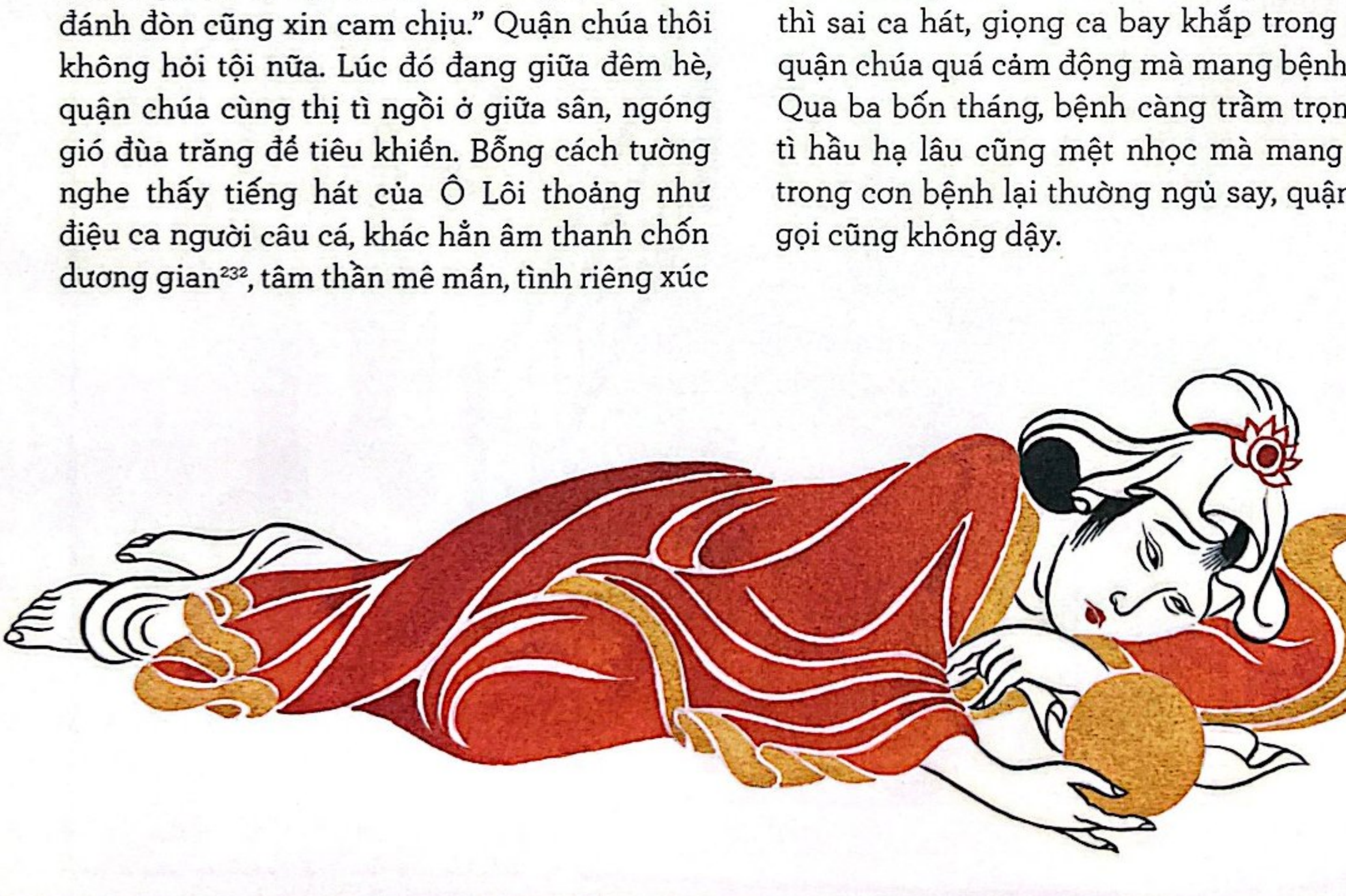

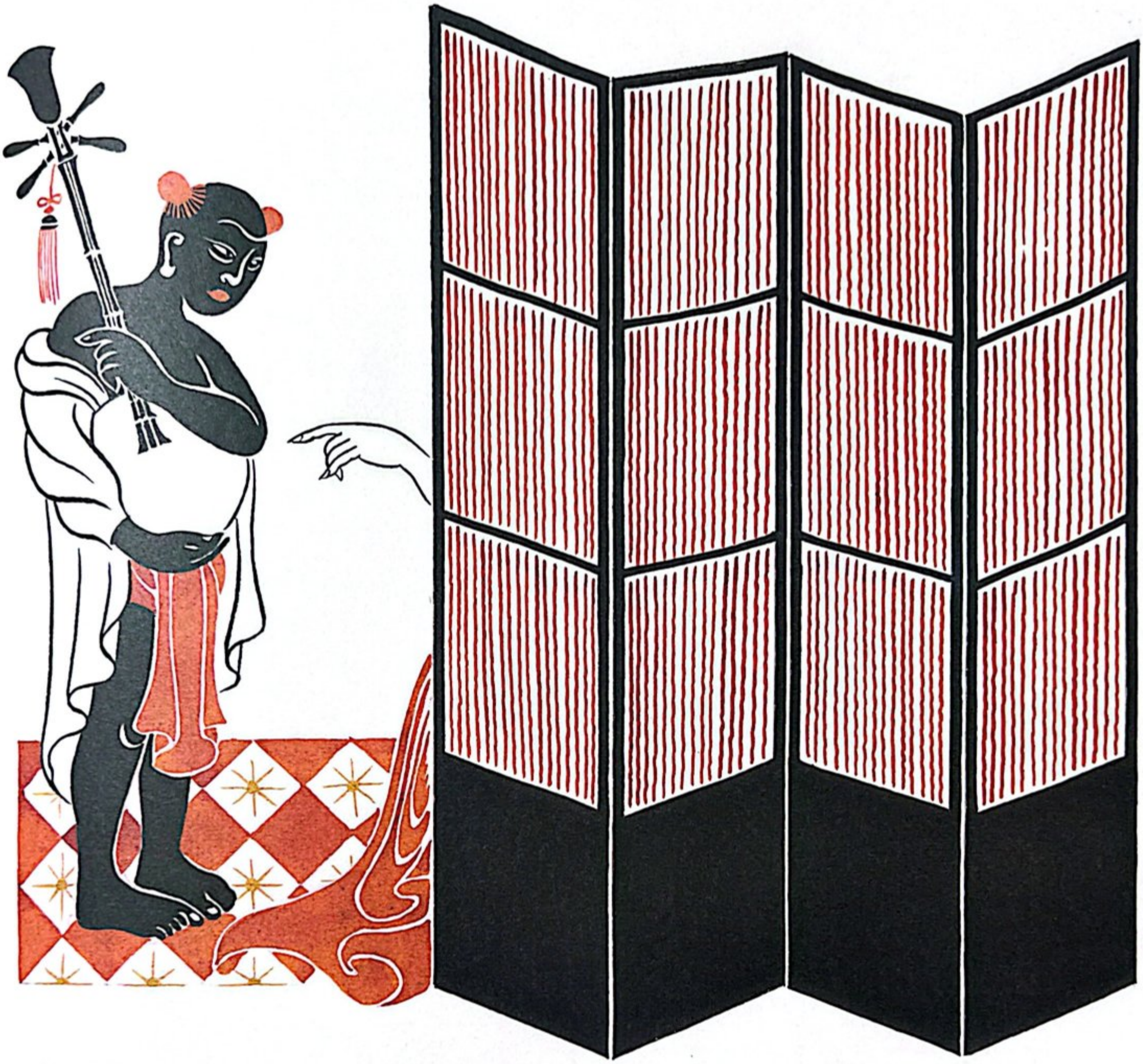

Duy còn một mình Ô Lôi ở lại hầu hạ, quận chúa không nén nổi tình mật bảo Ô Lôi rằng: "Ngươi ở cạnh ta, ta vì giọng hát của ngươi mà mang bệnh." Bèn cùng Ô Lôi tư thông, bệnh tình cũng có bớt hơn.

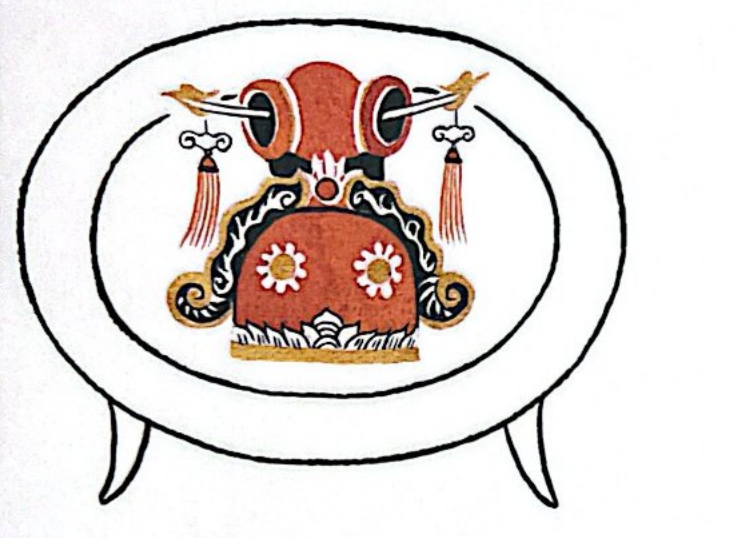

Tình yêu ngày càng mặn mà, quận chúa chẳng kể gì đến hình dáng xấu xí của Ô Lôi, không còn tiếc gì nữa, muốn đem hết ruộng đất cho Ô Lôi làm trang trại. Ô Lôi nói: "Thần vốn không có nhà cửa, nay được gặp quận chúa là bậc thiên tiên, đó thực là điều phúc lớn của thần. Thần không cần điền trạch, châu báu, chỉ muốn được đội chiếc mũ vào triều của quận chúa thì chết cũng được nhắm mắt." (Chiếc mũ đó là vật tiên đế ban cho, chỉ dùng trong lúc tiến triều. Quận chúa vì quá yêu Ô Lôi, không còn tiếc gì hết). Ô Lôi được mũ bèn cất lẻn mang vào triều. Vua trông thấy cả mừng, tức tốc sai vời quận chúa vào chầu, bảo Ô Lôi đội chiếc mũ kia đứng hầu bên cạnh. Vua hỏi quận chúa: "Có biết Ô Lôi không?" Quận chúa lúc ấy rất xấu hổ.

Đời bấy giờ có bài thơ quốc ngữ rằng:

Chỉn đà náu đến xin làm tôi,

Đành hay thiên tiên phúc để Lôi.

Từ đó danh tiếng Ô Lôi vang lừng thiên hạ, vương hầu mĩ nữ thường bị Lôi trêu ghẹo. Có câu thơ quốc ngữ rằng:

Mang mang mặt mắt cháy ma lem,

Kẻ chợ khát, người qua mới thèm.

Nhẫn có hoàng kim thanh sắc ấy,

Mang mang mặt mũi thế soi xem.

Tuy người đời làm thơ ghẹo Ô Lôi, nhưng vẫn vì bị thanh sắc cám dỗ mà không thể tránh Ô Lôi được. Ô Lôi thường tư thông với con gái các nhà vương hầu mà không ai dám đánh, sợ vua bắt bồi thường.

Sau Ô Lôi tư thông cả với con gái trưởng của Minh Uy vương. Vương bắt được song chưa đem giết vội. Sáng hôm sau, vương vào chầu vua, tâu rằng: "Đêm qua Ô Lôi lẻn vào nhà thần, tối như bưng không rõ trắng đen nên thần đã giết chết mất rồi, nay xin bệ hạ cho biết phải đền mấy nghìn quan để thần tiến nạp." Vua không biết là Ô Lôi còn sống, phán rằng: "Trót lỡ mà giết thì chẳng chấp nệ làm gì." Hồi ấy vì hoàng hậu Vi Từ là em ruột Minh Uy vương[234], cho nên vua không hỏi cặn kẽ. Uy vương về đánh Lôi chết.

Khi sắp chết, Ô Lôi có ngâm câu thơ quốc ngữ rằng:

Sinh tử do trời có quản bao,

Nam nhi miễn đã được anh hào,

Chết vì thanh sắc cam là chết,

Chết việc ốm đau cơm gạo nào.

Lại nói: "Xưa Động Tân bảo ta rằng: thanh sắc của ngươi được mất bù nhau[235], lời ấy nghiệm thật!" Nói rồi bèn chết.

CHÚ GIẢI

[228] Bản A.2107 chép: "... làng Ma Phong"

[229] Các bản A.750, A.1200, A.2914 chép: "... coi như khách thân."

[230] Bản A.750, A.2107 chép: "... thường làm mất lòng nhiều người."

Bản A.1200 chép: "Thông minh lém lỉnh vượt hẳn mọi người."

[231] Bản A.750 chép: "... Nếu giết chết phải bồi thường một vạn quan. Vua thường cùng Ô Lôi du chơi..."

Bản A.1300: "Vua ra lệnh cho triều thần rằng: nếu thấy Ô Lôi gian phạm đến phụ nữ, bắt nộp tới trước vua sẽ được tạ thưởng 1000 quan tiền, nếu tự ý giết phải đền 1 vạn quan."

[232] Các bản A.1300, A.2914, A.2107 chép: "Cách tường nghe thấy tiếng ca phảng phất như điệu nhạc quân thiên, khác âm thanh nơi hạ giới..."

[233] Đoạn này, bản A.2107 có chép thêm như sau: "Ô Lôi cũng hết lòng nỗ lực, hầu hạ dưới gối, suốt ngày quấn quýt không lúc nào rời... hoặc khi quận chúa sai ca hát, tiếng ca bay khắp trong ngoài, bài hát cợt gió như sau:

Nhớ gió xưa chừ từ trái đất ra,

Giỡn qua lãng uyển, lộng cánh thiều quang.

Ai đưa gió tới lân la chốn này,

Vào song bắc chừ vui tình nghĩa.

Sang Tương đài chừ thú Tương vương

Đưa người gốc liễu chừ đơn khách hải đường

Gỡ hộ cô nàng chừ mối sầu nặng vương.

Bài ca Giỡn trăng như sau:

Tựa ngọc bản chất là âm tinh,

Vui trăng này trăng thật đa đoan

Đông tây lúc ở thường vô định

Đầy vơi tùy lúc chẳng bằng nhau

Mượn cửa sổ bóng câu chợt lướt

Đưa chị Hằng lên mãi trời cao

Cùng trời đất sống lâu ngàn kiếp

Bận bịu nhiều chẳng phút nào nguôi.

Giọng ca dìu dặt, du dương khiến cho chim cá cũng phải động lòng. Quận chúa nhân cảm động, mang bệnh sầu tư, ba bốn tháng bệnh càng thêm nặng. Mối chân tình của chúa không ngăn cầm được, chúa bèn nói với Ô Lôi rằng: Giọng hát của ngươi làm tâm thần ta mê mệt, khiến ta yêu mến đến nỗi thế này..." (Từ đây trở đi chép giống như bản của Nguyễn Đổng Chi dịch trong Việt Nam Cổ văn học Sử cho đến câu Ô Lôi nói: "Thần không có nhà cửa...")

[234] Bản A.750 chép: "Uy Minh vương..."

[235] Bản A.750 chép: "... thanh sắc của ngươi được nọ mất kia..."

HẬU TỰ

Ôi! Những truyện thường tình đều chép trong kinh sử, lưu lại về sau để răn dạy người đời, những truyện quái đản đều ghi lại trong các truyện ký để mở rộng dị văn. Cho nên, những truyện đời Ngu, Hạ, Thương, Chu đều có chép trong sách, những truyện đời Hán, Đường, Tống, Nguyên đều cũng ghi rõ trong sử, còn những việc như cụ già chơi sông[236]*, rồng ứng vận mà vạch đất*[237]*, trống đánh trong làng*[238]*, chim sẻ ngậm thư đỏ*[239]*... đều có truyện ký để bù vào chỗ thiếu. Nội truyện Vũ Đế*[240] *đời nhà Hán, di sự Thiên Bảo*[241] *đời Đường, những truyện ghi chép trong triều đường, ngoài thôn dã đời nhà Tống, há chẳng phải là gồm những truyện kỳ quái trong một đời chép lại để tiện quan lãm đó sao?*

Nước Việt ta từ đời Thập nhị sứ quân trở về trước, văn hiến còn chưa đủ sáng tỏ, nhưng những sự tích của quốc gia vốn luôn luôn thấy trong Thốc thuỷ thông giám[242] *và lịch triều sử. Cho đến những sự lạ của núi sông, của nhân vật tuy không chép trong sử sách nhưng bia miệng không ngoa, những bậc học rộng đời sau góp lại lượm lặt mà biên chép thành truyện, tất cả được bấy nhiêu thiên sách, góp lặt những sự việc linh tinh để làm trọn vẹn những chỗ chưa hoàn bị. Trong những việc cao siêu lạ lùng ấy vẫn có những điều quan hệ.*

Than ôi! Trời đã sai chim huyền điểu giáng thế sinh ra vua nhà Thương[243]*, thì ắt có việc trăm trứng nở thành con trai chia trị Nam quốc, truyện họ Hồng Bàng không thể mất được. Thà làm đầu gà còn hơn làm đuôi trâu, cho nên con cháu họ Triệu chống lại Bắc triều, truyện Nam Chiếu không thể bỏ qua. Nước chảy vòng quanh mà hội tụ được Thần Long, truyện sông Tô Lịch há chẳng làm đẹp hình thắng kinh đô sao? Thắng trận mà không giấu kín lẫy nỏ, chép truyện Kim quy chẳng phải là châm biếm An Dương Vương quên mối nguy đó vậy ru! Trừ hại cho dân, tất có truyện Ngư tinh, Hồ tinh, Mộc tinh ghi chép rõ. Trọn đạo thần tử, tất có truyện Bánh chưng, Long Nhãn, Bạch trĩ kể tỏ tường. Đổng Vương, Ông Trọng, vì đánh giặc giữ nước mà được hiển hách. Dưa hấu, Trầu cau, vì làm ra của lợi cho dân mà được nổi danh. Truyện Nhất Dạ Trạch, Việt tỉnh cương, vì làm điều thiện mà âm thí, dương báo, lấy đó để khuyên đời vậy! Truyện Hà Ô Lôi, Dạ Thoa vương, vì hiếu dâm mà hại thân, mất nước, lấy đó để răn chúng vậy! Cho đến các truyện Tản Viên có công chống hoạn, Man Nương cầu mưa được ứng, các truyện Từ Đạo Hạnh báo được thù cha, Nguyễn Minh Không chữa được bệnh vua, Dương Không Lộ, Nguyễn Giác Hải có phép bắt rồng phải giáng, buộc cắc kè phải rơi, đều đã tỏ hết cái tinh xảo của phép thuật vậy. Tuy các việc đó là truyện không thường thấy, nhưng vết tích hãy còn, nay đem nêu ra mà biểu dương, chẳng là điều nên làm sao? Nhưng bảo thần Tản Viên là con trai Âu Cơ, Đổng Thiên Vương là Long Quân thác thế, Lý Ông Trọng giả vờ đi tả mà chết, kẻ ngu này trộm nghĩ có điều không đúng. Truyện xưa kể Y Doãn dùng sự thái, nấu mà cầu vua Thang, Bách Lý Hề lấy năm bộ da dê làm cái mối mà cầu vua Mục Công*[244]*, nếu không có Mạnh Tử*[245] *ra sức biện bạch thì hai ông ấy tất bị mang danh ô nhục rồi. Vả Tản Viên là vị thần hạo nhiên, Đổng Thiên Vương là vị tướng nhà trời, Lý Ông Trọng là bậc hào kiệt một thời, sao có thể như trong truyện ghi chép được?*

Cho nên kẻ ngu này tham khảo sách khác, thêm ý riêng của mình chữa lại cho đúng, biện chính những lời sai lầm của thuở trước, cho khỏi tiếng chê cười của đời sau, lại bớt chỗ rườm rà theo chỗ giản dị để sách tiện mang cất, coi xem, xin các vị bác nhã quân tử dung thứ cho cái tội mạo muội ấy.

Hồng Đức năm 24[246], Quý Sửu, mạnh thu
Ất Mùi khoa tiến sĩ Kiều Phú Hiếu Lễ cẩn chí.

CHÚ GIẢI

236 Cụ già chơi sông: Sách Luận ngữ sấm viết: "Trọng Ni (Khổng Tử) nói rằng vua Nghiêu và vua Thuấn đi chơi núi Thủ Sơn, đến bến sông (Hoàng) Hà thấy có năm ông lão chơi ở sông ấy. Ông lão thứ nhất nói: Hà đồ (lạc thư) sẽ bảo cho vua biết kỳ hẹn. Ông lão thứ hai nói: Hà đồ sẽ bảo cho vua biết mưu mô. Ông lão thứ ba nói: Hà đồ sẽ bảo cho nhà vua biết thư tịch. Ông lão thứ tư nói: Hà đồ sẽ bảo cho nhà vua dựng cơ đồ. Ông lão thứ năm nói: Hà đồ sẽ dâng cho nhà vua điềm hay. Năm ông lão dâng kim nê ngọc kiểm mà rồng thiêng đã đem đến, các thứ ấy đặt trước mặt vua, sau đó các ông lão hoá làm lưu tinh bay lên trời." (Hà đồ lạc thư: ở sông Hà có con long mã đội đồ trên lưng, và ở sông Lạc có con rùa đội thư trên lưng hiện ra. Vua Phục Hy theo Hà đồ và Lạc thư mà vạch ra bát quái. Kim nê, ngọc kiểm là trỏ vào thiên thư giời ban cho nhà vua). Truyện gặp cụ già chơi sông là điềm lành của thời thịnh trị, của vua hiền minh.

237 Rồng ứng vận mà vạch đất: có lẽ nói về truyện con long mã ở sông Hà (xem lời chú trên) nổi lên, trên lưng có mang bức đồ, do đó Phục Hy vạch ra bát quái (tám quẻ trong Kinh Dịch).

238 Trống đánh trong làng: theo sách Cao sĩ truyện thì vua Nghiêu nhân đi chơi ở đường Khang Cù, gặp một ông lão đánh cái phẫu (nhạc khí bằng đất nung) mà hát rằng: "Mặt trời mọc thì ta đi làm, mặt trời lặn thì ta nghỉ. Ta đào giếng mà uống, ta cày lấy ruộng mà ăn. Vua Nghiêu chẳng có công đức gì với ta." Truyện này ý nói đời vua Nghiêu thái bình, công nhà vua lớn quá, người dân thường không cảm thấy nữa.

239 Con út Cổ công Đản phủ (sau tôn là Thái vương) là Quý Lịch, lấy vợ là Thái Nhâm, sinh con tên là Xương (Văn vương nhà Chu). Khi sinh có điềm lành. Sách Thượng thư vỹ có chép rằng: "Ngày giáp tý, mùa thu, tháng 9, có con chim sẻ đỏ ngậm thư đỏ vào đất Phong, đậu tại nhà người Xương. Trong thư đỏ ấy ghi rõ: có nhân đức thì truyền được trăm đời." Tất cả các điển tích từ số (238) đến số (241) ở trên đều có ý nói về điềm lạ.

240 Hán Vũ Đế nội truyện: đây là một tập truyện ký chép những chuyện hoang đường trong đời Vũ Đế nhà Hán. Ví dụ truyện Tây Vương mẫu ở cõi tiên tới thăm nhà vua, truyện nhà vua nhờ đạo sĩ dùng phép cho nhìn thấy mặt người vợ đã chết là Lý phu nhân, v.v...

241 Sách Khai Nguyên, Thiên bảo di sự: một tập sách chép các truyện đời Đường Minh Hoàng. Khai Nguyên và Thiên Bảo là các niên hiệu của Đường Minh Hoàng. Trong các truyện đó có truyện vua Đường lên chơi cung trăng.

242 Thốc thuỷ thông giám: Thốc Thuỷ là tên làng của Tư Mã Quang, một nhà đại nho đời Tống. Tư Mã Quang đã soạn bộ Thốc thuỷ ký văn, chép về chính sự trong nước. Ở đây Kiều Phú nói đến sách Thốc thuỷ thông giám, vậy không biết đời trước có sử gia nào của ta phỏng theo Tư Mã Quang mà viết bộ sách giống bộ Thốc thuỷ ký văn rồi đặt tên là Thốc thuỷ thông giám không? Hay là ý Kiều Phú muốn nói đến sách Thốc thuỷ ký văn của Tư Mã Quang chăng?

243 Bà Giản Địch, vợ Đế Cốc cầu đảo thần Cao Môi bỗng có huyền điểu (chim yến) bỏ sót cái trứng. Bà ấy nuốt trứng đó sinh ra ông Tiết, truyền đến 12 đời sau thì sinh ra vua Thang, người lập ra cơ nghiệp nhà Thương.

244 Theo sách Sử ký: Y Doãn cày ở đất Hữu Sằn, muốn đem tài ra giúp đời nhưng không có ai làm môi giới, bèn đi làm tôi tớ họ Hữu Sằn, mang nồi và thớt đi làm thức ăn ngon để cho vua Thang biết và gọi ra làm tướng. Cũng theo sách Sử ký: Bách Lý Hề người nước Ngu, vua nước ấy không biết dùng, ông bèn bỏ sang nước Tần, bán thân cho người nuôi trâu bò nước Tần được năm bộ da dê, lấy năm bộ da đó làm cái mối cho vua Tần Mục Công biết, được gọi ra làm quan.

245 Trong thiên Vạn chương thượng, sách Mạnh Tử, có đoạn Mạnh Tử bác cả hai thuyết trên là bịa đặt nhảm nhí.

246 Hồng Đức năm 24 tức là năm 1493 công lịch.

PHỤ LỤC

I. CÁC TRUYỆN DỊCH THÊM

(Một số truyện tiêu biểu cho các truyện mà người đời sau đã thêm vào)

TRUYỆN

DẠ THOA VƯƠNG

Thời thượng cổ, ở ngoài nước Âu Lạc có nước Diệu Nghiêm, chúa nước ấy hiệu là Dạ Thoa vương, còn gọi là Trường Minh vương hay Thập Đầu vương (vua mười đầu). Nước này phía Bắc giáp Hồ Tôn tinh quốc. Nước Hồ Tôn tinh có vua là Thập Xa vương, có thái tử là Vi Bà. Vợ Vi Bà là Bạch Tĩnh Chiếu nương dung mạo rất đẹp đẽ. Dạ Thoa nghe nói rất thích, bèn đánh Hồ Tôn để cướp vợ Vi Bà. Vi Bà tức giận bèn đem loài vượn di hầu phá núi, lấp bể thành đường phẳng để công phá nước Diệu Nghiêm, giết Dạ Thoa vương, cướp vợ y mà trở về.

(Loài tinh Hồ Tôn tức là tinh di hầu, chính là nước Chiêm Thành ngày nay vậy).

TRUYỆN

TƯỚNG QUÂN HỌ CAO Ở VŨ NINH

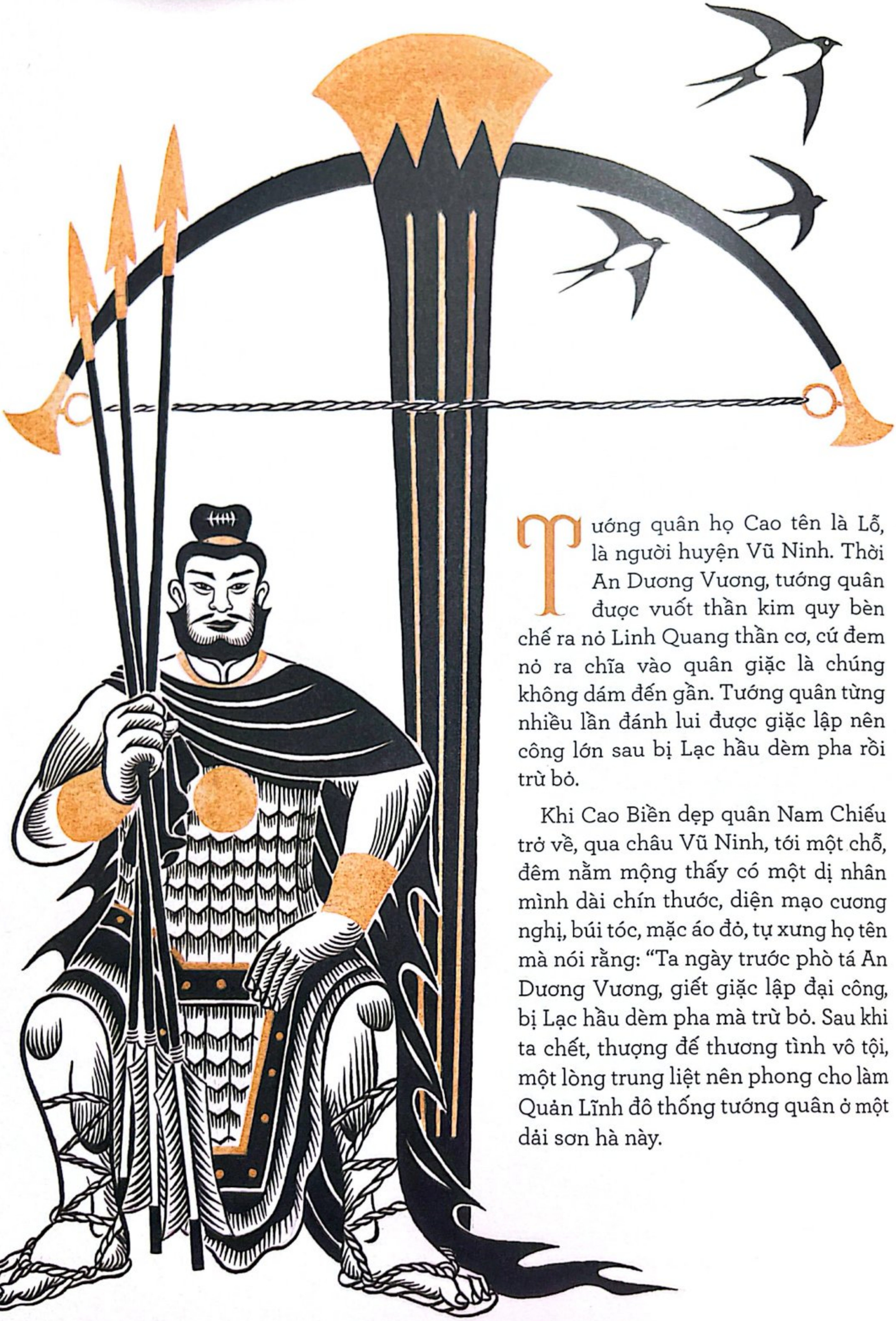

Tướng quân họ Cao tên là Lỗ, là người huyện Vũ Ninh. Thời An Dương Vương, tướng quân được vuốt thần kim quy bèn chế ra nỏ Linh Quang thần cơ, cứ đem nỏ ra chĩa vào quân giặc là chúng không dám đến gần. Tướng quân từng nhiều lần đánh lui được giặc lập nên công lớn sau bị Lạc hầu dèm pha rồi trừ bỏ.

Khi Cao Biền dẹp quân Nam Chiếu trở về, qua châu Vũ Ninh, tới một chỗ, đêm nằm mộng thấy có một dị nhân mình dài chín thước, diện mạo cương nghị, búi tóc, mặc áo đỏ, tự xưng họ tên mà nói rằng: "Ta ngày trước phò tá An Dương Vương, giết giặc lập đại công, bị Lạc hầu dèm pha mà trừ bỏ. Sau khi ta chết, thượng đế thương tình vô tội, một lòng trung liệt nên phong cho làm Quản Lĩnh đô thống tướng quân ở một dải sơn hà này.

Phàm việc chinh phạt giặc cướp và cày cấy nông tang ta đều đứng chủ trương. Ngày nay, ta theo ngài dẹp yên nghịch tặc, thiên hạ lại được yên ổn. Ngài trở về bản bộ, nếu không cáo tạ là trái lễ đó!" Biền lấy làm lạ, hỏi vì cớ gì mà Lạc hầu ghen ghét.

Dị nhân đáp: "Việc uẩn khuất, không tiện tiết lậu." Biền nài hỏi mấy lần nữa. Đáp: "An Dương Vương là tinh phượng vàng, Lạc hầu là tinh vượn trắng, phượng và vượn tương hợp, cùng với rồng tương khắc, vì thế mà ghen ghét."

Nói xong cưỡi mây mà đi. Biền tỉnh mộng, bụng còn ghi tên Vũ Ninh, bèn cho bộ hạ biết và tự ngâm câu thơ rằng:

Mĩ hĩ Giao Châu địa,
Du du thiên tải lai
Cổ hiền năng đắc kiến,
Chung bất phụ linh đài[247]

Lại ngâm rằng:

Bách Việt điện khu vũ,
Nhất nhung định sơn xuyên.
Thần linh năng trợ thuận,
Đường gia cảnh tộ diên.[248]

Kẻ theo hầu là Cao Viên chúc mừng Biền rằng:

Nam Việt sơn hà cổ,
Đường gia nhân vật tân.
Cao vương cao ý khí,
Tĩnh động hữu long thần.[249]

...

Nam Việt sơn hà tráng,
Long thần xúc xứ kinh.
Giao nhân hưu thích ngạch,
Kim hựu kiến thăng bình.[250]

Cao Biền bèn gia phong mĩ tự cho thần, nay là Đại Than Đô Lỗ thạch thần, quanh năm hương lửa không dứt.

Đền Vũ Ninh tức là đền Gia Định, có một hang đá ăn vào sông Đại Than, hang đó do Long Vương đào ra. Nước trong hang xoáy mạnh có thể xoay lật thuyền bè qua lại. Hễ người nào vào lễ đền trước rồi đi qua hang thì được vô sự. Đời Trần, thần được phong là Quả Nghị cương chính uy huệ chính thần đại vương. Đền thường gọi là đền Đô Lỗ, ở xã Đại Than, huyện Gia Định. Còn một đền nữa ở thôn Tráng Liệt, xã Phúc Cầu, huyện Đường An.

CHÚ GIẢI

[247] *Tạm dịch là:*
Đẹp thay cảnh Giao Châu,
Dằng dặc ngàn năm lâu.
Thần xưa rày được gặp,
Quyết chẳng phụ lòng nhau.

[248] *Tạm dịch là:*
Trăm Việt vững phong cương,
Ba quân dẹp chiến trường.
Thần tiên phù chính nghĩa,
Muôn năm vững triều Đường.

[249] *Tạm dịch là:*
Kiên cố non sông Việt,
Thanh tân nhân vật Đường.
Họ Cao cao chí khí
Phù trợ có Long vương.

[250] *Tạm dịch là:*
Nam Việt non sông đẹp,
Long thần khí phách kinh.
Người Giao đừng cau trán,
Nay lại thấy thăng bình.

TRUYỆN

THẦN SÔNG BẠCH HẠC

Thần sông Bạch Hạc rất linh hiển. Khoảng các năm Vĩnh Huy đời Đường Cao Tông, Lý Thường Minh làm chức đô hộ đất Phong Châu thấy khoảng đất này kéo dài tới ngàn dặm, có sông núi vây quanh, bèn xây Đạo Thánh linh quán ở ven sông Bạch Hạc, đặt tượng tam thanh ở trong quán để phụng thờ, lại xây hai ngôi am ở phía trước và phía sau quán, muốn tạc tượng thờ nhưng không biết tạc tượng ai, bèn thắp hương mà khấn rằng: "Vị thổ thần ở đây, nếu như linh ứng thì mau hiện rõ hình trạng để ta theo đó mà tạc tượng đặt ở am trước." Canh ba đêm ấy, mộng thấy có hai dị nhân, diện mạo hùng vĩ, phong tư nhàn nhã đều mang theo quân hầu, trước hò sau hét đi lại phía Thường Minh, tranh nhau chiếm am trước. Thường Minh hỏi rằng: "Các ông họ tên là gì? Xin cho ta được biết rõ để tiện phụng thờ."

Hai người riêng xưng tên họ, một tên là Thạch Khanh, một tên là Thổ Lệnh. Thường Minh xin đọ tài nghệ, nếu ai thắng sẽ ở am trước. Thạch Khanh ứng tiếng mà chạy, mới tới bờ sông đã thấy Thổ Lệnh ở cạnh sông từ trước rồi. Thường Minh theo giấc mộng, căn cứ ở hình dạng mà sai thợ tạc tượng.

Thổ Lệnh được ở am trước. Thần uy linh hiển hách, người trong châu đều kính sợ, hương lửa cúng thờ. Thần là vị phúc thần của ba con sông. Phàm cầu đảo, đều rất ứng nghiệm. Đời Trần phong làm Trung Dực Võ liệt phụ quốc hiển uy vương. Thời đó, học sĩ Nguyễn Sĩ Cố hỗ giá đi chinh phạt Ai Lao, tới bái yết rồi đề bài thơ rằng:

Bảo long phù ấn quải yêu gian,

Tiền sự hy kỳ phó tướng quan.

Bạc liệt thư sinh vô vọng xứ,

Kỳ lai tự hạ khất bình an.[251]

Lại có học sĩ Vương Vụ Thành hỗ giá khải hoàn đề bài thơ chúc mừng như sau:

Tỳ hưu thập vạn hách vương linh,

Thế yếm Vân Nam tái ngoại thành,

Giang tả khu khu hà thị khí,

Phong thanh hạc lệ trấn Tần binh.[252]

Chùa này ở ngã ba sông Bạch Hạc. Ở sông Bạch Hạc có một đoạn mấy chục trượng có giống cá anh vũ. Về mùa đông, dân chài thả lưới vớt cá. Trên dưới khúc sông ấy đều không có giống cá này, cá anh vũ cũng giống như loài cá chép, mùi vị thơm ngon, rất tiện để làm gỏi, chả, thuộc loại thực phẩm thượng hạng. Người bắt được đều mang tiến vua, có lệnh nghiêm cấm, dân không được đem ra mua bán. Giống cá ấy quý trọng như vậy, cho nên có câu hát rằng:

Thương loan ba noãn du anh vũ.[253]

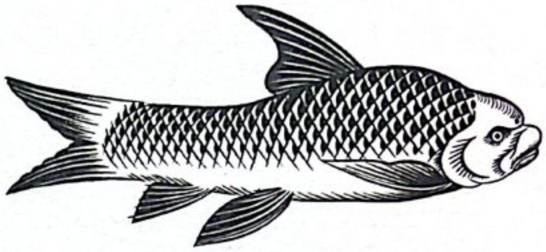

CHÚ GIẢI

[251] *Tạm dịch như sau:*

Bảo long và phù ấn giắt ngang mình,

Chuyện xưa để phó mặc tướng quan.

Kẻ thư sinh hèn mọn này đâu màng mong ước lớn,

Chỉ xin lượng cả ban cho sự bình an.

[252] *Tạm dịch như sau:*

Hùng dũng ngàn quân rộn oai linh,

Ngoài ải Vân Nam thế áp thành.

Sao cứ bo bo sông mé tả?

Gió đưa tiếng hạc rợn Tần binh.

[253] *Tạm dịch là:*

Cá anh vũ nhởn tìm hơi ấm trên làn sóng biếc.

TRUYỆN

THẦN CHÍNH KHÍ LONG ĐỖ

Đời Đường, Cao Biền sang đóng ở nước ta, chiếm phủ, xưng vua, đắp thêm La Thành. Vừa đắp xong, một buổi sáng sớm, Biền dạo xem phía ngoài cửa đông thành, bỗng nhiên trời nổi mưa to gió lớn, thấy mây ngũ sắc từ dưới đất dâng lên, ánh sáng loé mắt. Một dị nhân mặc áo màu sặc sỡ, trang sức trông kỳ vỹ, cưỡi con rồng đỏ, tay cầm giản vàng, lơ lửng trong mây khói, khí thế ngùn ngụt, bay lên lượn xuống hồi lâu mới tan. Biền kinh ngạc, cho là ma quỷ, muốn thiết đàn để cúng. Đêm ấy, mộng thấy có thần nhân đến nói rằng: "Xin ông đừng có bụng nghi ngờ, ta không phải là yêu khí đâu. Ta chính là Long Đỗ vương chính khí thần đó. (Có chỗ viết là Long Đỗ) vì muốn xem kỹ thành mới mà hiện ra đó thôi!" Biền tỉnh dậy. Sáng hôm sau họp quần thần, than rằng: "Ta không khuất phục được người phương xa chăng? Mà đến nỗi để cho loài ngoại quỷ dòm ngó điều không hay của mình ru!" Có người khuyên lập đàn, và dùng nghìn cân sắt đúc tượng theo hình dạng thần nhân để làm bùa yểm. Biền y theo kế đó. Vừa đọc thần chú bỗng trời đất mù mịt ngày đêm, mưa gió giật đùng đùng, tượng sắt nát vụn ra mà bay lên không. Biền sợ hãi, có ý muốn về phương Bắc. Người đời lấy làm lạ, bèn lập chùa ở mạn phía đông kinh thành.

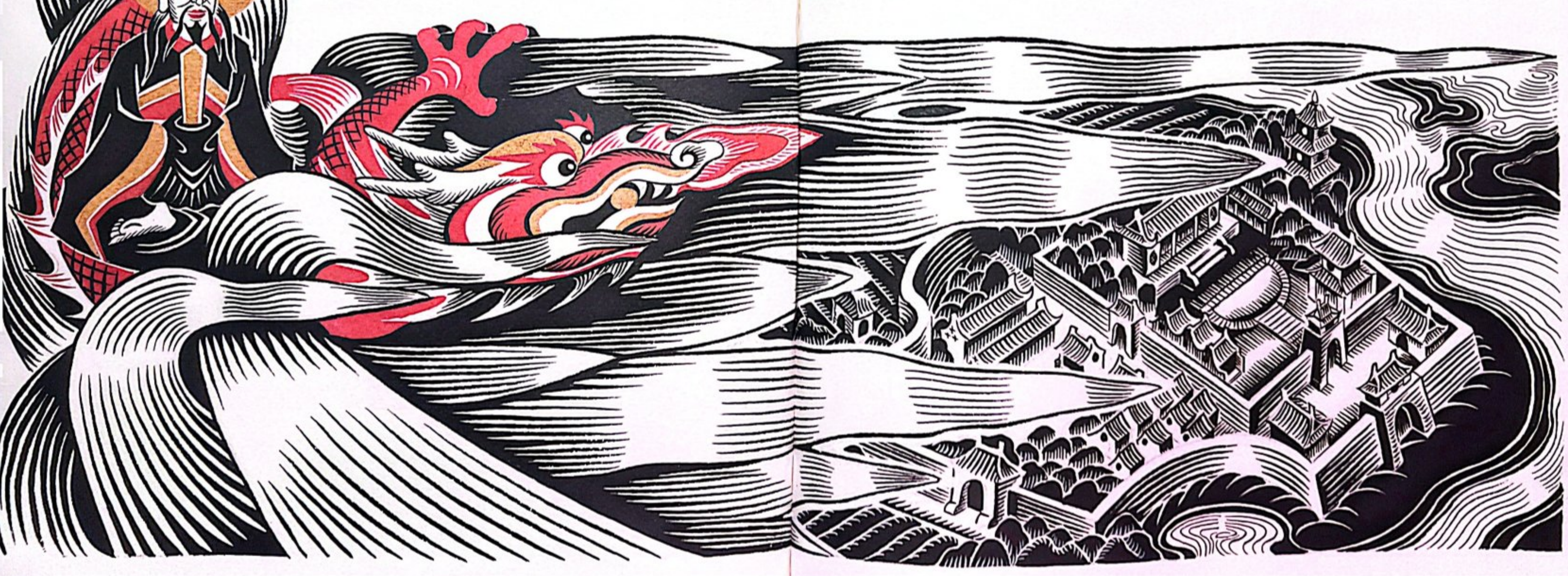

Về sau, Lý Thái Tổ dời đô ra đây, xây dựng phủ thành, lại mộng thấy thần nhân tới chúc mừng. Vua nói: "Người có thể chắc sẽ được hương lửa trăm năm chăng?" Đáp: "Mong Thánh thượng được trường thọ ức vạn năm, thần đâu há chỉ được hưởng trăm năm hương lửa!" Vua tỉnh dậy, sai giết súc vật để tế, lại phong làm Thăng Long thành hoàng đại vương. Thời ấy, ở cửa đông có mở chợ buôn bán, đền thần kéo liền một dãy phố dài. Phố phường bị hoả hoạn, gió dữ thổi cháy rất nhiều, duy có đền là vẫn y nguyên không bị lửa bén tới. Vua lại gia phong cho hưởng lộc, các buổi lễ nghênh xuân đều cử hành tại đây. Đời Trần, ba lần hoả tai mà vẫn không bị cháy, Thái sư Trần Quang Khải có đề bài thơ rằng:

Tích văn hách trạc đại vương linh,
Kim nhật kim tri quỷ đảm kinh.
Hoả tức tam diên thiêu bất cập,
Phong lôi nhất trận triển nan khuynh.
Chỉ huy đàn áp chư tà chúng,
Hô hấp tiêu trừ bách vạn binh.
Nguyện trượng thần uy thôi bắc lỗ[254]
Đốn linh hoàn vũ yến nhiên thanh.

Đời Trần phong làm Thuận Dụ tự ứng đại vương. Chùa ở phường Hà Khẩu huyện Thọ Xương nay gọi là đền Bạch Mã.

CHÚ GIẢI

[254] *Tạm dịch như sau:*
Hiển hách từng nghe, nức tiếng đại vương,
Đến nay mới biết quỷ thần phải sợ.
Lửa cháy ba lần mà thiêu chẳng tới
Sấm sét ran một trận chuyển không nghiêng.
Ra tay đàn áp các loài ma quỷ,
Hét lớn tan tành bách vạn binh.
Xin hãy ra uy trừ loài giặc Bắc,
Dựng xây thiên hạ mãi mãi thanh bình.

TRUYỆN

QUỐC SƯ XÂY ĐỀN SÓC THIÊN VƯƠNG

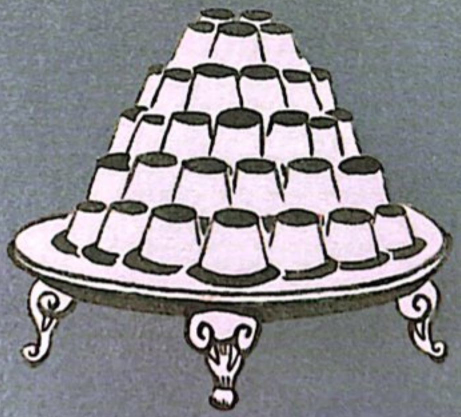

Thời Lê Đại Hành, Khuông Việt thái sư Ngô Chân Lưu thường lưu lạc tới làng Bình Lỗ (còn gọi là Vệ Linh sơn), mến thích phong cảnh thanh u đẹp đẽ ở đây, bèn dựng một ngôi am mà ở. Đêm, vào lúc canh ba, sư mộng thấy có vị thần đeo qua vàng, cưỡi ngựa sắt, tay trái cầm cây thương vàng, tay phải cầm bảo kiếm, theo sau tới hơn mười người, diện mạo đáng sợ, tới mà nói rằng: "Ta là Tì Sa môn đại vương, kẻ theo sau đều là thần Dạ Thoa. Thiên đế có sách sai ta tới Bắc quốc để bảo hộ hạ dân ở đó. Ta vốn có duyên với ngươi, cho nên tới báo để ngươi biết." Thái sư kinh hoàng tỉnh dậy, nghe thấy trong núi có tiếng thét, lòng vô cùng sợ hãi, bèn thân vào núi, thấy một cây lớn có mây lành vây ở trên bèn sai thợ tới đốn để tạc tượng thần như hình dạng trông thấy trong mộng, rồi lập đền thờ, hương lửa cúng vái. Năm Thiên Phúc thứ nhất, quân Tống vào ăn cướp, bên ta sai quân tới đền cầu khấn.

Khi ấy quân Tống đóng ở thôn Tây Kết, hai bên chưa giao chiến, quân Tống trông thấy đã kinh hãi lui về giữ Đại Giang, lại gặp lúc sóng nổi cuồn cuộn, giao long nổi lên mặt nước, quân giặc tan vỡ. Vua cảm sự anh linh của thần, bèn xây thêm miếu vũ, phong làm Sóc Thiên Vương để trấn phương bắc. Đền ở xã Vệ Linh, huyện Kim Hoa, thường xuyên phụng thờ không bao giờ ngớt. Có người cho rằng Đổng Thiên Vương sau khi dẹp được giặc, cưỡi ngựa sắt tới cây đa núi Vệ Linh thì lên trời, chỉ để lại một cái áo. Tới nay người đời gọi cây này là "cây thay áo". Phàm khi thờ cúng, chỉ dùng những đồ chay tịnh. Tới triều Lý, để tiện thờ cúng, mới xây đền vũ ở phía đông Tây Hồ để trấn phương Bắc, lại tôn làm phúc thần, nay là phường Nhật Quả Tây Hồ vậy.

TRUYỆN

ĐỀN THỜ HOẰNG THÁNH ĐẠI VƯƠNG

Hoằng Thánh đại vương chính là Phạm Cự Lượng ở triều vua Lê Đại Hành. Cự Lượng người Nam Sách, ông nội Lượng là Chiêm làm chức Đồng Giáp tướng quân nhà Ngô, bố Lượng là Mạn, làm chức tham chính đời Ngô Nam Tấn vương, anh Lượng là Dinh làm chức Vệ uý tướng quân đời Đinh. Khi vua Đinh còn thơ ấu, quân Tống sang xâm lược, Đại Hành nắm mọi quyền bính. Đinh Thái hậu truyền lựa chọn dũng sĩ để chống giặc Tống, Đại Hành cử Lượng làm đại tướng quân. Đương khi đặt kế xuất quân, Cự Lượng cầm đầu tướng sĩ, tôn Đại Hành làm hoàng đế. Lượng làm quan đến chức Thái Uý. Năm Thông Thuỵ đời Lý Thái Tông, vua thấy trong đô hộ phủ có nhiều nghi án, án quan không giải quyết nổi,

có ý muốn lập thần tự chuyên xử xét các án kiện, tỏ rõ sự linh hiển để thấy hết mọi kẻ gian trá, bèn tắm rửa, thắp hương cầu khấn Thượng đế. Đêm đó, mộng thấy có vị sứ giả mặc áo đỏ, vâng mệnh Thượng đế tới phong Cự Lượng làm minh chủ của các án quan ở đô hộ phủ. Vua hỏi sứ giả rằng: "Người ấy là ai, giữ chức gì của ta?" Đáp: "Chính là chức thái uý của vua Lê Đại Hành." Vua tỉnh mộng, bèn hỏi lại quần thần. Khi biết rõ chuyện, bèn phong Lượng làm Hoằng Thánh đại vương, sai quan lập đền ở phía tây của nam thành để phụng thờ, lại đổi là Hồng Thánh, đời đời tôn làm ngục thần[255].

[255] *Viên thần chuyên việc xét xử các án kiện.*

TRUYỆN

VỊ THẦN Ở XỨ ĐẰNG CHÂU

Thần vốn là thổ thần ở ngôi miếu cổ đất Đằng Châu. Lý Thái Tổ khi còn làm quan quản lĩnh thân binh, có thực ấp ở Đằng Châu. Một lần vua dạo chơi, tới làng này, thuyền đang đi ở giữa sông, bỗng gặp mưa to gió lớn, phải dừng lại. Vua hỏi đền ở bờ sông là đền gì, có linh ứng không? Có kẻ đáp rằng: "Đó là đền thần thổ địa đất Đằng Châu, người trong châu cầu mưa đảo tạnh đều rất là linh ứng." Vua nói lớn rằng: "Nếu như có trận mưa lớn mà nửa sông bên này vẫn tạnh thì mới thực là anh linh." Phút chốc, quả nhiên một nửa sông mưa, một nửa sông tạnh. Vua kinh dị, bèn sai tu sửa đền vũ, hương lửa cúng thờ. Người trong thôn có bài thơ rằng:

Mỹ hỹ đại vương uy vọng trọng,

Đằng Châu thổ địa hiển thần linh,

Khước giao bạo vũ vô xâm phạm,

Ná nhất bàng đà giá nhất tình.[256]

Vua nghe thấy, có bụng tự phụ. Kíp tới khi Lê Ngoạ triều băng hà, vua muốn mưu đại sự bèn tới đền mật cáo, chờ điềm linh ứng. Đêm ấy mộng thấy có dị nhân đến báo rằng: "Có lòng muốn thì sẽ thành công, các phương đều thuận phụ, vạn quốc hưởng thanh bình, ba năm dân yên cơ lạc nghiệp, bảy miếu chúa được an ninh." Vua tỉnh mộng, chưa hiểu ý tứ thế nào, có người đoán mộng cho là triệu tốt. Vua bèn thăng Đằng Châu là Thái Bình phủ, phong thần làm Khai thiên thành hoàng đại vương. Năm Trùng Hưng thứ nhất đời Trần gia phong cho mĩ tự là Khai thiên trấn quốc. Đền thần ở phía trong đê, thường bị nước lũ tràn ngập. Người ở làng ven sông thường trông thấy có xe, ngựa, dù, tán đi hầu một người có vẻ như đi hộ đê, cho nên đê tuy thấp mà nước không thể gây tai hoạ được. Trải qua năm tháng, nước sông dâng cao áp tới đền thờ. Năm Bính Tuất niên hiệu Thống Nguyên, dân làng định lập đền ở trên mặt đê. Khi mọi người tới nơi đã thấy chính tẩm dựng sắp xong, quan huyện và dân làng đều ngủ ở trên gò cỏ, nghe thấy có người tới mang theo những đồ để đào đất, lại nghe có tiếng gọi nhau như kiểu người trong thôn đi làm. Sáng ra, thấy những cột và đá tảng đã chuyển dịch sang phía tả, cách đê ba thước, thật là muôn phần linh ứng. Về sau đến ngày rước thần, tri phủ Khoái Châu là Hoàng Nam Kim có đề lên miếu bài thơ rằng:

Phân thổ châu khu lịch hách hách,

Khai thiên huyền tạo ngưỡng nguy nguy.

Đường thành dục thức chân linh tích

Nhất dạ thần công diệu chuyển di.[257]

Miếu ở xã Đằng Châu huyện Kim Động, nay gọi là miếu Vua Mây.

CHÚ GIẢI

[256] *Tạm dịch là:*

Đẹp thay! Uy danh của đại vương rất lớn,

Tỏ rõ uy linh ở đất Đằng Châu.

Không cho mưa lớn tới xâm phạm.

Nửa sông bên kia mưa mà nửa sông bên này vẫn tạnh.

[257] *Tạm dịch là:*

Mấy tấc gò đống ven sông mà uy linh hiển hách, khai thiên phép huyền diệu cao vòi vọi. Muốn biết linh tích ở đê cũ, hãy xem cái tài chuyển dịch kỳ diệu của thần trong một đêm.

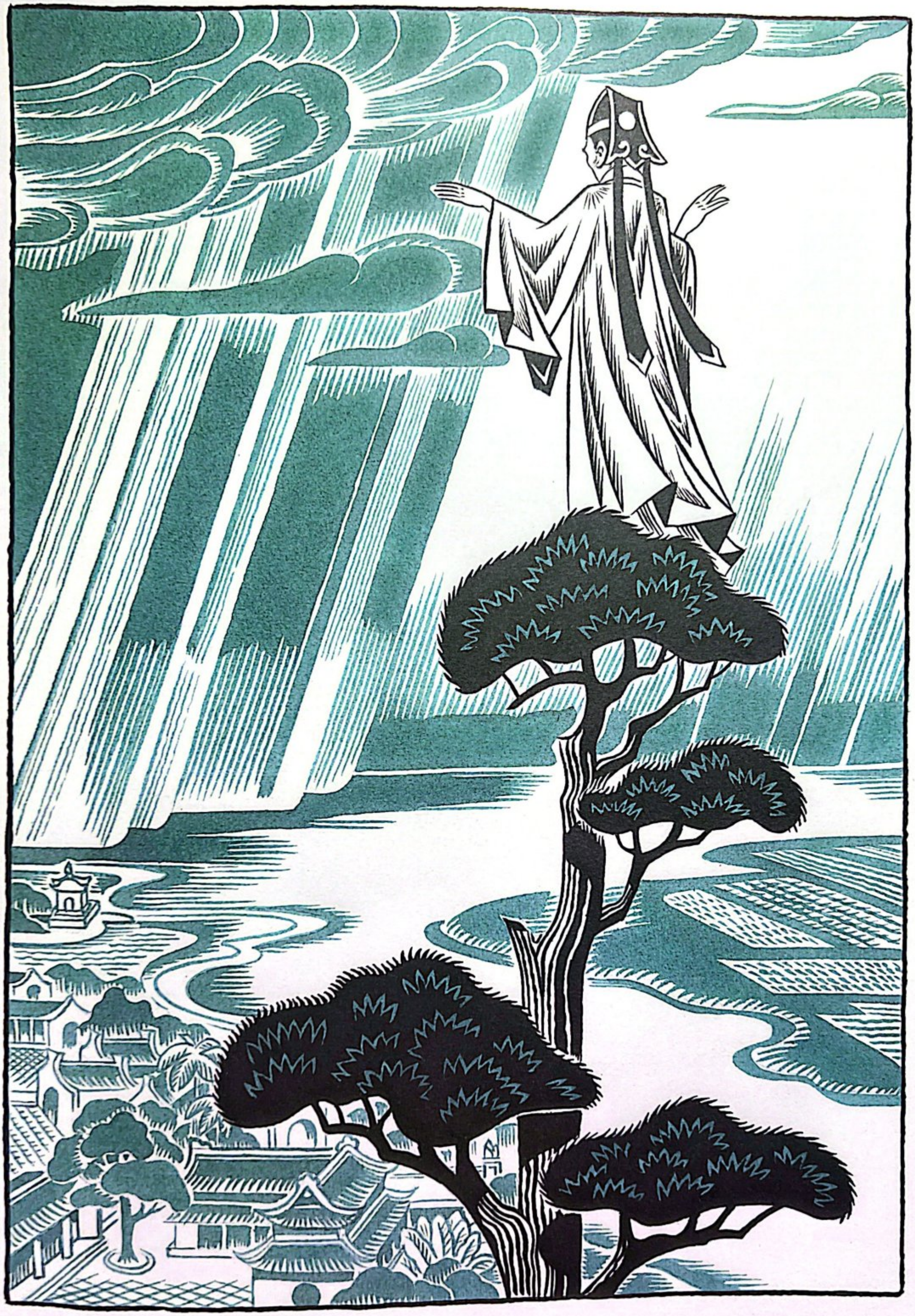

TRUYỆN

BÀ PHU NHÂN TRINH LIỆT MỴ Ê

Bà Mỵ Ê là vợ Xạ Đẩu, chúa nước Chiêm Thành. Lý Thái Tôn đánh được Chiêm Thành, chém Xạ Đẩu, bắt Mỵ Ê mang về. Đến sông Lý Nhân, vua sai quan trung sứ triệu bà sang hầu. Bà căm giận khôn xiết, lấy chiên trắng quấn quanh mình rồi nhảy xuống sông Hoàng Giang mà chết. Những buổi sáng sớm sương mù và đêm trăng thường nghe thấy có tiếng than ai oán ở khúc sông đó. Người nước ta bèn lập đền thờ cúng.

Về sau, vua ta đi qua hạt Lý Nhân, ngồi ngự ở thuyền rồng nhìn sang bên sông thấy có đền thờ, bèn quay lại hỏi tả hữu. Tả hữu bèn đem chuyện bà tâu rõ lại. Vua thương tình nói rằng: "Nếu quả thực là linh thiêng tất nàng sẽ báo cho trẫm biết."

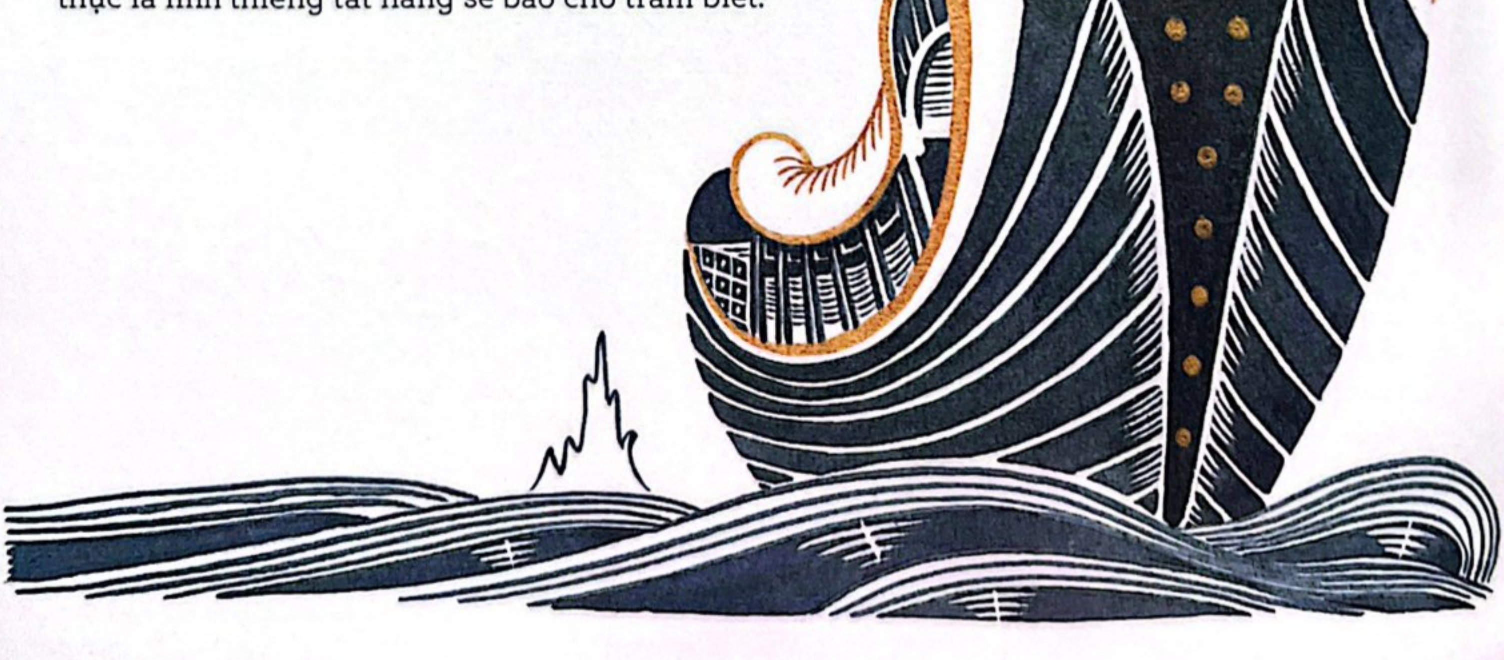

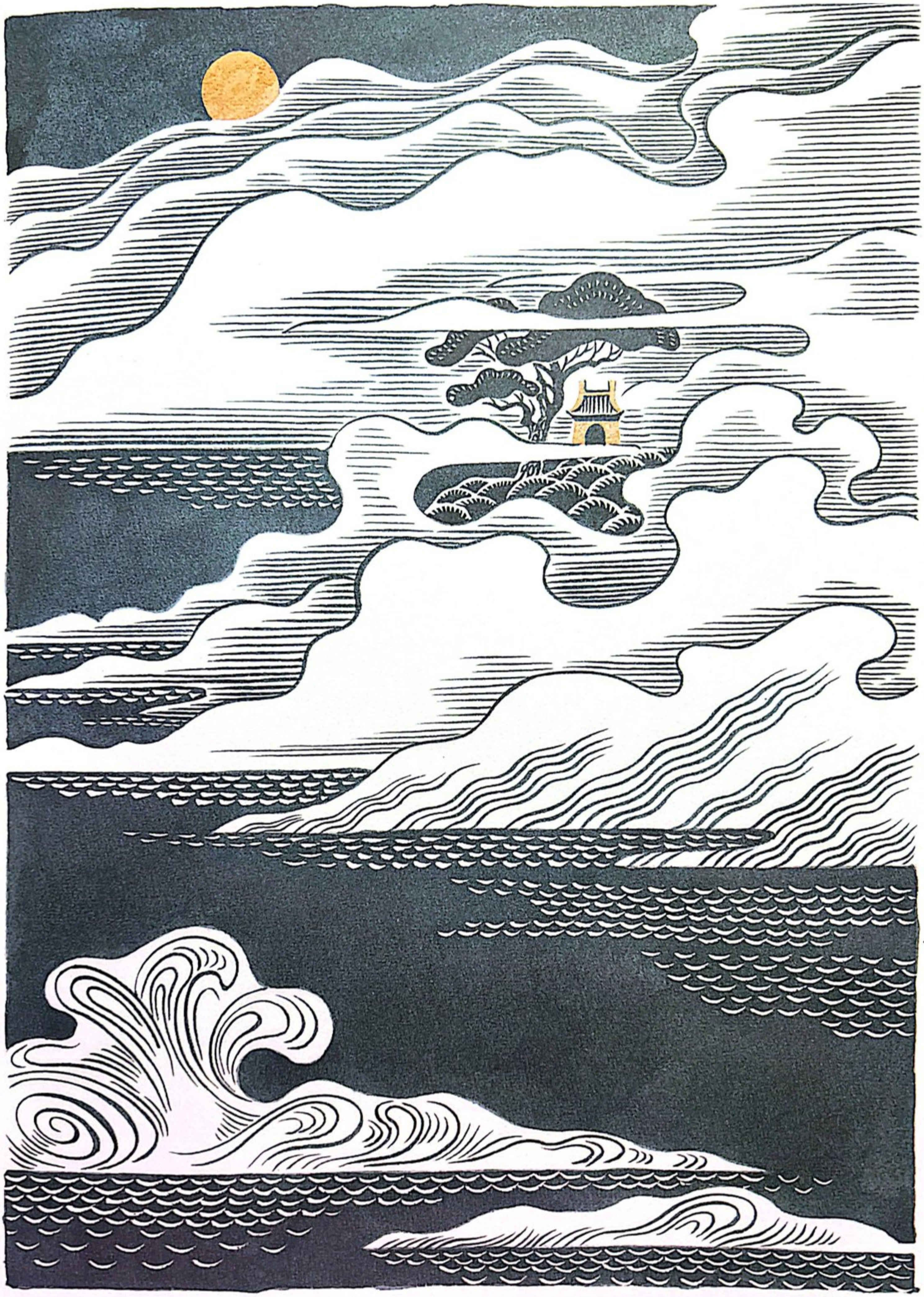

Đêm đó vào hồi canh ba, bà bèn ứng mộng cho vua. Bà mặc y phục Chiêm Thành, vừa vái vừa khóc mà tâu rằng: "Thiếp giữ đạo nữ nhi, một lòng một dạ với chồng. Xạ Đẩu tuy không thể cùng bệ hạ tranh sáng, nhưng cũng là người hiển hách ở một phương, thiếp thường vẫn chịu ơn nghĩa của chàng. Ngày nay Xạ Đẩu lỗi đạo, Thượng đế giáng chích, mượn tay bệ hạ để trị tội cho nên nước mất thân tan. Thiếp hằng ngày vẫn muốn báo ơn chàng nhưng chưa có dịp. Thiếp may mắn một ngày được gặp bệ hạ. Bệ hạ sai quan trung sứ tiễn thiếp xuống dòng nước này, nhờ đó mà giữ được tiết trong giá sạch, ơn đó kể sao cho xiết. Thiếp nào có pháp thuật gì để dám tự xưng là linh thiêng, nào có lời nói gì có thể xúng tai bệ hạ." Nói xong bỗng biến mất không thấy đâu nữa. Vua kinh hãi tỉnh mộng, phong bà là Hiệp chính nương phu nhân. Đời Trần Trùng Hưng lại gia phong cho bà là Tá lý phu nhân, thêm hai chữ trinh liệt để biểu dương cái tiết đoan trinh của bà vậy.

TRUYỆN

ỨNG THIÊN HOÁ DỤC HẬU THẦN

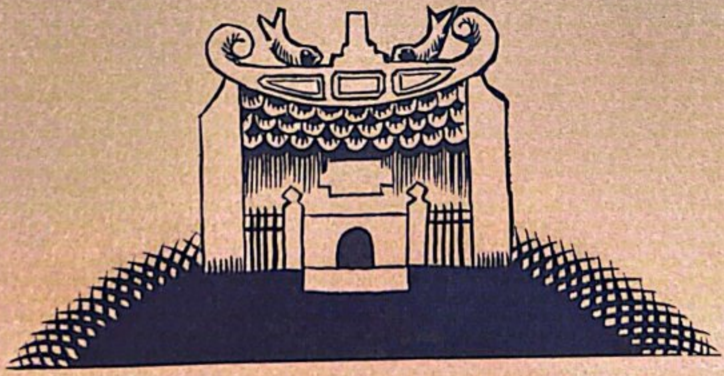

Thần vốn là vị thổ thần ở nước Nam ta. Năm Thần Võ thứ nhất đời Thánh Tông, vua đi chinh phạt nước Chiêm Thành, tới cửa bể Hoàn Hải, bỗng nhiên trời nổi mưa to gió lớn, sóng dâng cuồn cuộn, xa nhìn như núi, ngự thuyền và chiến thuyền đều không thể qua bến được, bèn phải cắm thuyền ở bờ biển. Đêm ấy, mộng thấy có người con gái mặc đồ trắng, quần đỏ, trang điểm sơ sài, phong tư yểu điệu bước lên thuyền ngự mà nói rằng: "Thiếp là tinh đất ở nước này, hồn đậu ở trên cây đã lâu. Nay gặp lúc minh quân xuất chinh, nguyện xin cùng đi theo để lập chiến công." Dứt lời không thấy đâu nữa. Vua bèn tỉnh dậy triệu tập tả hữu và các bậc kỳ túc kể lại chuyện. Có vị tăng thống là Huệ sinh tâu rằng: "Thần đã nói là đậu nhờ ở trên cây, vậy nên cầu khấn tất được yên." Bèn sai thân nhân tìm khắp các núi trên bờ, ngẫu nhiên thấy một cái cây ngọn như hình người, giống hệt vị thần trong mộng, bèn đặt trên thuyền ngự, thắp hương cầu đảo, đặt hiệu là Hậu thổ phu nhân. Trong khoảnh khắc, gió yên sóng lặng, hành quân vượt biển thuận lợi, không lo ngại vì sóng gió nữa.

Vua bèn lập thần từ, phút chốc sóng gió lại nổi cuồn cuộn như trước. Huệ sinh tâu rằng: "Ý thần không muốn ở lại bên bờ." Bèn về kinh xin âm dương để cầu cho sóng bể được yên. Kíp khi về tới kinh, xây đền thờ ở làng An Lãng...

Tới đời Trần Anh Tông, gặp hạn hán, vua sai lập đàn để cầu đảo. Thần bèn thác mộng cho vua, nói: "Đền này có vua Câu Mang, có phép làm mưa." Vua tỉnh dậy, sai quan dâng lễ, quả nhiên được buổi mưa to gió lớn. Vua bèn sách phong cho thần làm Hậu thổ đại phu nhân, đời đời gia phong vì nghĩ thần có công với dân. Triều Trần lại phong làm Ứng Thiên Hậu thổ Thần kỳ nguyên quân. Phàm tiết lập xuân đều mang thổ ngưu[258] nộp ở dưới đền, tới nay đã thành tục lệ.

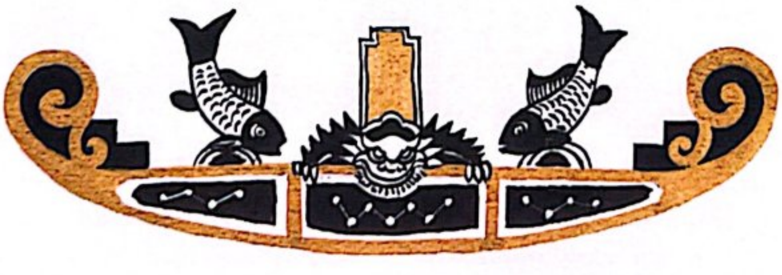

[258] *Tức xuân ngưu, lấy đất nặn thành hình con trâu để tế thần vào mùa xuân.*

TRUYỆN

VỊ THẦN NÚI HỒNG LĨNH

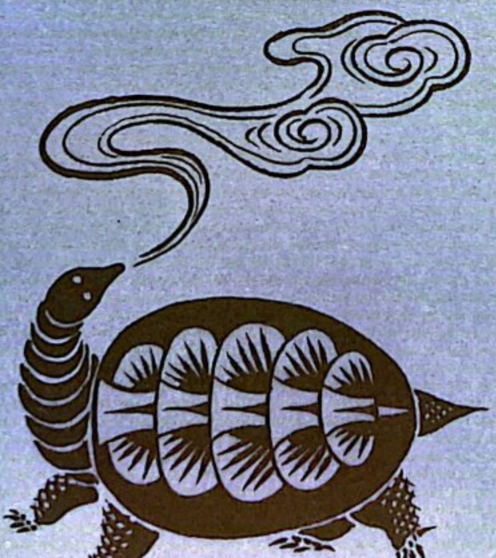

Núi Hồng Lĩnh ở đạo Nghệ An. Xưa ở huyện La Sơn có bốn người đốn củi trong núi thấy một cái hồ, trong hồ có một mĩ nhân rất đẹp đang tắm trên một tảng đá bằng phẳng. Mĩ nhân trông thấy bốn người thì nhảy xuống hồ. Bỗng có một con ba ba lớn nổi ở trên mặt nước, bốn người kinh hãi bèn hái những quả quý trên hồ mà đi. Đi suốt ngày không tiến được bước nào, bỗng thấy một dị nhân đến nói rằng: "Vứt những quả quý đi thì mới có thể ra khỏi chốn này, nếu về được tới nhà thì chớ có tiết lộ chuyện trong núi cho ai biết." Về sau có người tiết lộ chuyện, hộc máu mà chết. Đến đời Thánh Tông Hoàng đế triều ta[259], vua tới núi này, cắm biển ở trên núi. Núi có chín mươi ngọn. Tịnh không thấy hồ, chỉ nghe như có tiếng sóng vỗ. Trời lập tức đổ mưa. Thấy thần rất là linh ứng, nhà vua ban phong cho điển lễ, đến nay người đời vẫn còn kể lại chuyện xưa. Nơi đó là núi Hồng Lĩnh thuộc huyện La Sơn, phủ Đức Quang, tỉnh Nghệ An, nay là hai huyện Nghi Xuân và Can Lộc.

[259] *Chưa rõ vua Thánh Tông đời Lý, vua Thánh Tông đời Trần hay là vua Thánh Tông đời Lê. Có lẽ là đời Lê.*

TRUYỆN

THẦN NÚI VỌNG PHU

Núi Vọng Phu thuộc huyện Vũ Xương, ở cửa bể của đạo Thuận Hoá. Người đời tương truyền rằng: ngày xưa có hai anh em một trai một gái làm nghề đốn củi ở trong rừng. Người anh chặt gỗ, lỡ tay trúng phải mặt người em. Người em đau quá ngã lăn xuống đất. Người anh tưởng em chết, sợ hãi mà bỏ trốn đi xa.

Người em được một cụ già đem về nuôi, đến khi trưởng thành, nhan sắc tuyệt đẹp, khác hẳn ngày xưa. Khi cụ già chết, người em gái mới đi lấy chồng, lại lấy đúng người anh mình. Người anh không biết vợ là em gái. Anh ta thấy trên đầu vợ có một vết sẹo, nhân hỏi duyên do. Người vợ nói: "Lúc còn nhỏ thiếp theo anh trai vào rừng đốn gỗ, anh thiếp lỡ tay chém trúng vào giữa trán thiếp rồi bỏ trốn mất, không biết sống chết nơi nào."

Người anh nhận ra em gái mình nhưng đã trót kết làm vợ chồng, cho nên ngại mà không dám nói rõ, lấy cớ đi buôn, bỏ ra đi không về nữa. Người em không biết chồng là anh mình, ngày ngày trông đợi, chết mà biến thành hòn đá. Người đời bèn gọi hòn đá ấy là đá Vọng Phu, lại thấy linh thiêng bèn lập đền thờ phụng.

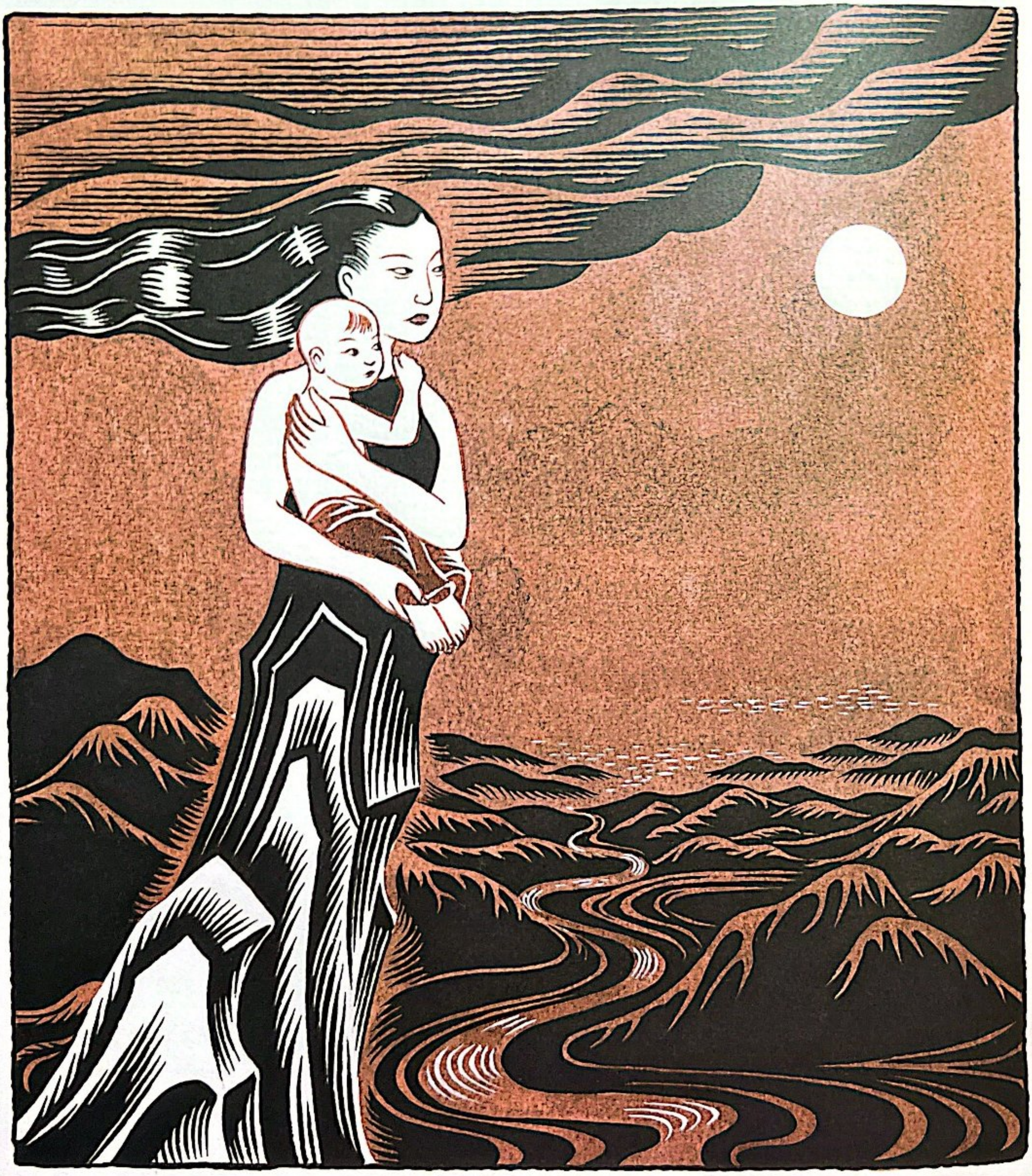

TRUYỆN

CON TRÂU VÀNG Ở HUYỆN TIÊN DU

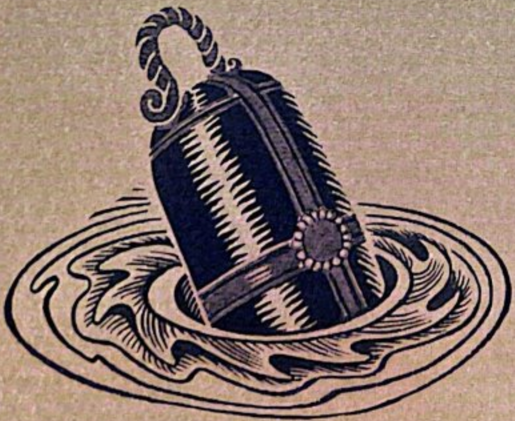

Ngày xưa, đời thượng cổ, có người tên Vương Chất đi đốn củi ở trong núi gặp hai tiên đồng đang đánh cờ. Hai tiên đồng cho Chất một hạt táo, Chất ăn khỏi đói rồi gác rìu mà ngồi xem đánh cờ. Tiên đồng bảo Chất: "Cán rìu của người nát rồi." Chất cúi xuống, lúc ngẩng lên thì không thấy tiên đồng đâu. Kịp đến khi trở về nhà thì không còn gặp lại những người thân cũ ở trần gian nữa. Do tích đó, người đời bèn gọi quả núi này là núi Lạn Kha (núi rìu nát) còn gọi là núi Tiên Du (núi chơi tiên) rồi nhân lấy tên ấy để đặt tên huyện. Ở huyện Tiên Du nay vẫn còn vết cũ.

Núi Tiên Du có tinh trâu vàng (Kim Ngưu) nửa đêm thường toả ra ánh sáng. Có nhà sư lấy tích trượng yếm lên trán trâu, trâu vàng bỏ chạy húc vào đất làm sụp thành cái hồ. Nơi này sau gọi là thôn Húc. Trâu chạy đến địa phận Văn Giang, vì vậy ở đây có cái vũng lớn gọi tên là Vũng Trâu Đằm. Trâu chạy qua các xã Như Phượng, Như Loan, Đại Lạn, Đa Ngưu. Các xã này

sở dĩ tên như vậy là vì có vết chân trâu đi tới. Trâu lại từ trong bến ra sông Cái, đến Ninh Giang, đi men phủ Lý Nhân, theo ven sông Cái tới sông Tô Lịch, chỗ ấy chính là Tây Hồ. Người đời truyền tụng rằng Cao Biền rất giỏi thuật số, thông địa lý, thường cưỡi diều giấy bay trên không trung để yểm các nơi thắng cảnh. Biền thấy trâu đi vào hồ Dâm Đàm (nay là Tây Hồ) rồi thoát không thấy trâu đâu nữa. Trên đường trâu chạy, khắp nơi biến thành khe, ngòi, rãnh, lạch. Người xưa đã có thơ rằng:

Kim ngưu do ẩn tại hồ trung,
Thuỷ hạt nan tầm bất kiến tung.
Đại Việt nam an tồn thánh chủ,
Cao Biền hạ bút hận vô cùng.[260]

[260] *Tạm dịch ý như sau:*

Trâu vàng còn ẩn mãi giữa hồ,
Nước cạn muốn tìm chẳng thấy tung tích.
Nước Việt bình yên là nhờ thánh chúa,
Cao Biền hạ bút hận còn sâu.

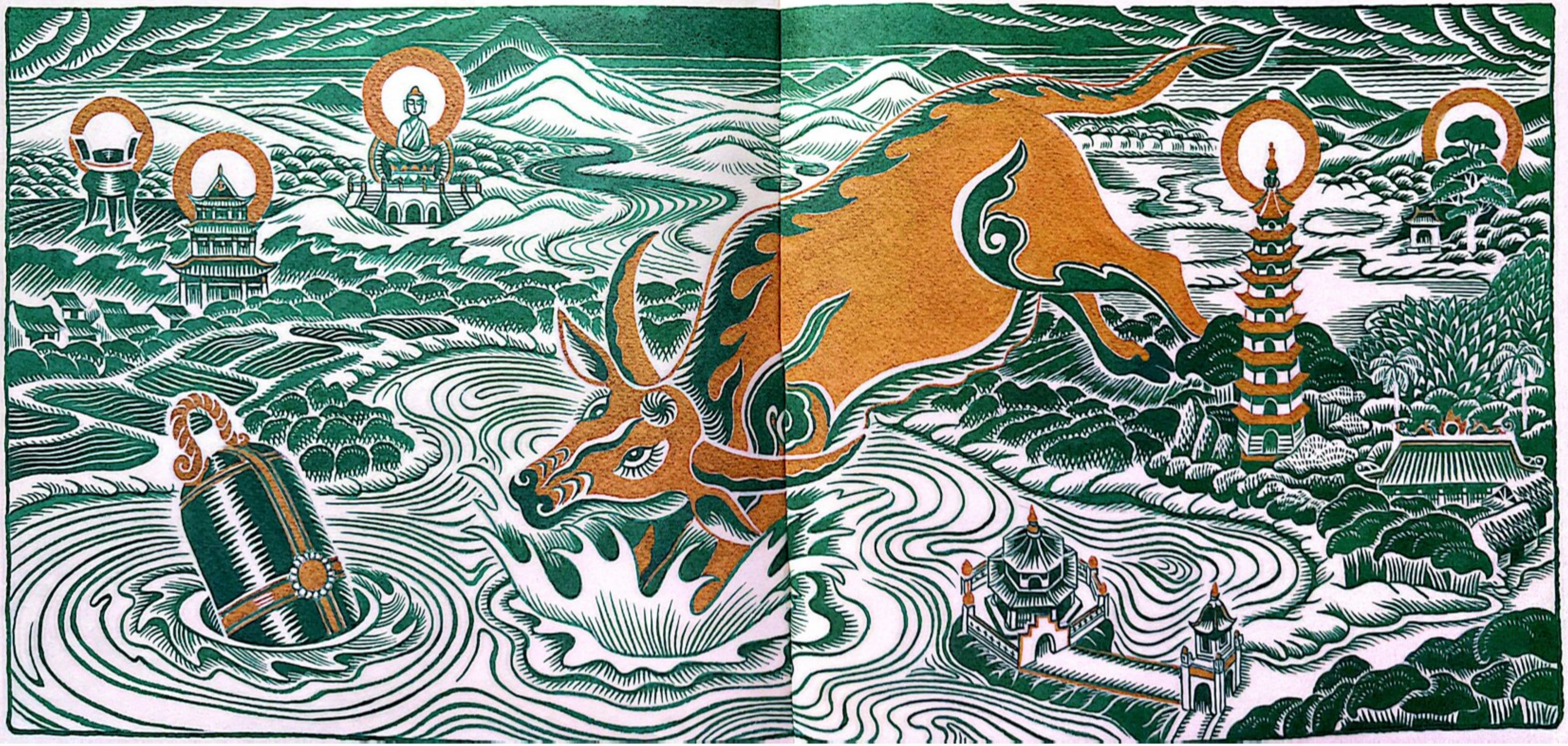

TRUYỆN

VỊ THẦN LÀNG BỐ BÁI

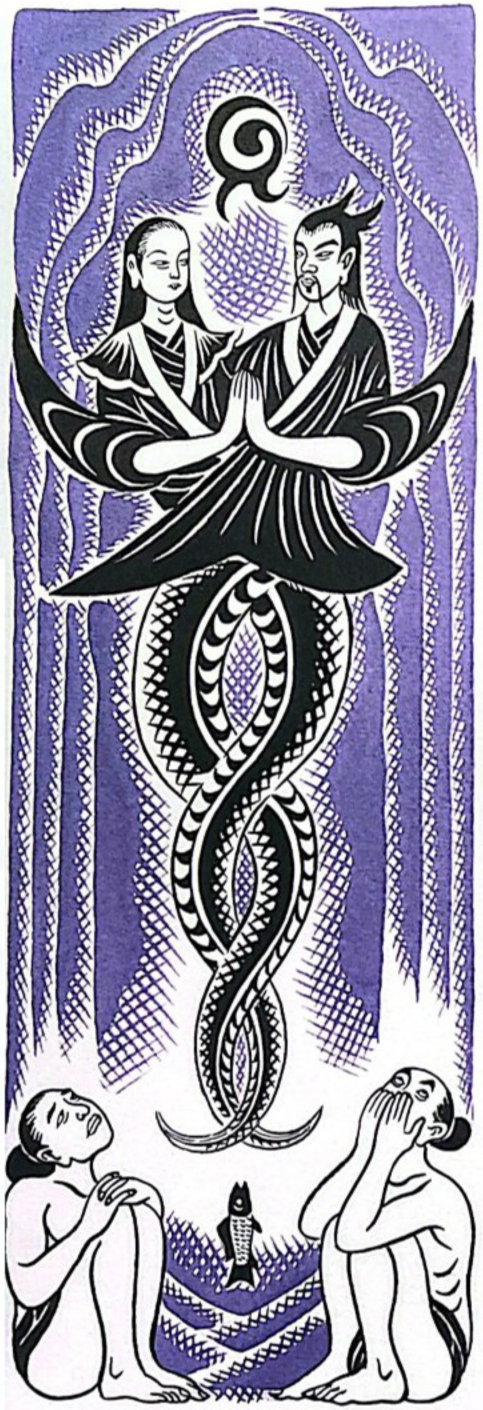

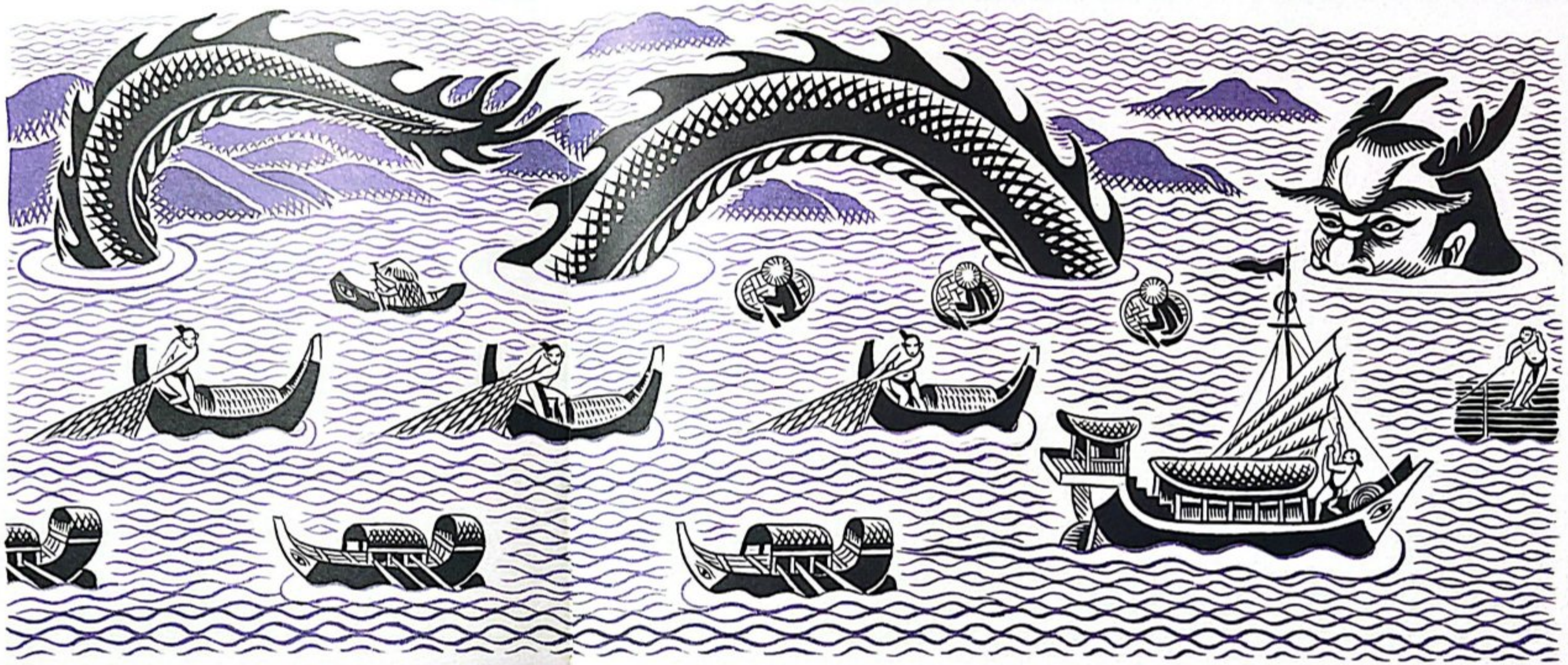

Thần làng Bố Bái là tinh của Viêm Long. Xưa ở làng Hạn Kiều thuộc lộ Hạ Hồng có hai anh em nhà họ Đặng, một tên là Thiện Minh, một tên là Thiện Xạ xuống biển đánh cá gặp một vật lạ giống như hình cây gỗ, dài hơn 3 thước, sắc như trứng quạ, dập dềnh trôi theo ngọn sóng. Hai anh em lặt lấy đem về. Đến đêm bỗng nghe thấy ở trong vật ấy có tiếng động. Hai anh em kinh hãi vội đem vứt ra giữa dòng nước, rồi sang thuyền khác ngủ nhờ.

Đêm ấy, hai anh em mộng thấy có một người đến nói rằng: "Ta là vợ Đông Hải Long vương, trót lỡ đi lại với Viêm Long vương do đó sinh ra đứa con ấy, ta sợ Đông Hải Long vương biết nên đem gửi các ngươi. Các ngươi hãy giữ lấy và bảo hộ cho cẩn thận, không được để ai xúc phạm tới. Sau này nó trưởng thành tất có thể ban phúc cho các ngươi." Hai anh em kinh hãi tỉnh dậy thấy cây gỗ trước lại trôi theo thuyền, bèn đem theo về. Tới nhà, hai anh em nghỉ đậu ở đất Bố Bái. Cây gỗ bỗng nhảy từ trong thuyền lên mặt đất. Hai anh em bèn lập đền, lấy cây gỗ tạc tượng để thờ, gọi là Long quân.

Đời Trần, vua sai thị thần lặn xuống bể mò hạt châu. Thị thần không mò được gì cả, chỉ có con cháu họ Đặng mò được rất nhiều. Thị thần hỏi duyên do, họ Đặng bèn đem hết chuyện xưa nói rõ. Thị thần tâu lên vua. Vua sai dùng nghi lễ, âm nhạc đi rước tượng, từ đó mò được rất nhiều châu ngọc. Vua giáng chiếu thưởng cho danh hiệu Thần châu Long quân, tặng phong là Lợi tế linh thông huệ tín Long quân. Đền thờ đặt ở xã Bố Bái, huyện Quỳnh Côi. Phía đông đền có bãi tha ma, đó chính là nơi khắc tượng ngày xưa. Trải qua các triều vua, thần đều được gia phong mĩ tự. Tới ngày nay đền đó vẫn rất là linh ứng.

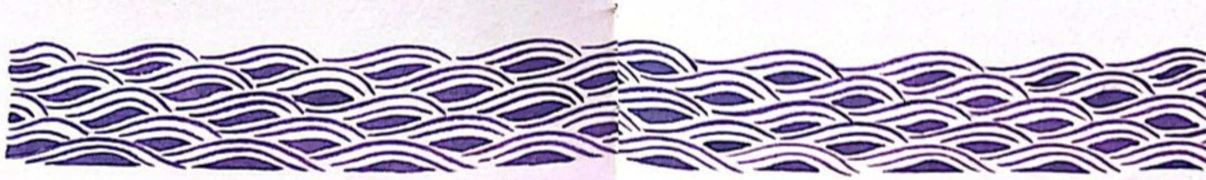

TRUYỆN

VỊ THẦN Ở CHẰM LÂN ĐÀM

Thần Lân Đàm chính là thần rồng vậy. Xưa thần thường hoá thành người để tìm thầy học[261] đạo. Thầy học lấy làm lạ bèn tìm chỗ ở của thần, thấy thần náu ở trong chằm. Thầy học thường tra hỏi, thần bèn nói thực rằng: "Năm nay trên thiên đình ngừng việc làm mưa." Thầy học cố nài thần ra làm mưa. Thần bất đắc dĩ phải nghe lời.

Sau trong chằm có biến động, thầy học tới chằm thấy thần hút nước trong nghiên phun thành mưa mực để trừ hạn hán. Thượng đế cho là việc đã tiết lộ bèn bắt tội thần. Thấy thần nổi ở trên chằm, thầy học thu về an táng, nhân đặt tên chằm là Long Đàm, sau đổi thành Lân Đàm.

Thần rất là uy linh, hiển ứng. Đền thờ thần đặt ở xã Lân Đàm, huyện Thanh Đàm. Đời đời thần được phong làm trung đẳng thần.

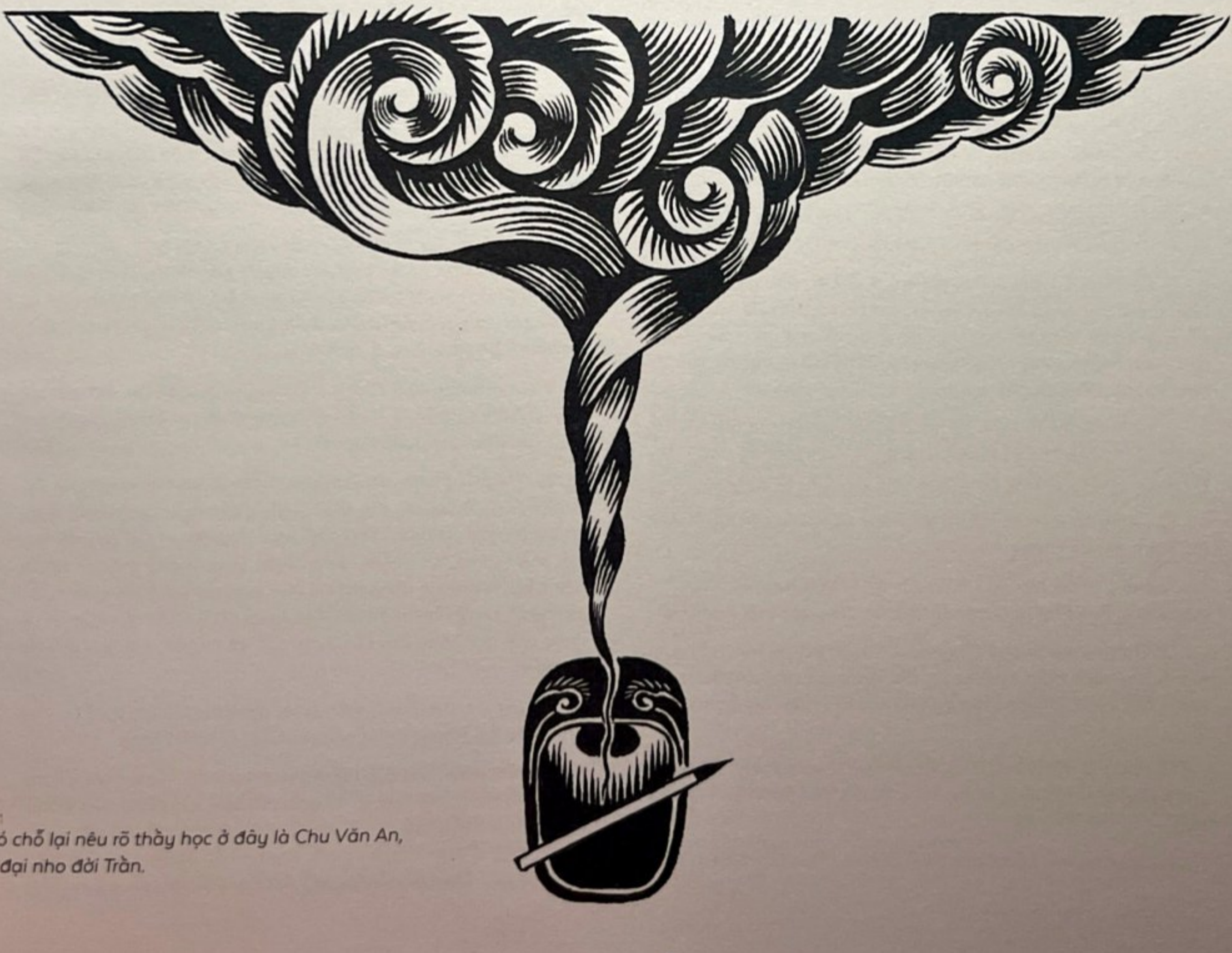

[261] Có chỗ lại nêu rõ thầy học ở đây là Chu Văn An, bậc đại nho đời Trần.

II. TÓM TẮT CÁC TRUYỆN CHƯA ĐƯỢC DỊCH[282]

*(Gồm tất cả những truyện chép trong 9 bản **Lĩnh Nam chích quái** khác nhau)*

1. *Đồng Cổ Sơn thần truyện*: chép sự tích vị thần núi Đồng Cổ (huyện Yên Định, Thanh Hoá) ban đêm báo mộng cho vua Lý Thái Tông, xin đi theo dẹp Chiêm Thành để lập công, sau được phong làm Linh cảm ứng bảo hựu đại vương, lập đền ở phía tả thành Thăng Long.

2. *Xung thiên chiêu ứng thần truyện*: truyện vị thổ thần ở chùa Kiến Phúc làng Phù Đổng. Khi Lý Thái Tổ chưa lên ngôi, có vào thăm chùa, thần hiện lên tán tụng vua; sau vua lên ngôi có trả ơn cho thần.

3. *Lý tướng quân truyện*: truyện Lý Phục Man, người làng Cổ Sở, làm đại tướng quân đời Lý Nam Đế. Sau thường dẫn quỷ binh theo quân nhà Đường đánh Nam Chiếu...

4. *Càn Hải thần truyện*: truyện mẹ con công chúa nhà Nam Tống vì trinh liệt mà chết, được phong thần ở núi Nam Hải (tức sự tích bà chúa Tàu ở đền thờ phố Sinh Từ ngày nay).

5. *Sĩ vương tiên truyện*: chép sự tích Sĩ Nhiếp sang làm thái thú đất Giao Châu, mở mang Hán học, có công với sĩ dân nước ta. Sau được suy tôn là Nam giao học tổ.

6. *Đinh Tiên Hoàng ký*: truyện về vua Đinh Tiên Hoàng. Lúc trước, mẹ vào núi tắm, cùng tư thông với con vượn rồi đẻ ra Tiên Hoàng (Bộ Lĩnh). Sau có người phương Bắc sang nước ta thấy một chỗ nước sâu rất thiêng, sợ hãi mà đem lễ vật quý trọng đến dâng. Bộ Lĩnh nghe tin, lặn xuống nước xem, thấy một vật như hình con ngựa, sau dắt vật ấy về, lấy lau làm cờ, cưỡi ngựa mà đánh trận, v.v... Chí lớn của họ Đinh khởi phát từ đó, sau làm nên nghiệp lớn.

7. *Kim Nham Sơn ký*: truyện núi Kim Nham ở xã Lãng Thạch, huyện Thanh Chương, đất Hoan Châu (Nghệ An).

8. *Đế Thích ký*: truyện hai chị em ở xã Liễu Cầu gặp cơn binh hoả, phiêu bạt sang Ai Lao, sau muốn trở về, nhờ Đế Thích giúp đỡ. Bỗng một hôm hai người trở về được, đi nhẹ như bay, không bao lâu thì về tới làng. Khi tới quán La Tư để bái tạ, vừa cúi đầu thì hình hài đã biến đổi.

9. *Liêm tiết công thần ký*: kể đức liêm khiết của ông Võ Tự, người đất Hoạch Thạch, huyện Đường An, tỉnh Thượng Hồng (nay là Hải Dương) đỗ hoàng giáp khoa Quý Sửu đời Hồng Đức.

10. *Trạng nguyên Kỳ ký*: truyện Trạng cờ Vũ Huyến, người làng Mộ Trạch, huyện Đường An.

11. *Bảng nhãn Nguyễn Toàn An ký*: truyện Nguyễn Toàn An, người làng Thời Phong, huyện Đường An, sống vào thời Hồng Đức.

12. *Thượng thư Trương Phu Hổ ký*: truyện Trương Phu Hổ người Kim Đâu, Thanh Miện, Hải Dương, đỗ hoàng giáp khoa Ất Sửu niên hiệu Thuỵ Bình, khi Mạc Đăng Dung thoán vị làm Lại bộ thượng thư.

13. *Thượng thư Đặng Thiết Trường ký*: chép sự tích ông Đặng Thiết Trường người làng Đông Tinh, huyện Yên Định, tỉnh Thanh Hoá.

14. *Thượng thư Lê Như Hổ ký*: chép sự tích ông Lê Như Hổ người làng Tiên Châu, xã Tiên Lữ, phủ Khoái Châu, tỉnh Sơn Nam (thuộc Hưng Yên ngày nay).

15. *Hạ Bì dị nhân ký*: chép sự tích vị dị nhân ở làng Hạ Bì huyện Gia Phúc, tỉnh Hải Dương, làm nghề bán sò hến. Một hôm dị nhân ra bờ biển thấy hai con trâu húc nhau, trâu thấy người vội lặn xuống bể, để rơi lại mấy chiếc lông, dị nhân lấy lông đó mà nuốt, từ đó sức khoẻ phi thường, v.v...

16. *Phù Ủng xã tiết phụ*: chép sự tích bà Phạm Thị Duyên người xã Phù Ủng, huyện Đường An, Thượng Hồng (nay thuộc Ân Thi, Hưng Yên), chồng chết sớm. Gặp cơn binh hoả, các đàn bà goá thường bị hiếp hoặc tư thông với người khác, riêng bà dùng mưu trí mà giữ được mình trong sạch, sau được gọi là tiết phụ.

17. *Tham nghị Võ Đăng Hiển ký*: người xã Mộ Trạch, tỉnh Hải Dương, đỗ thủ khoa năm 18 tuổi.

18. *Phạm Trấn, Đỗ Uông ký*: chép truyện Phạm Trấn người xã Vạn Kiều, Đỗ Uông người xã Cải Tông đều thuộc huyện Gia Phúc (Hải Dương). Xưa ở ấp Đỗ Uông có nữ tinh, Uông ngồi đọc sách thấy có bàn tay thò qua cửa sổ. Về sau nghe theo pháp sư trong làng, Uông lấy chỉ màu buộc ở song cửa, yêu quái không dám trêu, trách rằng: "Biết ông sau này sẽ phú quý nên tới thăm, sao lại làm dữ vậy?" Uông hỏi: "Ta đỗ được Trạng nguyên chăng?" Yêu quái trả lời rằng: "Trạng nguyên là Phạm Trấn, ông thứ nhì." Sau quả nhiên Trấn đỗ Trạng nguyên, Uông đỗ Bảng nhỡn.

19. *Long trảo khước lỗ truyện*: truyện vị thần (Chử Đồng Tử) tháo vuốt rồng cho Triệu Quang Phục dặn đính vào mũ đâu mâu. Được vuốt đó, khi ra trận đánh quân Lương (Trần Bá Tiên), Triệu Quang Phục chỉ có thắng, v.v...

20. *Minh ứng an sở thần từ truyện*: nói về đền thờ Lý Phục Man. Lý Phục Man là tướng của Lý Nam Đế, phụng mệnh bảo vệ bờ cõi phía Nam chống Chiêm Thành, sau tử tiết vì việc nước. (Xem truyện số 3 ở trên.)

21. *Đại Than Đô Lỗ Thạch Thần truyện*: truyện Cao Lỗ, tên tục là Đô Lỗ, lại có hiệu là Thạch Thần, người ở Đại Than, ứng mộng giúp Cao Biền dẹp quân Nam Chiếu.

22. *Thần Châu Long thổ truyện*: Thần vốn là tinh của Viêm Đế. Truyện chép về hai anh em nhà họ Đặng làm nghề câu cá bắt được chiếc cần câu dài biết nói từ đáy nước theo thuỷ triều mà nổi lên. Hai anh em sợ, vứt xuống dòng nước. Đêm mộng thấy có người đến bảo: "Vật đó là do Viêm Đế giao hợp với Long Phi dưới nước mà đẻ ra. Long Phi muốn nhờ hai người giữ hộ, giữ cẩn thận ắt sẽ được phú quý." Sau cần câu ấy lại trôi tới thuyền, hai anh em lấy mang về, quả nhiên được phú quý.

23. *Uy linh An thái Bái Ân phúc thần truyện*: chép sự tích Võ Phục người ở Phong Châu, sống vào đời Lý Nhân Tông.

24. *Mục Thận truyện*: chép truyện Mục Thận người làng Cương Thuỵ, huyện Quảng Đức, làm nghề chài lưới, giỏi phép tiên. Đời Lý Nhân Tông, thái sư Lê Văn Thịnh rất giỏi phù chú, muốn tiếm ngôi. Nhân Tông đi chơi thuyền ở Hồ Tây, Lê Văn Thịnh hoá thành hổ định vồ, Mục Thận bèn chăng lưới bắt hổ, cứu thoát vua.

25. *Uy linh dũng liệt hiển trung tá thánh đại vương*: chép sự tích Lý Hoảng, con thứ tám của Lý Thái Tông.

26. *Thái uý trung phụ vũ dũng quốc công*: truyện Lý Thường Kiệt, vị tướng giỏi đời Lý đã thắng quân Tống xâm lược.

27. *Khuông quốc đô thống thánh vương*: Truyện Lê Phụng Hiểu, đã phò Lý Thái Tông, trừng trị các thân vương nổi loạn.

28. *Hồi thiên trung liệt vương*: truyện một người thường gọi là Lý đô uý, không biết tên họ là gì, ở vào thời đại nào, một hôm giữa trời mưa gió hiện lên bảo người trong thôn rằng: "Ta nhờ ơn Thượng đế được sách phong làm thần ở cửa sông này." Người trong thôn sợ hãi, bèn lập đền thờ. Về sau thường có con rắn trắng từ dưới sông bò vào đền. Người đời tôn Lý làm Minh chủ phúc thần. Sau quân Nguyên sang xâm chiếm nước ta, vua sai tới đền cầu cúng, do đó đánh tan được giặc.

29. *Phùng Bố Cái đại vương truyện*: Truyện hai anh em Phùng Hưng và Phùng Hải, tù trưởng ở Lộc Châu. Nhân đời Đường Đại Tông, ở đất Giao Châu có binh biến, họ Phùng bèn nổi lên đánh chiếm Đường Châu, Phong Châu, đuổi giặc Đường. Sau khi chết, rất linh thiêng được dân trong nước lập miếu thờ, gọi là Bố Cái đại vương.

30. *Đông sơn sự tích Hồ Địch truyện*: Truyện Hồ Địch, một nho sĩ tính tình trung trực, học nhiều biết rộng. Một hôm say rượu giở sách ra coi đến truyện Tần Cối, tức giận quá nói chạm tới uy trời đất, bị Diêm Vương cho vời đến quở trách và bắt làm văn chuộc tội. Hồ làm văn rồi, Diêm Vương khen hay rồi cho cùng bàn bạc về đạo lý, v.v...

31. *Tiên lữ bồ tát chân nhân*: Truyện một nhà sư không nêu rõ tên là gì, quê ở Bối Khê, Thanh Oai, tu ở chùa Tiên Lữ huyện An Sơn, sau đắc đạo, có nhiều phép lạ. Lúc chết dân tạc tượng thờ. Cuối đời Hồ, giặc Minh sang xâm lược, phá chùa, đốt tượng. Sư bèn hiển linh, trừng phạt chúng, giết chết quá nửa. Giặc phải làm lại tượng mới được sống sót trở về.

32. *Huyền Quang tổ gia thực lục*: Truyện nhà sư Huyền Quang, học trò Pháp Loa đời Trần, một vị trong Trúc Lâm tam tổ.

33. *Đại từ minh tư khám tụng truyện*: Truyện Nguyễn Đình Chẩn ở làng Đại Từ, huyện Thanh Trì, về đời Lê Dụ Tông hoang dâm với một người con gái bán rượu ở làng Hoàng Mai. Vì hoang dâm đang lúc có đại tang, lại phạm trọng tội bỏ mặc mẹ con người phụ nữ ấy, Chẩn bị gọi xuống âm phủ xét xử, sau được tái sinh chuộc tội ở thế gian.

34. *Trành quỷ hiển linh truyện*: truyện thần hổ đời Lê mạt, có tính chất mê tín. (Trành là linh hồn của người bị hổ ăn thịt biến thành tinh của hổ, thường dẫn đường cho hổ đi bắt người, khi có dịp lại hiện ra thành hình người). Thần hổ có nơi gọi là ma quái hoặc hùm tinh.

35. *Bạch khuyển tam túc*: Truyện xảy ra đầu đời Mạc, khi Đăng Dung tiếm vị. Có hai anh em nhà nghèo làm nghề đốn củi, nuôi một con chó. Con chó ấy đẻ ra chó con màu trắng, có ba chân. Vì thế hai người được thần giữ của mách cho biết chỗ người Trung Quốc chôn của. Khi Mạc Đăng Dung làm vua, hai anh em dâng vàng bạc cho họ Mạc, được phong quan tước. Nhà Trịnh đuổi nhà Mạc rồi, lại tịch thu cả số vàng. Thế là của thiên lại trả địa.

36. *Ni sư đức hạnh truyện*: Truyện một vị ni sư (không nêu tên) tu ở chùa Thanh Lương (có lẽ là ở Hải Hậu, Nam Định ngày nay chăng?) tu hành khổ hạnh, đắc đạo mà chết. Trước khi chết dối dăng lại cho đệ tử lấy xương mình mài nước để chữa bệnh cho người đời.

37. *Phạm Tử Hư sự sư*: Truyện Phạm Tử Hư thờ thầy học có nghĩa, sau được thầy học cho lên trời xem trước bảng danh sách người thi đỗ. Về sau được hưởng phúc lộc. (Phạm Tử Hư người đời Lý Huệ Tông, quê ở Cẩm Giàng, Nghĩa Lư).

38. *Trần triều phát tích ký*: Truyện họ Trần đặt được mộ tổ đắc địa ở đất Thái Đường (Hưng Nhân, Thái Bình ngày nay) vì nhờ có một thầy địa lý người Trung Quốc giúp. Sau vì thế mà được nước, làm vua 12 đời, lại cũng vì thế mà mất nước.

39. *Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi*: truyện này mất. Chỉ có tên trong mục lục.

40. *Truyện Chiêm Thành*: truyện này chính là truyện Dạ Thoa (có dịch ở đầu phần phụ lục này), nhưng lại có thêm một phần rất dài tiếp sau truyện Dạ Thoa, phần này nói về lịch sử nước Chiêm Thành. Có lẽ chính là truyện Dạ Thoa đã được thêm bớt chăng? Có điều đáng chú ý: ở bản A.750, vừa có chép truyện Dạ Thoa vừa có chép truyện Chiêm Thành. Như vậy thì có lúc người ta đã cho đó là hai truyện khác nhau.

[262] Trong những truyện này, có truyện chép không đầy đủ hoặc nhiều chữ nhầm lẫn, hoặc nhiều đoạn mâu thuẫn với nhau, người dịch không tiện thêm chữ hay sửa câu để dịch cho có nghĩa (như Càn Hải thần truyện v.v...). Có truyện chép sự tích các quan lại phong kiến (như: Thượng thư Trương Phù Hổ ký; Thượng thư Đặng Thiết Trường ký; Tham nghị Võ Đăng Hiển ký, v.v...), có truyện chép sự tích các vị thần thổ địa, nội dung không có gì (như Đồng Cổ Sơn thần truyện; Xung thiên chiêu ứng vương thần truyện...)

Ở đây không tóm tắt những truyện Nam Hải dị văn chép ở cuối sách. VH v.1266, dưới đề mục "Phụ dị văn".

III. BẢNG LIỆT KÊ CÁC TRUYỆN TRONG 9 BẢN *LĨNH NAM CHÍCH QUÁI* KHÁC NHAU

Lĩnh nam chích quái liệt truyện (A.33)

I

1. Hồng Bàng thị truyện
2. Ngư tinh truyện
3. Hồ tinh truyện
4. Mộc tinh truyện
5. Đổng Thiên Vương truyện
6. Tân lang truyện
7. Nhất Dạ Trạch truyện
8. Chưng bính truyện
9. Tây qua truyện
10. Bạch trĩ truyện
11. Lý Ông Trọng truyện
12. Việt tỉnh truyện

II

13. Kim quy truyện
14. Nhị Trưng phu nhân truyện
15. Man Nương truyện
16. Nam Chiếu truyện
17. Tô Lịch giang truyện
18. Tản Viên sơn truyện
19. Long Nhãn Như Nguyệt nhị thần truyện
20. Từ Đạo Hạnh Nguyễn Minh Không truyện
21. Dương Không Lộ Nguyễn Giác Hải truyện
22. Hà Ô Lôi truyện

Lĩnh nam chích quái liệt truyện (A.2194)

I

1. Hồng Bàng thị truyện
2. Ngư tinh thần truyện
3. Hồ tinh thần truyện
4. Mộc tinh thần truyện
5. Tân lang cổ truyện
6. Nhất Dạ Trạch truyện
7. Đổng Thiên Vương truyện
8. Chưng bính cổ truyện
9. Tây qua cổ truyện
10. Bạch trĩ cổ truyện

II

11. Lý Ông Trọng truyện
12. Việt tỉnh cổ truyện
13. Nam Chiếu cổ truyện
14. Tô Lịch cổ truyện
15. Tản Viên sơn truyện
16. Long Nhãn Như Nguyệt nhị thần truyện
17. Từ Đạo Hạnh truyện
18. Kim quy cổ truyện.
19. Man Nương cổ truyện
20. Hà Ô Lôi
21. Dạ Thoa vương truyện
22. Dương Không Lộ Nguyễn Giác Hải truyện

III

23. Sĩ vương tiên truyện
24. Sóc thiên vương truyện
25. Càn Hải tam vị phu nhân truyện
26. Long Đỗ vượng khí truyện
27. Minh chủ đồng cổ sơn tiên truyện
28. Ứng Thiên hoá dục Hậu thổ thần truyện
29. Long trảo khước lỗ truyện
30. Phùng Bố Cái đại vương truyện
31. Trinh Linh nhị Trưng phu nhân truyện
32. Mỵ Ê trinh liệt phu nhân truyện
33. Hồng thánh đại thần vương truyện
34. Minh ứng Cố sở thần từ truyện
35. Đại thần Đô Lỗ thạch thần truyện
36. Xung thiên Chiêu ứng thần vương truyện
37. Khai thiên trấn quốc Đằng Châu phúc thần truyện
38. Uy hiển Bạch Hạc thần từ truyện
39. Thần châu Long vương truyện

Lĩnh nam chích quái liệt truyện (A.2107)

1. Hồng Bàng thị truyện
2. Hồ tinh truyện
3. Ngư tinh truyện
4. Đổng Thiên Vương truyện
5. Chử Đồng Tử truyện
6. Tản Viên sơn thần truyện
7. Lang Liêu chưng bính truyện
8. Cao thị Tân lang truyện
9. Mai thị Tây qua truyện
10. Lý Ông Trọng truyện
11. Kim quy truyện.
12. Cao tướng quân truyện
13. Thôi ngự sử truyện
14. Man Nương truyện
15. Trương tướng quân truyện (Long Nhãn Như Nguyệt)
16. Lý tướng quân truyện
17. Bạch Hạc giang thần truyện
18. Tô Lịch giang thần truyện
19. Long Đỗ chính khí thần truyện
20. Pháp sư trừ mộc tinh truyện
21. Từ Đạo Hạnh thiền sư truyện
22. Nguyễn Minh Không thiền sư truyện
23. Dương Không Lộ thiền sư truyện
24. Nguyễn Giác Hải thiền sư truyện
25. Càn Hải thần truyện
26. Hà Ô Lôi truyện
27. Hồng Lĩnh sơn thần truyện
28. Vọng phu sơn thần truyện
29. Tiên Du Kim ngưu tích truyện

30. Bố Bái thần truyện
31. Lân Đàm thần truyện
32. Quốc sư lập Sóc thiên vương tử
33. Hoằng thánh đại vương truyện (Phạm Cự Lượng)
34. Xung thiên chiêu ứng vương truyện
35. Khai thiên Đằng Châu phúc thần truyện
36. Đồng cổ sơn thần truyện
37. My Ê trinh liệt phu nhân truyện
38. Ứng Thiên hoá dục Hậu thổ thần

Lĩnh nam chích quái (A.1752)

1. Hồng Bàng truyện
2. Hồ tinh truyện
3. Tân lang truyện
4. Nhất Dạ Trạch truyện
5. Đổng Thiên Vương truyện
6. Bạc trì chưng bính truyện
7. Tây qua truyện
8. Lý Ông Trọng truyện
9. Man Nương truyện
10. Tô Lịch giang truyện
11. Tản Viên sơn truyện
12. Từ Đạo Hạnh truyện
13. Dương Không Lộ Nguyễn Giác Hải truyện
14. Dạ Thoa Vương truyện
15. Sĩ Vương tiên truyện
16. Sóc thiên vương truyện
17. Càn Hải tam vị phu nhân truyện
18. Minh chủ Đồng cổ sơn thần truyện
19. Ứng Thiên hoá dục Hậu thổ thần truyện
20. Phùng Bố Cái đại vương truyện
21. Khai thiên trấn quốc Đằng Châu thần truyện
22. Uy linh Bạch Hạc thần từ truyện
23. Long Nhãn Như Nguyệt nhị thần ký
24. Đinh Tiên Hoàng ký
25. Trần triều phát tích ký
26. Kim Nham sơn ký
27. Đế Thích ký
28. Liêm tiết công thần ký
29. Trạng nguyên kỳ ký
30. Bảng nhãn Nguyễn Toàn An ký
31. Thượng thư Trương Phu Hổ ký
32. Thượng thư Trịnh Thiết Trương ký
33. Thượng thư Lê Như Hổ ký
34. Hạ Bì dị nhân ký
35. Phù Ủng xã tiết phụ
36. Tham nghi Vũ Đặng Hiến ký
37. Phạm Trấn Đỗ Uông ký

Lĩnh nam chích quái liệt truyện khảo chính (A.750)

1. Hồng Bàng thị truyện
2. Ngư tinh truyện
3. Hồ tinh truyện
4. Mộc tinh truyện
5. Đổng Thiên Vương truyện
6. Tân lang truyện
7. Nhất Dạ Trạch truyện
8. Chưng bính truyện
9. Tây qua truyện
10. Bạch trĩ truyện
11. Lý Ông Trọng truyện
12. Việt tỉnh truyện
13. Kim quy truyện
14. Nhị Trưng phu nhân truyện
15. Man Nương truyện
16. Nam Chiếu truyện
17. Tô Lịch giang truyện
18. Tản Viên sơn truyện
19. Long Nhãn Như Nguyệt nhị thần truyện
20. Từ Đạo Hạnh Nguyễn Minh Không truyện
21. Dương Không Lộ Nguyễn Giác Hải truyện
22. Hà Ô Lôi truyện
23. Vũ Ninh Cao tướng quân truyện
24. Lý tướng quân truyện
25. Bạch Hạc giang thần truyện
26. Long Đỗ chính khí thần truyện
27. Quốc sư lập Sóc thiên vương từ
28. Hoằng thánh đại vương từ
29. Xung thiên chiêu ứng vương thần truyện
30. Khai thiên Đằng Châu thần truyện
31. Đồng cổ sơn thần truyện
32. My Ê trinh liệt phu nhân truyện
33. Càn Hải thần truyện
34. Hồng Lĩnh sơn thần truyện
35. Vọng phu sơn thần truyện
36. Tiên Du Kim ngưu tích truyện
37. Bố Bái thần truyện
38. Lân Đàm thần truyện
39. Chiêm Thành truyện

Lĩnh nam chích quái (A.1300)
(Quyển này thiếu đầu thiếu đuôi)

1. Kim quy truyện (mất đoạn đầu)
2. Man Nương truyện
3. Việt tỉnh truyện
4. Long Nhãn Như Nguyệt nhị thần truyện
5. Từ Đạo Hạnh Nguyễn Minh Không truyện
6. Nam Chiếu truyện
7. Tô Lịch giang truyện
8. Dương Không Lộ Nguyễn Giác Hải truyện
9. Hà Ô Lôi truyện
10. Dạ Thoa vương truyện

Hạ (quyển thứ ba)

11. Sĩ vương tiên truyện
12. Sóc thiên vương truyện
13. Càn Hải tam vị phu nhân truyện
14. Long Đỗ vượng khí truyện

15. Minh chủ Đồng cổ sơn thần truyện
16. Ứng Thiên hoá dục Hậu thổ truyện
17. Long trảo khước lỗ truyện
18. Phùng Bố Cái đại vương truyện
19. Mỵ Ê truyện
20. Hồng Thánh đại thần vương truyện
21. Minh ứng thần truyện
22. Đại thần Đô Lỗ Thạch thần truyện
23. Xung Thiên chiêu ứng thần vương truyện
24. Khai thiên trấn quốc Đằng Châu phúc thần truyện
25. Uy linh Bạch Hạc thần từ truyện
26. Thần Châu Long vương truyện

Tăng bổ

27. Tiên Lữ bồ tát chân truyện
28. Uy linh An Thái Bái ân phúc thần truyện
29. Mục Thận truyện
30. Uy minh dũng liệt hiển trung tá thánh đại vương truyện
31. Thái uý trung phụ vũ dũng quốc công truyện
32. Khuông quốc đô thống tá thánh đại vương truyện
33. Hồi Thiên trung liệt đại vương truyện

Tục bổ

34. Đại từ minh tư kham tụng truyện
35. Trành quỷ hiển linh ký
36. Huyền Quang tổ gia thực lục
37. Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi (truyện này mất)

Lĩnh nam chích quái (A.1200)

I

1. Hồng Bàng thị truyện
2. Ngư tinh truyện
3. Hồ tinh truyện
4. Mộc tinh truyện
5. Đổng Thiên Vương truyện
6. Tân lang truyện
7. Nhất Dạ Trạch truyện
8. Chưng bính truyện
9. Tây qua truyện
10. Bạch trĩ truyện
11. Lý Ông Trọng truyện
12. Việt tỉnh truyện

II

13. Kim quy truyện
14. Nhị Trưng phu nhân truyện
15. Man Nương truyện
16. Nam Chiếu truyện
17. Tô Lịch giang truyện
18. Tản Viên sơn truyện
19. Long Nhãn Như Nguyệt truyện
20. Từ Đạo Hạnh Nguyễn Minh Không truyện
21. Không Lộ Giác Hải truyện
22. Hà Ô Lôi truyện
23. Dạ Thoa vương truyện
24. Sĩ vương tiên truyện

III

25. Sóc thiên vương truyện
26. Càn Hải tam vị phu nhân truyện
27. Long Đỗ vượng khí truyện
28. Minh chủ Đồng cổ sơn thần truyện
29. Ứng Thiên hoá dục thần truyện
30. Long trảo khước lỗ truyện
31. Phùng Bố Cái đại vương truyện
32. Mỵ Ê trinh liệt phu nhân truyện
33. Hồng Thánh đại thần vương truyện
34. Đông song sự tích hồ truyện
35. Minh ứng Đắc sở thần từ truyện
36. Đại thần Đồ Lỗ thạch thần truyện
37. Xung thiên Chiêu ứng thần vương truyện
38. Khai thiên trấn quốc Đằng Châu truyện
39. Uy linh Bạch Hạc thần truyện
40. Tiên Lữ sơn bồ tát chân nhân truyện
41. Uy linh đắc thái Bái ân thần truyện
42. Mục Thận truyện
43. Uy linh dũng liệt hiển trung thần truyện
44. Khuông quốc đô thống tá thánh vương truyện
45. Huyền quang tổ gia thực lục

(Các truyện từ số 36 đến số 45 chữ ghi ở mục lục, chứ đoạn sách đó đã mất).

Lĩnh nam chích quái (VHV.1473)

I

1. Hồng Bàng thị truyện
2. Ngư tinh truyện
3. Hồ tinh truyện
4. Mộc tinh truyện
5. Tân lang truyện
6. Nhất Dạ Trạch truyện
7. Đổng Thiên Vương truyện
8. Chưng bính truyện
9. Tây qua truyện
10. Bạch trĩ truyện

II

11. Lý Ông Trọng truyện
12. Việt tỉnh truyện
13. Kim quy truyện
14. Man Nương truyện
15. Tản Viên sơn truyện
16. Long Nhãn Như Nguyệt nhị thần truyện
17. Từ Đạo Hạnh Nguyễn Minh Không truyện
18. Nguyễn Minh Không biệt truyện
19. Nam Chiếu truyện

20. Tô Lịch giang truyện
21. Dương Không Lộ Nguyễn Giác Hải truyện
22. Hà Ô Lôi truyện
23. Dạ Thoa vương truyện

III

24. Sĩ vương tiên truyện
25. Sóc thiên vương truyện
26. Càn Hải môn tam vị phu nhân truyện
27. Long Đỗ vượng khí truyện
28. Minh chủ Đồng cổ truyện
29. Ứng Thiên hoá dục Hậu thổ thần truyện
30. Long trảo khước lỗ truyện
31. Bố Cái đại vương truyện
32. Trinh linh nhị Trưng truyện
33. Hồng Thánh đại vương truyện
34. Minh ứng An sở truyện
35. Đại thần Đô Lỗ Thạch thần truyện
36. Xung thiên Chiêu ứng thần truyện
37. Khai thiên trấn quốc truyện
38. Uy linh Bạch Hạc thần truyện
39. Thần Châu Long vương truyện

Tục loại
(Chỉ thấy ở mục lục, nhưng không thấy trong truyện)

40. Nguyễn Minh Không thần dị truyện
41. Ni sư đức hạnh truyện
42. Phạm Tử Hư sự sư truyện

Lĩnh nam chích quái (VHV.1266)

1. Hồng Bàng thị truyện
2. Ngư tinh truyện
3. Bạch khuyển tam túc
4. Hồ tinh truyện
5. Mộc tinh truyện
6. Tân lang truyện
7. Nhất Dạ Trạch truyện
8. Đổng Thiên Vương truyện
9. Chưng bính truyện
10. Tây qua truyện
11. Lý Ông Trọng truyện
12. Việt tỉnh truyện
13. Kim quy truyện
14. Man Nương truyện
15. Tản Viên sơn truyện
16. Long Nhãn Như Nguyệt nhị thần truyện
17. Từ Đạo Hạnh Nguyễn Minh Không truyện
18. Nam Chiếu truyện
19. Tô Lịch giang truyện
20. Dương Không Lộ Nguyễn Giác Hải truyện
21. Hà Ô Lôi truyện
22. Dạ Thoa vương truyện
23. Vương Sĩ tiên truyện
24. Càn Hải tam vị phu nhân truyện
25. Long Đỗ vượng khí truyện
26. Minh chủ Đồng cổ sơn thần truyện
27. Ứng Thiên hoá dục Hậu thổ thần truyện
28. Bố Cái đại vương truyện
29. Nhị Trưng phu nhân truyện
30. Mỵ Ê trinh liệt phu nhân truyện
31. Hồng Thánh đại thần vương truyện
32. Minh ứng An sở thần tứ truyện
33. Đại thần Đồ Lỗ Thạch thần truyện
34. Xung thiên Chiêu ứng thần vương Đằng Châu thần truyện
35. Bạch Hạc thần từ
36. Thần châu Long vương truyện
37. Ni sư đức hạnh truyện
38. Phạm Tử Hư sự sư truyện

Phụ dị văn
(Nam Hải dị văn)

39. Nguyễn Quốc Cộng
40. Kim Nham sơn
41. Tích kê mai mẫu
42. Diễn Châu thái thú
43. Ngô Tuấn Cung
44. Thiên tử đáo gia
45. Phan Đình Tá
46. Sơn vi tiết nghĩa
47. Nguyễn Nghiên Tư
48. Nam hoa mộc
49. Tiên nhân Phạm Viên
50. Trần Danh Tiêu
51. Cổ Liêu Trang
52. Trần Bá Kính
53. Sơn dược đại vương
54. Quan trung Lê Kính
55. Nguyễn Công Chất
56. Tiến sĩ Nguyễn Chu
57. Đỗ Lâm Trạch
58. Chí Linh Nguyễn Mại
59. Phùng thượng thư
60. Nguyễn Công Hãng
61. Tả ao sư
62. Vân canh khổ tiết
63. Sĩ tiêm công tế
64. Trấn vũ thần mộng
65. Hiến Phó giả tử
66. Triều khẩu linh từ
67. Tú tử đăng khoa
68. Tiền kiếp luân hồi
69. Nguyễn Danh Cử
70. Khách nhân mai Kim
71. Khoả đại vương
72. Thân Hải trạng nguyên
73. Nguyễn Thị Điểm

MỤC LỤC

Lời Nhà xuất bản 4
Lời giới thiệu 6
Tự (Tựa Lĩnh Nam chích quái liệt truyện) 20

Tập I
Truyện Họ Hồng Bàng 23
Truyện Ngư tinh 37
Truyện Hồ tinh 43
Truyện Đổng Thiên Vương 47
Truyện Nhất Dạ Trạch 57
Truyện Mộc tinh 69
Truyện Cây cau 75
Truyện Bánh chưng 81
Truyện Dưa hấu 87
Truyện Chim Bạch trĩ 93

Tập II
Truyện Lý Ông Trọng 97
Truyện Giếng Việt 103
Truyện Rùa vàng 113
Truyện hai bà Trinh linh phu nhân họ Trưng 125
Truyện Man Nương 131
Truyện Nam Chiếu 139
Truyện sông Tô Lịch 145
Truyện núi Tản Viên 151
Truyện hai vị thần ở Long Nhãn, Như Nguyệt 159
Truyện Từ Đạo Hạnh và Nguyễn Minh Không 165
Truyện Dương Không Lộ và Nguyễn Giác Hải 177
Truyện Hà Ô Lôi 183

Hậu tự 193

PHỤ LỤC
I. Các truyện dịch thêm
Truyện Dạ Thoa vương 197
Truyện tướng quân họ Cao ở Vũ Ninh 199
Truyện thần sông Bạch Hạc 203
Truyện thần chính khí Long Đỗ 207
Truyện Quốc sư xây đền Sóc thiên vương 211
Truyện đền thờ Hoằng Thánh đại vương 215
Truyện vị thần ở xứ Đằng Châu 219
Truyện bà phu nhân trinh liệt Mỵ Ê 223
Truyện Ứng Thiên hoá dục Hậu thần 227
Truyện vị thần núi Hồng Lĩnh 231
Truyện thần núi Vọng Phu 235
Truyện con trâu vàng ở huyện Tiên Du 239
Truyện vị thần làng Bố Bái 243
Truyện vị thần ở chằm Lân Đàm 247
II. *Tóm tắt các truyện chưa được dịch* 250
III. *Bảng liệt kê các truyện trong 9 bản Lĩnh Nam chích quái khác nhau* 252

Ở *Lĩnh Nam chích quái*, những truyện tích thần kì được góp nhặt và ghi chép lại. Qua đó, ta thấy được quan niệm của ông cha về lịch sử dân tộc, về phong tục tập quán, về cách đối nhân xử thế...

Ấn bản *Lĩnh Nam chích quái* bạn đang cầm trên tay là ấn bản đầu tiên và duy nhất có tranh minh họa màu đi kèm. Các minh họa đẹp-độc-lạ, và đầy cảm hứng của họa sĩ Tạ Huy Long sẽ giúp các bạn thêm hiểu và yêu quý tác phẩm này.

6211400010025
ISBN: 978-604-2-22531-1
9 786042 225311
8 935244 832044
Giá: 350.000đ
www.nxbkimdong.com.vn
www.facebook.com/nxbkimdong